

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU

**HỘI NGHỊ TỔNG KẾT MỘT NĂM THỰC HIỆN ĐỔI MỚI
CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Hà Nội, tháng 8 năm 2021

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
1	Mục lục	2
2	Chương trình Hội nghị	4
3	Báo cáo tổng kết một năm thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông	5
4	Phụ lục	29
	Các báo cáo tham luận về thực trạng tổ chức triển khai thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1 tại địa phương	
5	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	51
6	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	60
7	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	66
8	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	74
9	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	79
	Các báo cáo tham luận về chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông	
11	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	86
12	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương	91
13	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình	97
14	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	106
15	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu	118
	Các báo cáo tham luận về chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông	

16	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn	123
17	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh	129
18	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng	134
19	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	141
20	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	148
	Các báo cáo tham luận về về việc lựa chọn sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 6	
21	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai	153
22	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà	156
23	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	162
24	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	166
25	Báo cáo tham luận của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Phòng	173
26	Công văn của Bộ Nội vụ	176
27	Công văn của Bộ Tài chính	177

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH
HỘI NGHỊ TỔNG KẾT MỘT NĂM THỰC HIỆN ĐỔI MỚI
CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

TT	Nội dung	Chủ trì/thực hiện
1	Đón tiếp đại biểu	Ban tổ chức (Vụ GDTH, Văn phòng Bộ)
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Văn phòng Bộ GDĐT
3	Phát biểu khai mạc Hội nghị	Bộ trưởng Bộ GDĐT Nguyễn Kim Sơn
4	Báo cáo đánh giá kết quả 01 năm thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (Có video minh họa).	Thứ trưởng Bộ GDĐT Nguyễn Hữu Độ
5	Báo cáo tham luận	- Các Bộ, ngành Trung ương; - Các UBND cấp tỉnh.
6	Thảo luận	Các đại biểu tham dự Hội nghị
7	Phát biểu chỉ đạo	Lãnh đạo Chính phủ
8	Phát biểu của Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội Khóa XV	Chủ nhiệm Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội Khóa XV Nguyễn Đắc Vinh
9	Kết luận Hội nghị	Bộ trưởng Bộ GDĐT Nguyễn Kim Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÁO CÁO KẾT QUẢ MỘT NĂM THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (Nghị quyết 88), Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (Nghị quyết 51), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã xây dựng và ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (sau đây gọi là Chương trình GDPT 2018)¹; tổ chức việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt sách giáo khoa (SGK) theo Chương trình GDPT 2018; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học để triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018² theo lộ trình quy định tại Nghị quyết 51; triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1 năm học 2020-2021.

Bộ GDĐT đã tham mưu Chính phủ xây dựng Báo cáo số 271/BC-CP ngày 28/5/2020 gửi Quốc hội, các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ IX, Quốc Hội khóa XIV về tình hình thực hiện, triển khai Nghị quyết 88. Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 (Nghị quyết 122), trong đó giao Chính phủ tiếp tục triển khai thực hiện và kịp thời báo cáo Quốc hội về những vấn đề đặt ra trong thực tế nhằm thực hiện tốt nhất Nghị quyết 88.

Thực hiện Nghị quyết 88 và Nghị quyết 122, Bộ GDĐT báo cáo kết quả một năm thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 88 như sau:

I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện CT GDPT 2018

Thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg (Quyết định 404) Phê duyệt Đề án đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông với mục tiêu nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang

¹ Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

² Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh...; Chính phủ giao Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cụ thể hóa nội dung Đề án đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông thành các chương trình, kế hoạch, dự án chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm để thực hiện Nghị quyết 88 của Quốc hội.

Bộ GDĐT đã xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông thể hiện đầy đủ mục tiêu, yêu cầu và nội dung đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông quy định tại Nghị quyết 88 gồm Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và các Chương trình môn học, hoạt động giáo dục theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 (Chương trình GDPT 2018).

Để đẩy mạnh thực hiện đổi mới Chương trình, SGK GDPT 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 về đẩy mạnh thực hiện Chương trình, SGK GDPT, yêu cầu các Bộ, ngành địa phương thực hiện các nhóm giải pháp hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng Nghị quyết 88, Nghị quyết 51 của Quốc hội và giao trách nhiệm cụ thể cho từng Bộ, ngành và địa phương³. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thời gian qua các Bộ ngành, địa phương tổ chức thực hiện quyết liệt các giải pháp và đã đạt được kết quả; 63/63 tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch, chương trình, tổ chức quán triệt và tuyên truyền về đổi mới Chương trình, SGK GDPT 2018 đến toàn thể giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các đối tượng có liên quan; 63/63 Sở GDĐT thành lập ban chỉ đạo đổi mới chương trình, ban hành các kế hoạch, công văn hướng dẫn các phòng GDĐT, các cơ sở GDPT trên địa bàn chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia các đợt tập huấn sử dụng SGK lớp 1; tổ chức kiểm tra, đánh giá tổng kết hiệu quả của công tác bồi dưỡng, tập huấn, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch phù hợp, làm tiền đề cho các kỳ tập huấn, bồi dưỡng đối với các lớp tiếp theo.

Bộ GDĐT chủ trì cùng các cơ quan liên quan thực hiện các chuyên đề truyền thông gắn với từng nội dung, chủ điểm trên các phương tiện thông tin đại chúng của Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) các cơ quan thông tấn, báo chí trung ương và địa phương...; thành lập và chính thức đưa **website** “Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ GV và CBQL cơ sở GDPT”⁴; thành lập và chính thức đưa **website** “Dự án Hỗ trợ đổi mới

³ cụ thể: (1) Bộ GDĐT chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện đổi mới CTSGKGDPT; (2) Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan báo chí, phối hợp với Bộ GDĐT tăng cường công tác truyền thông tạo đồng thuận xã hội về đổi mới CT, SGK GDPT; (3) Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí, cân đối vốn đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các chương trình, đề án, dự án nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho các địa phương theo lộ trình triển khai áp dụng CTSGKGDPT mới; (4) Bộ Tài chính xây dựng dự toán kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp GDĐT và dạy nghề hàng năm để chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cơ sở vật chất theo lộ trình triển khai thực hiện CTSGK mới, bảo đảm phù hợp với phân cấp và khả năng cân đối ngân sách nhà nước; hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; (5) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đẩy mạnh các giải pháp thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT.

⁴ Tại địa chỉ: <http://etep.moet.gov.vn/home>

GDPT⁵ vào hoạt động để cung cấp thông tin, hỗ trợ địa phương, cơ sở giáo dục, GV và CBQL trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Về chuẩn bị đội ngũ giáo viên

a) Công tác chỉ đạo

Bộ GDĐT đã cùng các Bộ, Ngành tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định của Luật Giáo dục 2019. Trong thời gian thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên (GV) theo lộ trình quy định, để bảo đảm đội ngũ GV triển khai Chương trình GDPT 2018 trong tình hình thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế (Nghị quyết 102); kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhiều năm của các địa phương trong việc ký hợp đồng lao động với GV trực tiếp giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập; tạo thuận lợi cho các địa phương trong việc bố trí GV trực tiếp giảng dạy khi triển khai Chương trình GDPT 2018, đặc biệt là GV dạy những môn học mà nguồn tuyển còn khó khăn như: Ngoại ngữ, Tin học... ở cấp tiểu học và trung học cơ sở.

Thực hiện các quy định của pháp luật, Bộ GDĐT đã hướng dẫn và phối hợp với các địa phương rà soát, tuyển dụng, tập huấn tăng cường năng lực và bố trí, sử dụng đội ngũ GV thực hiện Chương trình GDPT 2018⁶, cụ thể:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các giải pháp cụ thể để bảo đảm đội ngũ GV đủ về số lượng và cơ cấu theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018: ưu tiên biên chế để tuyển dụng GV và điều tiết GV từ nơi thừa sang nơi thiếu; thực hiện việc nâng chuẩn GV theo lộ trình quy định, có giải pháp lâu dài để quy hoạch, tuyển dụng và bố trí đủ GV dạy đúng và đủ các môn học⁷ theo lộ trình thực hiện Chương trình GDPT 2018.

⁵ Tại địa chỉ: <http://rgep.moet.gov.vn>

⁶ Công văn số 5093/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 13/10/2016 về việc rà soát, bố trí và sử dụng viên chức ngành Giáo dục; Công văn số 34/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 05/01/2018 về việc phối hợp rà soát hiện trạng đội ngũ giáo viên các cấp và xác định nhu cầu đào tạo giáo viên; Công văn số 3043/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/7/2018 về việc đôn đốc thực hiện tinh giản biên chế ngành giáo dục; Công văn số 703/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 28/02/2019 về việc phối hợp chỉ đạo rà soát đội ngũ GV MN, PT; Công văn số 1019/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 24/3/2020 về việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên thực hiện CT GDPT 2018; Công văn số 240/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/01/2021 về hướng dẫn rà soát biên chế ngành Giáo dục.

⁷ Chuẩn bị đội ngũ GV Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ dạy tiểu học bắt đầu từ năm học 2022-2023: rà soát số lượng GV hiện có, xác định số lượng GV cần để thực hiện việc giảng dạy Chương trình GDPT 2018 môn Tiếng Anh, Tin học cấp tiểu học; xác định lộ trình cụ thể để bố trí đủ GV (tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, hợp đồng thỉnh giảng, biệt phái); chủ động nguồn tuyển dụng GV bằng cách đặt hàng đào tạo mới, đào tạo liên thông; đào tạo nâng trình độ chuẩn và một số giải pháp khác phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; dự tính số lượng GV cần thiết theo từng năm học bảo đảm có đủ số lượng GV đạt yêu cầu để triển khai thực hiện CT GDPT 2018, có các giải pháp trước mắt và lâu dài về nguồn tuyển dụng giáo viên, đặc biệt đối với môn thiếu nhiều giáo viên, môn học mới và môn học tích hợp.

- Đối với lớp 1 năm học 2020-2021, Bộ GDĐT đã xây dựng và triển khai Kế hoạch tổng thể về công tác chuẩn bị đội ngũ GV dạy lớp 1 năm học 2020-2021⁸ để chuẩn bị đội ngũ GV dạy lớp 1 đủ về số lượng, được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn; đảm bảo thống nhất trong công tác chỉ đạo của Trung ương, Bộ GDĐT và công tác triển khai của các địa phương.

- Tổ chức bồi dưỡng GV và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (CBQL) thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo các kế hoạch đã ban hành⁹, trong đó tập trung bồi dưỡng đại trà các Mô đun: Mô đun 1 về Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT 2018; Mô đun 2 về Phương pháp dạy học và giáo dục; Mô đun 3 về Kiểm tra, đánh giá.

- Bộ GDĐT đã tích cực phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng Thông tư hướng dẫn lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục thực hiện Chương trình GDPT 2018 để các địa phương có cơ sở bố trí nguồn kinh phí cho hoạt động tập huấn, bồi dưỡng.

b) Kết quả thực hiện

Đối với việc rà soát, tuyển dụng, bố trí, sử dụng và tập huấn tăng cường năng lực cho đội ngũ giáo viên thực hiện Chương trình GDPT 2018, các địa phương đã chủ động, tích cực thực hiện theo chỉ đạo của Bộ GDĐT, cụ thể như sau:

- Rà soát đội ngũ GV hiện có và báo cáo về Bộ Nội vụ, Bộ GDĐT số lượng GV còn thiếu theo từng cấp học, môn học đề xuất số lượng biên chế GV cần bổ sung cho năm học 2020 – 2021 và các năm tiếp theo cho từng cấp học; xây dựng lộ trình, các giải pháp trước mắt và lâu dài trong công tác đào tạo, tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ GV để khắc phục tình trạng thừa, thiếu GV và chuẩn bị đội ngũ GV bảo đảm có đủ số lượng, chất lượng thực hiện có hiệu quả theo lộ trình triển khai Chương trình GDPT 2018.

- Linh hoạt triển khai nhiều giải pháp và bố trí đủ số lượng GV/lớp theo định mức quy định để dạy học lớp 1 năm học 2020 – 2021; chỉ đạo kịp thời các cơ sở giáo dục khắc phục những khó khăn trong quá trình dạy học, đặc biệt, khắc phục những khó khăn trong giai đoạn phòng, chống dịch Covid-19.

- Triển khai tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ GV và CBQL Mô đun 1, Mô đun 2 và Mô đun 3 đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Các địa phương huy động và bảo đảm chế độ, điều kiện cho đội ngũ GV và CBQL cơ sở GDPT cốt

⁸ Kế hoạch số 411/KH-BGDĐT ngày 12/6/2020 của Bộ GDĐT về tổng thể công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên lớp 1 năm học 2020-2021 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

⁹ Kế hoạch số 270/KH-BGDĐT ngày 02/5/2018 của Bộ GDĐT về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục thực hiện CT GDPT 2018; Kế hoạch số 263/KH-BGDĐT ngày 29/3/2019 của Bộ GDĐT về bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục năm 2019 để thực hiện CT GDPT 2018; Kế hoạch số 41/KH-BGDĐT ngày 22/01/2020 của Bộ GDĐT về tổ chức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý, giảng viên sư phạm chủ chốt năm 2020; Kế hoạch số 37/KH-BGDĐT ngày 12/01/2021 của Bộ GDĐT về tổ chức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý, giảng viên sư phạm chủ chốt năm 2021.

cán để hỗ trợ đồng nghiệp trong hoạt động tự bồi dưỡng thường xuyên, liên tục, tại chỗ theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Đối với việc triển khai thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GV mầm non, tiểu học, trung học cơ sở: căn cứ Kế hoạch triển khai giai đoạn 1 do Bộ GDĐT ban hành (Kế hoạch số 681/KH-BGDĐT), các địa phương đã và đang xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện theo quy định. Cụ thể: đã có 42 tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện năm và kế hoạch thực hiện giai đoạn 1; 21 tỉnh còn lại đang trong quá trình xây dựng kế hoạch. Theo số liệu các tỉnh gửi về Bộ GDĐT, dự kiến trong năm 2021 sẽ cử 37.389 GV tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn (trong đó có 9.859 GV mầm non; 17.822 GV tiểu học; 9.708 GV trung học cơ sở).

c) Một số tồn tại, hạn chế

- Mặc dù các địa phương đã chủ động nhiều giải pháp nhưng tình trạng thừa, thiếu GV vẫn xảy ra ở nhiều địa phương trong nhiều năm qua và chưa được giải quyết một cách căn bản do nhiều nguyên nhân¹⁰; tỷ lệ GV/lớp ở cấp tiểu học nhiều nơi chưa đạt 1,50 theo quy định thậm chí chỉ đạt tỷ lệ là 1,20¹¹.

- Bên cạnh đó, đối với cấp tiểu học, việc đào tạo, bố trí GV Tiếng Anh, Tin học còn nhiều khó khăn, bất cập. So với số lượng GV hiện có thì cấp tiểu học vẫn còn thiếu khoảng 6.348 GV Tin học và 5.107 GV Tiếng Anh. Việc chuẩn bị đội ngũ GV Tiếng Anh, Tin học hiện đang gặp một số khó khăn mang tính đặc thù¹².

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc triển khai các kế hoạch công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ GV và CBQL của các địa phương đã phải lùi thời gian, thay đổi hình thức... dẫn đến chậm tiến độ. Một số địa phương còn khó khăn, lúng túng trong việc bố trí nguồn kinh phí cho hoạt động tập huấn, bồi dưỡng GV và CBQL để thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Việc ban hành Thông tư hướng dẫn lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục thực hiện Chương trình GDPT 2018 còn chậm, dẫn tới nhiều địa phương còn lúng túng trong việc bố trí nguồn kinh phí cho hoạt động này.

2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Công tác chỉ đạo

Bộ GDĐT đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 phê duyệt Đề án “Bảo đảm cơ sở vật chất cho

¹⁰ Việc bố trí biên chế, tuyển dụng, hợp đồng, điều chuyển giáo viên, dự báo nhu cầu, chuẩn bị nguồn tuyển, xây dựng Đề án vị trí việc làm... ở địa phương còn nhiều khó khăn; quy mô dân số hằng năm tăng theo tỷ lệ tăng tự nhiên, tăng dân số cơ học ở các khu vực trung tâm, thành phố lớn, khu công nghiệp, việc di dân tự do của đồng bào miền núi phía Bắc vào vùng Tây Nguyên; thiếu nguồn tuyển dụng...

¹¹ 10 tỉnh có tỷ lệ giáo viên/lớp thấp nhất là: Hải Dương 1,2; Gia Lai 1,21; Thái Nguyên 1,22; Tuyên Quang 1,22; Thanh Hóa 1,23; Nghệ An 1,26; Hưng Yên 1,26; Bắc Ninh 1,27; Quảng Nam 1,27; Bình Dương 1,27.

¹² Một số địa phương chưa tính đến GV tiếng Anh, Tin học cấp tiểu học trong định mức phân bổ số lượng người làm việc; thiếu nguồn tuyển dụng GV tiếng Anh, Tin học cho cấp tiểu học.

chương trình giáo dục mầm non và Chương trình GDPT giai đoạn 2017-2025” (Đề án 1436) với các nội dung chính: kiên cố hóa trường, lớp học, đầu tư xây dựng bổ sung các phòng học, phòng học bộ môn, phòng học chức năng, thư viện và mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học. Đề án được thực hiện từ các nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn vốn hỗ trợ thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động khác.

Đề hướng dẫn các địa phương thực hiện nhiệm vụ về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bảo đảm triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018, Bộ GDĐT và các bộ ngành có liên quan đã tham mưu Chính phủ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ các địa phương khó khăn để tăng cường cơ sở vật chất như: Bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và Chương trình GDPT giai đoạn 2017-2025, Các chương trình mục tiêu Quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững, các dự án ODA,...); ban hành 02 Thông tư về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học, 01 Thông tư về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, 03 Thông tư về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu¹³ và các văn bản hướng dẫn về cơ sở vật chất trường học để các địa phương thực hiện.

b) Kết quả thực hiện

Về CSVC: Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GDĐT, các địa phương đã triển khai đầu tư xây dựng để đưa các công trình vào sử dụng, đáp ứng nhu cầu dạy học, cụ thể: Giai đoạn 2017 - 2020 đã kiên cố hóa 5.855 phòng học tiểu học, bổ sung: 8.327 phòng học tiểu học, 10.813 phòng học bộ môn, 10.874 phòng chức năng, 6.525 phòng thư viện.

Về thiết bị dạy học lớp 1: Theo báo cáo của các địa phương, tính đến tháng 4/2021, việc mua sắm thiết bị dạy học lớp 1 theo quy định tại Thông tư số 05/TT-BGDĐT chỉ đạt khoảng 70% so với nhu cầu¹⁴.

c) Một số tồn tại, hạn chế

Mặc dù Nhà nước đã quan tâm đầu tư nhưng cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục phổ thông vẫn còn nhiều khó khăn nhiều nơi chưa đáp ứng được các điều kiện để thực hiện Chương trình GDPT 2018. Bên cạnh đó, để thực hiện Chương trình

¹³ Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 phê duyệt Đề án "Bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và Chương trình GDPT giai đoạn 2017-2025"; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 Ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1; Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2; Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6.

¹⁴ Ngoài ra các địa phương thực hiện mua sắm thiết bị dạy học ngoài danh mục Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019: với số lượng: 4.963 bộ.

GDPT 2018, cần đầu tư xây dựng mới một số hạng mục như: đủ phòng học (bảo đảm 1 lớp/phòng cho cấp tiểu học), phòng chức năng, thư viện, nhà vệ sinh, nhà ăn, phòng ở cho học sinh nội trú, học sinh bán trú... rất cần bổ sung các chính sách mới đối với các vùng đặc thù để bổ sung nguồn lực từ trung ương, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nguồn thu ngân sách nhiều tỉnh gặp khó khăn, trong khi đó phải tập trung các nguồn lực vừa phải thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, vừa thực hiện các biện pháp phòng chống dịch hiệu quả và thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ. Vì vậy, chưa có điều kiện cân đối, bố trí đủ nguồn kinh phí mua thiết bị dạy học tối thiểu cho học sinh lớp 1 thực hiện Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020-2021 theo nhu cầu.

Thiết bị dạy học cho lớp 1 theo chương trình mới chưa đáp ứng yêu cầu, việc mua sắm còn chậm, nhiều trường tiểu học đến thời điểm triển khai nhiệm vụ năm học vẫn chưa nhận được thiết bị. Một phần do nguyên nhân của thủ tục mua sắm phức tạp và kéo dài.

Số lượng trường học thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học, trải rộng khắp cả nước, đa dạng và có nhiều yếu tố đặc thù địa phương vùng miền. Năm học 2020-2021 toàn quốc hiện có 14.786 cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (số lớp 1 là 57.428 lớp), với 16.323 điểm trường, tỷ lệ bình quân 1,48 trường tiểu học/đơn vị hành chính cấp xã, tỷ lệ điểm trường/trường tiểu học là 1,09 trong đó nhiều trường tiểu học có từ 3 đến 5 điểm trường (chủ yếu ở các vùng, khu vực miền núi)... Nhiều địa phương sau khi sắp xếp, sáp nhập, quy hoạch lại các trường, điểm trường, tại một số địa bàn, tình trạng dân cư phân tán, giao thông bị chia cắt, ảnh hưởng đến việc đi học của học sinh, quy mô một số trường có số lớp/trường lớn, số học sinh/lớp vượt quá quy định; một số trường gặp khó khăn do việc giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ quản lý, đội ngũ nhân viên văn phòng, kế toán... dôi dư sau sáp nhập chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả. Trung bình toàn quốc tỷ lệ phòng học/lớp là 0,98 (theo quy định 1 phòng học/lớp); trong đó phòng học kiên cố đạt 79,5%; phòng học bán kiên cố đạt 18,5%; phòng học tạm, mượn chiếm 2%; số phòng học còn thiếu và đang học nhờ, mượn là 2.081 phòng (chiếm khoảng 0,75%)

3. Về chuẩn bị sách giáo khoa

a) Công tác chỉ đạo

Thực hiện Nghị quyết 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo Bộ GDĐT tiếp tục thực hiện xã hội hóa việc biên soạn SGK; bổ sung, hoàn thiện quy định về biên soạn, thẩm định, lựa chọn SGK theo quy định của Luật Giáo dục 2019. Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội và thực tiễn triển khai biên soạn SGK của các tổ chức, cá nhân, để bảo đảm chất lượng SGK thực hiện theo phương

thức xã hội hóa, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa (Thông tư 23) ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Thông tư 33) để kiểm soát chặt chẽ quá trình biên soạn, bao gồm: lựa chọn đội ngũ tác giả; biên soạn, biên tập tổ chức thực nghiệm; lấy ý kiến góp ý của nhà khoa học, giáo viên... để hoàn thiện bản mẫu SGK bảo đảm chất lượng trước khi trình Hội đồng quốc gia thẩm định SGK.

Đối với nội dung và hình thức SGK, Bộ GDĐT đã chỉ đạo các nhà xuất bản (NXB) bảo đảm yêu cầu tinh gọn, giảm tải để vừa đáp ứng theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018, giảm số trang để giảm tối đa giá thành SGK.

b) Kết quả thực hiện

- Việc tổ chức biên soạn SGK của các tổ chức, cá nhân

Chủ trương xã hội hóa biên soạn SGK bước đầu đã có kết quả. Hiện nay toàn quốc có 07 Nhà xuất bản (NXB)¹⁵ có đủ điều kiện tham gia tổ chức biên soạn SGK; việc biên soạn các SGK trong thời gian qua được các đơn vị tham gia tổ chức thực hiện¹⁶ theo đúng Luật Xuất bản, bảo đảm nội dung về tư tưởng, chính trị, khoa học và phương pháp sư phạm; SGK đã được tổ chức thực nghiệm ở các khu vực thành thị, nông thôn, miền núi, thực hiện đầy đủ theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT. Hiện nay có 4 NXB¹⁷ được phê duyệt SGK lớp 1 (năm 2019); 5 NXB¹⁸ được phê duyệt SGK lớp 2 và 4 NXB¹⁹ được phê duyệt SGK lớp 6 (năm 2020).

¹⁵ Theo quy định tại Thông tư 33 đơn vị đề nghị thẩm định SGK là NXB được thành lập theo quy định của pháp luật, trong đó việc tổ chức xuất bản SGK phải được ghi trong giấy phép thành lập nhà xuất bản. Theo đó, Bộ GDĐT đã chỉ đạo các đơn vị chức năng rà soát, kiểm tra, giám sát và lấy ý kiến của Bộ Thông tin và truyền thông về các đơn vị có đủ điều kiện tham gia tổ chức biên soạn, đề nghị thẩm định SGK, bao gồm 07 nhà xuất bản: NXB Giáo dục Việt Nam; NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; NXB Đại học Sư phạm Hà Nội; NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh; NXB Đại học Huế; NXB Đại học Vinh. Đến nay, đã có 06 NXB tham gia biên soạn và đề nghị thẩm định SGK (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội không tham gia).

¹⁶ Đối với SGK lớp 1: Tổng số có 50 bản mẫu SGK của 9 môn học/hoạt động giáo dục, gồm: Môn Tiếng Việt: 6 bản mẫu; Môn Toán: 6 bản mẫu; Môn Đạo đức: 6 bản mẫu; Môn Tự nhiên - Xã hội: 5 bản mẫu; Môn Giáo dục thể chất: 4 bản mẫu; Môn Nghệ thuật: 5 bản mẫu phân môn Âm nhạc, 5 bản mẫu phân môn Mỹ thuật; Hoạt động trải nghiệm: 6 bản mẫu; Môn Tiếng Anh: 7 bản mẫu. Đối với SGK lớp 2: Tổng số có 35 bản mẫu SGK đạt yêu cầu, tương ứng đủ 9 môn học/hoạt động giáo dục, gồm: Môn Tiếng Việt: 04 bản mẫu; Môn Toán: 05 bản mẫu; Môn Đạo Đức: 03 bản mẫu; Môn Tự nhiên - Xã hội: 03 bản mẫu; Môn Giáo dục Thể chất: 03 bản mẫu; Môn Nghệ thuật (Âm nhạc): 03 bản mẫu; Môn Nghệ thuật (Mỹ thuật): 03 bản mẫu; Hoạt động trải nghiệm: 03 bản mẫu; Môn Tiếng Anh: 08 bản mẫu. Đối với SGK lớp 6: Tổng số có 42 bản mẫu SGK, trong đó có 03 bản mẫu SGK các môn: Ngữ văn, Toán, Khoa học Tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Giáo dục công dân, Giáo dục thể chất, Mỹ thuật, Âm nhạc, Công nghệ, Hoạt động trải nghiệm-hướng nghiệp; 04 bản mẫu SGK môn Tin học và 08 bản mẫu SGK môn Tiếng Anh.

¹⁷ Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP.HCM.

¹⁸ NXB Giáo dục Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Đại học Vinh.

¹⁹ NXB Giáo dục Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt SGK:

Bộ GDĐT đã tổ chức thẩm định SGK các lớp 1, lớp 2 và lớp 6 theo quy định tại Thông tư 33, Thông tư 23

Việc thẩm định SGK bảo đảm đúng quy định. Trong quá trình thẩm định, Hội đồng thẩm định quốc gia đã đề xuất Bộ GDĐT tổ chức lấy ý kiến góp ý của các nhà khoa học, nhà sư phạm, giáo viên trực tiếp dạy học ở trường phổ thông để nâng cao chất lượng SGK. Căn cứ kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành các Quyết định phê duyệt Danh mục 46 cuốn SGK của 05 bộ SGK lớp 1²⁰; Danh mục 33 cuốn SGK lớp 2, Danh mục 40 cuốn lớp 6²¹.

- Thực hiện quản lý giá SGK

Căn cứ thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá²² và các quy định quản lý nhà nước về giá SGK²³, để triển khai nhiệm vụ này, trên cơ sở đề xuất của Bộ GDĐT²⁴, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về giải pháp triển khai nhiệm vụ, Chính phủ đã trình Quốc hội chấp thuận không ban hành cơ chế tài chính trong biên soạn, sử dụng SGK vì lý do các quy định hiện hành về tài chính cho việc biên soạn, sử dụng SGK đã đầy đủ.

Trên cơ sở báo cáo của Bộ GDĐT²⁵, Thủ tướng Chính phủ cho phép các NXB tự xây dựng, quyết định giá và thực hiện kê khai giá SGK với Bộ Tài chính; các NXB tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, phù hợp của phương án giá SGK đã kê khai; đồng thời chỉ đạo Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát nội dung văn bản kê

²⁰ Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT; Quyết định số 180/QĐ-BGDĐT; Quyết định số 512/QĐ-BGDĐT; Quyết định số 756/QĐ-BGDĐT.

²¹ Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT ngày 09/2/2021 phê duyệt Danh mục 32 cuốn SGK, tương ứng với 03 bộ SGK lớp 2; Quyết định số 718/QĐ-BGDĐT ngày 09/2/2021 phê duyệt Danh mục 40 cuốn SGK, tương ứng với 03 bộ SGK lớp 6.

²² Điều 8, Luật Giá năm 2012: “Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực được pháp luật quy định”; Điều 21 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá: “Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của các Bộ trình Chính phủ chính sách, biện pháp quản lý, điều hành giá hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ”.

²³ Theo khoản h, điểm 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn một số điều của Luật giá thì SGK là hàng hóa thuộc diện kê khai giá. Tại khoản 1, Điều 14 Thông tư số 56/2016/TT-BTC ngày 28/4/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP quy định Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) chủ trì tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP (trong đó bao gồm mặt hàng sách giáo khoa). Theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định: “Cơ quan tiếp nhận văn bản có quyền... rà soát nội dung văn bản kê khai giá do tổ chức, cá nhân kê khai bao gồm rà soát về ngày thực hiện mức giá kê khai, bảng kê khai mức giá, phần giải trình lý do giá báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật”.

²⁴ Công văn số 319/BGDĐT-KHTC ngày 07/2/2020 gửi lấy ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về giải pháp triển khai nhiệm vụ; Công văn số 1270/BGDĐT-KHTC ngày 11/4/2020.

²⁵ Công văn số 3217/BGDĐT-KHTC ngày 24/8/2020; Công văn số 4503/BGDĐT ngày 27/10/2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác quản lý giá SGK theo CTGDPT mới, trong đó báo cáo có đề xuất SGK thuộc danh mục mặt hàng thực hiện kê khai giá, không thuộc danh mục mặt hàng do nhà nước định giá, bình ổn giá.

khai giá của các tổ chức, cá nhân để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.

Bộ GDĐT đã có Công văn số 115/BGDĐT-KHTC báo cáo Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tài chính về phương án giá SGK đảm bảo giá SGK theo Chương trình GDPT 2018 đảm bảo không vượt quá mức giá kê khai bộ SGK hiện hành của năm học 2019-2020²⁶.

Bộ GDĐT đã có các văn bản đề nghị các NXB rà soát, cắt giảm chi phí để thực hiện mục tiêu bình ổn giá, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện kê khai giá theo đúng quy định. Các NXB đã thực hiện việc kê khai giá SGK theo đúng quy định và đã được Bộ Tài chính thẩm định, phê duyệt. Theo báo cáo các NXB giá các bộ SGK lớp 1 cụ thể như sau: 04 bộ sách do NXBGDVN biên soạn: Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống: 179.000 đồng; Bộ Chân trời sáng tạo: 186.000 đồng; Bộ Cùng học phát triển năng lực: 194.000 đồng; Bộ Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục: 189.000 đồng; 01 bộ sách do 02 NXB Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh biên soạn: Bộ Cánh diều: 199.000 đồng.

Bộ GDĐT đã có văn bản gửi Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp đánh giá, phân tích mức độ đặc thù của mặt hàng SGK, sự cần thiết phải đưa SGK vào danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 45/TTr-BTC trình Chính phủ đề xuất bổ sung mặt hàng SGK vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Chính phủ đã có Tờ trình số 314/TTr-CP ngày 03/7/2020 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) xem xét, quyết định bổ sung SGK vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá bằng hình thức giá tối đa theo quy định của Luật Giá. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan có liên quan hoàn thiện hồ sơ, đánh giá đầy đủ tác động của chính sách mới đề xuất để báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định. Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ GDĐT, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan thực hiện kết luận của UBTVQH, Bộ GDĐT tổng kết quá trình xã hội hóa việc biên soạn, phát hành SGK lớp 1, đánh giá những tác động về chủ trương xã hội hóa, về quản lý nhà nước trong quản lý SGK, giá SGK theo chức năng của Bộ GDĐT, từ đó đề xuất phương án quản lý SGK trong thời gian tới, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, sửa đổi Luật Giá.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ SGK cho vùng khó

Để thực hiện hỗ trợ SGK cho các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo *Bộ Tài chính hoàn thiện quy trình để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung mặt hàng SGK vào danh mục hàng hóa định giá (theo hình thức giá tối đa) nhằm bảo đảm công bằng trong*

²⁶ Để kịp thời triển khai công tác in ấn, phát hành SGK mới lớp 1 vào năm học 2020, Bộ GDĐT kiến nghị Chính phủ giao Bộ Tài chính đề nghị các nhà xuất bản thực hiện kê khai giá theo Luật giá 2012. Mức giá kê khai SGK theo chương trình GDPT mới đảm bảo không vượt quá mức giá kê khai bộ SGK hiện hành của năm học 2019-2020, vận dụng định mức biên soạn của bộ SGK hiện hành để rà soát mức giá kê khai của các bộ SGK mới (*bộ SGK* hiện hành vừa được kê khai điều chỉnh giá năm 2019 tăng 16,9%, các định mức biên soạn của bộ SGK này đã được nghiên cứu bổ sung, cập nhật các định mức và đã được các cơ quan thanh tra, kiểm toán kiểm tra nhiều năm).

biên soạn, sử dụng SGK theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 88/2014/QH13. Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu xem xét đề xuất chính sách giảm giá, hỗ trợ, không thu tiền SGK đối với học sinh thuộc các hộ nghèo, các vùng sâu xa, miền núi, hải đảo.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GDĐT đang phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét đề xuất chính sách giảm giá, hỗ trợ, không thu tiền SGK đối với học sinh thuộc các hộ nghèo, các vùng sâu xa, miền núi, hải đảo; đề xuất bổ sung thêm đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập là trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền với mục tiêu giúp trẻ em, học sinh đối tượng chính sách ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn được hỗ trợ kinh phí để mua sắm sách giáo khoa, đồ dùng và dụng cụ học tập.

Bộ GDĐT đã có văn bản chỉ đạo các NXB thực hiện đồng bộ, có giải pháp hỗ trợ SGK cho các học sinh thuộc đối tượng chính sách, học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; học sinh hộ nghèo và cận nghèo; phối hợp với các địa phương rà soát đối tượng được hỗ trợ SGK để có giải pháp hỗ trợ kịp thời, đảm bảo tất cả học sinh có đầy đủ SGK, không để học sinh nào bị thiếu SGK trước khi vào năm học mới.

- Tổ chức lựa chọn SGK

Việc lựa chọn SGK lớp 1 được thực hiện theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 về việc hướng dẫn lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT (Thông tư 01). Việc lựa chọn SGK lớp 2 và lớp 6 được thực hiện theo Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Sau khi Danh mục SGK lớp 1, lớp 2 và lớp 6 được phê duyệt, các NXB đã phối hợp với các địa phương tổ chức các hội thảo giới thiệu SGK đến GV, CBQL tại các địa phương; triển khai cung ứng các bản mẫu SGK đến các địa phương, cơ sở giáo dục giúp GV có điều kiện tìm hiểu và nghiên cứu SGK.

- Công tác tập huấn hướng dẫn sử dụng SGK

Bộ GDĐT đã ban hành các văn bản chỉ đạo²⁷ các địa phương, các NXB có SGK được phê duyệt, căn cứ tình hình kinh tế xã hội năm 2020 và năm 2021, vận dụng những lợi thế của công nghệ thông tin, xây dựng kế hoạch tập huấn GV sử dụng SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6 với sự kết hợp của ba hình thức tập huấn: tập huấn trực tiếp - tập huấn trực tuyến - tự tập huấn. Các NXB đã xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tài liệu, lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên và phối hợp với các Sở GDĐT tổ chức tập huấn đúng theo quy định. Trong hơn 2 tháng (từ tháng 6 - 8/2020) đã hoàn thành

²⁷ Công văn số 2058/BGDĐT-GDTH ngày 10/6/2020 về việc thực hiện bồi dưỡng giáo viên và cung ứng SGK lớp 1 năm học 2020-2021; Công văn số 367/BGDĐT-GDTH ngày 26/1/2021 về việc thực hiện giới thiệu, bồi dưỡng giáo viên và cung ứng SGK lớp 2, lớp 6 năm học 2021-2022.

tập huấn cho 100% GV được phân công dạy lớp 1 năm học 2020-2021 và dự kiến đến tháng 31/8/2021 sẽ hoàn thành tập huấn cho 100% GV được phân công dạy lớp 2, lớp 6 năm học 2021-2022.

Tuy nhiên, công tác tập huấn SGK do các NXB trực tiếp chịu trách nhiệm cũng còn bộc lộ một số hạn chế cần rút kinh nghiệm từ nội dung tập huấn SGK, đội ngũ báo cáo viên, quỹ thời gian tập huấn còn ít, điều kiện tập huấn gặp khó khăn khách quan do bối cảnh dịch covid ngày càng diễn biến phức tạp.

- Công tác phát hành SGK

Bộ GDĐT đã chỉ đạo các địa phương cung cấp đầy đủ, kịp thời số lượng đăng ký SGK cho các NXB có SGK được lựa chọn trước khai giảng năm học mới 04 tháng; phối hợp với các NXB thống nhất chọn các đơn vị có chức năng và đủ năng lực cung ứng sách giáo khoa, đồng thời hướng dẫn các cơ sở GDPT trên địa bàn phối hợp với đơn vị cung ứng SGK để đảm bảo cung ứng đủ SGK cho các cơ sở GDPT kịp thời, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu của giáo viên, phụ huynh và học sinh trên địa bàn trước ngày 15/8 hàng năm; chịu trách nhiệm giám sát về chất lượng SGK đảm bảo đúng bản mẫu SGK đã được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt; chịu trách nhiệm giải trình và báo cáo các nội dung liên quan theo đúng chức năng và thẩm quyền quy định.

Qua kiểm tra giám sát thực hiện tại các địa phương và NXB cho thấy các NXB đều đảm bảo cung cấp đầy đủ SGK đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng với số lượng dự phòng không dưới 2%, vì vậy đảm bảo đầy đủ SGK cho học sinh, không để xảy ra hiện tượng thiếu SGK đầu năm học.

c) Một số tồn tại, hạn chế

- Biên soạn SGK các môn học tiếng dân tộc thiểu số

Trong Chương trình GDPT 2018, môn học tiếng dân tộc thiểu số (DTTS) được quy định là môn học tự chọn. Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư 34/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 ban hành chương trình giáo dục phổ thông môn học Tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Ê đê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Mnông, Tiếng Thái. Qua các lần tổ chức thẩm định SGK, Bộ GDĐT đã thông báo rộng rãi để các NXB đề nghị thẩm định SGK biên soạn theo Chương trình GDPT 2018 nhưng không có NXB nào đề nghị thẩm định SGK các môn học tiếng DTTS. Như vậy, việc biên soạn SGK các môn học tiếng DTTS không thực hiện được theo phương thức xã hội hóa.

Căn cứ quy định tại Nghị quyết 122, và Nghị định 82/2010/NĐ-CP ngày 25/7/2010 quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở GDPT và trung tâm giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT đã báo cáo Chính phủ và Chính phủ đã chỉ đạo việc triển khai nhiệm vụ biên soạn SGK các môn tiếng DTTS

bằng ngân sách nhà nước²⁸. Tuy nhiên, do một số vấn đề cần có sự đồng thuận, thống nhất đối với ngôn ngữ, chữ viết tiếng DTTS²⁹, nên việc tổ chức biên soạn SGK các môn học tiếng DTTS chậm so với lộ trình triển khai theo Chương trình GDPT 2018.

- Biên soạn SGK các môn ngoại ngữ (ngoài Tiếng Anh)

Đối môn Tiếng Anh, hiện nay, có 04 nhà xuất bản đang tổ chức biên soạn SGK. Sau khi tổ chức thẩm định SGK lớp 1, lớp 2 và lớp 6, Bộ GDĐT đã thẩm định và phê duyệt 8 bộ SGK Tiếng Anh được sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

Đối với các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh chưa thực hiện được theo phương thức xã hội hóa do số lượng người học ít (chỉ khoảng dưới 1% học sinh học các ngoại ngữ này). Chính phủ đã chỉ đạo Bộ GDĐT thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt chủ trương biên soạn các bộ SGK các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh sử dụng ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, tiếp tục khuyến khích đẩy mạnh hợp tác với các đối tác nước ngoài để tìm sự hỗ trợ trong biên soạn SGK cho các ngoại ngữ ngoài Tiếng Anh nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hoá việc biên soạn SGK đối với các môn học này.

4. Về tài liệu giáo dục địa phương

a) Công tác chỉ đạo

Thực hiện quy định tại Nghị quyết 88, Luật Giáo dục 2019³⁰, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ GDĐT hướng dẫn các địa phương biên soạn, thẩm định và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình GDPT 2018³¹; ban hành Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương (GDĐP), để các địa phương thực hiện theo thẩm quyền.

b) Kết quả thực hiện

Theo báo cáo từ các địa phương, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã triển khai xây dựng Kế hoạch và tổ chức biên soạn, thẩm định, triển khai dạy thí điểm và triển khai dạy học nội dung giáo dục địa phương; ban hành Khung chương trình tài liệu GDĐP; đã biên soạn, thẩm định tài liệu GDĐP theo hướng dẫn tại Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung GDĐP cấp Tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 và thực hiện từ năm học 2020-

²⁸ Thực hiện Công văn số 10257/VPCP-KGVX ngày 08/12/2020 của Văn phòng Chính phủ truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam về thực hiện Đề án đổi mới chương trình, SGK GDPT.

²⁹ Đã phối hợp với Viện Ngôn ngữ học tổ chức hội thảo khoa học bàn về việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ, chữ viết các DTTS trong biên soạn SGK tiếng DTTS. Hội thảo đã thống nhất các phương án lựa chọn ngôn ngữ và nguyên tắc xử lý những bất cập về phương ngữ, về các bộ chữ viết tiếng DTTS.

³⁰ “Tài liệu giáo dục địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức biên soạn đáp ứng nhu cầu và phù hợp với đặc điểm của địa phương, được hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt” (điểm d, khoản 1, Điều 32). “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định tài liệu giáo dục địa phương (khoản 4, Điều 32)”

³¹ Bộ GDĐT đã ban hành Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 và Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 về việc biên soạn, thẩm định và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình GDPT 2018.

2021 đối với lớp 1 (trước khi Luật Giáo dục 2019 có hiệu lực). Hiện nay các tỉnh/thành phố đang thực hiện hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt tài liệu GDĐP lớp 2, lớp 6 gửi về Bộ GDĐT theo quy định.

c) Một số tồn tại, hạn chế

Việc tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương đối với các địa phương là một vấn đề mới, nhiều địa phương chưa có kinh nghiệm triển khai nên gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu theo thẩm quyền; đồng thời cần phân định rõ trách nhiệm giải trình về chất lượng nội dung tài liệu do địa phương tổ chức biên soạn, thẩm định, Bộ trưởng Bộ GDĐT chỉ phê duyệt trên cơ sở kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định tại địa phương.

II. KẾT QUẢ MỘT NĂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thực trạng triển khai chương trình, SGK

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, toàn ngành giáo dục thực hiện nhiệm vụ kép trong năm học 2020-2021: vừa tích cực thực hiện các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp; vừa triển khai Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học đối với lớp 1. Vì vậy năm học được triển khai trong bối cảnh có những yếu tố khó khăn và khác biệt so với các năm học trước, cụ thể:

a) Đối với học sinh, đặc biệt là học sinh lớp 1

Trước khi vào lớp 1 trẻ 6 tuổi chủ yếu ở nhà (khoảng 6 tháng, từ tháng 2/2020 đến hết tháng 8/2020) nên các em học sinh hầu như không được trực tiếp học chương trình mầm non cho trẻ 5 tuổi trên lớp, việc được học nhận biết các mặt chữ, hướng dẫn các hoạt động làm quen học tập và chuẩn bị tâm lý, tinh thần cho các em trước khi vào lớp 1 rất khó khăn và hầu như không thực hiện được. Mặt khác do tình hình dịch Covid-19 nên năm học 2020-2021 học sinh các cấp học được tổ chức học chính thức sau ngày khai giảng 05/9/2020, (không có 02 tuần làm quen nền nếp, tâm lý cho học sinh lớp 1 như các năm học khác) các năm học trước có 02 tuần làm quen, bắt đầu tựu trường từ 15/8/2020 để học sinh và GV tổ chức làm quen tạo tâm thế sẵn sàng cho học sinh lớp 1.

b) Về phía giáo viên, đặc biệt là giáo viên lớp 1

Do tình hình dịch Covid-19, ngành giáo dục và các địa phương đã rất cố gắng nỗ lực thực hiện các chương trình tập huấn thông qua trực tuyến, được thực hành trên môi trường mạng, nhiệm vụ mới, tập huấn với hình thức mới, giáo viên ít được tương tác với đồng nghiệp và các giảng viên vì vậy có những lúng túng bước đầu khi triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 và SGK mới ở lớp 1.

c) Chương trình và SGK GDPT 2018

Chương trình GDPT 2018 chỉ quy định chuẩn đầu ra, yêu cầu cần đạt; SGK không biên soạn theo tiết như trước đây mà biên soạn theo chủ đề, mạch kiến thức;

giáo viên, nhà trường nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, đặc điểm của học sinh tại trường của mình để xây dựng kế hoạch dạy học cụ thể, phù hợp với đối tượng. Đây là điểm mới, giao quyền và trách nhiệm cho giáo viên, nhà trường nhiều hơn. Qua kiểm tra thực tế cho thấy giáo viên, nhà trường một số nơi chưa tự tin và có sự lúng túng khi thực hiện giai đoạn đầu năm học 2020-2021; cha mẹ học sinh chưa được cung cấp thông tin đầy đủ về chương trình nên có biểu hiện lo lắng, so sánh chương trình, SGK cũ và chương trình và SGK mới, gây áp lực cho học sinh, GV và nhà trường...

2. Hướng dẫn thực hiện chương trình, SGK GDPT

Bộ GDĐT sớm triển khai thực hiện các giải pháp chuyên môn, kịp thời, phù hợp để chỉ đạo các địa phương nhà trường thực hiện, cụ thể:

- Chỉ đạo các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện chương trình lớp 1 theo hướng phân bổ hợp lý về nội dung và thời lượng dạy học giữa các môn học, hoạt động giáo dục để không gây quá tải, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chương trình mới được xây dựng theo hướng mở; giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập ngay tại lớp học, không giao thêm bài tập về nhà cho học sinh. Thời khóa biểu cần bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các môn học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học, đặc biệt là học sinh lớp 1.

- Các nhà trường tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng cường trao đổi thông tin để cha mẹ học sinh nắm được yêu cầu đổi mới của chương trình và đồng hành cùng nhà trường thực hiện hiệu quả chương trình.

- Tăng cường dự giờ, thăm lớp, hỗ trợ thường xuyên cho GV trong quá trình triển khai thực hiện chương trình. Trong quá trình triển khai thực hiện, yêu cầu các Sở GDĐT tăng cường nắm bắt thông tin phản ánh từ các nhà trường, GV và phụ huynh học sinh để trao đổi, cung cấp thông tin, giải đáp kịp thời và tổng hợp các ý kiến phản ánh về Bộ GDĐT theo quy định.

- Để xử lý kịp thời, hiệu quả các khó khăn khi sử dụng SGK trong giảng dạy và có phương án khắc phục khi phát hiện những nội dung chưa phù hợp trong SGK, Bộ GDĐT đã tập trung chỉ đạo các nhà xuất bản, các tác giả viết SGK thực hiện các giải pháp linh hoạt, đa dạng để kịp thời hỗ trợ địa phương và GV khắc phục những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chương trình. Các Sở GDĐT yêu cầu các nhà trường hướng dẫn, hỗ trợ GV chủ động lựa chọn, nội dung ngữ liệu phù hợp để bổ sung, thay thế (nếu cần thiết) để tổ chức dạy học phù hợp với trình độ của học sinh và mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục đúng theo quy định của chương trình và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Trước phản ánh về việc SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều của NXB Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có một số nội dung chưa phù

hợp, Bộ GDĐT đã nghiêm túc yêu cầu Hội đồng quốc gia thẩm định SGK môn Tiếng Việt lớp 1 (Hội đồng thẩm định) rà soát, kiểm tra và có kết luận cụ thể các nội dung theo phản ánh, căn cứ kết quả báo cáo của Hội đồng thẩm định, Bộ GDĐT đã ban hành văn bản yêu cầu nhà NXB Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và tác giả khẩn trương xây dựng phương án chỉnh sửa, hiệu đính, kịp thời cung cấp tài liệu chỉnh sửa đến đội ngũ CBQL, GV và học sinh tiểu học đang sử dụng SGK môn Tiếng Việt 1 bộ sách Cánh Diều đảm bảo kịp thời với hình thức cung cấp phù hợp, thuận tiện cho người sử dụng và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GDĐT theo quy định.

3. Kết quả thực hiện Chương trình, SGK GDPT 2018

Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật quy định về triển khai thực hiện chương trình, Bộ GDĐT đã ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyên môn để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình SGK GDPT 2018 đối với lớp 1. Các nhà trường đã chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, GV trong việc thực hiện Chương trình, SGK GDPT đối với cấp tiểu học, đặc biệt đối với lớp 1; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động giáo dục của nhà trường; đảm bảo tính dân chủ, công khai, thống nhất giữa các tổ chức trong nhà trường; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

100% trường tiểu học ưu tiên thực hiện đảm bảo tỉ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học đối với học sinh lớp 1; đảm bảo tỉ lệ giáo viên/lớp và cơ cấu GV để thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn³² theo quy định của Chương trình GDPT 2018.

100% học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu đã được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi học sinh tiểu học.

Tổng hợp kết quả từ các địa phương về kết quả đánh giá cuối năm học 2020-2021 cho thấy tất cả các trường tiểu học đã hoàn thành chương trình theo đúng kế hoạch, chất lượng học sinh lớp 1 đảm bảo theo chuẩn đầu ra, yêu cầu cần đạt của

³² Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 1.

chương trình, có một số mặt nổi trội hơn so với chương trình hiện hành; học sinh mạnh dạn tự tin hơn, dám thể hiện quan điểm của mình, biết nêu quan điểm qua tiết học cơ bản đã đọc thông viết thạo ngay trong học kỳ 1 và được củng cố tăng cường bền vững ở học kỳ 2.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả cơ bản

a) *Ban hành Chương trình tổng thể và các Chương trình môn học:* Thực hiện Nghị quyết 88 và Nghị quyết 51, Bộ GDĐT đã ban hành Chương trình GDPT kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

Cách tiếp cận trong việc xây dựng Chương trình GDPT 2018 khác biệt căn bản so với chương trình hiện hành. Đó là chuyển từ Chương trình định hướng nội dung sang Chương trình định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Với cách tiếp cận đó, Chương trình tổng thể và các Chương trình môn học đã quán triệt đầy đủ yêu cầu của Nghị quyết số 29/NQ-TW, Nghị quyết 88 và Quyết định 404/QĐ-TTg.

b) *Tổ chức việc biên soạn, thẩm định sách giáo khoa:* Thực hiện chủ trương xã hội hóa biên soạn SGK theo Nghị quyết 88, Nghị quyết 122 đến nay đã có 05 NXB với đội ngũ các nhà khoa học, giáo viên, cán bộ quản lý tham gia biên soạn và trình thẩm định 05 bộ SGK lớp 1, 03 bộ SGK lớp 2, 03 bộ SGK lớp 6 đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 bảo đảm chất lượng được Bộ GDĐT phê duyệt. Tất cả các SGK được Bộ GDĐT phê duyệt đều được các nhà trường tổ chức cho giáo viên, tổ bộ môn nghiên cứu đề xuất, thành lập hội đồng đánh giá và quyết định lựa chọn phù hợp với điều kiện triển khai thực hiện tại trường. Điều này cho thấy thành công bước đầu của chủ trương xã hội hóa biên soạn SGK.

c) *Tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ GV, CBQL giáo dục:* Việc triển khai thực hiện kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng GV, CBQL giáo dục đã đạt được những kết quả tích cực. Mô hình bồi dưỡng thường xuyên, liên tục, ngay tại trường qua mạng với sự hỗ trợ của đội ngũ GV cốt cán, CBQL cốt cán và giảng viên sư phạm chủ chốt của các trường đại học sư phạm tham gia Chương trình ETEP đã bước đầu được triển khai hiệu quả. Đến nay, đã hoàn thành bồi dưỡng GV cốt cán và CBQL cốt cán về Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT 2018 (Mô đun 01, 02, 03, 04, 05 trong tổng số 09 Mô đun/đối tượng) và đang triển khai bồi dưỡng GV đại trà, ưu tiên bồi dưỡng 100% GV dạy lớp 1, lớp 2, lớp 6 hoàn thành nội dung bồi dưỡng về thực hiện CT, SGK mới kịp thời trước khi bắt đầu năm học mới.

d) *Chuẩn bị CSVC, thiết bị dạy học:* Thực hiện Quyết định số 1436/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hầu hết các địa phương đã xây dựng đề án cụ thể về chuẩn bị CSVC để tổ chức thực hiện, các nguồn vốn hỗ trợ đã được phân bổ cho các địa phương. Trên cơ sở nguồn vốn được giao, các địa phương đã triển khai đầu tư xây dựng các công trình đáp ứng nhu cầu dạy học theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

đ) *Kết quả triển khai thực hiện chương trình, SGK GDPT đối với lớp 1:* Các nhà trường đã chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, GV trong việc thực hiện Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học đối với lớp 1; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Tất cả các trường tiểu học đã hoàn thành chương trình theo đúng kế hoạch, chất lượng học sinh lớp 1 đảm bảo theo chuẩn đầu ra, yêu cầu cần đạt của chương trình, có một số mặt nổi trội hơn so với chương trình hiện hành.

2. Một số tồn tại, hạn chế chủ yếu

a) Việc biên soạn SGK theo chương trình mới còn gặp nhiều hạn chế từ khâu thiết kế đến khâu tổ chức thực hiện, đặc biệt việc lựa chọn, sử dụng SGK ở các địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc in ấn, phát hành.

b) Tài liệu giáo dục địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức biên soạn, thẩm định còn chưa đáp ứng yêu cầu về tiến độ và chất lượng; việc quy định Bộ GDĐT phê duyệt tài liệu do địa phương biên soạn, thẩm định gặp khó khăn trong việc tổ chức thực hiện.

c) Chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL không đồng đều, đặc biệt là ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; còn khoảng cách lớn so với các vùng thuận lợi. Số lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL còn thừa thiếu cục bộ; đồng thời còn thiếu so với quy định, đặc biệt là cấp tiểu học. Đội ngũ GV còn chưa đồng bộ về cơ cấu, nhất là đối với cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, đặc biệt trong bối cảnh triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 có một số môn học mới.

d) Điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất tại các cơ sở GDPT thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đặc biệt là cấp tiểu học vẫn còn nhiều khó khăn. Đây là hạn chế rất lớn trong việc triển khai Chương trình GDPT 2018 của các địa phương.

đ) Trong dư luận xã hội vẫn còn một bộ phận đưa ra một số ý kiến chưa thực sự tin tưởng vào quá trình đổi mới CT, SGK GDPT.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

a) Đổi mới chương trình, SGK GDPT là một vấn đề lớn. Đây là lần đầu tiên, chương trình GDPT được xây dựng một cách tổng thể, toàn diện, đồng bộ tất cả các môn học, hoạt động giáo dục ở các cấp học, lớp học theo tiếp cận phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Việc biên soạn SGK theo chương trình mới lần đầu tiên được áp dụng nên gặp nhiều khó khăn từ khâu thiết kế đến khâu tổ chức thực hiện. Lần đầu tiên thực hiện một chương trình, nhiều SGK nên việc lựa chọn, sử dụng SGK ở các địa phương rất đa dạng, khó khăn trong việc in ấn, phát hành.

b) Nội dung giáo dục địa phương được đưa vào trong chương trình là một vấn đề mới đây là điều thách thức đối với nhiều địa phương trong quá trình thực hiện; theo quy định tại Luật Giáo dục 2019, tài liệu giáo dục địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức biên soạn đáp ứng nhu cầu và phù hợp với đặc điểm của địa phương, được hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định và Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức biên soạn, phê duyệt tài liệu theo thẩm quyền và trách nhiệm giải trình về chất lượng nội dung tài liệu.

c) Việc chuẩn bị về đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục và cơ sở vật chất cũng còn nhiều khó khăn. Chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL không đồng đều, đặc biệt là ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; còn khoảng cách lớn so với các vùng thuận lợi. Số lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL còn thừa thiếu cục bộ; đồng thời còn thiếu so với quy định, đặc biệt là cấp tiểu học. Đội ngũ GV còn chưa đồng bộ về cơ cấu, nhất là đối với cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, nhất là khi triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 có một số môn học mới.

d) Số lượng các trường phổ thông thực hiện Chương trình GDPT rất lớn, trải rộng khắp cả nước có vùng thuận lợi, khó khăn, đặc thù vùng dân tộc... dẫn đến một chủ trương đổi mới nhưng có nơi thực hiện rất thuận lợi, có nơi lại rất khó khăn trong quá trình thực hiện, ngân sách nhà nước đầu tư chung cho GDĐT còn hạn chế nên điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất tại các cơ sở GDPT thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đặc biệt là cấp tiểu học vẫn còn nhiều khó khăn. Đây là khó khăn rất lớn trong việc triển khai Chương trình GDPT 2018 của các địa phương, ngân sách Nhà nước đầu tư chung cho GDĐT còn hạn chế nên CSVC tại các cơ sở GDPT vẫn chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện để thực hiện CT GDPT và các nhu cầu phục vụ học tập khác của các trường³³.

đ) Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình SGK GDPT 2018 đối với lớp 1 đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của đông đảo của nhân dân và các lực lượng xã hội, nhưng công tác truyền thông chưa thực sự hiệu quả nên xuất hiện một số ý kiến như: việc chương trình, SGK môn Tiếng Việt lớp 1 theo Chương trình GDPT 2018 còn nặng so với chương Chương trình 2006; cử tri băn khoăn, bức xúc về sự độc quyền có hiện tượng lợi ích nhóm trong việc trong in ấn, phát hành SGK và giá SGK lớp 1 mới cao hơn SGK lớp 1 cũ; phản ánh gay gắt về việc SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của NXB Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh (bộ SGK Cánh Diều) có một số ngữ liệu đưa vào sách chưa phù hợp... Các nội dung này đã được Bộ GDĐT nghiên cứu nghiêm túc và có những giải pháp bổ sung trong công tác chỉ đạo triển khai thực hiện phù hợp trong thời gian tới.

³³ Nhu cầu đầu tư CSVC, thiết bị dạy học còn khá lớn, để đáp ứng cần đầu tư: Bổ sung khoảng 16.400 phòng học cấp tiểu học để bảo đảm 1 lớp/phòng; bổ sung khoảng 100.000 phòng học bộ môn các cấp; kiên cố hóa khoảng 90.000 phòng học các cấp; khoảng 176.456 bộ thiết bị dạy học tối thiểu tiểu học, 18.838 bộ thiết bị dạy học tối thiểu trung học cơ sở, 7.565 bộ thiết bị dạy học tối thiểu trung học cơ sở.

4. Bài học kinh nghiệm

a) Tiếp tục quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về quá trình đổi mới giáo dục phổ thông, tăng cường công tác truyền thông giúp xã hội, nhân dân hiểu và đồng thuận, đồng hành với Ngành trong quá trình triển khai CT, SGK mới.

b) Tiếp tục tham mưu Chính phủ, Quốc hội ban hành các cơ chế chính sách phù hợp để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tạo tiền đề dịch chuyển chất lượng dạy và học tiến theo sự đổi mới CT, SGK GDPT.

c) Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện hiệu quả việc quy hoạch mạng lưới trường, lớp, quy mô học sinh để tạo điều kiện thuận lợi nhất, công bằng nhất cho các đối tượng người học được thụ hưởng nền giáo dục tốt nhất, toàn diện nhất.

d) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật với quy trình chặt chẽ, nhưng tinh gọn, hiệu quả để tổ chức thực hiện, hoàn thiện sản phẩm CT, SGK, tài liệu giáo dục địa phương đạt chất lượng cao nhất và dễ tiếp cận với mọi đối tượng người học, phục vụ hiệu quả quá trình dạy học trên toàn quốc.

đ) Mở rộng đối tượng được hưởng ưu đãi, trợ cấp hoặc miễn phí sử dụng SGK, tài liệu học tập, đặc biệt đối với các em học sinh tiểu học nhằm hiện thực hoá quy định tại Luật Giáo dục 2019 về việc thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc.

IV. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO

1. Ban hành các chính sách

Tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành trung ương và địa phương rà soát, đánh giá để tham mưu Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo lộ trình thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo Nghị quyết 51, trong đó tập trung chuẩn bị về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và những điều kiện đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018.

2. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản theo thẩm quyền quy định

Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tích cực rà soát đánh giá tham mưu Chính phủ ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản thuộc thẩm quyền Chính phủ; chủ động hoàn thiện hệ thống văn bản theo thẩm quyền tạo hành lang pháp lý triển khai hiệu quả Chương trình, SGK GDPT, trong đó đặc biệt chú trọng đến cơ chế, quy trình biên soạn, thẩm định và triển khai SGK theo Chương trình GDPT 2018 đảm bảo chất lượng, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân và phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội hiện nay.

3. Tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện Chương trình GDPT

a) Duy trì và củng cố các nhóm giải pháp hiện nay

Phối hợp với các Bộ ngành trung ương chỉ đạo địa phương tiếp tục tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng và thẩm quyền được Chính phủ giao nhiệm vụ tại Quyết định 404; tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả các nhóm giải pháp đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng đã được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cụ thể cho từng Bộ, ngành và địa phương tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện đổi mới Chương trình, SGK GDPT.

b) Thực hiện những giải pháp tăng cường

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác bồi dưỡng GV và CBQL đảm bảo chất lượng, hiệu quả; hoàn thành việc xây dựng quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm, ban hành chuẩn chương trình đào tạo giáo viên các trình độ; thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trường sư phạm; chỉ đạo các trường sư phạm thực hiện đào tạo, bồi dưỡng GV đảm bảo yêu cầu về số lượng, cơ cấu, chất lượng theo lộ trình thực hiện.

Tiếp tục hướng dẫn các địa phương rà soát, sắp xếp hợp lý mạng lưới cơ sở giáo dục; tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng CSVC hiện có, trên cơ sở đó: (i) điều chỉnh, bố trí, sắp xếp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng; (ii) xác định nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học (ưu tiên bảo đảm 1 lớp/phòng cho cấp tiểu học), bảo đảm đủ điều kiện thực hiện Chương trình GDPT 2018; đặc biệt chú trọng các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, khu đông dân cư, các khu công nghiệp; lập kế hoạch chi tiết cụ thể, tổ chức thực hiện tăng cường cơ sở vật chất, trường, lớp học đáp ứng điều kiện tối thiểu để thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình quy định tại Nghị quyết 51 của Quốc hội.

Tiếp tục quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung vào giáo dục phổ thông; đẩy mạnh công tác truyền thông giúp xã hội, nhân dân hiểu và đồng thuận, đồng hành với Ngành trong quá trình triển khai CT, SGK mới.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá SGK, mở rộng về số lượng đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia biên soạn, xuất bản SGK và nâng cao chất lượng SGK phục vụ tốt nhất cho các đối tượng sử dụng. Tạo cơ chế cạnh tranh lành mạnh nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và mở rộng đối tượng được hưởng ưu đãi, trợ cấp hoặc miễn phí sử dụng SGK, tài liệu học tập, đặc biệt đối với các em học sinh tiểu học nhằm hiện thực hoá quy định tại Luật Giáo dục 2019 về việc thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Quốc hội, Chính phủ

a) Quốc hội, Chính phủ cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ các địa phương đầu tư cơ sở vật chất trường học, như: nguồn trái phiếu Chính phủ cho chương trình kiên cố hóa trường/lớp học, các nguồn vốn hỗ trợ thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia... (ưu tiên các tỉnh, các vùng kinh tế phát triển chậm, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các địa phương thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, các tỉnh thuộc các vùng trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là các địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số).

b) Chỉ đạo các địa phương ưu tiên huy động các nguồn lực nhằm triển khai chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới.

c) Về việc chuẩn bị CSVC, thiết bị dạy học, đề nghị Quốc hội cho phép tiếp tục bố trí nguồn vốn trái phiếu Chính phủ để thực hiện CT kiên cố hóa trường, lớp học giai đoạn 2021-2025.

d) Chính phủ giao Bộ Tài chính phối hợp với Bộ GDĐT báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sớm bổ sung mặt hàng SGK vào danh mục do Nhà nước định giá.

2. Với các Bộ, ngành

a) Bộ Nội vụ: Tiếp tục phối hợp với Bộ GDĐT nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và tinh giản biên chế đối với công chức, viên chức nói chung nhưng có tính đến đặc thù của công chức, viên chức ngành giáo dục cho phù hợp và hiệu quả; nghiên cứu chế độ lao động, định mức lao động kinh tế kỹ thuật của GV mầm non, phổ thông và tiến hành rà soát, khảo sát về định mức GV mầm non, phổ thông làm căn cứ để điều chỉnh định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập nhằm thực hiện tốt chủ trương tinh giản biên chế và thực hiện Chương trình GDPT 2018 (trong đó sẽ tính toán định mức GV để hướng tới tất cả các cấp học phổ thông thực hiện dạy 2 buổi/ngày và giảm sĩ số HS trên một lớp học).

b) Bộ Tài chính

- Tiếp tục chủ trì, phối hợp với Bộ GDĐT triển khai ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9130/VPCP-KTTH ngày 02/11/2020 và các văn bản chỉ đạo có liên quan để hoàn thiện hồ sơ đề xuất phương án quản lý giá SGK và báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ công tác kê khai giá SGK của các nhà xuất bản; công tác thanh tra, kiểm tra, thanh tra về giá SGK để thực hiện bình ổn giá theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9021/VPCP-KTTH ngày 29/10/2020 về định hướng điều hành giá những tháng còn lại năm 2020.

- Phối hợp với Bộ GDĐT tăng cường thanh tra, kiểm tra việc cung cấp, phát hành sách; giới thiệu sách giáo khoa tại các trường học.

3. Với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Về công tác chuẩn bị đội ngũ GV, CBQL giáo dục thực hiện CT GDPT và SGK mới

- Các địa phương phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng GV đề xuất nhu cầu đào tạo GV dạy các môn học mới theo CT đào tạo mới. Cơ sở đào tạo GV nghệ thuật thực hiện đào tạo GV Âm nhạc, Mĩ thuật để dạy môn học Giáo dục nghệ thuật ở cấp THPT; đào tạo GV Tiếng anh, Tin học ở tiểu học, THCS; đào tạo GV theo từng chuyên ngành để bổ sung do tăng quy mô trường, lớp, HS và thay thế số GV nghỉ hưu (dự kiến khoảng 2%/năm).

- Các địa phương quán triệt tinh thần các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ, chủ động cụ thể hóa các CT, kế hoạch của sở/phòng GDĐT trong việc tuyển dụng, sử dụng GV; tiếp tục rà soát đội ngũ GV, xác định số GV thừa, thiếu từng cấp học, môn học và thực hiện điều chuyển GV từ nơi thừa sang nơi thiếu; giảm dần số biên chế nhân viên làm các công việc gián tiếp; có biện pháp xử lý đối với GV, CBQL chưa đạt chuẩn tối thiểu, không đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức; thực hiện nghiêm túc đánh giá GV, CBQL theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bổ nhiệm, thi, xét thăng hạng và xếp lương theo hạng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đúng quy định; chủ động phối hợp, liên kết với các cơ sở đào tạo GV trên địa bàn và các cơ sở khác để đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng GV và CBQL; đảm bảo các chế độ chính sách cho GV và CBQL trong thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Các địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV theo các kế hoạch của Bộ GDĐT chi tiết các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng GV cơ sở GDPT thực hiện Chương trình GDPT 2018. Trong đó, cần chú ý:

+ Thực hiện triển khai tốt Chuẩn nghề nghiệp GV để từ đó có lực lượng đội ngũ cốt cán hợp lý nhất về số lượng, cơ cấu và chất lượng để cử đi bồi dưỡng tập trung ở Trung ương và thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, tư vấn... trong quá trình triển khai bồi dưỡng đại trà GV ở địa phương.

+ Chuẩn bị các điều kiện triển khai tập huấn, bồi dưỡng GV bảo đảm đúng lộ trình triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo kế hoạch/lộ trình của Bộ GDĐT. Tập trung rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống tập huấn, bồi dưỡng GV qua mạng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ Căn cứ lộ trình triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018, xác định đối tượng và số lượng GV cần bồi dưỡng từng năm để tổ chức bồi dưỡng đại trà ở địa phương theo phương thức kết hợp giữa bồi dưỡng tập trung và bồi dưỡng qua mạng; chủ động phối hợp và đặt hàng với các cơ sở đào tạo GV để đào tạo mới, đào tạo văn bằng 2, đào tạo liên thông và bồi dưỡng GV và CBQL cơ sở GDPT.

+ Căn cứ vào hệ thống môn học, hoạt động giáo dục và thời lượng giáo dục của mỗi cấp học trong thực hiện Chương trình GDPT 2018 tiến hành rà soát đội ngũ GV hiện có ở từng trường để dự kiến số lượng GV còn thiếu, số lượng GV dôi dư theo từng môn học, cấp học làm căn cứ xây dựng kế hoạch tuyển dụng, điều chuyển, bố trí, sắp xếp GV hợp lý, không để tình trạng thiếu GV khi bắt đầu triển khai thực hiện CT mới, nhất là GV dạy những môn học mới.

+ Đối với các cấp học theo lộ trình, cần chọn cử GV phù hợp, thích ứng tốt cho việc đổi mới CT để dạy các lớp theo lộ trình đổi mới CT, trong đó đặc biệt chú trọng các lớp đầu cấp học. Trong kế hoạch chi tiết cần lưu ý thời điểm song song thực hiện cả CT hiện hành và CT mới, để có phương án chọn lựa, bố trí, sắp xếp, bồi dưỡng GV vừa đảm bảo thực hiện CT mới, vừa nâng cao năng lực đội ngũ theo Chuẩn nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu đối với công việc. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng thường xuyên cho GV theo 3 nội dung của Quy chế bồi dưỡng thường xuyên bảo đảm thời lượng bồi dưỡng theo qui định.

b) Về cơ sở vật chất

- Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp học gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới thực hiện Chương trình GDPT 2018;

- Chủ động cân đối, dành ngân sách thỏa đáng từ nguồn vốn bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để đầu tư CSVC cho giáo dục; thực hiện lồng ghép có hiệu quả CT mục tiêu quốc gia, CT mục tiêu của ngành giáo dục và các CT, dự án, đề án khác đã được phê duyệt.

c) Về công tác thanh tra, kiểm tra: Tăng cường chỉ đạo các sở ban ngành có liên quan phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về niêm yết, công khai thông tin về giá vật tư, thiết bị giáo dục, sách giáo khoa trên địa bàn bảo đảm công khai, minh bạch theo đúng quy định của Luật giá và các văn bản có liên quan.

Trên đây là báo cáo về kết quả một năm thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 88, Nghị quyết 122 của Quốc hội.

Trân trọng!

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 1**DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN ĐỔI MỚI
CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG****A. CHÍNH PHỦ**

1. Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành CT hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới CT, SGK GDPT.

3. Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDPT giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

4. Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm CSVC cho CT giáo dục mầm non và GDPT giai đoạn 2017 – 2025.

5. Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT.

6. Nghị quyết 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế.

7. Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GV mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

B. BỘ NỘI VỤ

1. Công văn số 1495/BNV-TCBC ngày 05/4/2019 của Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh, bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế

2. Công văn 5378/BNV-CCVC ngày 05/11/2019 của Bộ Nội vụ về việc tuyển dụng đặc cách đối với GV đã có hợp đồng lao động và đóng BHXH từ 2015 trở về trước.

C. BỘ TÀI CHÍNH

1. Thông tư số 51/2019/TT-BTC ngày 15/8/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán, thanh quyết toán kinh phí biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương thực hiện CT, SGK GDPT.

2. Thông tư số 29/2021/TT-BTC ngày 28/4/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí thẩm định SGK GDPT.

Phụ lục 2**DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN ĐỔI MỚI
CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
(Của Bộ GDĐT)****A. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

1. Thông tư số 14/2017/TT-BGDĐT ngày 06/6/2017 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn, quy trình xây dựng, chỉnh sửa CT GDPT; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định CT GDPT.

2. Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư Ban hành về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; tiêu chuẩn, tổ chức cá nhân biên soạn SGK; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định SGK.

3. Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ GDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn, tổ chức cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định SGK ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

4. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành CT GDPT mới.

5. Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành CT GDPT môn học Tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Êđê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Mnông, Tiếng Thái

6. Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở GDPT

7. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GDPT

8. Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GDĐT ban hành CT bồi dưỡng thường xuyên GV cơ sở GDPT

9. Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GDĐT ban hành CT bồi dưỡng thường xuyên CBQL cơ sở GDPT.

10. Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên GV, CBQL cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở GDPT và GV trung tâm giáo dục thường xuyên.

11. Thông tư số 10/2018/TT-BGDĐT ngày 30/3/2018 của Bộ GDĐT về đào tạo, cấp bằng tốt nghiệp thứ 2 trình độ đại học, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo GV.

12. Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1.

13. Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2.

14. Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6.

16. Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

17. Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

18. Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định phòng học bộ môn trong cơ sở GDPT;

19. Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

20. Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Điều lệ trường tiểu học.

21. Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT.

22. Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về Quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT.

B. KẾ HOẠCH, CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Công văn số 34/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 05/01/2018 của Bộ GDĐT gửi UBND các tỉnh/thành phố đề nghị phối hợp rà soát hiện trạng đội ngũ GV các cấp và xác định nhu cầu đào tạo GV.

2. Công văn số 4960/BGDĐT-GDTH ngày 31/10/2019 của Bộ GDĐT về việc tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện CT GDPT 2018 đối với cấp Tiểu học.

3. Công văn số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai CT GDPT.

4. Kế hoạch số 223/KH-BGDĐT ngày 31/3/2017 của Bộ GDĐT thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục với mục tiêu nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng GV và CBQL giáo dục của các trường sư phạm; nâng cao năng lực của đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện.

5. Kế hoạch số 270/KH-BGDĐT ngày 02/5/2018 của Bộ GDĐT về đào tạo, bồi dưỡng GV cơ sở GDPT thực hiện CT SGK GDPT mới.

6. Kế hoạch số 791/KH-BGDĐT ngày 12/9/2018 của Bộ GDĐT chi tiết các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng GV cơ sở GDPT thực hiện CTGDPT mới.

7. Kế hoạch số 212/KH-BGDĐT ngày 20/3/2019 của Bộ GDĐT về tổ chức bồi dưỡng triển khai CTGDPT mới năm 2019.

8. Kế hoạch số 263/KH-BGDĐT ngày 29/3/2019 của Bộ GDĐT chi tiết các hoạt động bồi dưỡng GV và CBQLGD triển khai CTGDPT mới năm 2019.

9. Kế hoạch số 41/KH-BGDĐT ngày 22/01/2020 của Bộ GDĐT về tổ chức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý, giảng viên sư phạm chủ chốt năm 2020;

10. Kế hoạch số 37/KH-BGDĐT ngày 12/01/2021 của Bộ GDĐT về tổ chức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý, giảng viên sư phạm chủ chốt năm 2021;

11. Công văn số 5093/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 13/10/2016 về việc rà soát, bố trí và sử dụng viên chức ngành Giáo dục;

12. Công văn số 34/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 05/01/2018 về việc phối hợp rà soát hiện trạng đội ngũ GV các cấp và xác định nhu cầu đào tạo giáo viên;

14. Công văn số 3043/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/7/2018 về việc đôn đốc thực hiện tinh giản biên chế ngành giáo dục;

15. Công văn số 703/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 28/02/2019 về việc phối hợp chỉ đạo rà soát đội ngũ GV MN, PT;

16. Công văn số 1019/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 24/3/2020 về việc chuẩn bị đội ngũ GV thực hiện CT GDPT 2018;

17. Công văn số 240/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/01/2021 về hướng dẫn rà soát biên chế ngành Giáo dục.

18. Công văn số 371/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 26/01/2021 của Bộ GDĐT về chuẩn bị GV Tiếng Anh, Tin học năm học 2022-2023 cấp Tiểu học.

19. Công văn số 1201/BGDĐT-GDTrH ngày 8/4/2020 của Bộ GDĐT về bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDPT triển khai chương trình GDPT2018;

20. Công văn số 3587/BGDĐT-GDTrH ngày 20/8/2019 của Bộ GDĐT về việc lựa chọn, tổ chức bồi dưỡng GV cốt cán, CBQL cốt cán;

21. Công văn số 1519/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 08/5/2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá theo Chuẩn và BDTX.

22. Kế hoạch số 411/KH-BGDĐT ngày 12/6/2020 của Bộ GDĐT về tổng thể công tác chuẩn bị đội ngũ GV lớp 1 năm học 2020-2021 thực hiện CT GDPT 2018.

23. Công văn số 1428/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 07/4/2017 về việc tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, GDPT;

24. Công văn số 6088/BGDĐT-CSVC ngày 26/12/2017 về việc rà soát thực trạng, nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và công tác dồn ghép các điểm trường lẻ của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông;

25. Công văn số 64/BGDĐT-CSVC ngày 9/01/2018 về việc cải tạo và bảo trì cơ sở vật chất trường học đảm bảo an toàn cho học sinh;

26. Công văn số 2064/BGDĐT-CSVC ngày 23/5/2018 và Công văn số 3232/BGDĐT-CSVC ngày 31/7/2018 về chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất và nhà vệ sinh, công trình nước sạch trong trường học;

27. Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông;

28. Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

29. Công văn 4470/BGDĐT-CSVC ngày 28/9/2018 của Bộ GDĐT về việc thực hiện nhiệm vụ về CSVC và thiết bị dạy học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

30. Công văn số 428/BGDĐT-CSVC ngày 30/01/2019 của Bộ GDĐT về việc thực hiện Đề án bảo đảm CSVC cho CT giáo dục mầm non và GDPT giai đoạn 2017 - 2025.

31. Công văn số 4470/BGDĐT-CSVC ngày 28/9/2018 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông;

32. Công văn số 428/BGDĐT-CSVC ngày 30/01/2019 thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và GDPT giai đoạn 2017 - 2025.

C. DANH MỤC VĂN BẢN HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SGK LỚP 1

1. Công văn số 4960/BGDĐT-GDTH ngày 31/10/2019 của Bộ GDĐT về việc tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện CT GDPT 2018 đối với cấp Tiểu học.

2. Công văn số 3866/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2019 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn chuẩn bị tổ chức dạy học đối với lớp 1 từ năm học 2020 - 2020.

3. Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH, ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong CT GDPT 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021.

4. Công văn 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT Hướng dẫn thực hiện nội dung trải nghiệm sáng tạo cấp tiểu học từ năm 2020-2021.

5. Công văn số 3539/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục tin học cấp Tiểu học từ năm học 2020-2021.

6. Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng anh học cấp Tiểu học từ năm học 2020-2021.

7. Công văn số 3977/BGDĐT-GDTH ngày 30/9/2020 tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình, SGK lớp 1.

8. Công văn số 4426/BGDĐT-GDTH ngày 30/10/2020 về việc hướng dẫn sử dụng ngữ liệu dạy học trong SGK lớp 1 theo CT GDPT 2018.

9. Công văn số 897/BGDĐT-GDTH ngày 08/01/2021 về việc khảo sát, đánh giá triển khai thực hiện chương trình, SGK lớp 1 sau một học kỳ triển khai thực hiện.

10. Công văn số 639/BGDĐT-GDTH ngày 26/02/2021 chỉ đạo các tỉnh, thành phố tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện chương trình, SGK theo CT GDPT 2018 đối với lớp 1.

11. Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019 phê duyệt Danh mục SGK lớp 1 sử dụng cho các cơ sở GDPT đối với các môn học bắt buộc;

12. Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT (dùng cho lớp 1)

13. Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1.

Phụ lục 3

**DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN ĐỔI MỚI
CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
(Của địa phương các tỉnh/thành phố)**

TT	NỘI DUNG	NỘI DUNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình hành động	Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành Chỉ thị, Chương trình hành động chuyên đề riêng về thực hiện CT SGK GDPT 2018 xác định nhiệm vụ và phân công trách nhiệm cho các ngành chức năng thực hiện.	14/63 có triển khai thực hiện ³⁴
2	Thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới CT SGK GDPT cấp tỉnh.	<p>Thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới CT SGK GDPT cụ thể:</p> <p>1) Chỉ đạo ngành giáo dục tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện của địa phương;</p> <p>2) Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu GV ở từng môn học, lớp học, cấp học; chủ động xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ và phối hợp với các cơ sở đào tạo GV tổ chức đào tạo, bồi dưỡng GV để thực hiện chương trình, SGK GDPT mới;</p> <p>3) Tổ chức rà soát, quy hoạch mạng lưới cơ sở GDPT theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>4) Điều chỉnh, sắp xếp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để thực hiện chương trình, SGK GDPT mới;</p> <p>5) Bố trí ngân sách địa phương, lồng ghép có hiệu quả và sử dụng đúng mục đích nguồn vốn từ các</p>	63/63

³⁴ Cần Thơ; Yên Bái; Quảng Trị; Bắc Ninh; Gia Lai; Kon Tum; Quảng Nam; Phú Thọ; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Ninh Thuận; Bạc Liêu; Bến Tre; Long An.

		<p>chương trình, đề án, dự án; huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện chương trình, SGK GDPT mới;</p> <p>6) Đẩy mạnh truyền thông về đổi mới chương trình, SGK GDPT tại địa phương; biểu dương kịp thời gương người tốt, việc tốt trong thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT;</p> <p>7) Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện, hàng năm gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.</p>	
3	Kế hoạch, Đề án triển khai thực hiện CT, SGK; các văn bản chỉ đạo thực hiện.	<p>UBND ban hành các kế hoạch, đề án triển khai, phân khai cụ thể từng gia đoạn thực hiện và xác định nhu cầu và nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện các nội dung trong kế hoạch và Đề án.</p> <p>Các tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện các giải pháp phù hợp với địa phương.</p>	63/63 tỉnh thành phố có KH, Đề án; ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời ³⁵

³⁵ Hà Nội (11); TP HCM (28); Nam Định (13); Bắc Ninh (29); Vĩnh phúc (09); Hà Nam (18); Hải Dương (06); Ninh Bình (07); Thái Bình (07); Bình Định (11); Đắk Lắk (11); Đắk Nông (08); Gia Lai (12); Khánh Hòa (19) ; Yên Bái (25); Nghệ An (17); Bạc Liêu (13); Gia Lai (23); Kon Tum (12); Hải Dương (10); Quảng Trị (24); Lạng Sơn (18); Hòa Bình (10)

Phụ lục 4**DANH MỤC CÁC SGK LỚP 1 ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bằng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	NXB Giáo dục Việt Nam
2.	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Xuân Tùng, Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Phạm Vĩnh Lộc, Nguyễn Thị Xuân Yên.	NXB Giáo dục Việt Nam
3.	Tiếng Việt 1	Nguyễn Thị Hạnh (Chủ biên), Nguyễn Thị Hương Giang, Nguyễn Lê Hằng, Đặng Thị Lanh, Trần Thị Hiền Lương, Trịnh Cam Ly.	NXB Giáo dục Việt Nam
4.	Tiếng Việt 1	Đỗ Việt Hùng (Tổng Chủ biên), Lê Phương Nga (Chủ biên), Thạch Thị Lan Anh, Lương Thị Hiền.	NXB Giáo dục Việt Nam
5.	Tiếng Việt 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hoà Bình, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hương, Nguyễn Thị Ly Kha, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6.	Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục Việt Nam
7.	Toán 1	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	NXB Giáo dục Việt Nam
8.	Toán 1	Đinh Thế Lục (Tổng Chủ biên), Phan Doãn Thoại (Chủ biên), Nguyễn Phương Anh, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Bích Thuận.	NXB Giáo dục Việt Nam
9.	Toán 1	Trần Diên Hiển (Chủ biên), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai, Nguyễn Thuý Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam
10.	Toán 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm

11.	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	NXB Giáo dục Việt Nam
12.	Đạo đức 1	Đình Phương Duy (Tổng Chủ biên), Trần Thanh Bình (Chủ biên), Trần Minh Hoàng, Lê Phương Trí, Trần Hoàng Túy.	NXB Giáo dục Việt Nam
13.	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Văn Sơn (Chủ biên), Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Thanh Huân, Nguyễn Thị Diễm My, Nguyễn Thị Xuân Phương.	NXB Giáo dục Việt Nam
14.	Đạo đức 1	Phạm Quỳnh (Chủ biên), Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Hà My, Nguyễn Huyền Trang.	NXB Giáo dục Việt Nam
15.	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
16.	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục Việt Nam
17.	Tự nhiên và Xã hội 1	Nguyễn Hữu Đĩnh (Tổng Chủ biên), Phan Thanh Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Hồng Liên.	NXB Giáo dục Việt Nam
18.	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang.	NXB Đại học Sư phạm
19.	Tự nhiên và Xã hội 1	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Phạm Phương Anh, Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng.	NXB Giáo dục Việt Nam
20.	Giáo dục Thể chất 1	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường.	NXB Đại học Sư phạm
21.	Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục Việt Nam
22.	Giáo dục Thể chất 1	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Trần Thanh Dũng, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Nguyễn Hoàng Minh Thuận, Trần Minh Tuấn.	NXB Giáo dục Việt Nam

23.	Giáo dục Thể chất 1	Hồ Đắc Sơn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền.	NXB Giáo dục Việt Nam
24.	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam
25.	Âm nhạc 1	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Văn Minh, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo dục Việt Nam
26.	Âm nhạc 1	Hồ Ngọc Khải (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng.	NXB Giáo dục Việt Nam
27.	Âm nhạc 1	Đặng Châu Anh, Lê Anh Tuấn (đồng Chủ biên) Lương Diệu Ánh, Phùng Ngọc Hà, Hà Thị Thu, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú.	NXB Giáo dục Việt Nam
28.	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thanh Hiên.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố HỒ Chí Minh
29.	Mĩ thuật 1	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị Hiên, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yến Như.	NXB Giáo dục Việt Nam
30.	Mĩ thuật 1	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh.	NXB Giáo dục Việt Nam
31.	Mĩ thuật 1	Đoàn Thị Mỹ Hương (Tổng Chủ biên), Trịnh Đức Minh, Bạch Ngọc Diệp (đồng Chủ biên), Nguyễn Gia Bảy, Nguyễn Quỳnh Nga, Trần Thị Thu Trang.	NXB Giáo dục Việt Nam
32.	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thu.	NXB Giáo dục Việt Nam
33.	Mĩ thuật 1	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Đông (Chủ biên), Phạm Đình Bình, Nguyễn Hải Kiên, Nguyễn Minh Quang.	NXB Đại học Sư phạm
34.	Hoạt động trải nghiệm 1	Đình Thị Kim Thoa (Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Vũ Phương Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang.	NXB Giáo dục Việt Nam

35.	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Ngọc Diệp, Phó Đức Hoà (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	NXB Giáo dục Việt Nam
36.	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
37.	Hoạt động trải nghiệm 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Thẩm.	NXB Giáo dục Việt Nam
38.	Hoạt động trải nghiệm 1	Vũ Quang Tuyên (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Tâm (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà Liên, Lê Phương Trí.	NXB Giáo dục Việt Nam
39.	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục Việt Nam
40.	Tiếng Anh 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang.	NXB Giáo dục Việt Nam
41.	Tiếng Anh 1	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Vân Ánh,	NXB Giáo dục Việt Nam
42.	Tiếng Anh 1	Lưu Thị Kim Nhung (Chủ biên), Đỗ Thị Phi Nga.	NXB Đại học Sư phạm
43.	Tiếng Anh 1	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương, Nguyễn Thụy Uyên Sa, Nguyễn Hoàng Thiên Ý.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
44.	Tiếng Anh 1	Nguyễn Quốc Hùng (Chủ biên), Đỗ Thị Kim Thanh.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
45.	Tiếng Anh 1	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Nguyễn Mạnh Cường.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
46.	Tiếng Anh 1 (Phonics - Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quản Lê Duy.	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục 5
DANH MỤC CÁC SGK LỚP 2 ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng -Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục Việt Nam
2.	Tiếng Việt 2	Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Huyền, Trịnh Cam Ly, Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yến.	NXB Giáo dục Việt Nam
3.	Tiếng Việt 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Hà, Đặng Kim Nga, Trần Mạnh Hương, Nguyễn Thị Tố Ninh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Bích Thủy, Lê Hữu Tĩnh.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4.	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục Việt Nam
5.	Toán 2	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	NXB Giáo dục Việt Nam
6.	Toán 2	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm
7.	Toán 2	Trần Diên Hiền (Chủ biên), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Phạm Thanh Tâm, Nguyễn Thuý Vân.	NXB Đại học Vinh
8.	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo dục Việt Nam
9.	Đạo đức 2	Trần Thanh Bình, Đinh Phương Duy, Phạm Quỳnh (đồng Chủ biên), Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Hà My, Lâm Hồng Lâm Thúy, Nguyễn Huyền Trang, Lê Phương Trí.	NXB Giáo dục Việt Nam

10.	Đạo đức 2	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hương.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
11.	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh.	NXB Giáo dục Việt Nam
12.	Tự nhiên và Xã hội 2	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng.	NXB Giáo dục Việt Nam
13.	Tự nhiên và Xã hội 2	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Phùng Thanh Huyền.	NXB Đại học Sư phạm
14.	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyển, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục Việt Nam
15.	Giáo dục Thể chất 2	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Trần Minh Tuấn.	NXB Giáo dục Việt Nam
16.	Giáo dục Thể chất 2	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Phạm Đông Đức (Chủ biên), Phạm Tràng Kha, Nguyễn Duy Linh.	NXB Đại học Sư phạm
17.	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam
18.	Âm nhạc 2	Hồ Ngọc Khải - Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên) – Đặng Châu Anh (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng, Nguyễn Mai Kiên, Hà Thị Thu, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	NXB Giáo dục Việt Nam
19.	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

20.	Mĩ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam
21.	Mĩ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	NXB Giáo dục Việt Nam
22.	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hải Kiên (Chủ biên), Phạm Đình Bình, Nguyễn Thị Huyền.	NXB Đại học Sư phạm
23.	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục Việt Nam
24.	Hoạt động trải nghiệm 2	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị Yến Ngọc, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Phương Trí.	NXB Giáo dục Việt Nam
25.	Hoạt động trải nghiệm 2	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
26.	Tiếng Anh 2	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn.	NXB Giáo dục Việt Nam

27.	Tiếng Anh 2 (Family and Friends - National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	NXB Giáo dục Việt Nam
28.	Tiếng Anh 2 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung (Chủ biên) và Đỗ Thị Phi Nga.	NXB Đại học Sư phạm
29.	Tiếng Anh 2 (Macmillan Next Move)	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Phùng Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thu Hoài.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
30.	Tiếng Anh 2 (Explore Our World)	Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Đỗ Thị Kim Thành.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
31.	Tiếng Anh 2 (i-Learn Smart Start)	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
32.	Tiếng Anh 2 (Phonics-Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quán Lê Duy.	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
33.	Tiếng Anh 2 (Extra and Friends)	Võ Đại Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục 6
DANH MỤC CÁC SGK LỚP 6 ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1.	Ngữ văn 6 Tập 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Lê Huy Bắc, Phạm Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
	Ngữ văn 6 Tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Văn Lộc, Trần Nho Thìn, Trần Văn Toàn	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
2.	Ngữ văn 6 Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 6 Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng	Giáo dục Việt Nam
3.	Ngữ văn 6 Tập 1	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 6 Tập 2	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phan Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Tiến Thành, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Lê Quang Trường	Giáo dục Việt Nam
4	Toán 6 Tập 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
	Toán 6 Tập 2	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
5.	Toán 6 Tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần	Giáo dục Việt Nam

		Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	
	Toán 6 Tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam
6.	Toán 6 Tập 1	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiến, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu Cẩm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đăng Trí Tín	Giáo dục Việt Nam
	Toán 6 Tập 2	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Hắc Hải, Nguyễn Văn Hiến, Chu Thu Hoàn, Lê Văn Hồng, Đặng Thị Thu Huệ, Ngô Hoàng Long, Dương Bửu Lộc, Trần Luận, Huỳnh Ngọc Thanh, Chu Cẩm Thơ, Phạm Thị Diệu Thùy, Nguyễn Đăng Trí Tín	Giáo dục Việt Nam
7.	Tiếng Anh 6 English Discovery	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Hoàng Thị Minh Lý	Đại học Sư phạm
8.	Tiếng Anh 6 Tập Một	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang	Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Anh 6 Tập Hai	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn	Giáo dục Việt Nam
9.	Tiếng Anh 6 Friends Plus	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Vũ Vạn Xuân	Giáo dục Việt Nam
10.	Tiếng Anh 6 Bloggers-Smart	Lê Hoàng Dũng (Chủ biên), Quản Lê Duy, Lê Tấn Cường, Lâm Như Bảo Trân	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
11.	Tiếng Anh 6 MacMillan Motivate!	Hoàng Tăng Đức (Tổng chủ biên), Cấn Thị Chang Duyên (Chủ biên), Khoa Anh Việt, Trần Kiều Hạnh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

12.	Tiếng Anh 6 Explore English	Nguyễn Thanh Bình (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Xuân Lan, Phạm Nguyễn Huy Hoàng, Đào Xuân Phương Trang, Lê Nguyễn Như Anh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
13.	Tiếng Anh 6 i- Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
14.	Tiếng Anh 6 Right-on!	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
15.	Giáo dục công dân 6	Đinh Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (đồng Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Đào Thị Hà, Lưu Thị Thu Hà, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Bích Hồng, Tiêu Thị Mỹ Hồng, Đỗ Công Nam, Vũ Thị Thanh Nga	Giáo dục Việt Nam
16.	Giáo dục công dân 6	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
17.	Giáo dục công dân 6	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ	Giáo dục Việt Nam
18.	Khoa học tự nhiên 6	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Lê Minh Cẩm, Ngô Ngọc Hoa, Lê Thị Phương Hoa, Phan Thị Thanh Hội, Đỗ Thanh Hữu, Cao Tiến Khoa, Lê Thị Thanh, Nguyễn Đức Trường, Trương Anh Tuấn	Đại học Sư phạm
19.	Khoa học tự nhiên 6	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam
20.	Khoa học tự nhiên 6	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam
21.	Lịch sử và Địa lí 6	Đỗ Thanh Bình, Nguyễn Việt Thịnh (Tổng Chủ biên), Trần Việt Lưu, Nguyễn Văn Ninh,	Đại học Sư phạm

		Đỗ Thị Minh Đức (đồng Chủ biên), Phạm Thị Kim Anh, Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Phùng Tám, Kiều Văn Hoan, Ngô Thị Hải Yến	
22.	Lịch sử và Địa lí 6	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
23.	Lịch sử và Địa lí 6	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Mai Thị Phú Phương, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phạm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung	Giáo dục Việt Nam
24.	Tin học 6	Hồ Sĩ Đàm, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung	Đại học Sư phạm
25.	Tin học 6	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
26.	Công nghệ 6	Nguyễn Tất Thắng (Tổng chủ biên), Trần Thị Lan Hương (Chủ biên), Hoàng Xuân Anh, Nguyễn Thị Thanh Huệ, Bùi Thị Hải Yến	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
27.	Công nghệ 6	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ	Giáo dục Việt Nam
28.	Công nghệ 6	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
29.	Âm nhạc 6	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
30.	Âm nhạc 6	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tô Mai (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Nghiêm Thị Hồng Hà, Trần Vĩnh Khương, Trần Đức Lâm, Phạm Gia Hoàng My, Lương Minh Tân	Giáo dục Việt Nam

31.	Âm nhạc 6	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Nguyễn Quang Nhã	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
32.	Mĩ thuật 6	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Thị Chính, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Dũng Sĩ	Giáo dục Việt Nam
33.	Mĩ thuật 6	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Giáo dục Việt Nam
34.	Mĩ thuật 6	Phạm Văn Tuyền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Hồng Thắm	Đại học Sư phạm
35.	Giáo dục thể chất 6	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Đinh Quang Ngọc (chủ biên), Đinh Khánh Thu, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành	Đại học Sư phạm
36.	Giáo dục thể chất 6	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
37.	Giáo dục thể chất 6	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lâm Thanh Minh, Lê Văn Quan, Phạm Thái Vinh	Giáo dục Việt Nam
38.	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hương, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
39.	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Bùi Thanh Xuân	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

40.	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Luu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Việt Nga, Trần Thị Thu (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn cầu, Dương Thị Thu Hà, Tạ Văn Hai, Nguyễn Thu Hương, Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hồng Thuận, Lê Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam
-----	---------------------------------------	---	-------------------

BÁO CÁO THAM LUẬN
Thực trạng tổ chức triển khai thực hiện đổi mới
Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 1³⁶

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Điều kiện kinh tế-xã hội

Điện Biên là tỉnh miền núi cao, biên giới thuộc vùng Tây Bắc của Tổ quốc, cách thủ đô Hà Nội gần 500km về phía Tây, có đường biên giới giáp nước CHDCND Lào 414,712km, giáp nước CHND Trung Hoa 40,86 km. Tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó có 05 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NĐ-CP và 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo Nghị quyết 30a/2008/NĐ-CP của Chính phủ; trong 129 đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh có 115 xã nông thôn, 29 xã biên giới, 103 xã đặc biệt khó khăn.

Điện Biên có 19 dân tộc với gần gần 60 vạn người. Dân tộc Kinh chiếm 18,4%, dân tộc Mông 38,12%, dân tộc Thái chiếm 35,69% còn lại là các dân tộc khác. Tình hình kinh tế-xã hội của Điện Biên trong những năm qua tiếp tục phát triển, an ninh trật tự an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững và ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7-10%/năm. Cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh ngày càng được quan tâm đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ.

2. Tình hình giáo dục và đào tạo của địa phương

Toàn ngành Giáo dục và Đào tạo Điện Biên hiện có 526 trường, trung tâm với 7.247 lớp và 195.957 học sinh, sinh viên. Trong đó cấp tiểu học có 148 trường tiểu học (23 trường Tiểu học và THCS), 466 điểm trường lẻ với 2.891 lớp; 73.605 học sinh. Riêng khối lớp 1 có 725 lớp với 15.777 học sinh (tỉ lệ 21,76 em/lớp).

Mạng lưới trường, lớp học cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của nhân dân trên địa bàn tỉnh; chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo từng bước được nâng lên. Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm, ủng hộ, tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Nhân dân các dân tộc tin tưởng ở các nhà trường, quan tâm hơn đến quyền lợi và nghĩa vụ học tập của con em; tự giác và tạo điều kiện cho con em đến trường; tích cực tham gia các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát triển cả về số lượng và chất lượng; cơ cấu giáo viên bộ môn được tuyển dụng, sắp xếp đồng bộ hợp lý hơn. Cơ sở vật chất, thiết bị trường học được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng các điều kiện tối thiểu để thực hiện đổi mới nội dung chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, vai trò, vị trí của giáo dục được coi trọng. Các hoạt động ủng hộ về tinh thần, vật chất, sự tham gia của xã hội vào công tác giáo dục ngày càng được đẩy mạnh và

³⁶ Công văn số 245/BC UBND ngày 06/9/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

có hiệu quả.

3. Những thuận lợi, khó khăn trong triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1

a) Thuận lợi

Trong những năm qua, giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời Tỉnh Ủy, HĐND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo; sự phối hợp chặt chẽ của các Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân các dân tộc trên địa bàn về việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong đó có thực hiện Chương trình, sách giáo khoa đối với lớp 1 từ năm học 2020-2021.

Việc hoàn thành chỉ tiêu giáo dục đào tạo trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 thành chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục đã tạo thuận lợi để ngành tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Các chế độ chính sách hỗ trợ học sinh của Nhà nước tiếp tục được thực hiện, cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, tạo thuận lợi trong quá trình huy động và duy trì số lượng học sinh ở cấp tiểu học.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục tích cực, chủ động tham mưu các giải pháp chỉ đạo triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, phù hợp với các đơn vị nhà trường. Đội ngũ cán bộ quản lý, 100% giáo viên dạy lớp 1 năm học 2020-2021 được tham gia các đợt tập huấn Modun 01,02,03 do Chương trình ETEP, GREP tổ chức qua mạng LMS đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Thiết bị dạy học và Sách giáo khoa lớp 1 được cung cấp đầy đủ, đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Khó khăn

Những khó khăn đặc thù của tỉnh miền núi cao, biên giới như: Giao thông đi lại khó khăn, dân cư phân bố không tập trung, đời sống của một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết khắc nghiệt: Mưa lũ đầu năm học và rét đậm, rét hại cuối học kỳ I, đầu học kỳ II... đã ảnh hưởng đến công tác vận động học sinh ra lớp, duy trì học sinh đi học chuyên cần và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

Số học sinh lớp 1 đang học tại các điểm trường lẻ xa trung tâm xã còn hạn chế về môi trường giao tiếp tiếng Việt và ít được tiếp cận với các phương tiện truyền thông. Vẫn còn một số lớp học chưa được xây dựng kiên cố và cung cấp điện lưới quốc gia, ở những điểm trường này giáo viên chưa thể ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy các môn học. Kết quả giáo dục kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt đối với học sinh lớp 1 người dân tộc thiểu số tại một số trường tiểu học vùng đặc biệt khó khăn chưa có sự chuyển biến tích cực. Một số trường tiểu học chỉ đạo và tổ chức dạy học phân loại, dạy học phù hợp với đối tượng, dạy kỹ năng giao tiếp chưa cụ thể hiệu quả chưa cao.

Năm học 2020-2021 tỉnh còn thiếu 105 giáo viên dạy tiếng Anh nên một số huyện chưa bố trí được giáo viên trong biên chế tham gia dạy tiếng Anh tự chọn cho học sinh khối lớp 1. Việc học tiếng dân tộc từ lớp 1 chưa được triển khai theo

tiến độ do Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa hoàn thành việc biên soạn sách giáo khoa tiếng Thái, tiếng Mông (lớp 1).

Tình hình dịch Covid-19 năm học 2020-2021 diễn biến phức tạp đã tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội, trong đó có công tác giáo dục và đào tạo. Học sinh dân tộc vào học lớp 1 vốn tiếng Việt còn nhiều hạn chế, đặc biệt học sinh các trường thuộc vùng khó khăn. Việc hạn chế các hoạt động tập thể, giao lưu tập trung toàn trường trong học kỳ II cũng ảnh hưởng đến khả năng phát triển ngôn ngữ, giao tiếp của học sinh.

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 ĐỐI VỚI LỚP 1

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình, SGK lớp 1

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 về việc thành lập Ban chỉ đạo đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên; Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 phê duyệt Kế hoạch biên soạn, thẩm định và tổ chức thực hiện nội dung Giáo dục địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Công văn số 3281/UBND-KGVX ngày 08/11/2018 về việc triển khai Chương trình GDPT 2018 đối với cấp Tiểu học; Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 phê duyệt Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên; Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 về việc thành lập Ban biên soạn tài liệu giáo dục địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 về việc thành lập Hội đồng thẩm định tài liệu giáo dục địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tỉnh Điện Biên;

Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành các văn bản cụ thể hóa các Nghị quyết, Chỉ thị, Thông tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đến các cơ sở giáo dục trên phạm vi toàn tỉnh (*Quyết định số 2154/QĐ-SGDĐT ngày 10/5/2019 về việc thành lập tổ cốt cán cấp tỉnh thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông; Kế hoạch số 1268/KH-SGDĐT ngày 14/6/2019 về việc truyền thông về chương trình giáo dục phổ thông mới; Kế hoạch số 3291/KH-SGDĐT ngày 20/12/2019 về kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên cấp Tiểu học triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018:*

Quyết định 734/QĐ-SGDĐT ngày 13/2/2019 về thành lập tổ triển khai chương trình sách giáo khoa phổ thông 2018; Công văn số 1806/SGDĐT-GDTH ngày 14/9/2018 về kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Văn bản số 168/SGDĐT-GDTrH ngày 23/01/2019 về việc triển khai Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Công văn số 467/SGDĐT-GDTH ngày 20/3/2020 về việc hướng dẫn các trường có học sinh tiểu học lựa chọn sách giáo khoa năm học 2020-2021; Công văn số 1750/SGDĐT-GDTH ngày 28/8/2020 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 đối với cấp tiểu học; Công văn số 660/SGDĐT-GDTH ngày 01/4/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổng kết triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1 năm học 2020-2021).

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Kế hoạch thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn. Kế hoạch đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được cụ thể hóa trong mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025 của các địa phương. Sở Giáo dục và Đào tạo đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục sát với thực tế; tham mưu đầu tư kinh phí, huy động các nguồn lực hợp pháp xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị bổ sung hàng năm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông 2018.

2. Xây dựng đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình, SGK lớp 1

a) Rà soát, tuyển dụng bổ sung, bố trí sử dụng đội ngũ giáo viên

Thực hiện Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 về việc Phê duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2030; Văn bản số 550/UBND-VXKG ngày 09/3/2018 về việc tổ chức thực hiện tinh giản biên chế ngành giáo dục và đào tạo. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ngành GDĐT rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học theo hướng tăng số học sinh/lớp, tăng số lớp/trường, dồn dịch điểm trường lẻ, sáp nhập các trường, điểm trường có quy mô nhỏ. Trong quá trình thực hiện, Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT, các địa phương đã chủ động trong công tác tham mưu, phối hợp thực hiện rà soát, sắp xếp lại trường, lớp học, qua đó tạo sự ổn định trong tổ chức bộ máy trước và sau khi sáp nhập, tiết kiệm biên chế, tăng hiệu quả đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học. Bố trí đủ đội ngũ giáo viên cho các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021. Tính đến tháng 5 năm 2021, cấp tiểu học toàn tỉnh có 4.313 giáo viên/2.891 lớp (1,49 giáo viên/lớp) trong đó có 121 giáo viên Tin, 211 giáo viên Tiếng Anh, 136 giáo viên âm nhạc, 146 giáo viên Mĩ Thuật, 213 giáo viên thể dục. Các cơ sở giáo dục tiểu học đều ưu tiên bố trí đủ 1,5 giáo viên/lớp đối với khối lớp 1 đảm bảo yêu cầu 100% học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày (32 tiết/tuần).

Thực hiện Văn bản số 1019/RGDĐT-NGCROI.GD ngày 24/3/2020 của Bộ

Giáo dục và Đào tạo về việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 895/UBND-VXKG ngày 31/3/2020, yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo chọn cử giáo viên nhiệt tình, trách nhiệm với công việc, có năng lực chuyên môn, đã được tham gia bồi dưỡng và áp dụng các tiêu chuẩn để dạy lớp 1 năm học 2020-2021. Đồng thời bố trí đủ số lượng giáo viên/lớp theo quy định để dạy lớp 1 (quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập).

b) Đào tạo bồi dưỡng

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 phê duyệt kế hoạch thực hiện lộ trình nâng chuẩn đào tạo giáo viên, mầm non, tiểu học, THCS giai đoạn 2020-2025 nhằm đáp ứng yêu cầu trình độ giáo viên phổ thông của Luật giáo dục 2019.

Trong năm học 2020-2021, đối với cấp tiểu học, ngành Giáo dục và Đào tạo đã cử 50 lượt cán bộ quản lý tham gia bồi dưỡng Mô đun 2 do Dự án GREP (*Học viên quản lý giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức*); cử 146 giáo viên phổ thông cốt cán tham gia Bồi dưỡng Mô đun 2 và Mô đun 3 do Dự án ETEP (*Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên tổ chức*). Chủ động phối hợp với các Nhà xuất bản có sách giáo khoa được các trường lựa chọn sử dụng năm học 2020-2021 tổ chức bồi dưỡng trực tiếp về nội dung sách giáo khoa và phương pháp dạy học các môn học ở lớp 1 cho 171 cán bộ quản lý và 850 giáo viên trực tiếp dạy lớp 1(100%) trước khi triển khai năm học 2020-2021. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tổ chức tập huấn bồi dưỡng thường xuyên trên phần mềm LMS môđun 01,02,03 cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên.

UBND thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên, Tủa Chùa, Mường Nhé, Tuần Giáo đã chỉ đạo ngành giáo dục thực hiện tốt các Hội thảo, xây dựng các chuyên đề về dạy Tiếng Việt và Toán lớp 1 theo định hướng phát huy phẩm chất năng lực học sinh. Các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh tổ chức hiệu quả nội dung sinh hoạt chuyên môn hàng tuần để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của đội ngũ giáo viên trong quá trình thực hiện Chương trình, sách giáo khoa lớp 1, Giáo viên dạy lớp 1 của tỉnh tích cực tự học, tự nghiên cứu bài giảng và tài liệu trực tuyến trên các Website của các Nhà xuất bản.

3. Đầu tư cơ sở vật chất thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 1

a) Cơ sở vật chất

Thực hiện Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025. UBND tỉnh Điện Biên đã chỉ đạo Ngành giáo dục, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư CSVC trường lớp học giai đoạn 2021-2025 đáp ứng cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Năm học 2020-2021 khối lớp 1 có 725 phòng học đảm bảo 01 phòng học/lớp trong đó: số phòng học kiên cố đạt 63,7% (462 phòng), số phòng học bán kiên cố

36,3% (263 phòng), không còn phòng học tạm đối với lớp 1. Cơ sở vật chất phòng học, phòng bộ môn, các công trình phụ trợ tại các trường cơ bản đảm bảo yêu cầu triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 1; đủ 01 phòng/01 lớp để dạy học 2 buổi/ngày, diện tích phòng học đảm bảo yêu cầu tối thiểu 1m²/học sinh. Các phòng học được trang bị bổ sung máy chiếu, tủ đựng thiết bị dạy học, hệ thống chiếu sáng, quạt và góc thư viện. Bàn ghế học sinh trang bị theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

b) Thiết bị dạy học

Chỉ đạo ngành giáo dục tiến hành rà soát số thiết bị dạy học lớp 1 hiện có như "Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt 1, Bộ đồ dùng dạy học Toán 1" tại các cơ sở giáo dục; lựa chọn những thiết bị phù hợp để tiếp tục sử dụng cho những năm học tiếp theo. Năm học 2020-2021 toàn tỉnh đã đầu tư 47 tỷ 115 triệu đồng mua thiết bị dạy học lớp 1, đảm bảo 01 bộ thiết bị tối thiểu/01 lớp theo quy định tại Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài trang thiết bị được cấp, trong năm học các trường tiểu học tiếp tục chỉ đạo giáo viên thường xuyên tự làm thêm các đồ dùng, thiết bị phù hợp để phục vụ trong công tác giảng dạy hàng ngày như bảng âm vần, cây từ vựng tiếng Việt, tiếng Anh...

4. Lựa chọn, tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Tổ chức thực hiện lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 theo Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 20-01-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn lựa chọn Sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 về việc Phê duyệt Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên.

Chỉ đạo ngành giáo dục và Đào tạo triển khai các Quyết định phê duyệt sách giáo khoa lớp 1 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đến các cơ sở giáo dục tiểu học (*Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 512/QĐ-BGDĐT ngày 21/02/2020 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 756/QĐ-BGDĐT ngày 18/3/2020 Phê duyệt bổ sung Danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 180/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 1 môn Tiếng Anh sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông*). Ban hành Văn bản số 467/SGDĐT-GDTH ngày 20/3/2020 về việc hướng dẫn các trường có học sinh tiểu học lựa chọn sách giáo khoa năm học 2020-2021; các Phòng giáo dục đã hướng dẫn các trường thực hiện các bước, hồ sơ có liên quan trong việc thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 năm học 2020-2021.

Kết quả: 100% các trường có lớp tiểu học đã thành lập Hội đồng lựa chọn

sách giáo khoa lớp 1 năm học 2020-2021 và tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 năm học 2020-2021 đảm bảo quy trình theo Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Điện Biên. Các cơ sở giáo dục có học sinh tiểu học đã lựa chọn bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam đối với các môn Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên xã hội, Đạo đức, Mĩ Thuật; Bộ sách Cánh Diều đối với các môn Âm nhạc, giáo dục thể chất, Hoạt động trải nghiệm, môn ngoại ngữ các cơ sở giáo dục chọn Tiếng Anh 1 của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. Công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 được các cơ sở giáo dục thực hiện hoàn thành trước ngày 05/5/2020.

5. Tổ chức dạy học tích hợp tài liệu giáo dục địa phương lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, Văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông.

UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 1184/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch biên soạn, thẩm định và tổ chức thực hiện nội dung Giáo dục địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Chỉ đạo ngành giáo dục triển khai thực hiện kế hoạch biên soạn, thẩm định nội dung Giáo dục địa phương cấp tiểu học đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức biên soạn, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1 đảm bảo kế hoạch thời gian năm học (*Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1 trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018*). Phối hợp với Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm tổ chức tập huấn trực tuyến hướng dẫn sử dụng Tài liệu đến cán bộ quản lý và 100% giáo viên dạy lớp 1; cung cấp thông tin để nhà xuất bản bản cung ứng đủ số lượng Tài liệu giáo dục địa phương đến cơ sở giáo dục phổ thông, đảm bảo học sinh lớp 1 có đủ tài liệu sử dụng từ học kỳ II năm học 2020-2021. Các cơ sở giáo dục có học sinh Tiểu học trên địa bàn tỉnh đã xây dựng kế hoạch và triển khai dạy tích hợp nội dung giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên đối với lớp 1 vào hoạt động trải nghiệm và các môn học khác trong học kỳ 2 năm học 2020-2021 đạt tỷ lệ 100%.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1) Công tác quản lý chỉ đạo: UBND tỉnh ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo ngành giáo dục, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông đảm bảo lộ trình kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tiếp tục được tỉnh đầu tư, mua sắm bổ sung, từng bước đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1. Cấp tiểu học có tổng số 2.973 phòng học, đảm bảo đủ 01 phòng

học/lớp trong đó (số phòng kiên cố đạt 55,03% (1.581 phòng), số phòng bán kiên cố 36,41% (1.046 phòng), số phòng tạm 8,08 % (232 phòng), số phòng mượn 0,49% (14 phòng). Phòng học bộ môn có: 130 phòng Tin học/148 trường (87,83%); 92 phòng ngoại ngữ/148 trường (62,16%); 25 phòng giáo dục thể chất/148 trường (16,89%); 66 phòng Mỹ Thuật/148 trường (44,59%); 67 phòng âm nhạc/148 trường (45,27%) đáp ứng yêu cầu 100% học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày (32 tiết/tuần)

3) Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy lớp 1 của tỉnh được ngành giáo dục lựa chọn đảm bảo chất lượng, tham gia bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giới thiệu sách giáo khoa phương pháp dạy học các môn học ở lớp 1, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối lớp 1; năng lực chuyên môn vững vàng, tích cực đổi mới phương pháp, vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

4) Chất lượng giáo dục học sinh lớp 1 tăng so với năm học trước.

Kết quả đánh giá xếp loại về phẩm chất

TT	Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Yêu nước	9911	63,30	5719	36,60	17	0,11
2	Nhân ái	9534	60,90	6099	38,90	15	0,10
3	Chăm chỉ	8780	56,10	6812	43,50	56	0,36
4	Trung thực	9339	59,70	6291	40,20	18	0,12
5	Trách nhiệm	8716	55,70	6898	44,10	34	0,22

Kết quả đánh giá xếp loại về năng lực

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tự chủ và tự học	7920	50,6	7594	48,5	133	0,9
2	Giao tiếp và hợp tác	7982	51,0	7554	48,3	111	0,7
3	Giải quyết vấn đề, sáng tạo	7659	48,9	7855	50,2	133	0,9
4	Ngôn ngữ	7991	51,1	7535	48,2	121	0,8
5	Tính toán	7876	50,3	7639	48,8	132	0,8
6	Khoa học	7733	49,4	7619	48,7	82	0,5
7	Thẩm mỹ	7907	50,5	7666	49,0	73	0,5
8	Thể chất	8159	52,2	7426	47,5	62	0,4

Chất lượng học sinh môn Toán và Tiếng Việt

TT	Môn	Hoàn thành Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Toán	7060	45,10	8417	53,80	170	1,10
2	Tiếng Việt	6565	42,00	8883	56,80	199	1,30

Tổng số học sinh tham gia đánh giá 15.647 em trong đó: Hoàn thành xuất sắc 3.782(24,17%), Hoàn thành tốt 3.778 (24,14%), Hoàn thành 7880 (50,36%), Chưa hoàn thành 207 (1,32%). Số học sinh khuyết tật không tham gia đánh giá 130 em.

5) Hạn chế, nguyên nhân

Phòng học, phòng học bộ môn xây dựng theo chương trình kiên cố hóa trường lớp học, diện tích chưa đảm bảo yêu cầu quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

Giáo viên có trình độ Đại học trở lên toàn tỉnh mới đạt 61,3% chưa đáp ứng quy định của Luật giáo dục 2019, vẫn còn một bộ phận giáo viên phát âm tiếng Việt chưa chuẩn, kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học theo chủ đề, chủ điểm chưa linh hoạt, hiệu quả một số giờ dạy tiếng Việt lớp 1 chưa cao.

Một bộ phận học sinh lớp 1 học tại các điểm trường lẻ xa trung tâm xã nên công tác quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy các môn học chưa được thường xuyên. Năng lực giao tiếp và hợp tác hạn chế dẫn đến học sinh chưa mạnh dạn tự tin trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.

Một số cơ sở giáo dục vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh việc chỉ đạo và tổ chức dạy học phân loại, dạy học phù hợp với đối tượng, dạy kỹ năng giao tiếp cho học sinh lớp 1 chưa đa dạng, hiệu quả chưa cao.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Quốc hội, Chính phủ

Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội; xây dựng cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số, các xã, huyện vùng đặc biệt khó khăn.

2. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục triển khai tập huấn các Mô đun 4,5,6,7,8,9 theo kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 cho đội ngũ giáo viên cốt cán, đại trà hàng năm. Bổ sung giáo viên cốt cán cho các môn học còn thiếu "Công nghệ, Tin học; Hoạt động trải nghiệm, Tiếng Anh" cho tỉnh .

Trên đây là Báo cáo tham luận "Thực trạng tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1" , UBND tỉnh Điện Biên rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo để Giáo dục Điện Biên tiếp tục phát triển bền vững./.

BÁO CÁO THAM LUẬN
Thực trạng tổ chức triển khai thực hiện đổi mới
Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 1³⁷

1. Quy mô trường lớp và học sinh

- Tổng số trường tiểu học: 786
- Tổng số lớp: 19.918 lớp
- Tổng số học sinh: 788.739
- Tỷ lệ học sinh được học 2 buổi/ngày: 96,65%
- Sĩ số trung bình: 40 học sinh/lớp.

2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 38.067
- Trình độ đào tạo:
 - + Đạt chuẩn: cán bộ, giáo viên 100%.
 - + Trên chuẩn: cán bộ: 99,9%; giáo viên 96,5%; nhân viên: 43,2%.
- Tỷ lệ giáo viên/lớp trung bình: 1,5.

3. Thuận lợi, khó khăn**a. Thuận lợi:**

- Bộ GDĐT luôn quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ trong tất cả các hoạt động chuyên môn, được Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố quan tâm chỉ đạo sát sao và tạo nhiều điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ, tài chính cho ngành trong suốt quá trình hoạt động.

- Việc chỉ đạo công tác xây dựng trường Chuẩn quốc gia, xây dựng trường Chất lượng cao được Hội đồng nhân dân, UBND Thành phố và các quận, huyện, thị xã đặc biệt quan tâm.

b. Khó khăn:

- Việc quy hoạch mạng lưới trường lớp ở một số quận chưa đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Diện tích đất quy hoạch nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Một số đơn vị tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày chưa cao. Một số trường sĩ số học sinh trên lớp quá đông.

³⁷ Công văn số 7895/VP-KGVX ngày 27/7/2021 của UBND thành phố Hà Nội và bản word của Sở GDĐT Hà Nội qua hòm thư điện tử.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, các phòng học, phòng chức năng một số nơi còn thiếu, chưa thực sự đáp ứng được với yêu cầu đổi mới dạy và học.

- Một số trường thiếu giáo viên chuyên biệt (giáo viên Tin học, Ngoại ngữ), tỷ lệ giáo viên chưa đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày.

- Năm học 2020-2021 là năm học đầu tiên ngành Giáo dục triển khai CT GDPT 2018 đối với lớp 1. Đây cũng là năm học toàn ngành Giáo dục thực hiện nhiệm vụ kép với mục tiêu: vừa đảm bảo công tác dạy học vừa tích cực thực hiện các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp.

4. Công tác tham mưu, chỉ đạo

Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của các cấp:

- Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới Chương trình, SGK giáo dục phổ thông;

- Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới Chương trình, SGK giáo dục phổ thông;

- Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới Chương trình, SGK giáo dục phổ thông;

- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới Chương trình, SGK giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 14/2017/TT-BGDĐT ngày 06/6/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình xây dựng, chỉnh sửa chương trình giáo dục phổ thông, tổ chức và hoạt động của hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Thông tư ban hành CT GDPT;

- Công văn số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai CT GDPT 2018;

- Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/04/2019 của Bộ GDĐT về việc Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1;

- Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn việc lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông;

- Quyết định 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019 phê duyệt Danh mục SGK lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông cho các cán bộ quản lý, giáo viên lớp 1 trên địa bàn Thành phố của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;

- Nội dung CT GDPT 2018 và các bộ SGK đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sở GDĐT cũng đã tích cực tham mưu, chỉ đạo các nội dung sau:

- Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 26/11/2019 về triển khai Chương trình GDPT 2018 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 31/12/2019 về tổ chức biên soạn và thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình GDPT trên địa bàn Hà Nội.

- Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 về việc thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT Thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 1515/QĐ-UBND và Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 về thành lập Hội đồng Biên soạn, Hội đồng Thẩm định nội dung Giáo dục địa phương trong Chương trình GDPT trên địa bàn Thành phố.

- Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 về việc quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở GDPT trên địa bàn Thành phố.

- Công văn số 5671/SGDĐT-GDPT ngày 17/12/2019 V/v tổ chức Hội nghị giới thiệu SGK lớp 1 cho cán bộ quản lí, giáo viên;

- Công văn số 1350/SGDĐT-GDPT ngày 4/5/2020 V/v hướng dẫn lựa chọn SGK lớp 1 năm học 2020-2021;

- Công văn số 1855/SGDĐT-GDPT ngày 15/6/2020 V/v hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CT GDPT cấp tiểu học;

- Công văn số 2242/SGDĐT-GDPT ngày 14/7/2020 V/v tập huấn trực tuyến bồi dưỡng giáo viên sử dụng SGK lớp 1 năm học 2020-2021;

- Công văn số 3605/SGDĐT-GDPT ngày 19/10/2020 V/v tăng cường chỉ đạo thực hiện CT GDPT 2018 cấp tiểu học;

- Công văn số 3820/SGDĐT-GDPT ngày 30/10/2020 V/v tổ chức chuyên đề giáo dục tiểu học năm học 2020-2021;

- Công văn số 427/SGDĐT-GDPT ngày 24/11/2020 V/v tổ chức chuyên đề đạo đức, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn cấp tiểu học tiểu học năm học 2020-2021;

- Công văn số 4216/SGDĐT-GDPT ngày 02/12/2020 V/v tập huấn đánh giá học sinh tiểu học;

- Công văn số 4462/SGDĐT-GDPT ngày 18/12/2020 V/v tập huấn xây dựng kế hoạch nhà trường triển khai CT GDPT 2018;

- Công văn số 4461/SGDĐT-GDPT ngày 18/12/2020 V/v tổ chức chuyên đề trường học Hạnh phúc;

- Công văn số 428/SGDĐT-GDPT ngày 05/02/2021 V/v thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch giáo dục lớp 5 học kì II năm học 2020-2021.

5. Giáo dục tiểu học thành phố Hà Nội đã thực hiện tốt việc triển khai CT GDPT năm 2018 từ năm học 2020-2021, cụ thể:

- Công tác lựa chọn SGK của các đơn vị được thực hiện bài bản, đúng quy định. Ngày 21/5/2020 Sở GDĐT báo cáo Bộ GDĐT Công văn số 1558/BC-SGDĐT về kết quả lựa chọn SGK lớp 1 cho năm học 2020-2021. Các nhà trường được chủ động lựa chọn SGK để dạy cho các môn học, đồng thời đã có chủ động sắp xếp, lựa chọn các giáo viên lớp 1 là những giáo viên có khả năng chuyên môn khá giỏi để bồi dưỡng từ năm học trước nên việc tiếp thu phương pháp, nội dung SGK mới đối với giáo viên lớp 1.

- Việc tổ chức, quản lý các lớp tập huấn cho giáo viên dạy lớp 1 năm học 2020-2021 nghiêm túc, 100% giáo viên dạy lớp 1 được tham gia tập huấn. Sở GDĐT đã quan tâm, chỉ đạo thực hiện các chuyên đề, đủ các bộ môn của 5 bộ sách lớp 1 để giáo viên trao đổi, học tập. Công tác bồi dưỡng chuyên môn cấp trường, cấp quận với các khối lớp đặc biệt khối lớp 1 được tổ chức thường xuyên, đạt hiệu quả tốt.

- Các nhà trường thực hiện đúng quy chế chuyên môn, chương trình, kế hoạch năm học, kế hoạch nhà trường. Thời gian đầu triển khai chương trình, SGK mới, giáo viên có những bỡ ngỡ, dư luận cũng có những phản ánh nhiều chiều, song sau đó giáo viên và học sinh đã nhanh chóng bắt nhịp. Đáng chú ý, học sinh tích cực hơn, nhiều em tiến bộ nhanh. Nội dung các bài học trong sách giáo khoa mới đa dạng, ngữ liệu có tranh minh họa giúp giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh dễ nhận biết, hiểu rõ nghĩa, bài tập thực hành. Các em đã bắt nhịp vào môi trường giáo dục mới, chủ động trong việc học; với các phương pháp dạy học linh hoạt, nhiều trò chơi, ngoài SGK, giáo viên sử dụng ngữ liệu gắn liền với cuộc sống nên các em tiếp cận kiến thức nhanh, hào hứng học tập và gần gũi với cô giáo; giờ học trở nên sinh động, sôi nổi. Học sinh được phát triển toàn diện cả về năng lực và phẩm chất.

6. Đánh giá về kết quả của học sinh lớp 1 theo yêu cầu cần đạt của chương trình đối với các môn học, năng lực, phẩm chất; quy định về đánh giá học sinh tiểu học đối với lớp 1:

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc triển khai CT GDPT 2018 đã có những khó khăn. Thời gian đầu HKII của năm học 2019-2020 học sinh phải nghỉ học để phòng chống dịch, tiếp đó đi học bù để kết thúc năm học vào giữa tháng 7/2020, học sinh và giáo viên không có nhiều thời gian để tiếp cận, làm quen, đặc biệt với học sinh lớp 1 lần đầu tiên bước chân vào trường phổ thông để học chữ, nên thời gian đầu giáo viên, học sinh rất vất vả. Nền nếp dạy học sau một thời gian khó khăn đã bước đầu ổn định, tạo được sự chủ động, tự tin trong học tập cho học sinh đối với hầu hết các môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình, SGK mới. Nhờ vậy học sinh lớp 1 năm nay tự tin, tự chủ hơn trong giao tiếp, mặt bằng chất lượng học sinh lớp 1 năm nay được nâng lên so với những năm trước. Các năng lực về ngôn ngữ (đọc - viết Tiếng Việt) và tính toán của các em cũng phát triển nhanh hơn so với lứa

học sinh lớp 1 các năm trước. Hết học kỳ 1, cơ bản học sinh đã có thể đọc trơn, một số em đã đọc thành thạo được văn bản. Sớm biết đọc biết viết đã giúp học sinh có công cụ để học các môn học khác tốt hơn so với cùng thời điểm khi học sinh học lớp 1 của SGK chương trình cũ.

Đáng chú ý, học sinh tích cực hơn, nhiều em tiến bộ nhanh. Nội dung các bài học trong sách giáo khoa mới đa dạng, ngữ liệu có tranh minh họa giúp giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh dễ nhận biết, hiểu rõ nghĩa, bài tập thực hành. Các em đã bắt nhịp vào môi trường giáo dục mới, chủ động trong việc học; với các phương pháp dạy học linh hoạt, nhiều trò chơi, ngoài SGK, giáo viên sử dụng ngữ liệu gắn liền với cuộc sống nên các em tiếp cận kiến thức nhanh, hào hứng học tập và gần gũi với cô giáo; giờ học trở nên sinh động, sôi nổi. Học sinh được phát triển toàn diện cả về năng lực và phẩm chất.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng có một số khó khăn là tốc độ học của chương trình hơi nhanh, sự tiếp thu của các em không đồng đều, đòi hỏi sự tập trung chú ý phải thật là cao, làm theo hướng dẫn của giáo viên thì các bài các em có thể hoàn thành ngay tại lớp. Như môn Tiếng Việt, số lượng chữ cái và từ ngữ trong một bài nhiều hơn và nhanh hơn các chương trình trước đó. Đối với các học sinh ở lớp mẫu giáo chưa thuộc bảng chữ cái và các chữ ghép đôi, cộng với sự tập trung trong lớp chưa cao sẽ gặp khó khăn hơn so với các học sinh đã thuộc bảng chữ cái, do đó cần có sự hỗ trợ, giúp đỡ của các bậc phụ huynh thì các em mới theo kịp chương trình.

Về phẩm chất năng lực: 5 phẩm chất cần đạt: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong đó phẩm chất, nhân ái, yêu nước chưa bộc lộ rõ nét ở học sinh lớp 1 nên giáo viên khó đánh giá được chính xác.

Nhìn chung:

Các trường tiểu học đã xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình lớp 1 phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường; giáo viên dạy lớp 1 đã linh hoạt áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; nền nếp dạy học được ổn định, tạo được sự chủ động, tự tin trong học tập cho học sinh lớp 1 đối với hầu hết các môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình, sách giáo khoa mới. Việc triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa đối với học sinh lớp 1 đã từng bước đạt được những kết quả tốt.

Năm học 2020-2021 là năm học đầu tiên ngành Giáo dục triển khai CT GDPT 2018 đối với lớp 1. Đây cũng là năm học toàn ngành Giáo dục thực hiện nhiệm vụ kép với mục tiêu: vừa đảm bảo công tác dạy học vừa tích cực thực hiện các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhiều buổi tập huấn cho giáo viên theo hình thức trực tuyến có những hạn chế về thao tác và thực hành, việc học sinh đến trường bị gián đoạn, việc chuẩn bị hành trang vào lớp 1 của học sinh cũng bị ảnh hưởng nhiều, thời gian bắt đầu năm học muộn hơn so với những năm học trước dẫn đến nhiều khó khăn cùng dồn dập vào

thời điểm đầu năm học. Một số nơi thiết bị đồ dùng được trang cấp muộn dẫn đến khó khăn, vất vả cho giáo viên và học sinh... Đây cũng là năm học có rất nhiều nội dung tập huấn giáo viên được triển khai. Thời gian tập huấn có nhiều khi trùng với giờ dạy của giáo viên dẫn đến việc khó khăn cho các nhà trường trong việc sắp xếp nhân sự đồng thời cũng tạo thêm những áp lực nhất định cho giáo viên khi cùng lúc phải thực hiện nhiều nhiệm vụ mới. Kiến thức trong sách giáo khoa lớp 1 có những bài hơi nặng với học sinh lớp 1.

7. Đề xuất kiến nghị

- Phiên bản điện tử cần đăng tải sách giáo viên song song với việc đăng tải SGK.
- Nên có kho bài giảng mẫu, tiết dạy mẫu ở mỗi môn để cán bộ quản lí, giáo viên có tài liệu tham khảo.

BÁO CÁO THAM LUẬN
Thực trạng tổ chức triển khai thực hiện đổi mới
Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 1³⁸

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ GIÁO DỤC NGHỆ AN

1. Đặc điểm tình hình

Nghệ An là một tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ có diện tích gần 16.490 km² (trong đó đồi núi chiếm 83%), có 491 km biên giới với nước bạn Lào; dân số 3.327.791 người, trong đó, đồng bào dân tộc chiếm tỷ lệ trên 13%, gồm các dân tộc: Thái, H'Mông, Khơ Mú, Thổ (Đan Lai, Tày Poọng, Lý Hà), Ô Đu,..vv; có hơn 1,3 triệu người sinh sống ở miền núi.

Toàn tỉnh có 21 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 1 thành phố, 3 thị xã và 17 huyện trong đó có 11 huyện miền núi (6 huyện miền núi thấp, 5 huyện miền núi cao); có 460 xã, phường, thị trấn.

Nghệ An có 531 cơ sở giáo dục tiểu học, trong đó 504 trường tiểu học và 27 trường phổ thông có nhiều cấp học, với 956 điểm trường (trong đó 440 điểm trường lẻ). Tổng số lớp: 10.024, tổng số học sinh: 313.319, bình quân 31,2HS/lớp. Trong đó, lớp 1: 2.207 lớp, 66.338 học sinh. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 16.273; trong đó, cán bộ quản lý: 1.273; giáo viên: 13.445, nhân viên: 1.555.

2. Thuận lợi

Bộ GDĐT đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018); Sở GD&ĐT Nghệ An nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Vụ Giáo dục Tiểu học trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học;

Giáo dục Nghệ An được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương luôn chăm lo đến sự nghiệp giáo dục; các cơ quan truyền thông từ Trung ương đến địa phương đóng trên địa bàn tỉnh chủ động phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo kịp thời tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về công tác giáo dục và đào tạo nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trách nhiệm, tâm huyết, sẵn sàng cho việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

3. Khó khăn

Nghệ An là tỉnh có diện tích rộng, nhiều huyện núi cao dân cư phân bố thưa thớt, giao thông đi lại khó khăn, đời sống kinh tế của đa số người dân còn nghèo,

³⁸ Bản word nhận được từ Sở GDĐT tỉnh Nghệ An qua hòm thư điện tử.

mặt bằng dân trí không đồng đều, có sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền, việc triển khai thực hiện CTGDPT2018 khó thống nhất, đồng bộ;

Quy mô trường lớp nhỏ, có nhiều điểm trường lẻ dẫn đến đầu tư kém hiệu quả, lãng phí nguồn lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu so với yêu cầu nhất là đối với các trường thuộc vùng sâu, vùng xa;

Đội ngũ giáo viên thiếu nhiều về số lượng, cơ cấu chưa hợp lý; ở một số địa phương mặc dù còn chỉ tiêu biên chế để tuyển dụng nhưng không có nguồn để tuyển dụng khi Luật giáo dục 2019 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2020;

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhiều hoạt động chuẩn bị cho năm học 2020-2021 bị xáo trộn, gặp nhiều khó khăn; học sinh mẫu giáo 5 tuổi phải nghỉ học nhiều do vậy một bộ phận học sinh thiếu một số kỹ năng cần thiết chuẩn bị vào lớp 1; học sinh vùng dân tộc thiểu số vốn tiếng Việt ít, kỹ năng giao tiếp hạn chế nên việc tiếp thu kiến thức mới gặp nhiều khó khăn.

II. CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA THEO CTGDPT 2018, ĐỐI VỚI LỚP 1 VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo

UBND tỉnh đã ban hành nhiều Quyết định, Kế hoạch, Đề án để triển khai thực hiện CTGDPT 2018 theo lộ trình, như:

Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện CTGDPT 2018 tại tỉnh Nghệ An; Quyết định số 1530/QĐ-UBND-VX ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển giáo dục, năm học 2020-2021; Kế hoạch 429/KH-UBND ngày 9/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện CTGDPT 2018 tại tỉnh Nghệ An; Kế hoạch 305/KH-UBND ngày 3/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình GDMN và GDPT đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 5/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Đề án “Đào tạo bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDPT” trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Về đội ngũ giáo viên

UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh phân bổ biên chế cho các huyện, thành, thị đảm bảo tỷ lệ 1,4 GV/lớp, giao chỉ tiêu biên chế ngay từ đầu năm học thay vì giao đầu năm tài khóa như các năm trước đây.

Các địa phương đã tiến hành tiếp nhận, tuyển dụng hoặc hợp đồng thỉnh giảng để phục vụ cho việc thực hiện Chương trình, SGK lớp 1 theo CTGDPT 2018. Việc bố trí đội ngũ được các địa phương quan tâm, tập trung ưu tiên cho lớp 1, đảm bảo tỷ lệ 1,5 GV/lớp để tổ chức dạy học 32 tiết/tuần.

Sở GD&ĐT đã chủ động phối hợp với Học viện Quản lý Giáo dục bồi dưỡng năng lực cho 531 hiệu trưởng trường tiểu học và lãnh đạo 21 phòng GD&ĐT triển khai CTGDPT 2018; trích ngân sách tỉnh hợp đồng với trường Đại học Vinh tổ chức bồi dưỡng trực tiếp cho tất cả giáo viên dạy lớp 1 năm học 2020-2021; phối hợp các nhà xuất bản tổ chức bồi dưỡng cho 9.685 lượt cán bộ giáo viên cốt cán chuyên môn và giáo viên sử dụng sách giáo khoa lớp 1; 100% giáo viên dạy lớp 1 được tiếp cận, nghiên cứu tài liệu, chương trình và SGK lớp 1 trước khi vào năm học 2020-2021.

3. Về cơ sở vật chất

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch 305/KH-UBND ngày 3/5/2019 về việc thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình GDMN và GDPT đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, theo đó, từ năm 2020 đến năm 2025 đầu tư xây dựng mới 1.254 phòng học, 1.843 phòng chức năng, bổ sung 214 phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật ở cấp tiểu học; mua sắm trang thiết bị dạy học với tổng kinh phí cả giai đoạn là 8.552 tỷ đồng.

Chỉ đạo các địa phương lồng ghép các chương trình: xây dựng nông thôn mới, chương trình 135, kiên cố hóa trường lớp học... để đầu tư cơ sở vật chất thực hiện CTGDPT 2018; cơ bản các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh đảm bảo đủ phòng học để dạy học 2 buổi/ngày. Các phòng học bộ môn được đầu tư xây dựng bổ sung. Ngoài ra, các trường đã xây dựng hệ thống thư viện thân thiện, thư viện mở và thư viện lớp học,... góp phần nâng cao chất lượng dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các phòng GD&ĐT rà soát danh mục thiết bị hiện có, mua sắm bổ sung theo danh mục được Bộ quy định. Nhiều địa phương, cơ sở giáo dục tiểu học đã huy động nguồn tài trợ và các nguồn lực hợp pháp tập trung ưu tiên mua sắm trang thiết bị như tivi thông minh, lắp đặt hệ thống Internet, wifi,... có 330/531 trường, tỷ lệ 62,1% có đủ tivi hoặc máy chiếu để phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục của nhà trường; Lắp đặt thiết bị bên trong 620 phòng học ngoại ngữ cho 531 trường tiểu học.

4. Về sách giáo khoa đối với lớp 1

Thực hiện Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT, ngày 10/4/2020 UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 1106/QĐ-UBND về Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trên cơ sở đó, Sở GD&ĐT đã chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra các cơ sở giáo dục tiểu học tổ chức lựa chọn. Kết quả chọn sách giáo khoa lớp 1 như sau:

Môn Tiếng Việt: Có 399 cơ sở giáo dục tiểu học (tỷ lệ 75,1%) chọn bộ sách “Cánh Diều” của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; có 132 cơ sở giáo dục tiểu học (tỷ lệ 24,9%) chọn từ bộ sách “Vì sự Bình đẳng và Dân chủ trong giáo dục” của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Các môn học và hoạt động giáo dục còn lại có 531 cơ sở giáo dục tiểu học (tỷ lệ 100%) chọn bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

UBND tỉnh đã trích 942 triệu đồng để mua 5.050 bộ sách giáo khoa lớp 1 trang bị cho thư viện các trường tiểu học vùng khó khăn cho học sinh đăng ký mượn. Các nhà xuất bản cung ứng đủ 100% HS có SGK lớp 1 để học tập.

5. Về Tài liệu giáo dục địa phương

Thực hiện hướng dẫn số 3536/ ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT V/v biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021 UBND tỉnh đã triển khai đầy đủ các bước theo quy định về việc biên soạn, thẩm định và triển khai thực hiện chương trình giáo dục địa phương Nghệ An đối với lớp 1, tổ chức triển khai giảng dạy trong các cơ sở giáo dục tiểu học từ học kỳ 2, năm học 2020-2021.

Sau khi Bộ ban hành Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 Quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương, UBND tỉnh Nghệ An đã có văn bản trình Bộ GDĐT thẩm định tài liệu giáo dục địa phương lớp 1 theo quy định.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1

a) Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT chỉ đạo các Phòng GD&ĐT hướng dẫn các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục đối với lớp 1 phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt của CTGDPT 2018. Kế hoạch giáo dục nhà trường đối với lớp 1 được xây dựng với thời lượng 32 tiết/tuần, trong đó 25 tiết dành cho các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; 07 tiết còn lại dành cho việc tổ chức các hoạt động củng cố, hoạt động giáo dục tự chọn và hoạt động giáo dục khác đảm bảo nguyên tắc tự nguyện của phụ huynh và học sinh. Đối với các vùng thuận lợi, tập trung ưu tiên việc dạy học ngoại ngữ, tin học. Năm học 2020-2021, có 100% cơ sở giáo dục tiểu học tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Riêng đối với lớp 1, có 1.759 lớp, đạt tỷ lệ 87% số lớp được học 32 tiết/tuần trở lên với 59.503/65.388 học sinh, đạt tỷ lệ 91,0%. Có 57.345/65.388, đạt tỷ lệ 87,7% học sinh lớp 1 được học ngoại ngữ với thời lượng 2-4 tiết/tuần. Từ học kỳ 2, có 11.500 học sinh lớp 1, chiếm tỷ lệ 16,0% được làm quen với bộ môn Tin học với thời lượng 02 tiết/tuần. Ngoài ra, ở một số cơ sở giáo dục ở vùng thuận lợi đã triển khai hoạt động giáo dục STEM. Đây chính là tiền đề quan trọng để thực hiện dạy học ngoại ngữ, tin học bắt buộc từ lớp 3, năm học 2022-2023

b) Tổ chức dạy học phát triển phẩm chất, năng lực.

Căn cứ TT số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành CTGDPT 2018 đối với các môn học và các văn bản hướng dẫn của Bộ về việc hướng dẫn tổ chức dạy học lớp 1, Sở GD&ĐT chỉ đạo các phòng GD&ĐT hướng dẫn các cơ sở giáo dục tiểu học giao quyền chủ động cho giáo viên trong việc lựa chọn nội dung, sắp xếp thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình các môn học và hoạt động giáo dục đối một cách nhẹ nhàng, hiệu quả. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kỹ thuật dạy học tích cực; phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Chú trọng dạy học cá nhân hóa nhằm hỗ trợ kịp thời những đối tượng học sinh gặp khó khăn trong học tập đồng thời phát hiện, bồi dưỡng và phát triển năng lực phù hợp với từng đối tượng học sinh. Khai thác hiệu quả học liệu điện tử trên ứng dụng classbook, hanhtrangso, sachcanhdiu... của các Nhà xuất bản nhằm góp phần phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Sở chỉ đạo các phòng GD&ĐT thành lập tổ tư vấn nhằm hỗ trợ, tư vấn giúp giáo viên tháo gỡ những khó khăn khi thực hiện CT, SGK lớp 1;

Tăng cường đẩy mạnh đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học theo Công văn 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 (Toàn tỉnh tổ chức 360 tiết dạy thể nghiệm, 92 buổi hội thảo cấp trường, liên trường; 21/21 phòng GD&ĐT tổ chức hội thảo dạy học lớp 1 theo CTGDPT 2018). Sở GD&ĐT đã tổ chức hội thảo dạy học lớp 1 cấp tỉnh với các thành phần tham gia: Đại diện Khoa giáo dục tiểu học - Trường Đại học Vinh, trường Cao đẳng sư phạm Nghệ An, lãnh đạo, chuyên viên các phòng GD&ĐT và CBQL, GVCC lớp 1 của 21 huyện, thành, thị.

c) Thực hiện đánh giá, khen thưởng học sinh.

Sở GD&ĐT đã có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, khen thưởng học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 1. Qua một năm thực hiện song song với việc linh hoạt, chủ động trong việc lựa chọn nội dung, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học các cơ sở giáo dục tiểu học rất quan tâm việc thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh. Các phòng Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học tăng cường việc đánh giá thường xuyên nhằm phát hiện những khó khăn, vướng mắc để hỗ trợ kịp thời, đảm bảo giúp học sinh học đến đâu chắc đến đấy; đồng thời phát hiện, bồi dưỡng phát triển năng lực phù hợp với từng cá nhân học sinh,....

Từ năm học 2019-2020, Sở đã ban hành Công văn số 1751/SGDĐT-GDTrH ngày 23/9/2019 về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Các phòng Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách cho giáo viên.

d) Thực hiện đổi mới quản trị nhà trường.

Sở chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản trị nhà trường; Tổ chức các hoạt động trong nhà trường đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phòng GD&ĐT tổ chức phê duyệt kế hoạch giáo dục nhà trường vào tháng 8/2020; Các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục lớp 1 đảm bảo theo định và đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất năng lực học sinh; Sắp xếp, bố trí ưu tiên đội ngũ giáo viên nắm vững chuyên môn, thành thạo nghiệp vụ, tập huấn đầy đủ nghiêm túc về CT, SGK dạy lớp 1.

IV. NHỮNG ƯU NHƯỢC ĐIỂM VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm

- Công tác chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện CTGDPT2018 được các địa phương triển khai sớm, bắt đầu từ khâu rà soát, sắp xếp, sáp nhập trường có quy mô nhỏ; dồn dịch điểm trường lẻ gần điểm chính, do đó mạng lưới trường lớp ngày càng tinh gọn, hiệu quả trong việc bố trí, sử dụng nguồn lực;

- Đội ngũ giáo viên đã được bổ sung về số lượng, trong tuyển dụng đã chú trọng nhiều đến cơ cấu và chất lượng; công tác bồi dưỡng được thực hiện một cách chủ động, bài bản, nội dung kiến thức bồi dưỡng thiết thực, hiệu quả. Do đó, khi thực hiện chương trình mới giáo viên Nghệ An hoàn toàn chủ động xử lý các vấn đề mới phát sinh, không bỡ ngỡ, lúng túng như nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước;

- Cơ sở vật chất đã được các địa phương quan tâm đầu tư, đa số cơ sở giáo dục tiểu học có đủ phòng học để dạy học 2 buổi/ngày; các trang thiết bị được mua sắm bổ sung, nhất là các thiết bị công nghệ mới đầu tư cho các lớp 1 góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục; việc lựa chọn sách giáo khoa được đồng đảo phụ huynh, học sinh và đội ngũ giáo viên ủng hộ, dư luận xã hội đồng thuận cao; tài liệu địa phương được biên soạn công phu, thẩm định kỹ lưỡng, phát hành kịp thời, là một trong những địa phương sớm nhất đưa vào giảng dạy;

- Chương trình GDPT2018 có nhiều điểm ưu việt so với các chương trình trước đây. Ngoài sách giáo khoa, các học liệu điện tử đi kèm đa dạng, phong phú, dễ khai thác, sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên xây dựng được các bài học hấp dẫn, thu hút, lôi cuốn học sinh; học sinh dễ hiểu, hứng thú hơn với các tiết học, không gây nhàm chán; học sinh được tham gia nhiều hoạt động, trải nghiệm từ đó hình thành được nhiều kỹ năng quan trọng. Kết thúc năm học, học sinh đạt được nhiều kỹ năng vượt trội như: kỹ năng đọc, giao tiếp, tự chủ, tự học, tư duy phản biện; học sinh năng động, tự tin hơn so với chương trình cũ.

2. Nhược điểm

- Mặc dù các địa phương đã chủ động trong việc rà soát, sắp xếp lại trường, điểm trường nhưng đến nay vẫn còn nhiều điểm trường có quy mô nhỏ, còn nhiều điểm trường lẻ dẫn đến đầu tư kém hiệu quả, lãng phí nguồn lực. Việc đầu tư xây

dựng đủ các phòng học, mua sắm trang thiết bị bên trong cho phòng ngoại ngữ, tin học cho tất cả các điểm trường lẻ là rất khó khả thi nếu không thực hiện quyết liệt sắp xếp, dồn dịch điểm trường;

- Đội ngũ giáo viên còn thiếu nhiều, cơ cấu chưa hợp lý. Mặc dù tỉnh đã phân bổ tỷ lệ giáo viên tiểu học đạt 1,4 GV/lớp, nhưng do tổng chỉ tiêu biên chế trong toàn tỉnh của sự nghiệp giáo dục không được Chính phủ tăng, do đó, để tăng tỷ lệ giáo viên tiểu học lên 1,4 buộc phải giảm tỷ lệ giáo viên THCS từ 1,9 xuống còn 1,8. Như vậy trên thực tế chỉ tổng tiêu biên chế, vị trí việc làm của các huyện, thành, thị không tăng hơn năm học trước đáng kể, dù số học sinh tăng thêm bình quân mỗi năm hơn 9.000 (gần 300 lớp). Bên cạnh đó, dù còn chỉ tiêu biên chế để tuyển dụng nhưng kể từ ngày 01/7/2020, khi Luật giáo dục có hiệu lực, trình độ đào tạo chuẩn của giáo viên tiểu học được nâng cao hơn, từ Trung cấp thành Cử nhân. Trong khi, các trường đại học chưa đào tạo kịp nguồn nhân lực có trình độ Cử nhân tiểu học, vì vậy các địa phương không có nguồn để tuyển, nhất là giáo viên chuyên ngành ngoại ngữ, tin học. Một số địa phương có tỷ lệ giáo viên cao, đủ về số lượng nhưng do cơ cấu môn học theo chương trình mới thay đổi dẫn đến giáo viên cơ bản thừa, giáo viên ngoại ngữ, tin học thiếu nhưng không còn chỉ tiêu để tuyển.

- Các trường ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn không thể tổ chức dạy học đủ 32 tiết/tuần do không đủ giáo viên. Học sinh miền núi tiếp tục chịu nhiều thiệt thòi khi chỉ được học ít số tiết hơn học sinh các huyện miền xuôi.

- Chương trình mới có nhiều điểm ưu việt nhưng bên cạnh đó cũng còn một số điểm bất cập làm cho một bộ phận phụ huynh, học sinh dư luận xã hội còn băn khoăn, lo lắng; giá sách giáo khoa còn cao ảnh hưởng đến một bộ phận gia đình học sinh có hoàn cảnh khó khăn thu nhập thấp.

3. Bài học kinh nghiệm

3.1. Nắm vững các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, các văn bản chỉ đạo của các bộ, ngành, đặc biệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công tác chuẩn bị cho việc thực hiện CTGDPT2018 phải được triển khai kịp thời, đồng bộ; cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp phải tích cực, chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách linh hoạt, sáng tạo.

3.2. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng: Công thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống phát thanh, truyền hình trong tỉnh, các đài báo, mạng xã hội nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

3.3. Chỉ đạo các sở, ngành phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục chuẩn bị kỹ lưỡng các điều kiện đảm bảo như đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới của chương trình, sách giáo khoa, đổi mới của phương pháp dạy học...

3.4. Chỉ đạo các địa phương, đơn vị đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực hợp pháp; thúc đẩy cộng đồng tham gia vào quá trình giáo dục tại địa phương, tạo điều kiện tốt nhất để ngành giáo dục hoàn thành nhiệm vụ.

3.5. Đổi mới sinh hoạt chuyên môn nhằm chia sẻ kinh nghiệm về công tác quản trị nhà trường, xây dựng kế hoạch giáo dục, sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường công tác kiểm tra tư vấn hỗ trợ các cơ sở giáo dục kịp thời ngay từ đầu năm học nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc phát sinh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Chính phủ

- Có các giải pháp hữu hiệu, kịp thời khắc phục tình trạng thiếu giáo viên hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện đổi mới CTGDPT 2018.

- Ưu tiên bố trí ngân sách để mua sắm thiết bị dạy học, nhất là thiết bị ngoại ngữ, tin học cho các cơ sở giáo dục vùng sâu, xa, đặc biệt khó khăn bảo đảm thực hiện thành công CTGDPT 2018.

2. Đối với Bộ GDĐT:

- Chỉ đạo các trường sư phạm tích cực đổi mới công tác đào tạo; tăng cường liên kết phối hợp với các cơ sở giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng nhà giáo.

- Chủ động xây dựng các kịch bản thực hiện chương trình giáo dục năm học trong điều kiện vừa học vừa chống dịch Covid-19 khi chúng ta chưa kịp tiêm đủ vắc xin phòng dịch.

Trên đây là nội dung tham luận "*Thực trạng tổ chức triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018, đối với lớp 1 tại Nghệ An*" của UBND tỉnh Nghệ An, kính mong được sự góp ý, trao đổi của Quý vị đại biểu, của Hội nghị.

Xin trân trọng cảm ơn!

BÁO CÁO THAM LUẬN
Thực trạng tổ chức triển khai thực hiện đổi mới
Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 1³⁹

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Đắk Lắk là một tỉnh nằm ở vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên khoảng 13 ngàn km², dân số khoảng 1,9 triệu người; tỉnh có 15 đơn vị hành chính cấp huyện (13 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố) với 184 xã, phường, thị trấn; có 49 dân tộc anh em sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm khoảng 30% dân số toàn tỉnh.

Toàn tỉnh có 396 trường tiểu học, 6.912 lớp, 189.825 học sinh (năm học 2020-2021); trong đó: 391 trường công lập với 6.738 lớp, 184.337 học sinh; 05 trường tư thục với 174 lớp, 5.488 học sinh; có 1.501 lớp lớp 1 với 40.648 học sinh. Hiện có 42 DTTS có con em đang học cấp tiểu học. Tổng số phòng học kiên cố 2.182 phòng; bán kiên cố 3.843; tạm, mượn: 135 (trường công lập: tổng số phòng học kiên cố: 2.001, tổng số phòng bán kiên cố: 3.843, tạm, mượn: 135; ngoài công lập: tổng số phòng học kiên cố: 181); tỉ lệ phòng học/lớp đạt 0,9.

Cấp tiểu học có 12.814 người, trong đó có 10.305 giáo viên, 908 cán bộ quản lý, 1.601 nhân viên; 62,6% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo; có 34 cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ, tỉ lệ 3,4%. Toàn tỉnh đạt tỉ lệ 1,49 giáo viên/lớp bao gồm giáo viên biên chế và hợp đồng làm việc có xác định thời hạn (trong đó giáo viên biên chế trường công lập đạt tỉ lệ 1,40).

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 ĐỐI VỚI LỚP 1

Năm học 2020-2021 là năm đầu tiên tỉnh Đắk Lắk, ngành giáo dục và đào tạo tỉnh triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018 đối với lớp 1 theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Công tác chỉ đạo

UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện CTGDPT 2018, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2019-2025; tổ chức Hội nghị triển khai CTGDPT 2018 với sự tham gia của lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, lãnh đạo các sở, ngành, địa phương, các phòng ban chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Trưởng phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố và hiệu trưởng các trường tiểu học.

³⁹ Bản word nhận được từ Sở GDĐT tỉnh Đắk Lắk qua hòm thư điện tử.

Chỉ đạo UBND huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện, tổ chức hội nghị triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện CTGDPT 2018 theo lộ trình. Chỉ đạo Sở GDĐT, các địa phương rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới trường lớp; xác định nhu cầu đầu tư, mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để thực hiện CTGDPT 2018. Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương có liên quan đánh giá, rà soát thực trạng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, giải quyết vấn đề thừa, thiếu cục bộ giáo viên trong các cơ sở giáo dục. Ban hành các văn bản chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố có phương án tuyển dụng giáo viên hợp lý; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học theo CTGDPT 2018.

Ban hành các văn bản chỉ đạo ngành GDĐT và các địa phương những vấn đề liên quan đến thực hiện đổi mới CTGDPT 2018 như việc thực hiện CTGDPT 2018, bố trí ngân sách của địa phương để tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học, bồi dưỡng đội ngũ... Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương, quan điểm, nội dung, lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa đến toàn thể cán bộ ngành Giáo dục, phụ huynh học sinh và Nhân dân địa phương để tạo sự tin tưởng, đồng thuận, đồng thời phát huy hiệu quả đóng góp của xã hội trong thực hiện đổi mới giáo dục.

2. Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1

Ngành GDĐT tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1 từ năm học 2020-2021 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện chương trình đối với lớp 2 từ năm học 2021-2022 và các lớp học tiếp theo, cụ thể:

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế trên cơ sở bảo đảm mục tiêu, nội dung đáp ứng yêu cầu cần đạt theo CTGDPT 2018.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; ưu tiên bố trí phòng học, giáo viên cho lớp 1 đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày.

- Năm học 2020-2021, toàn tỉnh có 1.501 lớp 1 với 40.648 học sinh được triển khai thực hiện dạy học như sau: Dạy học 7 buổi /tuần: có 3 trường với 12 lớp, 320 học sinh; Dạy học 2 buổi/ngày: 393 trường với 1.489 lớp, 40.328 học sinh; Dạy học tiếng Anh tự chọn lớp 1: 240 trường với 720 lớp, 21.600 học sinh.

Ngoài ra đối với các trường dạy học 2 buổi/ngày ở vùng thuận lợi còn tổ chức các hoạt động *hoạt động giáo dục kỹ năng sống*, câu lạc bộ sau thời gian học chính khóa trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích, hứng thú của học sinh trong khoảng thời gian sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà.

3. Triển khai lựa chọn, sử dụng sách giáo khoa lớp 1 theo CTGDPT 2018

Thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông, UBND

tỉnh đã ban hành Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, các trường đã nghiên cứu 05 bộ sách giáo khoa (bản giấy) và thông qua giới thiệu trực tiếp, trực tuyến, trang thông tin điện tử của các Nhà xuất bản để nghiên cứu, tìm hiểu thêm. Các trường đã tổ chức lựa chọn sách giáo khoa, công bố Danh mục sách giáo khoa lớp 1 năm học 2020-2021 đảm bảo đúng thời gian, đúng quy định.

Kết quả toàn tỉnh có 05/5 bộ sách được chọn sử dụng dạy học lớp 1 năm học 2020-2021, gồm: Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống: 53,5%; Bộ Chân trời sáng tạo: 19,6%; Bộ Cánh diều: 14,5%; Bộ Cùng học để phát triển năng lực: 5,3%; Bộ Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục: 7,1%.

Ngoài ra, tỉnh đã huy động các Nhà xuất bản, công ty sách, các tổ chức trên địa bàn tặng 769 Bộ sách giáo khoa lớp 1 cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Năm học 2020-2021, toàn tỉnh có 100% học sinh có đầy đủ sách giáo khoa để học.

Đối với tài liệu dạy học giáo dục địa phương:

Ngành GDĐT tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban biên soạn và Hội đồng thẩm định tài liệu giáo dục địa phương; xây dựng khung Chương trình; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức biên soạn và thẩm định tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, tham mưu UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình Bộ GDĐT và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Quyết định số 2440/QĐ-BGDĐT ngày 20/7/2021 về việc phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Đắk Lắk.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Kết quả triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 1

Sau 1 năm triển khai CTGDPT 2018, chất lượng dạy học lớp 1 các trường tiểu học đã có nhiều chuyển biến tích cực: So với năm học trước thời gian để học sinh có thể đọc trơn văn bản rút ngắn hơn; đến cuối học kì 1 học sinh lớp 1 có thể đọc thông, viết thạo khoảng 78%; đến giữa học kì 2, học sinh đã đọc, viết, tính toán tốt; tự chủ, tự tin hơn trong giao tiếp và tích cực tham gia hoạt động giáo dục cùng thầy cô; đa số các em đã giải quyết được các yêu cầu cần đạt đối với các môn học, năng lực, phẩm chất; những học sinh học tốt có thể nói sáng tạo dựa theo tranh, kể lại được câu chuyện gãy gọn đầy đủ tình tiết, biết nhận xét và cảm nhận được hành động, lời nói của nhân vật, biết đưa ra lời khuyên cho mình, cho bạn.

Kết quả lớp 1 năm học 2020-2021: Hoàn thành xuất sắc 29%, hoàn thành tốt 17,2%, hoàn thành 46,8%, (tăng 0,5% so với năm trước), chưa hoàn thành 7%; học sinh DTTS 18.160 em, trong đó hoàn thành xuất sắc 15.6%, hoàn thành tốt 14,1%, Hoàn thành 58.9%, Chưa hoàn thành 11.4% (giảm 1,1% so với năm trước) .

2. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm

2.1. Ưu điểm

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo Sở GDĐT triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học 2020-2021; hướng dẫn và giao quyền cho các đơn vị trường tiểu học tự chủ trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, đảm bảo nội dung chương trình dạy học theo quy định. Thành lập đoàn tổ chức kiểm tra các huyện, thị xã, thành phố, các cơ sở giáo dục tiểu học về việc triển khai, thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1.

Nhìn chung các giáo viên đã chủ động xây dựng kế hoạch dạy học và phân bổ các tiết dạy phù hợp với đối tượng học sinh, tích cực, chủ động ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm, điều chỉnh ngữ liệu phù hợp dạy học...; linh động đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp với đối tượng học sinh nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của các em và giúp các em phát triển năng lực, phẩm chất. Cán bộ quản lý, giáo viên phần lớn nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong việc triển khai, thực hiện CTGDPT 2018.

2.2. *Tồn tại, hạn chế*

Qua triển khai, theo dõi việc triển khai CTGDPT 2018 còn một số tồn tại hạn chế như sau:

- Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,49, giáo viên thừa thiếu cục bộ chưa đảm bảo về cơ cấu và số lượng giữa các trường và các vùng; tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên ở một số địa phương, đơn vị vẫn chưa được giải quyết triệt để, một số địa phương còn gặp khó khăn trong việc tuyển dụng, bố trí giáo viên các môn Tiếng Anh, Tin học, Tiếng Dân tộc thiểu số.... Trang thiết bị dạy học chưa đủ để đáp ứng CTGDPT 2018.

- Còn một số giáo viên chưa nghiên cứu kỹ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên chưa mạnh dạn trong việc điều chỉnh kế hoạch, nội dung dạy học phù hợp với đối tượng học sinh tại đơn vị. Một số giáo viên sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học còn chưa phù hợp với đối tượng học sinh, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên còn hạn chế.

- Việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, xây dựng bài dạy minh họa, tổ chức dạy học minh họa và dự giờ, phân tích bài học, vận dụng kết quả sinh hoạt chuyên môn vào bài học hàng ngày hiệu quả chưa cao.

- Học sinh dân tộc thiểu số nhiều, hoàn cảnh gia đình còn khó khăn, việc phối hợp nâng cao chất lượng giáo dục cũng như thực hiện xã hội hóa giáo dục còn hạn chế.

2.3. *Bài học kinh nghiệm*

Để triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1 hiệu quả trong thời gian tới, tỉnh Đắk Lắk đưa ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Chỉ đạo các đơn vị trường học tuyên truyền, quán triệt, nghiên cứu kỹ CTGDPT 2018, mạnh dạn đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học và điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp với đối tượng học sinh tại trường. Thực hiện tốt công tác sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, rút kinh nghiệm kịp thời đối với những nội dung còn vướng mắc áp dụng giảng dạy thực tế nâng cao chất lượng dạy học.

- Khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, tăng cường làm và sử dụng đồ dùng dạy học hỗ trợ hoạt động giảng dạy trên lớp. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh, theo sát sự tiến bộ của học sinh để nhận được sự hỗ trợ hợp tác tốt nhất của phụ huynh đối với việc học tập của con em mình.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI VÀ CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Phương hướng trong thời gian tới:

- Tiếp tục chỉ đạo UBND cấp huyện đẩy mạnh công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên, trong đó bố trí đủ tỉ lệ 1,5 giáo viên tiểu học/lớp để thực hiện CTGDPT 2018; rà soát đội ngũ giáo viên toàn ngành để có các giải pháp sắp xếp, điều động giáo viên từ trường thừa sang trường thiếu; vận động giáo viên các môn còn thừa tham gia học Văn bằng 2 để dạy các môn còn thiếu; tham mưu bố trí đủ định mức giáo viên trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt quan tâm bố trí giáo viên dạy Tiếng Anh, Tin học thực hiện đổi mới Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học. Tạo mọi điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên học tập nâng tỷ lệ đạt chuẩn theo lộ trình.

- Huy động các nguồn kinh phí để xây dựng đủ cơ sở vật chất đảm bảo 1 phòng/lớp để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Mua sắm thiết bị dạy học đáp ứng CTGDPT 2018.

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ và Nhân dân trên địa bàn hiểu rõ để cùng với ngành thực hiện tốt CTGDPT 2018 cho các năm học tiếp theo.

2. Đề xuất, kiến nghị

Để thực hiện tốt CTGDPT 2018 cho lớp 1 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm, có ý kiến với các đơn vị liên quan để xem xét một số đề nghị của tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

- Tiếp tục quan tâm đến tỉnh Đắk Lắk để được thụ hưởng các Chương trình, Dự án, Đề án của Chính phủ, các Bộ ngành nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Bổ sung số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục, giao biên chế, bố trí đủ định mức về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm quy định theo đúng định mức quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập để đảm bảo thực hiện CTGDPT 2018.

- Tiếp tục quan tâm, tổ chức tập huấn các modul tiếp theo kịp thời cho cán bộ quản lý và giáo viên. Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông hàng năm sớm hơn để cơ sở có thời gian nghiên cứu.

BÁO CÁO THAM LUẬN
Thực trạng tổ chức triển khai thực hiện đổi mới
Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 1⁴⁰

Năm học 2020-2021, là năm đầu tiên ngành GDĐT Kiên Giang cùng các tỉnh, thành khác trong cả nước triển khai Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT trong điều kiện toàn ngành giáo dục: Vừa triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1 đạt hiệu quả, vừa thực hiện các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp và tăng cường các hình thức dạy học phù hợp theo tình hình thực tế địa phương tỉnh Kiên Giang.

Đối với Kiên Giang là tỉnh ở phía Tây Nam tổ quốc, diện tích tự nhiên 6.348,53km², dân số khoảng 1.923.067 người, một trong những tỉnh có diện tích rộng và đông dân cư của khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long; Địa hình nhiều sông ngòi, đảo nhỏ chia cắt, dân cư sống không tập trung, đa số sống theo phong tục tập quán địa phương nên các em lứa tuổi tiểu học thường nhút nhát, thiếu tự tin, thụ động trong học tập cũng như các hoạt động khác.

1. Thực trạng việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

1.1. Công tác chuẩn bị và tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai CTGDPT 2018

Để chuẩn bị triển khai CTGDPT 2018, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thành phố sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập theo hướng tăng quy mô, giảm điểm lẻ, giảm đầu mối trung gian và biên chế gián tiếp theo Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành TW Khóa XII. Đầu năm học 2020 -2021, toàn tỉnh có 268 trường tiểu học và 54 trường TH&THCS, 470 điểm trường lẻ (so năm học 2019-2020 giảm 13 trường tiểu học và 113 điểm lẻ) với 5.539 lớp học trong đó có 55 lớp ghép; có 162.842 học sinh trong đó 106.789 học sinh học 2 buổi/ngày (65,57%). Trường đạt chuẩn quốc gia 135 trường (50,37%).

Đối với lớp 1: Có 1.193 lớp/33.864 học sinh. Tổng số trường có học sinh lớp 1 được tổ chức dạy học 9-10 buổi/tuần (2 buổi/ ngày): 259 trường, tỉ lệ: 96,65%. Tổng số trường có lớp 1 dạy học 6-8 buổi/tuần: 9 trường, tỉ lệ: 3,35% (đa số lớp 1 này học ở các điểm lẻ, phương hướng tới kế hoạch trường sẽ xóa các điểm này)

Từ năm 2015 đến năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành 3 quyết định thành lập Ban chỉ đạo đổi mới CTGDPT gồm: Quyết định số 1765/QĐ-UBND, ngày 20/8/2015; Quyết định số 853/QĐ-UBND, ngày 10/4/2019; Quyết định 2960/QĐ-

⁴⁰ Công văn số 5588/VP-KGVX ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

UBND, ngày 17/12/2019 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ giúp việc đổi mới giáo dục trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Phân công nhiệm vụ từng thành viên trong Ban chỉ đạo và tổ giúp việc đổi mới giáo dục trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 13/12/2019 về đào tạo, bồi dưỡng GV cơ sở GDPT thực hiện chương trình, sách giáo khoa GDPT mới; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 13/02/2020 về triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa GDPT; Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 08/8/2019 về biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung GDĐP; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 19/4/2021 về tổ chức thực hiện nội dung GDĐP trong CTGDPT thay thế Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 08/8/2019.

Bên cạnh đó Sở GDĐT có nhiều văn bản triển khai tổ chức thực hiện CTGDPT 2018 trên địa bàn tỉnh; Các phòng GDĐT cũng tham mưu UBND các huyện, thành phố ban hành kế hoạch, công văn chỉ đạo, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện đổi mới Chương trình, sách giáo khoa GDPT phù hợp với từng địa phương.

Căn cứ Công văn số 3866/BGDĐT-GDTH ngày 28/06/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn chuẩn bị dạy học đối với lớp 1 năm học 2020-2021; Sở GDĐT ban hành Công văn số 1768/SGDĐT-GDTH ngày 23/9/2019 chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn rà soát đội ngũ giáo viên, lựa chọn phân công giáo viên dạy lớp 1 chuẩn bị cho việc triển khai Chương trình và sách giáo khoa GDPT 2018, rà soát cơ sở vật chất, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, chuẩn bị triển khai hệ thống đào tạo, bồi dưỡng giáo viên qua mạng trực tuyến LMS. Sở GDĐT ban hành Công văn số 908/SGDĐT-GDTH ngày 31/5/2019 chỉ đạo các trường rà soát lại những thiết bị dạy học lớp 1; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có, xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học lớp 1 theo Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT để thực hiện CTGDPT bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

1.2. Về thực trạng đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 1

Năm học 2020-2021, Kiên Giang có 1.193 lớp 1 và 1.789 giáo viên dạy lớp 1, đạt 1,5 giáo viên/lớp. Nhìn chung, số giáo viên dạy lớp 1 bố trí đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, về cơ cấu đội ngũ giáo viên giảng dạy cho những năm sau thì vẫn còn tình trạng thừa thiếu cục bộ (thừa giáo viên theo biên chế nhưng lại thiếu giáo viên các môn đặc thù, các môn giáo dục nghệ thuật) nhất là giáo viên dạy môn Ngoại ngữ và Tin học để giảng dạy ở năm học 2022-2023 đối với lớp 3 là môn học bắt buộc trong CTGDPT 2018.

Thực hiện Công văn số 3587/BGDĐT-GDTrH ngày 20/8/2019 của Bộ GDĐT về việc lựa chọn và tổ chức tập huấn giáo viên cốt cán, CBQL cơ sở GDPT cốt cán; Sở GDĐT đã lựa chọn cử 329 giáo viên cốt cán, bồi dưỡng mô đun 1 vào năm 2019 và 322 giáo viên cốt cán bồi dưỡng tiếp tục mô đun 2, 3 năm 2020. Kết quả có 309 giáo viên cốt cán đạt mô đun 1 và 303 giáo viên cốt cán đạt mô đun 2, 3. Căn cứ Kế hoạch số 167/KH-

UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh, Sở GDĐT phối hợp Viettel Kiên Giang xây dựng tài khoản bồi dưỡng trực tuyến cho giáo viên đại trà trên hệ thống LMS trong đó ưu tiên giáo viên dạy lớp 1, đến ngày 31/5/2020 giáo viên hoàn thành việc bồi dưỡng trên hệ thống LMS; đồng thời phối hợp Trường ĐHSPTp.Hồ Chí Minh tổ chức bồi dưỡng trực tiếp cho giáo viên lớp 1 và CBQL cấp tiểu học trong năm 2020 với 55 lớp; 3.288 giáo viên tham dự. Nguồn kinh phí bồi dưỡng, các phòng GDĐT hợp đồng với nhà mạng, cơ sở đào tạo, trường ĐHSPTp.Hồ Chí Minh sử dụng kinh phí từ nguồn đào tạo, bồi dưỡng, sự nghiệp giáo dục các huyện, thành phố được cấp hàng năm. Kết quả 100% giáo viên lớp 1, CBQL đã hoàn thành Mô đun 1 về Hướng dẫn thực hiện CTGDPT 2018.

1.3. Thực trạng về cơ sở vật chất, phòng học thực hiện CTGDPT 2018

Đầu năm học 2020-2021, tỉnh Kiên Giang có 268 trường tiểu học, 54 trường TH&THCS, có 1.193 lớp 1; tỉ lệ phòng học đạt 0,96 phòng/lớp; Số học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày đạt 96,3%; còn thiếu khoảng 25 phòng học cho lớp 1 để học 2 buổi/ngày (tập trung ở các huyện An Minh, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng, Tân Hiệp, Tp.Rạch Giá, Tp.Phú Quốc).

Đa số các trường còn thiếu rất nhiều phòng chức năng theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Phòng học tạm còn 69 phòng, phòng học mượn còn 7 phòng, các phòng chức năng do nguồn kinh phí đầu tư chưa kịp nên đa số các trường sắp xếp từ các phòng hiệu bộ trước đây để làm phòng chức năng; phòng làm việc được chia thành nhiều phòng nhỏ cho các nhân viên văn phòng trường hoạt động.

1.4. Về thiết bị dạy học thực hiện Chương trình GDPT đối với lớp 1

Đề trang bị thiết bị dạy học theo Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT, UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí cho Sở GDĐT mua sắm 1.253 bộ thiết bị dùng chung cho lớp 1, số tiền 25.141.380.000đ để giảng dạy và đã phân bổ cho các huyện, thành phố kịp thời đưa vào sử dụng trong năm học 2020-2021. Bên cạnh đó UBND các huyện, thành phố cũng đã cấp kinh phí bổ sung cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học để triển khai thực hiện chương trình, SGK lớp 1. Tổng số thiết bị mua sắm trang bị lớp 1 trong năm: 1.832 thiết bị với tổng kinh phí 32.550 triệu đồng. Tuy nhiên thiết bị chỉ đáp ứng 85% nhu cầu dạy học, hiện nay vẫn còn nhiều lớp 1 chưa trang bị đầy đủ nhất là những điểm trường lẻ, các vùng sâu còn khó khăn trong việc quản lý, bảo quản.

1.5. Việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 theo Thông tư số 01/2020/TT BGDĐT

Sau khi Bộ GDĐT phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, Sở GDĐT đã phối hợp với các Nhà xuất bản (NXB) tổ chức 5 cuộc Hội thảo về sách giáo khoa lớp 1 với tổng số người tham gia 914 người. Trong đó có 38 lượt lãnh đạo Sở GDĐT, phòng GDĐT; 842 lượt hiệu trưởng và giáo viên các trường tiểu học đã tham dự. Ngoài các hội thảo, Sở GDĐT còn tổ chức các hội nghị chuyên môn trao đổi tìm hiểu về sách giáo khoa lớp 1, Sở GDĐT ban hành nhiều văn bản hướng dẫn để các nhà

trường thực hiện đúng quy định pháp luật và chọn được bộ sách giáo khoa phù hợp địa phương cho học sinh học tập kịp tiến độ đầu năm học 2020-2021.

Các trường tiểu học đã thành lập hội đồng lựa chọn sách giáo khoa, thực hiện quy trình lựa chọn sách giáo khoa đúng theo Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT. Hiệu trưởng ban hành quyết định danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong năm học 2020-2021 tại cơ sở giáo dục được niêm yết tại nhà trường và công bố cho cha mẹ học sinh biết trước 4 tháng khi năm học mới bắt đầu. Kết quả có 266 trường tiểu học chọn bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống”; 60 trường chọn bộ sách giáo khoa “Cánh Diều”; 1 trường chọn bộ sách giáo khoa “Chân trời sáng tạo” và 1 trường chọn bộ sách giáo khoa “Vì sự Bình đẳng và Dân chủ trong giáo dục”.

1.6. Biên soạn tài liệu giáo dục địa phương (GDĐP) lớp 1 và dạy học tích hợp nội dung GDĐP vào môn học, hoạt động trải nghiệm

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, Công văn 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT, UBND tỉnh ban hành kế hoạch biên soạn tài liệu GDĐP tỉnh Kiên Giang lớp 1; ban hành Quyết định 2592/QĐ-UBND ngày 07/11/2019 thành lập Ban Biên soạn tài liệu GDĐP cấp tiểu học; Theo kế hoạch, Sở GDĐT phối hợp với NXB Giáo dục tại Tp.Cần Thơ tổ chức biên soạn và hoàn chỉnh tài liệu GDĐP lớp 1 vào tháng 05/2020. UBND ban hành Quyết định thành lập hội đồng thẩm định tài liệu GDĐP và phê duyệt tài liệu GDĐP, cho phép xuất bản đưa vào giảng dạy vào đầu năm học 2020-2021.

Tuy nhiên công tác biên soạn, thẩm định tài liệu còn mới, không dự báo các nội dung phát sinh trong quá trình thực hiện. Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT về việc Quy định việc thẩm định tài liệu GDĐP sau khi UBND tỉnh ban hành kế hoạch biên soạn tài liệu GDĐP. Từ đó, Sở GDĐT tiếp tục tham mưu UBND tỉnh thay thế và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với việc tổ chức thẩm định tài liệu GDĐP theo hướng dẫn Thông tư của Bộ GDĐT quy định.

Nội dung GDĐP tích hợp với hoạt động trải nghiệm là nội dung mới được quy định trong CTGDPT 2018 nhiều giáo viên tiểu học tiếp cận còn bỡ ngỡ, lúng túng. Các điều kiện để tổ chức hoạt động trải nghiệm và dạy học GDĐP theo chủ đề chưa đảm bảo, còn thiếu thôn cơ sở vật chất, trang thiết bị... ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

2. Kết quả 01 năm thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1

2.1. Việc xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học lớp 1 theo chương trình, sách giáo khoa GDPT 2018

Bước đầu các trường đã xây dựng, tổ chức kế hoạch giáo dục nhà trường và thời khóa biểu dạy học lớp 1 theo CTGDPT 2018 thể hiện tính chủ động, linh hoạt đảm bảo được thời lượng và phù hợp điều kiện hoạt động nhà trường đạt hiệu quả nhất. Tuy nhiên thời khóa biểu nhiều trường xây dựng còn nặng về trang bị kiến thức,

chưa tăng cường tiết hoạt động các câu lạc và các hoạt động thực hành, trải nghiệm, giáo dục ngoài nhà trường cho học sinh. Sở GDĐT cũng quan tâm chỉ đạo các trường tiểu học chưa đủ điều kiện dạy học 2 buổi/ngày (tối thiểu 32 tiết/tuần), trên cơ sở dạy đúng, đủ nội dung; thời lượng ưu tiên các môn học bắt buộc, nhà trường lựa chọn hoạt động củng cố, hoạt động giáo dục khác phù hợp thời lượng dạy học của trường.

Đối với giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy để học sinh đáp ứng những yêu cầu cần đạt của Chương trình trên cơ sở giáo viên chủ động sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức nhiều hình thức hoạt động lớp học, điều chỉnh ngữ liệu sách giáo khoa phù hợp với đối tượng học sinh. Thực hiện tốt việc chuyển từ dạy học cung cấp kiến thức sang phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm, tăng cường các hoạt động trải nghiệm theo đúng yêu cầu của Chương trình.

Sau một năm học thực hiện Chương trình, sách giáo khoa đối với học sinh lớp 1, học sinh không chỉ đọc thông, viết thạo mà còn mạnh dạn, linh hoạt chủ động tham gia các hoạt động học sớm bắt nhịp vào môi trường giáo dục mới; với các phương pháp dạy học linh hoạt, giáo viên sử dụng nhiều kỹ thuật dạy học tích cực, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục thiết thực, sử dụng ngữ liệu gắn liền với cuộc sống nên các em tiếp cận kiến thức nhanh, hạn chế tính thụ động nhút nhát, hào hứng học tập và gần gũi với thầy cô giáo; giờ học trở nên sinh động, sôi nổi

2.2. Kết quả giáo dục lớp 1 năm học 2020-2021:

Tổng số học sinh lớp 1 cuối năm học 2020-2021: 33.331 học sinh. Học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95,99% (31.993/33.331); 4,01% (1.338/33.331) học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học. So với năm học 2019-2020: Học sinh hoàn thành chương trình lớp học tăng 1,19%.

Đối với 2 môn công cụ: Môn Tiếng Việt: Hoàn thành tốt 57,05%; Hoàn thành 38,96% và Chưa hoàn thành 3,99%. So với năm học 2019-2020: Hoàn thành tốt tăng 6,53%; học sinh chưa hoàn thành giảm 1,34%. Môn Toán: Hoàn thành tốt 61,80%; Hoàn thành 35,27% và Chưa hoàn thành 2,93%. So với năm học 2019-2020: Hoàn thành tốt tăng 3,86%; học sinh chưa hoàn thành giảm 0,45%.

3. Thuận lợi, khó khăn

Luôn được sự quan tâm của Tỉnh ủy, các ban ngành đoàn thể, các cấp chính quyền địa phương. CBQL giáo dục từ Sở, Phòng, trường và đội ngũ giáo viên với sự đồng thuận cha mẹ học sinh quyết tâm thực hiện tốt đổi mới CTGDPT.

Bộ GDĐT ban hành nhiều văn bản thực hiện Chương trình GDPT tạo hành lang pháp lý các địa phương thực hiện CTGDPT 2018, sách giáo khoa lớp 1 như: Công văn số 3866/BGDĐT-GDTH, ngày 26/8/2019 về việc hướng dẫn chuẩn bị tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020-2021; Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH về việc biên soạn thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong

Chương trình GDPT 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021; Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH về việc hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong CTGDPT 2018 từ năm học 2020-2021...

Trong những năm học qua đội ngũ CBQL, giáo viên tiểu học của tỉnh được tiếp cận, vận dụng tốt nhiều Chương trình, Dự án từ Bộ GDĐT như các kỹ thuật dạy học của Chương trình SEQAP, hình thức tổ chức lớp học của Mô hình trường học mới, phương pháp Bàn tay nặn bột, tổ chức dạy học theo chủ đề ở môn Mĩ thuật... tạo điều kiện thuận lợi khi giáo viên tổ chức triển khai đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng mục tiêu CTGDPT năm 2018.

CBQL, giáo viên được bồi dưỡng CTGDPT 2018 theo hai hình thức trực tuyến và trực tiếp các môn đùn; được tập huấn sử dụng sách giáo khoa với các phương pháp, kỹ năng, hoạt động dạy học mới nhằm nâng cao năng lực giảng dạy CTGDPT 2018.

Chương trình GDPT 2018 ở cấp tiểu học được thiết kế 2 buổi/ngày, tăng cường giáo dục toàn diện, nhất là các hoạt động thực hành, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Dạy học 2 buổi/ngày cũng hạn chế được tình trạng dạy thêm, học thêm, giảm áp lực học tập, đáp ứng yêu cầu quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục ở cấp tiểu học.

Tuy nhiên nguồn kinh phí cho công tác bồi dưỡng giáo viên thực hiện CTGDPT 2018 rất lớn (vừa trực tuyến, vừa trực tiếp). Trong khi, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn nguồn kinh phí riêng cho thực hiện đổi mới CTGDPT 2018 và sách giáo khoa mà sử dụng chung nguồn kinh phí địa phương trong khi địa phương lại thực hiện nhiều nội dung chi và ưu tiên các nhiệm vụ chính trị khác như công tác phòng chống dịch Covid-19, xây dựng xã nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo,... nên nhiều nơi gặp nhiều khó khăn về kinh phí cho thực hiện đổi mới Chương trình, sách giáo khoa.

Công văn số 3587/BGDĐT-GDTrH ngày 20/8/2019 của Bộ GDĐT quy định mỗi trường chọn một giáo viên cốt cán, Kiên Giang có những huyện biên giới, hải đảo rất ít trường nên không đủ giáo viên cốt cán để hỗ trợ đồng nghiệp. Đội ngũ giáo viên cốt cán hàng năm biến động như luân chuyển, bổ nhiệm, bệnh, nghỉ việc,... nên khi thay đổi giáo viên cốt cán gặp rất nhiều khó khăn trong việc kiểm đếm của Chương trình ETEP. Giáo viên tiểu học giảng dạy nhiều môn nhưng bồi dưỡng theo môn cũng gặp rất nhiều trở ngại.

Tỉnh Kiên Giang có nhiều điểm trường lẻ nên việc đầu tư để các trường bảo đảm về cơ sở vật chất các phòng chức năng, giáo dục nghệ thuật chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới toàn diện của ngành.

4. Đề xuất, kiến nghị

Bộ GDĐT tham mưu Chính phủ có nguồn kinh phí riêng dành cho thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT 2018.

Những nơi làm tốt cần phổ biến nhân rộng mô hình để các địa phương khác cùng chia sẻ trao đổi học tập kinh nghiệm.

Trên đây là thực trạng và kết quả 01 năm tổ chức triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1 của tỉnh Kiên Giang xin được chia sẻ với Hội nghị. Rất mong Hội nghị đóng góp thêm để Kiên Giang có thêm kinh nghiệm trong triển khai thực hiện CTGDPT 2018.

BÁO CÁO THAM LUẬN
Về chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện đổi mới
chương trình giáo dục phổ thông⁴¹

Bắc Kạn là tỉnh miền núi nằm ở vùng Đông Bắc Tổ quốc, có diện tích tự nhiên 4.859,41km², phần lớn diện tích là đồi, núi cao chiếm 85,05%; toàn tỉnh có 8 đơn vị hành chính gồm 7 huyện, 01 thành phố với 108 xã, phường, thị trấn; dân số hơn 314.000 người.

Trong năm học 2020-2021, toàn tỉnh có 303 trường mầm non, phổ thông với tổng số 2.300 lớp và 57.101 học sinh phổ thông; có 09 trung tâm (*01 trung tâm GDTX-GDHN tỉnh, 07 trung tâm GDNN-GDTX huyện, 01 trung tâm GDTEKT tỉnh*). Về biên chế, năm 2021 tỉnh Bắc Kạn được giao 6.808 biên chế viên chức ngành giáo dục và đào tạo. Tính đến thời điểm 31/5/2021, số CBQL, giáo viên, nhân viên, hợp đồng 68 có mặt là 6.513 người, số còn thiếu so với biên chế được giao là 295 người.

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018

Cùng với Giáo dục cả nước, năm học 2019-2020 được tỉnh xác định là năm "nước rút" để triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình, kế hoạch của Bộ GD&ĐT, đặc biệt là đối với lớp 1. Tỉnh Bắc Kạn đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành và mọi người dân về việc thực hiện Chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình GDPT 2018. UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các địa phương, đơn vị quan tâm thực hiện các nội dung: chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; rà soát, sắp xếp đội ngũ giáo viên, ưu tiên đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo quy định đối với mỗi cấp học; lựa chọn sách giáo khoa đảm bảo phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện dạy học của tỉnh; tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương; tăng cường công tác truyền thông về triển khai Chương trình GDPT 2018; tham mưu cho Tỉnh uỷ ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với việc triển khai thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh... Do đó, công tác triển khai Chương trình GDPT 2018 đã nhận được sự quan tâm, vào cuộc của các cấp, các ngành, các địa phương, sự ủng hộ của nhân dân, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh nên đã đạt được kết quả quan trọng, đảm bảo thực hiện theo đúng lộ trình.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018, tỉnh Bắc Kạn còn gặp một số khó khăn như: Là một tỉnh miền núi, dân cư sống phân tán ở

⁴¹ Công văn số 5270/UBND-VXNV ngày 13/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

các thôn, bản; khoảng cách giữa các trường và điểm trường cách xa nhau; giao thông không thuận lợi, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn... nên phải bố trí nhiều điểm trường để bảo đảm cho tất cả học sinh đều được đến lớp (toàn tỉnh có 487 điểm trường lẻ). Cơ sở vật chất trường, lớp học còn nhiều khó khăn, thiếu thốn; nhiều lớp học được xây dựng từ lâu có diện tích hẹp chỉ bố trí được khoảng từ 20-25 học sinh/lớp,... Ngoài ra, số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục được giao hàng năm không đủ theo định mức quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; đồng thời việc thực hiện tinh giản 10% biên chế đã ảnh hưởng lớn đến số lượng biên chế của ngành giáo dục tỉnh.

Vì vậy, để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, các đơn vị trong tỉnh đã phải thực hiện hợp đồng thời vụ 263 giáo viên; huy động một số giáo viên thực hiện giảng dạy tại các trường trên cùng một địa bàn; tại những điểm trường lẻ cách xa điểm trường chính, đường đi lại khó khăn, 01 giáo viên phải thực hiện giảng dạy lớp ghép với nhiều khối lớp khác nhau. Bên cạnh đó, do thiếu giáo viên nên các trường tiểu học chưa đảm bảo để dạy 02 buổi/ngày ở các khối lớp 2, 3, 4, 5.

2. Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó chú trọng giải pháp về chuẩn bị đội ngũ giáo viên

Để đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình GDPT 2018, trước hết là đối với lớp 1 năm học 2020-2021 theo đúng kế hoạch, lộ trình của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thành phố khẩn trương tổ chức rà soát, đánh giá tình hình cụ thể về đội ngũ giáo viên, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp cụ thể, khả thi trong điều kiện cụ thể của tỉnh để chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội, Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới Chương trình, sách giáo khoa GDPT, cụ thể như sau:

2.1. Thực hiện rà soát, sắp xếp, tuyển dụng và bố trí sử dụng đội ngũ phù hợp, hiệu quả; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên triển khai Chương trình GDPT 2018

- Chỉ đạo Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thành phố thực hiện rà soát nhu cầu tuyển dụng giáo viên thực hiện Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025 của các cấp học; xây dựng phương án đối với giáo viên Tin học, tiếng Anh, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) đến hết năm 2030, đặc biệt quan tâm đến năm học 2022-2023.

Tiếp tục bố trí, bổ sung biên chế, chỉ tiêu tuyển dụng cho những trường còn thiếu, ưu tiên tuyển dụng giáo viên cho những môn học mới ở các cấp học nhằm đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy, không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên khi thực hiện Chương trình GDPT 2018. Từ năm 2019 đến nay, tỉnh Bắc Kạn đã tuyển dụng

được 419 giáo viên (trong đó xét đặc cách 62 giáo viên). Năm 2021, tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch và đang triển khai, tổ chức tuyển dụng theo quy định với 325 chỉ tiêu giáo viên các cấp, trong đó riêng giáo viên tiểu học 136 chỉ tiêu, giáo viên trung học cơ sở 117 chỉ tiêu.

Chỉ đạo các đơn vị thực hiện linh hoạt trong việc bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên hiện có, những khối lớp triển khai thực hiện trước thì ưu tiên đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo quy định, thực hiện bố trí giáo viên dạy liên trường, liên cấp và điều chuyển giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu;...

Năm học 2020-2021, tỉnh Bắc Kạn đã ưu tiên chọn cử những giáo viên có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có nhiều kinh nghiệm và đã được bồi dưỡng theo Chương trình GDPT 2018 để thực hiện dạy học lớp 1 đảm bảo theo định mức; bố trí đủ số lượng giáo viên để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% học sinh lớp 1 với 592 giáo viên dạy môn cơ bản và 256 giáo viên giảng dạy các môn khác.

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo lộ trình từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 và tổ chức bồi dưỡng CBQL, giáo viên phổ thông đại trà các mô đun tại tỉnh. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Viettel Bắc Kạn cấp tài khoản đào tạo trực tuyến (LMS) cho 100% CBQL, giáo viên phổ thông và tổ chức bồi dưỡng theo kế hoạch, trong đó ưu tiên hoàn thành Module 1 đối với giáo viên dạy lớp 1 trước khi năm học 2020-2021 bắt đầu. Chỉ đạo Sở GD&ĐT thực hiện đầy đủ, kịp thời công tác bồi dưỡng tập huấn cho tổ trưởng chuyên môn tại Trung ương và tổ chức tập huấn đại trà gắn với sinh hoạt chuyên môn theo trường, cụm trường nhằm đảm bảo theo yêu cầu nhiệm vụ.

2.2. Phối hợp với các Trường đại học thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

Phối hợp với các trường ĐHSP Hà Nội 2, ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Thái Nguyên thực hiện rà soát, thống kê sinh viên của tỉnh Bắc Kạn đang theo học sư phạm các chuyên ngành Tin học, Tiếng Anh, Nghệ thuật, khảo sát nhu cầu sinh viên tỉnh Bắc Kạn có nguyện vọng trở về công tác tại địa phương và các sinh viên tỉnh khác có nhu cầu đến công tác tại tỉnh Bắc Kạn, đồng thời chỉ đạo Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thành phố đăng ký nhu cầu đào tạo sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ và rà soát, đăng ký nhu cầu đào tạo liên thông lên trình độ đại học sư phạm, nhu cầu đào tạo văn bằng 2 chuyên ngành còn thiếu giáo viên như Tin học, tiếng Anh để bổ sung nguồn tuyển dụng giáo viên của địa phương trong các năm tiếp theo.

2.3. Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố thực hiện rà soát, thống kê số sinh viên đang theo học hoặc đã tốt nghiệp ngành sư phạm có trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 và một số ngành không phải sư phạm như tiếng Anh, Tin học, Nghệ thuật để xác định nguồn tuyển dụng giáo viên cho địa phương.

2.4. Tăng cường công tác tuyển sinh ngành đào tạo giáo viên

Tổ chức thông báo, niêm yết công khai nhu cầu tuyển dụng giáo viên của địa phương; tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ đến học sinh, học viên đang theo học cấp THPT, đặc biệt là học sinh khối 12; thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng, tư vấn hướng nghiệp đối với ngành đào tạo giáo viên, đặc biệt là các môn học còn thiếu và gặp khó khăn trong công tác tuyển dụng do không có nguồn tuyển.

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới

Bên cạnh kết quả đạt được, tình xác định trong thời gian tới vẫn còn nhiều khó khăn về công tác đảm bảo đội ngũ như thiếu về số lượng, chưa đồng bộ về cơ cấu, chủng loại theo từng môn học, cấp học, vẫn còn một bộ phận CBQL, giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ được đào tạo. Để tiếp tục chuẩn bị đội ngũ giáo viên đảm bảo thực hiện tốt, có hiệu quả chương trình đối với lớp 2 và lớp 6 của năm học 2021-2022 và các năm tiếp theo, tỉnh Bắc Kạn xác định một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền đối với việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 trên địa bàn tỉnh. Tham mưu ban hành Nghị quyết của Tỉnh uỷ Bắc Kạn về phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

Hai là, tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách về tuyển dụng, luân chuyển, bố trí, sắp xếp, sàng lọc đội ngũ giáo viên các cấp.

Ba là, tiếp tục tăng cường, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên nhằm thúc đẩy khả năng tự học, tự bồi dưỡng.

Bốn là, tăng cường công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học nhằm nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc bồi dưỡng đối với giáo viên dạy 02 môn.

Năm là, tăng cường công tác phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức thực hiện tốt công tác đào tạo liên thông, nâng chuẩn trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng các môn học mới.

Sáu là, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, thăm nắm tình hình thực hiện Chương trình GDPT 2018 của các địa phương, các nhà trường.

4. Đề xuất, kiến nghị

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến với Bộ Nội vụ không thực hiện cắt giảm biên chế các đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục và đào tạo vì đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục được quy định số lượng người làm việc theo số lớp và số tiết dạy/tuần, nếu tiếp tục thực hiện việc tinh giản biên chế thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí đội ngũ để đảm bảo nhiệm vụ dạy học. Đồng thời, giao đủ số biên chế viên

chức theo định mức được quy định Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT và Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm ban hành văn bản sửa đổi định mức giáo viên/lớp quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT cho phù hợp với việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và điều kiện thực tế của từng vùng, miền.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản hướng dẫn cụ thể hơn việc thực hiện đặt hàng đào tạo giáo viên theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, trong đó nên có sự ràng buộc của sinh viên đã được các địa phương cử đi học, tránh tình trạng thực hiện đặt hàng nhưng sinh viên sau khi tốt nghiệp lại tham gia giảng dạy tại địa phương khác dẫn đến không hiệu quả trong việc bổ sung nguồn tuyển dụng giáo viên cho các địa phương.

Trên đây là Báo cáo tham luận về chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của tỉnh Bắc Kạn. Xin kính chúc các đồng chí đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

BÁO CÁO THAM LUẬN
VỀ chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện đổi mới
chương trình giáo dục phổ thông⁴²

Vị trí, vai trò của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là hết sức quan trọng quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của mỗi cơ sở giáo dục nói riêng và của cả nước nói chung. Điều đó đã được khẳng định trong Nghị quyết 29-NQ/TW và Luật Giáo dục 2019. Để chuẩn bị tốt các điều kiện triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tỉnh Hải Dương xác định việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, cơ cấu, đảm bảo về trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới là khâu then chốt để thực hiện thành công Chương trình giáo dục phổ thông mới.

1. Đánh giá khái quát thực trạng về đội ngũ giáo viên tiểu học của tỉnh Hải Dương trước khi triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018

1.1. Thuận lợi

Tính đến hết năm học 2019 - 2020, giáo viên tiểu học của Hải Dương có tỷ lệ 1,33 giáo viên/lớp, cơ bản đảm bảo về cơ cấu. Tỷ lệ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên là 100%, trong đó, giáo viên có trình độ Thạc sĩ 0,44%, trình độ Đại học 74,1%, trình độ Cao đẳng 25,46% (số giáo viên có trình độ cao đẳng đều đang đi học đại học theo lộ trình và đều hoàn thành trước năm 2025). Như vậy đến năm 2025 Hải Dương sẽ đạt 100% giáo viên tiểu học có trình độ Đại học.

Đội ngũ giáo viên có lòng yêu nghề, có phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp; có tinh thần trách nhiệm, tích cực học tập, rèn luyện và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Năng lực sư phạm của các nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, sẵn sàng đón nhận Chương trình GDPT 2018.

100% cán bộ quản lý có trình độ Đại học và trên đại học; có năng lực quản lý, quản trị trường học đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục.

1.2. Khó khăn

- Do UBND tỉnh Hải Dương giao chỉ tiêu biên chế giáo viên đối với các cơ sở giáo dục thấp hơn quy định của Bộ GDĐT cùng với chủ trương thực hiện tính giãn biên chế nên tỷ lệ giáo viên/lớp lại càng thấp, do vậy để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày hầu hết giáo viên phải dạy tăng giờ so với quy định, trong khi kinh phí để chi trả cho dạy thừa giờ còn gặp khó khăn (*trên thực tế để đảm bảo đủ giáo viên dạy học 2 buổi/ngày ở trường tiểu học theo Chương trình GDPT 2018 thì tỷ lệ giáo viên phải đạt từ 1,7 đến 1.8 GV/lớp*). Đa phần các trường chỉ đảm bảo 1 giáo viên văn hoá/01 lớp, rất khó khăn cho nhà trường khi có giáo viên nghỉ ốm, nghỉ thai sản...

⁴² Bản word nhận được từ Sở GDĐT tỉnh Hải Dương qua hòm thư điện tử.

Ở Hải Dương hiện nay, một số trường Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phải dạy thay giáo viên nhiều giờ, cá biệt CBQL, GV dạy các môn chuyên còn phải chủ nhiệm lớp. Giáo viên dạy ngoại ngữ còn thiếu nhiều, chưa đáp ứng được số tiết theo nhu cầu học Tiếng Anh của học sinh và theo quy định của CTGDPT mới.

- Chế độ lương, phụ cấp còn thấp (nhất là với giáo viên dạy hợp đồng, giáo viên mới ra trường), lại do trong 2 năm vừa qua phải nghỉ dạy nhiều do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên một bộ phận giáo viên có tâm lí chán nản, một số thầy cô giáo đã xin chuyển ngành, hoặc bỏ việc đi làm công việc khác nên tình trạng thiếu giáo viên đã thiếu lại càng thiếu.

- Một bộ phận giáo viên chưa mạnh dạn đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức dạy học; ngại thay đổi thói quen dạy học truyền thống, còn lúng túng về kinh nghiệm và kỹ thuật dạy học tích cực; chưa bắt kịp yêu cầu về đổi mới chương trình, phương pháp, hình thức giáo dục, sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế. Vẫn còn giáo viên có biểu hiện của bệnh thành tích trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh làm ảnh hưởng tới niềm tin của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Nội dung sinh hoạt chuyên môn trong các nhà trường chưa có chuyển biến tích cực, nguyên nhân một phần do cường độ lao động của giáo viên quá lớn khi thực hiện dạy học 2 buổi/ngày cùng với thời gian để bố trí tổ chức sinh hoạt tổ không nhiều, và đặc biệt các thầy, cô tổ trưởng chuyên môn chưa thực sự linh hoạt đổi mới, còn lúng túng khi triển khai thực hiện.

2. Công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018

Xuất phát từ mục tiêu của đổi mới Giáo dục theo tinh thần của Nghị quyết 29: “Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”, Sở GDĐT Hải Dương xác định phải tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Đây được xem là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, bởi đội ngũ chính là nhân tố quyết định thành công của đổi mới giáo dục nói chung và thực hiện Chương trình GDPT 2018 nói riêng. Những việc trọng tâm, cần thiết được đặt lên hàng đầu, Sở GDĐT Hải Dương đã triển khai thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể sau:

2.1. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi Chương trình GDPT 2018 cho CBQL, giáo viên, cho các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cộng đồng; tạo sự đồng thuận trong nhân dân và mọi tầng lớp xã hội. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức đối với Chương trình GDPT 2018; thay đổi tư duy, thay đổi cách nghĩ, cách làm của đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD.

2.2. Tham mưu với UBND tỉnh phê duyệt Đề án rà soát sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, CBQL trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2021 theo Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát biên chế, xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên. Tháng 12/2019 tỉnh Hải Dương đã xét tuyển được 337 giáo viên tiểu học. Năm 2020, tỉnh Hải Dương tiếp tục tổ chức thi tuyển giáo viên, kết quả có 590 giáo viên tiểu học được tuyển dụng, đảm bảo tỷ lệ 1,45 giáo viên/ lớp. Trong năm 2021, Hải Dương sẽ tổ chức xét tuyển giáo viên Ngoại ngữ, Tin học dạy tiểu học để đảm bảo đủ, đồng bộ cơ cấu giáo viên trong biên chế tiếp nhận lớp 3 theo Chương trình GDPT 2018.

2.3. Công tác đào tạo nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên tiểu học theo Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 4808/KH-UBND ngày 20/9/2019 về việc thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Hiện nay, kế hoạch đã và đang triển khai, tổ chức thực hiện. Theo lộ trình đến 2025, 100% giáo viên các cấp nói chung, giáo viên tiểu học nói riêng đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019.

2.4. Yêu cầu giáo viên đổi mới cách dạy, tiếp cận mạnh mẽ với các phương pháp dạy học tích cực, với các phương tiện dạy học hiện đại; tăng cường các hoạt động trải nghiệm ngay trong từng tiết học, bài học; trải nghiệm thực tế ở địa phương; gắn nội dung giáo dục địa phương trong dạy học và các hoạt động giáo dục;

2.5. Đối với cán bộ quản lý, tiếp cận với đổi mới quản trị nhà trường; Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực nghề nghiệp. Khuyến khích tiếp cận và vận dụng các mô hình tiên tiến hiện đại phù hợp thực tiễn nhà trường. Nhiều trường tiểu học của tỉnh đã trực tiếp mời các chuyên gia, các diễn giả về giáo dục tập huấn trực tiếp, trực tuyến qua mạng nhiều chuyên đề về “Quản trị nhà trường”, “Xây dựng trường học hạnh phúc”, “ Người truyền cảm hứng”, “Sứ mệnh người thầy- Giáo dục bằng tình yêu thương”....

2.6. Tổ chức cho cán bộ quản lý tham quan học tập các mô hình xây dựng trường học tiêu biểu điển hình tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... sau tham quan học tập, Sở đã xây dựng tiêu chí về trường học tiêu biểu điển hình theo thực tiễn của tỉnh và đã công nhận được 03 trường tiểu học. Đây là bước khởi điểm ban đầu, tạo động lực cho các trường tiểu học trong tỉnh học tập và phấn đấu. Cùng với đó, Sở

GDĐT Hải Dương cũng đã tổ chức và chỉ đạo các Phòng GDĐT tổ chức nhiều chuyên đề, nhiều lớp tập huấn cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cụm trường về đổi mới quản lí, đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá học sinh...

2.7. Tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV thực hiện Chương trình GDPT 2018

- Sở GDĐT đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, lựa chọn đội ngũ GV, CBQL cốt cán tham gia tập huấn đầy đủ các lớp tập huấn do Bộ GDĐT tổ chức. Đến thời điểm tháng 7/ 2021, Sở GDĐT đã cử tổng cộng 42 CBQL cốt cán, 226 GV tiểu học cốt cán, 78 tổ trưởng chuyên môn tham gia bồi dưỡng chương trình GDPT 2018. Phối hợp với trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Học viện Quản lý Giáo dục Việt Nam tổ chức các lớp bồi dưỡng cho CBQL và GV tiểu học theo đúng kế hoạch của Bộ GDĐT. Đến tháng 6/2021, 100% CBQL đại trà, GV tiểu học đại trà đã hoàn thành Module 1 và Module 2; 98,7% CBQL, GV đại trà đã hoàn thành Module 3.

+ Sở GDĐT Hải Dương mời giảng viên trung ương về trực tiếp bồi dưỡng 03 lớp, nội dung: Đổi mới Chương trình GDPT 2018; Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh lớp 1 môn Toán, Tiếng Việt theo Thông tư 27/2020/TT- BGDĐT ngày 04/9/2020; mời các tác giả là Chủ biên sách giáo khoa lớp 1 về trực tiếp bồi dưỡng, tập huấn 35 lớp ở tất cả các môn học; CBQL, GV dạy lớp 1. Sau bồi dưỡng, CBQL và GV đã hoàn thành bài thu hoạch, kết quả 100% đạt yêu cầu.

+ Sở GDĐT đã có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học tăng cường tổ chức các chuyên đề nhằm tăng cường công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng để nâng cao nhận thức, năng lực giảng dạy cho đội ngũ CBQL, GV. Trong năm học 2020 – 2021, 100% các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh đã tổ chức các chuyên đề dạy và học các môn học lớp 1 theo sách giáo khoa mới; 12/12 Phòng GDĐT đã tổ chức chuyên đề cấp huyện nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho CBQL, GV. Chính vì vậy, công tác triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1 trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt kết quả tốt.

3. Kết quả đạt được

Qua một năm triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 1, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 song Sở GDĐT đã chỉ đạo các nhà trường thực hiện hiệu quả các nội dung tại Công văn số 432/BGDĐT-GDTrH ngày 29/01/2021 của Bộ GDĐT về việc chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học ứng phó với dịch COVID-19. Đây là giai đoạn có nhiều khó khăn, thử thách đối với các nhà trường, tuy nhiên, cũng chính từ đó, nhiều trường đã biến khó khăn, thách thức thành cơ hội để thay đổi, để đổi mới cách nghĩ, cách làm, cách dạy và cách học. Do đó, chất lượng giáo dục vẫn được duy trì và giữ vững; nhiều năng lực, phẩm chất của học sinh được bộc lộ và phát triển tích cực hơn so với những năm học trước nhất là năng lực tự học, tự tin, tự chủ trong giao tiếp, các năng lực về ngôn ngữ (đọc, viết) và tính toán của các

em cũng phát triển nhanh hơn so với lứa học sinh lớp 1 các năm học trước so với cùng thời điểm, nhất là năng lực sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin của học sinh, trong đó có học sinh khối lớp 1. Kết quả kiểm tra định kì cuối năm học đối với hai môn Toán và Tiếng Việt của học sinh lớp 1 cho thấy, hầu hết học sinh đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành chiếm tỷ lệ cao: Môn Tiếng Việt (HT tốt: 73,9%, Hoàn thành: 24,7%, Chưa hoàn thành: 1,4%). Môn Toán (HT tốt: 76,8%, Hoàn thành: 22%, Chưa hoàn thành: 1,2%). So với năm học 2019-2020, tỉ lệ học sinh được đánh giá Hoàn thành tốt 2 môn Tiếng Việt và Toán đều tăng trên 10%, tuy nhiên tỉ lệ học sinh chưa hoàn thành môn Tiếng Việt tăng 1%, môn Toán tăng 0,8%.

Sở GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học xác định nguyên nhân dẫn đến tỉ lệ học sinh chưa hoàn thành môn học tăng so với năm học trước (nhất là môn Tiếng Việt và môn Toán), lập kế hoạch cụ thể và chọn cử giáo viên hướng dẫn, giúp đỡ những học sinh được đánh giá chưa hoàn thành môn học trong hè (tuỳ vào diễn biến dịch bệnh Covid-19 có thể tổ chức ôn tập trực tiếp hay trực tuyến); căn cứ mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, mức độ hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng để tổ chức kiểm tra, đánh giá và xem xét, quyết định việc được lên lớp hoặc chưa được lên lớp trong tháng 8 năm 2021.

4. Đề xuất- Kiến nghị với Bộ GDĐT

- Chỉ đạo các Nhà xuất bản thực hiện cung ứng đầy đủ, kịp thời sách giáo khoa, sách giáo viên cho các nhà trường; tăng cường bổ sung thêm các kho tài liệu, học liệu điện tử để giáo viên khai thác sử dụng thuận lợi, hiệu quả; tăng cường tổ chức hội thảo chuyên đề trực tiếp, trực tuyến cho giáo viên để kịp thời giải đáp thắc mắc, băn khoăn cho, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho giáo viên và nhà trường khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

- Tham mưu với chính phủ về các chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục; nhất là định mức biên chế cho việc dạy học 2 buổi/ngày (định mức 1,5 hiện nay là chưa phù hợp).

- Việc tổ chức các lớp Bồi dưỡng giáo viên nên tổ chức theo hình thức tập trung tại tỉnh, vì như hiện nay (theo phản ảnh từ nhiều giáo viên) là chưa phù hợp, việc đi lại của giáo viên từ các tỉnh đến địa điểm tập huấn rất vất vả, khó khăn, gây tốn kém, lãng phí.

- Ban hành một số văn bản liên quan đến nhiệm vụ trọng tâm của cấp học:

+ Hướng dẫn điều chỉnh một số tiêu chí liên quan đến Tiêu chuẩn 2 (tỉ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn); Tiêu chuẩn 3 về Cơ sở vật chất trường học và Tiêu chuẩn 5 hoạt động và kết quả giáo dục trong Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT cho thống nhất, phù hợp với quy định tại Điều lệ trường tiểu học mới 2020 và Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT.

+Ban hành Thông tư về công nhận danh hiệu thư viện trường học cho phù hợp với thực tiễn hiện nay thay thế Quyết định số 01/QĐ- BGDĐT từ năm 2001.

+ Ban hành Tiêu chí Xây dựng trường tiêu biểu điển hình để các địa phương có căn cứ tham mưu triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

BÁO CÁO THAM LUẬN
VỀ chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện đổi mới
chương trình giáo dục phổ thông⁴³

Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục là giải pháp đặc biệt quan trọng, then chốt trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo (GDĐT). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT (Nghị quyết số 29-NQ/TW) đánh giá tình hình: “Đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp”. Một trong những nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 29-NQ/TW là phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT đã xác định rõ: “Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo...”.

CTGDPT 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT đã bổ sung một số môn học bắt buộc và một số môn học tự chọn mới trong chương trình phổ thông nhằm phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh (HS); tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp HS phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, trở thành người HS tích cực, tự tin, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh các tri thức và kĩ năng nền tảng, có ý thức lựa chọn nghề nghiệp và học tập suốt đời; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hoá, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0. Từ đó, đặt ra yêu cầu đối với đội ngũ CBQL và GV phải đảm bảo để thực hiện được mục tiêu của CTGDPT 2018. Tuy nhiên với sự thay đổi của nội dung chương trình các môn học trong CTGDPT 2018, phần nào đã bộc lộ một số vấn đề bất cập về thực trạng đội ngũ GV hiện nay.

Vì vậy, công tác chuẩn bị đội ngũ GV được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh xác định là vấn đề ưu tiên, cần thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và từng bước đồng bộ về cơ cấu nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả CTGDPT 2018 của tỉnh Quảng Bình.

⁴³ Công văn số 2557/SGDĐT-TCCB ngày 09/8/2021 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Bình.

Năm học 2020 - 2021, toàn tỉnh có 842 trường và cơ sở giáo dục (CSGD)⁴⁴. Trong những năm qua, đội ngũ CBQL và nhà giáo không ngừng tăng về số lượng và chất lượng, cụ thể: *Toàn ngành có 14.769 CBQL và GV công lập, trong đó: 1.341 CBQL (MN: 494, TH: 414, THCS: 326, THPT: 106); 13.428 GV (MN: 4.147, TH: 4.463, THCS: 3.130, THPT: 1.688). Về trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn: cấp MN có 99,8% CBQL, 98,8% GV đạt chuẩn trở lên; cấp TH có 99,3% CBQL, 92,4 GV đạt chuẩn trở lên; cấp THCS có 99,7% CBQL, 96,3% GV đạt chuẩn trở lên; cấp THPT có 100% CBQL và GV đạt chuẩn trở lên.*

Đội ngũ CBQL và GV cơ bản đáp ứng đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp với mạng lưới trường, lớp của địa phương; luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc, yêu nghề, mến trẻ, vượt khó, không ngừng tu dưỡng phẩm chất đạo đức, rèn luyện tay nghề, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; phát huy sự sáng tạo, tích cực hưởng ứng, tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Các cơ quan quản lý đã triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách về lương, phụ cấp lương và các chế độ khác đối với nhà giáo và CBQL giáo dục theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tuy nhiên, theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, vẫn còn gần 500 CBQL và GV các cấp học chưa đạt trình độ chuẩn đào tạo. Thực hiện CTGDPT 2018, ở cấp TH và cấp THCS cần bổ sung thêm biên chế GV dạy môn Tiếng Anh, Tin học, cấp THPT cần bổ sung thêm GV dạy môn Âm nhạc, Mỹ thuật; số lượng HS đến năm 2030 tăng hơn 8% so với hiện nay, tuy nhiên định mức GV theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT vẫn không thay đổi. Ngoài ra, trong bối cảnh thực hiện tinh giản biên chế và tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, việc bổ sung biên chế cho giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực sự gặp nhiều khó khăn. Đời sống vật chất và tinh thần đối với hầu hết nhà giáo đang công tác tại các xã ở vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với đội ngũ CBQL, GV nữ (về nhà ở, điều kiện sinh hoạt, đi lại...). Năng lực của một bộ phận CBQL, GV chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GDĐT; một bộ phận GV chưa yên tâm gắn bó lâu dài ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; vẫn còn CBQL giáo dục, GV chưa có ý thức, trách nhiệm, chưa tâm huyết với đổi mới giáo dục; một số GV hạn chế về trình độ chuyên

⁴⁴ (MN 242 trường và CSGD, TH 188 trường, THCS 167 trường (trong đó có 30 trường TH và THCS), THPT 32 trường (trong đó có 06 trường THCS và THPT), TTGD TX: 09, TTHTCĐ: 151, TTNTH: 07, TTNN: 31, trung tâm giáo dục KNS: 15), trong đó khối ngoài công lập có 15 trường (MN 13, TH 01, THCS và THPT 01), đạt tỷ lệ 2,6%. So với năm học 2019 - 2020, toàn tỉnh giảm 07 trường công lập (MN: 03, TH: 04). Có 238.548 HS MN, phổ thông và thường xuyên (MN: 62.272, TH: 84.573, THCS: 57.326, THPT: 32.165, GDTX: 2.212); ngoài ra còn có 100.864 học viên học tại các TTHTCĐ, 8.058 học viên học tại các TTNTH - TTNN, 24.421 học viên học tại các trung tâm giáo dục KNS.

môn, kỹ năng sư phạm, tiếp cận chậm, thiếu nhạy bén với việc đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng HS; một số GV chưa biết tiếng dân tộc thiểu số tại nơi công tác vùng dân tộc, ít am hiểu văn hóa của địa phương, nên khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục HS dân tộc thiểu số...

Trước những khó khăn, thách thức nêu trên, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản cụ thể, chỉ đạo Sở GDĐT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện CTGDPT 2018 trên địa bàn tỉnh: *Chỉ thị số 41-CT/TU ngày 03/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND tỉnh về Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 1027/KH-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới; Kế hoạch số 463/KH-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 9/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nội dung phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2020 – 2025 và các văn bản liên quan khác.*⁴⁵

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GDĐT phối hợp với các sở, ngành liên quan chuẩn bị mọi điều kiện nhằm thực hiện chương trình một cách hiệu quả, triển khai ngay Kế hoạch thực hiện CTGDPT 2018 của tỉnh đã ban hành, xây dựng kế hoạch lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ GDĐT, rà soát quy mô trường lớp, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đặc biệt, xác định rõ tầm quan trọng của việc chuẩn bị đội ngũ CBQL, GV đáp ứng yêu cầu, thực hiện có hiệu quả CTGDPT 2018 và bước đầu có những kết quả nhất định.

⁴⁵ Kế hoạch số 1318/KH-UBND ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về triển khai thực hiện Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL giáo dục MN giai đoạn 2018 – 2025; Kế hoạch số 1098/KH-UBND ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 1910/KH-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GV MN, TH, THCS giai đoạn 1 (2020 – 2025).

Về công tác chỉ đạo: UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo đổi mới Chương trình GDPT 2018 và ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình GDPT 2018, trong đó tập trung nguồn lực cho việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ GV, ưu tiên tập huấn trước đội ngũ GV dạy lớp 1. Để đáp ứng trình độ chuẩn GV các cấp học theo Luật Giáo dục, Sở GDĐT đã tích cực tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản, kế hoạch nhằm nâng cao chuẩn nghề nghiệp cho GV (Kế hoạch số 1910/KH-UBND ngày 23/10/2020 về triển khai thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo của GV MN, TH, THCS giai đoạn 1 (2020-2025), Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2021 về thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo của GV MN, TH, THCS năm 2021).

Về công tác tuyên truyền: đã đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho 100% GV và CBQL về đổi mới chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình GDPT 2018. Nâng cao nhận thức cho CBQL, GV về vai trò của đội ngũ GV trong việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới. Nhiều CBQL, GV đã tích cực, chủ động viết và đưa tin, bài lên trang web, các trang mạng xã hội chính thống về các hoạt động của Ngành, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện CTGDPT 2018, nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để khích lệ các thầy giáo, cô giáo, các em HS phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Về công tác bố trí, sắp xếp đội ngũ: Thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ CBQL, GV các cấp theo quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019. Bố trí, sắp xếp đội ngũ CBQL, GV đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc. Chỉ đạo các đơn vị rà soát, lựa chọn đội ngũ GV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, trách nhiệm, có kinh nghiệm, năng động sáng tạo, mạnh dạn đổi mới, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy để đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Nhìn chung, qua 01 năm thực hiện, các cơ sở giáo dục đã cố gắng bố trí đủ GV dạy đúng và đủ các môn học, bảo đảm giáo dục toàn diện HS; khắc phục tình trạng thiếu GV hoặc bố trí, sử dụng không đúng cơ cấu GV, không phù hợp với chuyên ngành đào tạo đối với các cấp học; thực hiện điều tiết GV từ nơi thừa sang nơi thiếu; ưu tiên biên chế để tuyển dụng GV cho những môn học mới theo CTGDPT 2018.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ: Chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai bồi dưỡng cho các đối tượng thực hiện CTGDPT 2018 phù hợp với điều kiện của địa phương. UBND tỉnh giao Sở GDĐT lựa chọn và cử đội ngũ CBQL và GV cốt cán các cấp học tham dự các hội thảo, tập huấn đáp ứng yêu cầu đổi mới và lộ trình đổi mới CTGDPT 2018. Toàn tỉnh có 315 GV cốt cán lớp 1, 85 CBQL cấp TH; 199 GV cốt cán và 23 CBQL cấp THCS và THPT tham gia các lớp tập huấn theo kế hoạch của Bộ GDĐT.

Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kinh phí dành cho tập huấn hạn chế. Sở GDĐT đã chủ động xây dựng đội ngũ CBQL và GV cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng đại trà thông qua hình thức sinh hoạt chuyên môn. Tích cực ứng dụng CNTT, chuyển đổi công nghệ số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, trong hoạt động dạy học tại các nhà trường. Chỉ đạo các đơn vị gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường; khuyến khích GV tích cực bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường với sự hỗ trợ tích cực, kịp thời của đội ngũ cốt cán. Kết thúc năm học 2020-2021, 100% CBQL, GV dạy lớp 1 (2183 CBQL, GV) được tham gia tập huấn thực hiện CTGDPT 2018 theo nhiều hình thức khác nhau như trực tuyến, trực tiếp, tự học, sinh hoạt chuyên môn có sự tư vấn của chuyên môn cấp sở, phòng. 100% CBQL, GV tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 1 theo hình thức trực tiếp. 100% CBQL, GV tập huấn dạy học tài liệu giáo dục địa phương.

Sở GDĐT đã phối hợp với NXBGD Việt Nam; NXB Đại học Sư phạm và Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bồi dưỡng trực tuyến và trực tiếp cho 100% CBQL, GV dự kiến phân công giảng dạy lớp 6, GV dự phòng, Tổng phụ trách Đội, GV dạy môn chuyên biệt (Âm nhạc, Mĩ thuật, ...). Sau bồi dưỡng, 100% CBQL, GV đã hoàn thành bài thu hoạch và đạt yêu cầu.

Bên cạnh đó, Sở GDĐT cũng đã tích cực chỉ đạo các phòng GDĐT phát triển và tận dụng tối đa đội ngũ GV cốt cán trong việc hỗ trợ đồng nghiệp học tập, chủ trì điều hành các lớp tập huấn, các buổi sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Các phòng GDĐT, các CSGD TH còn tổ chức nhiều chuyên đề cho GV lớp 1 như: Dạy học Tiếng Việt 1 theo CTGDPT 2018; Dạy học Toán 1 theo CTGDPT 2018; Hoạt động trải nghiệm lớp 1 trong tiết sinh hoạt dưới cờ theo CTGDPT 2018; tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường; tiến hành kiểm tra, hỗ trợ, tư vấn để tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quản lí cũng như dạy học lớp 1 theo CTGDPT 2018 cho các đơn vị.

Về công tác quản lí các cơ sở giáo dục: Thực hiện đổi mới công tác quản lí, quản trị nhà trường trong tổ chức triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 1. CBQL đã nêu cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường. Phát huy tốt vai trò của tổ trưởng chuyên môn trong công tác bồi dưỡng đội ngũ, trong xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, trong việc nhân rộng các nhân tố điển hình tại đơn vị. Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học, trong đó chú trọng đến việc thường xuyên dự giờ lớp 1, khảo sát chất lượng HS, cùng GV tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chương trình dạy học. Giao quyền chủ động cho GV trong việc chủ động lựa chọn nội dung dạy học từng tiết trên cơ sở đảm bảo yêu cầu phát triển các năng lực, phẩm chất theo từng bài học/hoạt động giáo dục.

Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, sự chủ động tham mưu của Ngành giáo dục và sự quan tâm của các cấp, các ngành, đến nay việc triển khai CTGDPT 2018 đối với lớp 1 đã có những thành công nhất định. Chất lượng HS đáp ứng với yêu cầu cần đạt ở mức cao, việc đánh giá HS lớp 1 theo quy định được thực hiện tốt, hạn chế được tình trạng khen thưởng nhiều, không đáp ứng mục tiêu dạy học. Cơ sở vật chất ngày càng được phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu dạy và học. Đội ngũ GV và CBQL được rà soát, tập trung bồi dưỡng, đào tạo ngày càng chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng việc bồi dưỡng GV, CBQL giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 đối với lớp 1 được thực hiện kịp thời, đảm bảo số lượng, chất lượng. Việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, là nhu cầu, động lực của mỗi GV, thúc đẩy GV tích cực bồi dưỡng để nâng cao năng lực bản thân.

Công tác quản lý, quản trị trường học được đổi mới phát huy vai trò chủ động của mỗi thành viên trong nhà trường; nề nếp, kỷ cương được nâng cao, chất lượng, hiệu quả các hoạt động quản trị trong các nhà trường được giữ vững.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai, Ngành giáo dục cũng đã gặp phải không ít khó khăn như: kinh phí hỗ trợ cho việc triển khai CTGDPT 2018 còn gặp khó khăn, tiến độ cấp kinh phí của địa phương còn chậm, ảnh hưởng đến việc cấp tài khoản cho GV chưa bảo đảm kịp thời. Do dịch bệnh nên công tác triển khai tập huấn cho CBQL, GV lớp 1 có phần bị gián đoạn; các chương trình tập huấn chủ yếu thông qua trực tuyến, GV ít được tương tác, thực hành về nghiệp vụ nên nhiều vướng mắc liên quan đến chương trình và sách giáo khoa lớp 1 chưa được giải quyết kịp thời, thấu đáo. Đến nay đội ngũ CBQL, GV cấp THCS và THPT đại trà chưa được bồi dưỡng các mô đun theo kế hoạch của Bộ GDĐT.

Một số bài học kinh nghiệm:

Để thực hiện CTGDPT 2018 cần có sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, ngành, đoàn thể và sự đồng thuận của phụ huynh HS. Vì vậy cần chủ động, tích cực tham mưu với chính quyền các cấp trong việc đầu tư, tăng trưởng cơ sở vật chất đảm bảo các điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục có chất lượng; làm tốt công tác truyền thông tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động trong phụ huynh và nhân dân.

Chất lượng đội ngũ là yếu tố quan trọng quyết định thành công việc thực hiện chương trình giáo dục nhà trường, chương trình, sách giáo khoa mới. Vì vậy CBQL nhà trường, GV phải tích cực bồi dưỡng, chủ động, tích cực, sáng tạo trong đổi mới. Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng đào tạo hợp lý, đảm bảo chính sách, chế độ tiền lương

cho CBQL, GV cũng là yếu tố thúc đẩy, tạo động lực để GV cống hiến cho sự nghiệp đổi mới.

Tăng cường sự kiểm tra, giám sát, hỗ trợ từ cán bộ có chuyên môn cấp phòng, sở đến các trường, kịp thời định hướng, điều chỉnh, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của cơ sở trong quá trình thực hiện.

Trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT mới, ngành GDĐT tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục, tập trung chuẩn bị các điều kiện để thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 2, lớp 6 đạt hiệu quả cao.

- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng CBQL, GV đáp ứng yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018. Trước mắt, tham mưu kinh phí để cấp tài khoản bồi dưỡng cho GV lớp 2, lớp 3, lớp 6 tập huấn đại trà các mô đun Bộ GDĐT đã triển khai. Trong đó tập trung đẩy mạnh việc chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS; nângcao chất lượng sinh hoạt chuyên môn trong các nhà trường, đặc biệt là sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; chỉ đạo các đơn vị duy trì nề nếp sinh hoạt chuyên môn Cụm trường; ưu tiên triển khai các chuyên đề nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quản lí, tổ chức dạy học các lớp 1, 2, 6.

- Tăng cường công tác kiểm tra thực tế, giám sát, tư vấn, hỗ trợ các đơn vị về thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, 2, 6 ngay từ đầu năm học; làm tốt công tác thi đua khen thưởng, kịp thời nhân rộng các nhân tố điển hình trong phong trào thi đua Dạy tốt - Học tốt. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lí của các cấp; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ giữa các ban ngành và cả hệ thống chính trị trong quá trình thực hiện nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nói chung, thực hiện CTGDPT 2018 nói riêng.

- Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá về số lượng, chất lượng và cơ cấu của đội ngũ CBQL và GV trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục gắn với sự phát triển về số lượng HS, quy mô mạng lưới trường lớp và yêu cầu triển khai CTGDPT 2018.

- Dự báo có hiệu quả tình trạng dôi dư, thiếu cục bộ, xác định nhu cầu tuyển dụng và đào tạo GV đối với từng trình độ, cấp học, ngành học, môn học cho từng giai đoạn cụ thể nhằm chủ động trong đào tạo nâng chuẩn, đào tạo văn bằng 2, đào tạo sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, từ đó chủ động nguồn tuyển ở các đơn vị đặc thù.

- Triển khai kịp thời công tác tuyển dụng viên chức hằng năm, nhằm bố trí đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu dạy học. Điều hòa biên chế đội ngũ CBQL và GV trong phạm vi toàn tỉnh nhằm khắc phục tình trạng thừa thiếu cục bộ.

- Phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp quản lý trong thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm, trên cơ sở đó có biện pháp bố trí, sắp xếp GV ở các cơ sở giáo dục tinh gọn, hiệu quả, nâng cao năng lực đội ngũ.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho GV đi đào tạo nâng chuẩn vừa làm, vừa học. Thực hiện chế độ, chính sách cho GV đi đào tạo nâng chuẩn và đào tạo văn bằng 2 đáp ứng yêu cầu giáo dục địa phương.

- Nghiên cứu chính sách thu hút GV giỏi, có trình độ chuyên môn cao đến làm việc tại tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Xem xét hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường đối với sinh viên sư phạm có đơn tình nguyện đến công tác tại các trường trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu đào tạo đặt hàng của tỉnh.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc tuyển dụng, quản lý sử dụng, đánh giá đội ngũ CBQL và GV; thực hiện tốt các chính sách đối với nhà giáo và CBQL giáo dục tại các đơn vị sự nghiệp và các cơ quan quản lý.

- Chú trọng đào tạo sinh viên từ nguồn HS, sinh viên tại các địa phương trong tỉnh, đặc biệt là HS người dân tộc thiểu số để tuyển dụng theo địa chỉ đảm bảo sự ổn định đội ngũ GV công tác lâu dài và chủ động nguồn tuyển đối với các bộ môn và địa bàn khó thu hút.

- Khuyến khích sinh viên trong tỉnh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm MN, cao đẳng sư phạm TH, cao đẳng sư phạm THCS trước khi Luật Giáo dục năm 2019 ban hành, tiếp tục học liên thông chuẩn hóa trình độ đào tạo để được tuyển dụng phục vụ tại địa phương. Khuyến khích GV chủ động đăng ký học tập nâng cao trình độ theo quy định.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế lựa chọn cơ sở đào tạo; xác định hình thức đào tạo; giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đào tạo cho cơ sở đào tạo GV được lựa chọn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng GV. Thực hiện đầy đủ chế độ đối với sinh viên sư phạm theo quy định của pháp luật.

- Triển khai có hiệu quả chương trình bồi dưỡng thường xuyên GV MN, phổ thông theo yêu cầu của vị trí việc làm nhằm không ngừng nâng cao phẩm chất nhà giáo, phát triển chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp GV. Chú trọng giáo dục bồi dưỡng nâng cao tư tưởng chính trị, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ đối với đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục.

- Tăng cường đổi mới phương pháp và nội dung các hoạt động sinh hoạt chuyên môn tại các cơ sở giáo dục, các hội thi hội giảng nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ GV được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm. Qua đó, kịp thời phát hiện và

nhân rộng các cách làm hay, hiệu quả trong đổi mới phương pháp dạy học, các hoạt động giáo dục tạo sự lan tỏa tích cực trong đội ngũ GV.

- Triển khai có hiệu quả các cơ chế chính sách đào tạo, bồi dưỡng GV, trong đó ưu tiên đào tạo, bố trí GV tiếng Anh, GV Tin học, GV Âm nhạc, Mỹ thuật, GV dạy tiếng dân tộc thiểu số và GV công tác tại vùng sâu, vùng xa theo CTGDPT 2018. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với CBQL giáo dục, GV theo quy định.

- Ưu tiên lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thông qua chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học, các dự án thuộc vốn ODA, Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các dự án thuộc ngân sách địa phương ưu tiên đầu tư đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học, tạo điều kiện để GV phát huy đổi mới sáng tạo.

- Ưu tiên đầu tư nhà công vụ, các thiết chế văn hóa thể dục thể thao đối với các nhà trường vùng sâu, vùng xa nhằm đảm bảo GV yên tâm công tác, nâng cao đời sống tinh thần cho đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Một số đề xuất, kiến nghị

Đối với Quốc hội, Chính phủ:

Quan tâm, đầu tư nhiều hơn nữa cho giáo dục, đặc biệt là chế độ lương, phụ cấp tương xứng với đặc thù của ngành giáo dục. Có cơ chế đặc thù trong công tác tuyển sinh sinh viên sư phạm, chương trình đào tạo và quy định về tuyển dụng để bảo đảm lựa chọn những sinh viên có chất lượng, góp phần từng bước bảo đảm chất lượng đội ngũ GV trong tương lai. Việc tinh giản biên chế đối với ngành giáo dục và đào tạo cần có cơ chế đặc thù.

Đối với các Bộ ngành: Cần có sự phối hợp chặt chẽ với Bộ GDĐT trong việc ban hành các chế độ, chính sách, đảm bảo tính thống nhất cao trong các nội dung thực hiện. Đặc biệt, Bộ Tài chính sớm có hướng dẫn dự toán, quyết toán kinh phí lựa chọn sách giáo khoa.

Đối với Bộ GDĐT: Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ cấp sở, phòng, đội ngũ GV cốt cán. Truyền thông, xây dựng các video về bài dạy, về đổi mới phương pháp dạy học, các gương GV điển hình thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới gửi về các địa phương, trường học vào đầu năm học để GV tham khảo, hiểu và thực hiện có hiệu quả. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, giao lưu CBQL, GV nhằm chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là tham luận của UBND tỉnh Quảng Bình về “Công tác chuẩn bị đội ngũ GV triển khai thực hiện CTGDPT 2018”.

BÁO CÁO THAM LUẬN
VỀ chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện đổi mới
chương trình giáo dục phổ thông⁴⁶

1. Đặc điểm, tình hình và nhu cầu phát triển giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong hai thành phố có quy mô giáo dục lớn nhất cả nước. Trong nhiều năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh luôn là một trong những địa phương có kết quả giáo dục và đào tạo tốt nhất trong cả nước.

Thành phố xác định giáo dục - đào tạo là động lực quan trọng để Thành phố phát triển bền vững, lãnh đạo Thành phố đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, hệ thống giáo dục - đào tạo được chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, hội nhập với các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới nhưng vẫn giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc, đưa Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm giáo dục - đào tạo chất lượng cao của cả nước và khu vực Đông Nam Á.

Với mục tiêu đó, trong nhiều năm qua, ngành giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tập trung thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tích cực chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo lộ trình, đầu tư cơ sở vật chất nhà trường, chú ý tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng giáo dục theo định hướng hội nhập khu vực và quốc tế; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên, bảo đảm an toàn trường học. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo; chú trọng hội nhập quốc tế; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao...

Hiện nay, hệ thống giáo dục phổ thông và thường xuyên của Thành phố đang có nhiều chuyển biến tích cực về số lượng và chất lượng. Qui mô các bậc học ngày càng tăng theo các Bảng dưới đây cho thấy:

⁴⁶ Công văn số 5908/VP-VX ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 2218/SGDDĐT-TCCB ngày 11/8/2021.

Bảng 1: Quy mô các bậc học trong năm học 2019-2020

STT	Ngành học, bậc học	Tổng số trường			Tổng số lớp			Học sinh			Giáo viên			Phòng học		
		Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập	Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập	Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập	Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập	Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập
Toàn ngành		2.353	1.364	989	48.766	35.250	13.516	1.706.373	1.414.357	292.016	78.825	56.547	22.278	47.129	32.157	14.972
1	Mầm non	1.346	467	879	15.133	5.058	10.075	366.785	163.577	203.208	27.789	11.105	16.684	16.151	5.485	10.666
2	Tiểu học	500	484	16	16.492	15.378	1.114	654.847	631.705	23.142	21.508	19.775	1.733	14.716	13.410	1.306
3	THCS	280	273	7	10.715	9.831	884	437.741	416.980	20.761	16.930	16.119	811	9.600	8.616	984
4	THPT	199	112	87	5.765	4.322	1.443	226.346	181.441	44.905	12.057	9.007	3.050	6.270	4.254	2.016
5	TT.GDTC	34	34	0	588	588	0	23.426	23.426	0	1.010	597	Thinh giảng: 413	530	530	0

Bảng 2: Quy mô các bậc học trong năm học 2020-2021

ST T	Ngành học, bậc học	Tổng số trường			Tổng số lớp			Học sinh			Giáo viên			Phòng học		
		Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập	Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập	Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập	Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập	Tổng cộng	Công lập	Ngoài công lập
Toàn ngành		2.399	1.379	1.020	48.907	35.286	13.621	1.711.795	1.435.048	276.747	79.332	56.839	22.094	48.054	32.579	15.475
1	Mầm non	1.374	472	902	14.965	5.127	9.838	334.158	154.297	179.861	26.657	10.716	15.941	16.485	5.608	10.877
2	Tiểu học	507	485	22	16.830	15.535	1.295	656.300	629.493	26.807	22.117	19.968	2.149	15.153	13.720	1.433
3	THCS	283	276	7	11.165	10.215	950	458.698	436.604	22.094	17.348	16.404	944	9.900	8.869	1.031
4	THPT	202	113	89	5.947	4.409	1.538	233.752	185.767	47.985	12.145	9.085	3.060	6.516	4.382	2.134
5	TT.GDTC	33	33	-	-	-	-	28.887	28.887	-	1.065	666	Thinh giảng: 399	-	-	-

Với những đặc điểm tình hình và mục tiêu phát triển đó, việc xây dựng chính sách về công tác đào tạo bồi dưỡng để phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trước yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng như việc bồi dưỡng giáo viên chất lượng cao cho Thành phố Hồ Chí Minh là tất yếu.

2. Thực trạng công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020-2021

2.1. Về tuyển dụng bố trí sử dụng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2020-2021

Theo thống kê, năm học 2020-2021, giáo dục Tiểu học toàn thành phố có 547 Hiệu trưởng; 827 Phó Hiệu trưởng và, 22.117 GV, trong đó, 16.941 giáo viên dạy nhiều môn.

Năm học 2020 - 2021, cấp Tiểu học có 6.313 giáo viên/3.550 lớp học (trong đó có 3.683 GV dạy nhiều môn), đảm bảo tỉ lệ và đủ số lượng giáo viên dạy lớp 1.

Nhiều quận, huyện đạt tỉ lệ 1,5 giáo viên/lớp: *TP Thủ Đức (KVI, KVIII); Quận 1; Quận 3; Quận 4; Quận 5; Quận 6; Quận 7; Quận 10, Quận 11*. Tuy nhiên, vẫn còn một số quận, huyện thiếu giáo viên năng khiếu, giáo viên dạy khuyết tật học hòa nhập.

Phòng Giáo dục và Đào tạo (PGDĐT) các quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu GV tiểu học ở từng môn học; chủ động xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ và phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên môn Tin học và Công nghệ, Ngoại ngữ,... là môn bắt buộc; việc dạy học 2 buổi/ngày. Công tác tuyển dụng, sử dụng và phân công hợp lý giáo viên hiện có được các Phòng Giáo dục và Đào tạo quan tâm và chú trọng nhằm đảm bảo đủ giáo viên dạy lớp 1. Năm học 2020-2021, các Phòng Giáo dục và Đào tạo tuyển mới 1.144 giáo viên tiểu học.

2.2. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng (thường xuyên; tổ chức tập huấn...) đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học, đặc biệt đối với giáo viên dạy lớp 1 năm học 2020-2021

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT), Sở Giáo dục và Đào tạo (SGDĐT) xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ ngay từ năm 2019⁴⁷ và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1064/QĐ-

⁴⁷ Kế hoạch số 2963/KH-GDĐT-TC ngày 23/8/2019 về bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL, giáo viên MN, PT và GDTX năm học 2019-2020; Kế hoạch số 3126/KH-GDĐT-TH ngày 05/9/2019 về tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, CBQL Tiểu học thực hiện Chương trình GDPT 2018; Kế hoạch số 4551/KH-GDĐT-TC, ngày 06/12/2019 về tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đại trà Chương trình GDPT 2018 cho CBQL, giáo viên của TP.HCM; Công văn số 156/GDĐT-

UBND ngày 26 tháng 3 năm 2020 về phê duyệt Đề án tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông 2018 và bồi dưỡng GV dạy các môn Tin học và Công nghệ, Lịch sử và Địa lí, Khoa học tự nhiên cho cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) của Thành phố Hồ Chí Minh.

Đề án được triển khai đến từng quận, huyện, đơn vị, cơ sở giáo dục để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ CBQL, GV, chuẩn bị cho chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CT GDPT 2018). Đồng thời, là cơ sở để SGDĐT tiếp tục ban hành các Kế hoạch, hướng dẫn⁴⁸ tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ để đáp ứng yêu cầu của CT GDPT 2018.

Ngành Giáo dục thành phố cũng chủ động liên kết với các trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sài Gòn mở các lớp bồi dưỡng các mô-đun để đảm bảo điều kiện đội ngũ CBQL, GV thực hiện hiệu quả CT GDPT 2018 song song với việc tiếp tục thực hiện Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; Kế hoạch bồi dưỡng CBQL, GV và nhân viên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

Chỉ đạo các đơn vị, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tạo điều kiện cho tất cả CBQL, GV (*bao gồm các trường công lập và ngoài công lập*) được tham gia các đợt tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện CT GDPT 2018, đáp ứng yêu cầu đổi mới. Thực hiện đổi mới hình thức bồi dưỡng CBQL, GV trong việc triển khai chương trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho GV đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên và theo Luật Giáo dục 2019. Tăng quyền tự chủ cho các trường học xây dựng kế hoạch giáo dục; tăng cường phân cấp, phân quyền cho tổ/nhóm chuyên môn; tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua nghiên cứu bài học.

Tiến độ tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học thực hiện CT GDPT 2018 cho giáo viên đại trà:

- Từ năm 2019 đến tháng 4 năm 2021: Sở giáo dục và Đào tạo phối hợp với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) và các trường Đại học tổ chức các khóa bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đại trà đảm bảo thực hiện được chương trình phổ thông 2018 (bồi dưỡng mô-đun 1, 2, 3).

- Trong năm 2021: tổ chức bồi dưỡng CBQL, GV cơ sở giáo dục phổ thông theo Kế hoạch số 37/KH-BGDĐT ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Kế hoạch số 221/ KH-SGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Sở Giáo

TH ngày 14/01/2020 về hướng dẫn bồi dưỡng đại trà cho CBQL và giáo viên lớp 1 - Giai đoạn 1 thực hiện Chương trình GDPT 2018; Công văn số 717/GDDĐT-TC ngày 05/3/2020 v/v hướng dẫn tổ chức bồi dưỡng đại trà trực tuyến cho giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình GDPT 2018.

⁴⁸ Kế hoạch số 1150/KH-GDDĐT-TC ngày 21/4/2020 về tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục phổ thông năm 2020; Công văn số 1256/GDDĐT-TC ngày 06/5/2020 về hướng dẫn bồi dưỡng đại trà năm 2020 cho CBQL và giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình GDPT 2018;

dục và Đào tạo. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CBQL và GV đại trà; chủ động phối hợp với Tập đoàn Viettel Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức, quản lý việc tự bồi dưỡng trực tuyến của giáo viên trên hệ thống theo quy trình đã hướng dẫn: Tiểu học có 21.680 GV tiểu học /27.400 tài khoản cho tất cả CBQL, GV; trong đó hỗ trợ miễn phí 6.993 tài khoản cho GV được phân công dạy lớp 1 năm học 2020-2021 để tham gia bồi dưỡng mô đun 1: “*Hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018*”; ngoài việc tham gia bồi dưỡng mô đun (có đánh giá của giảng viên sư phạm chủ chốt và giáo viên cốt cán), GV phải tự bồi dưỡng thường xuyên tất cả các môn của chương trình giáo dục tiểu học và được đánh giá trên hệ thống trực tuyến.

PGDDT đã chủ động sử dụng đội ngũ GV và CBQL cốt cán của khối Tiểu học được phân công cụm trường, phân lớp đầy đủ ở các môn trên phần mềm ở từng quận/huyện, thuận lợi trong việc phụ trách từng môn học hỗ trợ đồng nghiệp để bồi dưỡng trực tiếp các mô đun cho GV; một số quận/huyện phối hợp với trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh bồi dưỡng trực tiếp theo chương trình BDTX: *Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 10, Quận 12, Phú Nhuận, Thành phố Thủ Đức (KVIII)*.

Đội ngũ CBQL, GV cốt cán tích cực, chủ động, nhạy bén trong việc nghiên cứu nội dung đã được BGDĐT tập huấn và đủ năng lực để tập huấn trực tiếp và trực tuyến lại cho CBQL và GV lớp 1 của 19 TP và quận, huyện (*Thành phố Thủ Đức, Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6, Quận 7, Quận 8, Quận 10, Quận 11, Quận 12, quận Bình Tân, quận Bình Chánh, quận Gò Vấp, quận Phú Nhuận, quận Bình Thạnh, quận Tân Bình, huyện Cần Giờ, huyện Nhà Bè*). Ngoài ra, một số PGDDT chỉ đạo các trường tổ chức cho GV Lớp 1 tập huấn trực tiếp lại cho GV đại trà khối 2, 3, 4, 5 (*Quận 6, quận Bình Tân*).

Kết quả: 100% GV lớp 1 và GV, CBQL tiểu học đã bồi dưỡng trực tuyến mô đun 1, 2, 3; 100% CBQL, GV tham gia bồi dưỡng được đánh giá Đạt.

Một trong những điều kiện thực hiện CT GDPT 2018 mà các đơn vị, cơ sở giáo dục thực hiện quyết liệt, nghiêm túc và hiệu quả, đảm bảo tiến độ là công tác bồi dưỡng đại trà CBQL, GV tiểu học, nhất là đối với GV lớp 1. Có thể đánh giá, công tác bồi dưỡng GV tiểu học Thành phố Hồ Chí Minh hoàn thành sớm nhất cả nước. Số lượng CBQL, GV rất nhiều, kinh phí lại không có do vướng quy định tại Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính, nhưng SGDDT đã tham mưu và nhanh chóng hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn về tài chính để các cơ sở giáo dục quyết tâm bồi dưỡng đội ngũ, lực lượng nòng cốt, quyết định thành công CT GDPT 2018.

3. Đề xuất một số giải pháp để phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trước yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3.1- Công tác tư tưởng, nhận thức về vấn đề xây dựng, phát triển đội ngũ hiện nay:

Công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong bước chuẩn bị thực hiện bất kỳ một sự thay đổi nào. Do vậy, không những chỉ có hội đồng sư phạm nhà trường, mà tất cả các tổ chức có liên quan cũng phải nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng cũng như mục tiêu cụ thể đối với kế hoạch xây dựng, phát triển đội ngũ trường chất lượng cao. Để thực hiện được điều này, nhà trường có thể hành thông qua hình thức như tập huấn, phổ biến rộng rãi trong nhà trường và trong xã hội chủ trương, tiêu chí, yêu cầu đối với việc bồi dưỡng và phát triển đội ngũ trong trường chất lượng cao thời kỳ hội nhập; xây dựng các báo cáo điển hình, sơ tổng kết, hội thảo khoa học, tổ chức ngày hội giới thiệu và nhân rộng điển hình.

Nhà trường triển khai thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên xây dựng và tập huấn cho giáo viên cách nhận diện và phòng ngừa những tình huống, nguy cơ có thể dẫn đến hành vi vi phạm đạo đức, hỗ trợ tư vấn tâm lý cho nhà giáo và người học khi có tình huống xảy ra. Tăng cường thanh tra, kiểm tra nền nếp, kỷ cương trường học; xử lý nghiêm các giáo viên, nhân viên, người lao động có hành vi vi phạm đạo đức, hành vi bạo hành thể chất, tinh thần học sinh và người đứng đầu cơ sở giáo dục để xảy ra các vụ việc vi phạm. Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nhà giáo, đồng thời vinh danh, tuyên truyền nhân rộng những tấm gương tiêu biểu nhà giáo tận tụy, hết lòng vì học sinh để lan tỏa trong toàn ngành và tại địa phương.

3.2- Rà soát, sắp xếp đội ngũ giáo viên bảo đảm quy định về định mức số lượng, chuẩn giáo viên đối với các cấp học; mạnh dạn đào thải, loại ra khỏi ngành những CBQL và GV không đủ phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn để đáp ứng xu thế phát triển của xã hội và hội nhập vào nền giáo dục quốc tế:

- Cần xác định vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc cụ thể trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập phải phù hợp với nhiệm vụ, hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục đó và trong hoàn cảnh cụ thể của ngành giáo dục và đào tạo Thành phố. Định mức số lượng giáo viên trên một lớp là số giáo viên để làm công tác giảng dạy tất cả các môn học và các hoạt động giáo dục khác có trong kế hoạch giáo dục quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Việc bố trí, sắp xếp giáo viên phải bảo đảm các trường có đủ giáo viên giảng dạy theo đúng chuyên ngành đào tạo và mỗi giáo viên dạy đủ định mức tiết dạy theo quy định.

- Ngoài ra, căn cứ vào các văn bản hiện hành, cần mạnh dạn đào thải, loại ra khỏi ngành những CBQL và GV không đủ phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn để đáp ứng với yêu cầu của đội ngũ sư phạm trường chất lượng cao trong xu thế phát triển của xã hội và hội nhập vào nền giáo dục quốc tế.

3.3- Tích cực đẩy mạnh công tác xây dựng, phát triển lực lượng, quản lý đội ngũ cũng như hoàn chỉnh hệ thống quản lý và đánh giá đội ngũ sư phạm:

- Xây dựng hệ thống quản lý và đánh giá kết quả hoạt động dựa vào năng lực, giải thích rõ ràng các yêu cầu và kiến thức cũng như các đặc điểm chuyên môn phù hợp với từng kênh nghề nghiệp kể trên: dạy học, chuyên viên, quản lý. Dự kiến hệ thống mới sẽ cải thiện cách đánh giá giáo viên. Cách đánh giá không thể có bằng mắt thay vào đó sẽ làm rõ hơn về cách thức hành động, sự tiến bộ nghề nghiệp giữa các kênh khác nhau.

- Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống quản lý đội ngũ trong nhà trường nhằm giám sát và gia tăng không ngừng ba tiêu chí căn bản để đánh giá chất lượng hoạt động của một tổ chức; đó là hiệu quả, hiệu lực và công bằng. Một tổ chức muốn nâng cao hiệu suất và chất lượng hoạt động của mình phải chú trọng đặc biệt vào ba tiêu chí này.

-Tiến hành thẩm định đánh giá và quản lý kết quả công việc là cơ hội cho mỗi GV nâng cao kết quả công tác; nâng cao mối quan hệ cộng tác và phát triển nghề nghiệp giáo viên. Xây dựng hoàn chỉnh một hệ thống quản lý và đánh giá kết quả của GV có tác dụng khuyến khích tinh thần làm việc của từng người vì cho phép GV đo lường được thành quả công việc của mình; nhận ra được thành quả làm việc của mình; chuẩn bị họ cho sự thăng tiến; mở ra các cơ hội cho sự trưởng thành của cá nhân; và giải quyết vấn đề về xây dựng mối quan hệ giữa GV với các cán bộ quản lý.

3.4- Tham mưu các quy định cụ thể về vấn đề thi đua khen thưởng kịp thời đối với CBQL và GV có thành tích xuất sắc trong công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng:

- Xây dựng các tiêu chuẩn và đề ra tiêu chí về năng lực của CBQL:

Năng lực xác định tầm nhìn, mục tiêu và sứ mạng.

Năng lực Điều hành nhà trường.

Năng lực lãnh đạo và quản lý nguồn nhân lực: Bao gồm

Năng lực phát triển đội ngũ.

Năng lực khơi dậy sự sáng tạo, tận tụy của cán bộ giáo viên.

Năng lực khuyến khích giáo viên và những người khác làm lãnh đạo.

- Xây dựng cơ cấu khen thưởng hợp lý, không chỉ công nhận và khen thưởng việc thực hiện tốt mà còn tạo các cơ hội học tập và phát triển. Chất lượng thực hiện công việc và trả lương sẽ được xem xét trong mối quan hệ với nhau. Các tổ chức và

đoàn thể trong nhà trường phải khuyến khích và tạo các cơ hội học tập và phát triển cho GV thông qua các hội thảo, các khóa học bồi dưỡng chuyên môn do các chuyên gia của các học viên trong nước và nước ngoài thực hiện.

3.5- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nhằm nâng cao đời sống, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề; chú trọng hơn nữa vấn đề chính sách đãi ngộ và thu nhập hợp lý cho người làm công tác giáo dục:

Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành các văn bản về các chế độ chính sách đặc thù riêng của Thành phố nhằm thu hút đội ngũ công chức, viên chức và người lao động công tác trong ngành giáo dục và đào tạo. Cụ thể: Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý; *Quyết định số 4631/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại hàng quý theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.*

Ngoài ra, để thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nhằm nâng cao đời sống, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề, cần phải căn cứ vào mức thu nhập trung bình của người dân thành phố theo từng giai đoạn cụ thể để đảm bảo thu nhập trung bình cho giáo viên (dù dạy ở bậc học nào). Một khi có được chính sách đãi ngộ với mức thu nhập hợp lý cho người làm công tác giáo dục sẽ thu hút được nhiều nhân tài hơn nữa cho ngành.

3.6- Chủ động đặt hàng các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp:

Cần chủ động đặt hàng các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp tạo nên sự thống nhất cao trong nhận thức và triển khai thực hiện giữa các trường sư phạm với giáo viên, CBQLGD phổ thông về tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, cách tiếp cận chương trình, cách tiếp cận dạy học trong chương trình và cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Từ đó xác định các chuyên đề bồi dưỡng phù hợp, góp phần thực hiện thành công, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Theo đó, ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố chủ động đặt hàng các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Cụ thể như “Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và định hướng chương trình bồi dưỡng giáo viên” với các chuyên đề: Phân tích chương trình giáo dục phổ thông 2018 và

đề xuất chương trình bồi dưỡng giáo viên, CBQLGD các cấp; đề xuất chương trình giáo dục địa phương; phát triển chương trình giáo dục STEM ở trường phổ thông...

3.7- Tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ làm công tác giáo dục:

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, mỗi CBQL cũng như bản thân từng GV cũng phải biết tận dụng lẫn tự tạo cơ hội cho bản thân và đồng nghiệp tham gia giao lưu, học tập kinh nghiệm (trong nước lẫn ngoài nước). Nếu không có điều kiện ra nước ngoài tham quan thực tế, học tập và giao lưu thì bản thân mỗi tổ chức đoàn thể và cá nhân trong trường có thể liên hệ mời với các đơn vị trong nước và nước ngoài đến cơ sở trường để cùng học tập và trao đổi kinh nghiệm thực tế.

4. Đề xuất các nội dung về công tác đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục Thành phố trước yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018:

4.1- Tích cực đổi mới và đa dạng hóa nội dung, chương trình bồi dưỡng:

Nội dung chương trình và giáo trình bồi dưỡng cho CBQL và GV cần được điều chỉnh để có thể bổ sung thêm nhiều hoạt động khuyến khích cách suy nghĩ sáng tạo, lập luận và các kỹ năng cần thiết cho quá trình tự học cũng như học tập suốt đời. Quá trình này nhằm tạo ra những người CBQL và GV có tính tích cực, chủ động, sáng tạo và phù hợp với nền kinh tế dựa trên tri thức. Ngoài kỹ năng tư duy, chương trình bồi dưỡng cũng cần chú trọng các kỹ năng khác như kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, kỹ năng về phương pháp làm việc theo nhóm. Tất cả kỹ năng này đều rất có ích đối với người làm công tác giáo dục trong nền kinh tế dựa trên tri thức.

4.2- Tích cực đổi mới và đa dạng hóa phương thức bồi dưỡng tập huấn cho CBQL và GV, nhằm xây dựng xây dựng lực lượng, đội ngũ sư phạm đồng bộ cho trường chất lượng cao:

- Khuyến khích sự đa dạng về hình thức bồi dưỡng, nghiên cứu để nâng cao trình độ sao cho phù hợp với đặc thù riêng của nhà trường.

- Tăng cường công tác tập huấn cho đội ngũ. Quy định cụ thể thời lượng GV tham gia các buổi tập huấn và kết quả đạt được sau quá trình rèn luyện để làm căn cứ đánh giá cho từng GV.

- Về công tác tập huấn và xây dựng lực lượng cho nhà trường chất lượng cao thời hội nhập, đề xuất 02 vấn đề như sau:

+ Tập huấn giáo viên dạy lớp, chú ý đến kỹ năng soạn bài từ chuẩn kiến thức của chương trình đến điện tử hóa bài dạy; hướng dẫn giáo viên kỹ năng giao việc tổ chức học sinh hoạt động; nâng cao năng lực kiểm tra và cách đánh giá, động viên học sinh.

+ Xây dựng lực lượng, phải chú ý trước tiên là lực lượng nòng cốt, tiên phong. Lực lượng nòng cốt là những cá nhân, đơn vị tâm huyết, chịu dần thân, chia sẻ được với Lãnh đạo những định hướng đổi mới một cách tích cực. Hình thức tập huấn là cầm tay chỉ việc, phân tích đối tượng tham quan, học tập; cùng trao đổi về những yêu cầu, biện pháp và cùng thực hiện.

4.3- Tích cực đổi mới và đa dạng hóa nội dung, chương trình, phương thức tự bồi dưỡng cho CBQL và GV:

Có nhiều cách thực hiện nội dung tự bồi dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển như: (1) tư vấn, huấn luyện và tham vấn; (2) đọc có kế hoạch; (3) phát triển bản thân; (4) thực hiện các dự án (ví dụ tổ chức một sự kiện trong nhà trường); (5) tham dự các buổi họp; (6) viết báo cáo nghiên cứu; và (7) tham quan. Các hình thức này có nhiều tác dụng trong việc tích lũy kinh nghiệm và tạo động lực cho GV trong quá trình công tác.

4.4- Tranh thủ mọi nguồn lực, cơ hội cũng như sự đồng thuận, ủng hộ của mọi lực lượng xã hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi để bồi dưỡng cho đội ngũ:

Năng lực xây dựng chương trình theo mong muốn để đạt mục tiêu như của các trường tất nhiên sẽ phụ thuộc vào nguồn lực ta có sẵn. Tuy nhiên, nội dung chương trình giáo dục đưa ra không phải do các nguồn lực sẵn có quyết định, mà là do **nhu cầu của học sinh** quyết định.

Các nguồn lực hữu hình của một tổ chức có thể được phân loại thành: (1) nhân lực (những người được tổ chức tuyển dụng); (2) vật lực (nhà xưởng và trang thiết bị); và (3) tài lực (nguồn quỹ mà tổ chức có). Bên cạnh đó còn có các nguồn lực được coi là vô hình, trong đó có ‘hình ảnh’ hoặc ‘danh tiếng’ là hai thứ thường được công nhận. Một vấn đề nhiều trường gặp phải là những nguồn lực mà ta đầu tư trước đây có thể không phù hợp với nhu cầu hiện giờ được xác định cho những năm tới. Liệu chúng ta có thực sự đạt được mục đích hay không phụ thuộc vào năng lực làm cho nguồn lực phù hợp với mục đích. Vì vậy, cần căn cứ vào kết quả phân tích thực tế của những gì đang tồn tại và các nguồn lực đang được sử dụng như thế nào mà ta cần: (1) chuẩn cán bộ GV theo bộ môn dạy và số lượng học sinh; (2) danh mục các kỹ năng của tất cả cán bộ GV kể cả những kỹ năng hiện đang không được sử dụng; và (5) đánh giá nguồn tài lực hiện có và tiềm năng.

4.5- Bồi dưỡng có trọng tâm đối với từng đối tượng cụ thể:

- Bồi dưỡng Cán bộ quản lý cần tập trung:

Triển khai chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông theo hình thức liên kết Việt Nam-Singapore nhằm nâng cao nhận thức và phát triển năng lực của cán bộ quản lý trường phổ thông về lãnh đạo và quản lý nhà trường trong xu thế hội nhập; từng bước đổi mới cách suy nghĩ và hành động để trở thành người lãnh đạo, quản lý biết gắn tâm nhìn với hành động, phát huy những giá trị nhà trường và

bản thân cho sự phát triển nhà trường. Từ đó, góp phần đẩy mạnh việc đào tạo những kỹ năng và kiến thức – năng lực hành động cần thiết cho học sinh để sống trong một xã hội tương lai nhiều thách thức và không ngừng biến chuyển.

- Tranh thủ các chương trình hợp tác quốc tế:

Hoạt động hợp tác đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục tại TP.HCM được điều chỉnh theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng giáo viên:

- + Bồi dưỡng lý luận chính trị.
- + Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước.
- + Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục.
- + Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.
- + Bồi dưỡng thường xuyên.
- + Bồi dưỡng ngoại ngữ.
- + Bồi dưỡng tin học.
- + Bồi dưỡng theo yêu cầu thực tiễn (bồi dưỡng chuyên đề, bồi dưỡng

hè, ...).

5. Kết luận

Để thực hiện hiệu quả chính sách đối với công tác đào tạo bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trước yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong thời gian tới, công tác bồi dưỡng giáo dục cần tiếp tục mạnh dạn đổi mới cả về quan điểm, chủ trương, chính sách lẫn về nội dung, phương thức, phương pháp và biện pháp thực hiện nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu thiết thực của cả người dạy, người học và người làm công tác quản lý giáo dục. Ngoài ra, cần phải có sự kết hợp chặt chẽ và sự đồng thuận của các lực lượng xã hội, nhất là sự quan tâm và hỗ trợ về tinh thần lẫn vật chất và nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho từng cán bộ, giáo viên tham gia học tập, tự bồi dưỡng và rèn luyện để nâng cao nhận thức lẫn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, cần chú trọng tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ làm công tác giáo dục. Có như thế, triển vọng xây dựng được trường chất lượng cao, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế mới có thể tiến hành một cách khả thi trên thực tế tại thành phố Hồ Chí Minh.

Thực tế đã chứng minh, hoàn toàn không phải một người cứ có bằng đại học hoặc chứng chỉ hay bằng cấp về sư phạm thì đã được trang bị đầy đủ để làm giáo viên cả đời. Mỗi giai đoạn giáo dục có đặc điểm riêng của nó, cách giải quyết của mỗi người trong ngành ở một chừng mực nào đó sẽ có thể tạo ra những thay đổi nhất

định, nhưng có một thứ không thay đổi là GV phải nỗ lực cao nhất để làm tròn trách nhiệm trước HS; cán bộ quản lý phải hết lòng tạo điều kiện tốt nhất trong khả năng có thể cho GV và HS dạy và học tốt. Chính vì thế, việc xây dựng và phát triển năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trước yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng như việc bồi dưỡng giáo viên chất lượng cao cho Thành phố Hồ Chí Minh cũng là để GV hoàn thành nhiệm vụ của mình với hiệu quả cao nhất./.

BÁO CÁO THAM LUẬN
VỀ chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện đổi mới
chương trình giáo dục phổ thông⁴⁹

I. Đặt vấn đề

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và các văn bản chỉ đạo của các Bộ, Ngành liên quan đến triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo ngành Giáo dục, các Sở, Ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chuẩn bị, đảm bảo các điều kiện triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó, yêu cầu các đơn vị tổ chức rà soát, đánh giá, chuẩn bị đội ngũ giáo viên giảng dạy đảm bảo số lượng, chất lượng và cơ cấu để thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới, trước mắt ưu tiên đối với lớp 1 từ năm học 2020-2021.

II. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên các cấp học phổ thông triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở tỉnh Bạc Liêu

1. Thực trạng

- Về số lượng đội ngũ giáo viên: Tính đến cuối tháng 6/2021, tỉnh Bạc Liêu có 200 cơ sở giáo dục phổ thông (gồm 118 trường tiểu học, 59 trường THCS, 03 trường PTCS, 20 trường THPT), với 7.591 giáo viên trực tiếp giảng dạy, tỉ lệ giáo viên/lớp của các cấp học phổ thông như sau: Tiểu học 1,32 (3.050/2.312); THCS 1,84 (2.226/1.209); THPT 1,73 (784/439). Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các đơn vị, để đảm bảo tỉ lệ giáo viên (theo định mức quy định) thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới, tỉnh Bạc Liêu còn thiếu 692 giáo viên các cấp học phổ thông (cụ thể, Tiểu học thiếu 418 giáo viên, THCS thiếu 71 giáo viên, THPT thiếu 203 giáo viên).

- Về chuẩn trình độ đào tạo: Phần lớn đội ngũ giáo viên các cấp học phổ thông đều đạt chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo Luật Giáo dục 2019) còn khá nhiều, chủ yếu ở cấp tiểu học và THCS (cả tỉnh có 1.905 nhà giáo chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo, gồm tiểu học 1.513 người (trong đó có 383 giáo viên dạy lớp 1), THCS 392 người).

⁴⁹ Bản word nhận được từ Sở GDĐT tỉnh Bạc Liêu qua hòm thư điện tử.

- Về tập huấn bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới: Ngành Giáo dục đã rà soát, chọn cử cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán các cấp học phổ thông tham gia bồi dưỡng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tính đến nay, 100% giáo viên giảng dạy lớp 1 đã hoàn thành bồi dưỡng Mô đun 1. Số giáo viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh chưa được bồi dưỡng các Mô đun 1, 2, 3.

- Ngoài ra, giáo viên giảng dạy môn Tiếng Anh và Tin học cấp tiểu học (*theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là môn học bắt buộc từ lớp 3*) trên địa bàn tỉnh còn thiếu (*cả tỉnh hiện có 118 biên chế giáo viên dạy tiếng Anh và 14 biên chế giáo viên dạy tin học cấp tiểu học*), do đó tỉ lệ học sinh lớp 1 được làm quen với 2 môn học này ở năm học 2020-2021 còn thấp (*số học sinh lớp 1 được làm quen môn Tiếng Anh đạt 55,89%, môn Tin học đạt 10,06%*). Theo kết quả rà soát, báo cáo của các đơn vị, để đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy 2 môn học này từ lớp 3, tỉnh Bạc Liêu cần tuyển bổ sung 87 giáo viên dạy tiếng Anh và 106 giáo viên dạy tin học ở cấp tiểu học. Đối với cấp THCS và THPT, do cơ cấu môn học, hoạt động giáo dục có sự thay đổi, bổ sung (khác) so với Chương trình giáo dục phổ thông năm 2006 nên những môn học mới này chưa có giáo viên để giảng dạy.

2. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và sự ủng hộ, đồng thuận của Nhân dân về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo ngành Giáo dục trong việc thực hiện các giải pháp nhằm đáp ứng các điều kiện, sẵn sàng thực hiện thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, trong đó có sự chuẩn bị đội ngũ giáo viên giảng dạy.

- Đội ngũ giáo viên các cơ sở giáo dục phổ thông trong tỉnh, nhất là giáo viên cốt cán được tiếp cận nhiều văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có ý thức tự giác, nỗ lực trong nghiên cứu, tìm hiểu nội dung Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Các Sở, Ban, Ngành liên quan có sự phối hợp, hỗ trợ ngành Giáo dục trong việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Khó khăn

- Mặc dù trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học có các môn Tin học, Tiếng Anh (môn học bắt buộc từ lớp 3) nhưng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ chưa có quy định cụ thể việc tuyển dụng các giáo viên dạy những môn học này.

- Đội ngũ giáo viên cốt cán của tỉnh còn thiếu, thậm chí không có ở một số môn (nhất là các môn mới, môn ghép, các hoạt động giáo dục) nên việc hỗ trợ giáo viên bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực theo chuẩn nghề nghiệp gặp nhiều khó khăn.

- Do ngân sách tỉnh khó khăn, trong năm 2020 tỉnh chưa bố trí được kinh phí để triển khai hoạt động bồi dưỡng đại trà cho giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay, tỉnh đang chỉ đạo cân đối, bố trí kinh phí để kịp thời tổ chức thực hiện bồi dưỡng đại trà cho giáo viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

4. Một số giải pháp chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở tỉnh Bạc Liêu

4.1. Công tác tuyên truyền, quán triệt việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, Ngành có liên quan đến triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo ngành Giáo dục phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh và Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch đẩy mạnh công tác truyền thông các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới hoạt động giáo dục – đào tạo để nhân dân hiểu, chia sẻ và đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện. Đồng thời, ngành Giáo dục đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng đến toàn thể đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh hiểu, nắm chắc chủ trương, yêu cầu về đổi mới giáo dục – đào tạo để cán bộ quản lý, giáo viên nhận thức và có ý thức phấn đấu thực hiện.

4.2. Rà soát, tuyển dụng bổ sung, bố trí sử dụng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tham mưu, đề xuất, hướng dẫn các đơn vị, trường học thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên của từng môn học, lớp học, cấp học để xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có, tuyển dụng và thực hiện tinh giản biên chế phù hợp với đặc thù của địa phương, đảm bảo đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông. Ưu tiên biên chế để tuyển dụng giáo viên cho các môn học mới ở các cấp học (nhất là môn Tiếng Anh, Tin học cấp tiểu học; môn Khoa học tự nhiên cấp trung học cơ sở, môn Âm nhạc, Mĩ thuật cấp trung học phổ thông); linh

hoạt bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên hiện có, những khối lớp triển khai thực hiện trước thì cần ưu tiên đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo định mức quy định đối với mỗi cấp học; điều chuyển giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu, có thể bố trí 1 giáo viên dạy ở 2 trường trên cùng địa bàn (đối với những giáo viên dạy môn học mà chưa đủ tiết tiêu chuẩn theo quy định ở 1 trường), hợp đồng lao động (theo Nghị quyết 102/NQ-CP) hoặc thỉnh giảng giáo viên dạy môn học mà nhà trường còn thiếu.

Bên cạnh đó, ngành Giáo dục đã chủ động kiện toàn và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán ở các môn học, các cấp học làm nòng cốt trong công tác bồi dưỡng giáo viên và triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới. Ngoài ra, để đảm bảo đội ngũ giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chất lượng, hiệu quả, ngành Giáo dục đã chỉ đạo các đơn vị, trường học thực hiện nghiêm túc đánh giá giáo viên trường phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp làm căn cứ bồi dưỡng, đào tạo lại đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Việc bố trí giáo viên dạy lớp 1 năm học 2020-2021 là rất quan trọng vì đây là năm đầu tiên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, ngành Giáo dục chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh chọn cử giáo viên có nhiều kinh nghiệm nhất, có khả năng tốt nhất đáp ứng chương trình, sách giáo khoa mới và kết quả tập huấn bồi dưỡng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông được đánh giá đạt yêu cầu để dạy lớp 1. Nhìn chung, tỉnh Bạc Liêu cơ bản đảm bảo định mức giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 1 và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo chương trình (*toàn tỉnh có 14.489/14.640 học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày ở năm học 2020-2021, tỉ lệ 98,96%*).

4.3. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, trước mắt đối với giáo viên dạy lớp 1

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, ngành Giáo dục Bạc Liêu đã chọn cử giáo viên, cán bộ quản lý cốt cán cấp tiểu học và trung học tham gia bồi dưỡng theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tính đến nay, ngành Giáo dục đã hoàn thành bồi dưỡng Mô đun 1 cho 100% giáo viên dạy lớp 1, đồng thời đang nỗ lực chuẩn bị các điều kiện để triển khai bồi dưỡng đại trà cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh các Mô đun 1, 2, 3 dự kiến hoàn thành trong năm 2021 đảm bảo kịp lộ trình chung của cả nước.

Trước mắt, để giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh được tiếp cận những vấn đề cơ bản nhất, cốt lõi nhất về bồi dưỡng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 các Môn đun 1, 2, 3, ngành Giáo dục của tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị sử dụng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cốt cán của đơn vị mình được tập huấn cấp Bộ để chia sẻ cho giáo viên, cán bộ quản lý thông qua các

lần sinh hoạt chuyên môn (trường, cụm trường) trong năm học, bồi dưỡng chuyên môn hè, ...

Bên cạnh đó, ngành Giáo dục đã chỉ đạo các đơn vị, trường học tăng cường tổ chức các hoạt động bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới kết hợp với bồi dưỡng thường xuyên, sinh hoạt chuyên môn, ... bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến; phát huy tối đa ý tự học, tự nghiên cứu, khả năng sáng tạo của mỗi giáo viên; tạo điều kiện để giáo viên được giao lưu, chia sẻ hoặc đề xuất những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để được hỗ trợ kịp thời. Hoạt động bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới ở các cơ sở giáo dục phổ thông được diễn ra thường xuyên và liên tục.

Mặt khác, để đảm bảo yêu cầu về chất lượng đội ngũ giáo viên, ngoài việc bồi dưỡng, tập huấn thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị, trường học đã tiến hành rà soát và có kế hoạch lộ trình tổ chức cho giáo viên tham gia các khóa đào tạo liên thông lên trình độ đại học sư phạm đối với những người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng và trung cấp sư phạm, nhằm đảm bảo chuẩn trình độ đào tạo đối với giáo viên các cấp học phổ thông theo quy định.

4.4. Nhằm kịp thời ghi nhận, biểu dương những điển hình tiên tiến trong thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới trên địa bàn tỉnh, qua đó, kích thích sự phát triển cá nhân, tạo sự lan tỏa trong đội ngũ giáo viên góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, ngành Giáo dục đã kịp thời nhân rộng, tuyên dương, khen thưởng những cá nhân tiêu biểu, có thành tích tốt trong thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

III. Đề xuất, kiến nghị

- Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Nội vụ có quy định, hướng dẫn cụ thể về tuyển dụng giáo viên dạy các môn học mới (cấp tiểu học và trung học) theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Bạc Liêu để đảm bảo nguồn vốn bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lí, đầu tư cho cơ sở vật chất đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018./.

BÁO CÁO THAM LUẬN
Về công tác chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu
thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông⁵⁰

Lạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới, thuộc vùng Đông Bắc của Tổ quốc với diện tích tự nhiên 8.310,2 km², có đường biên giới tiếp giáp với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc dài 231,74 km. Dân số 788.706 người, chủ yếu sinh sống ở khu vực nông thôn (chiếm 79,55%). Có 7 dân tộc chủ yếu, trong đó: dân tộc Nùng (43,19%), Tày (34,58%), Kinh (16,10%) và các dân tộc khác chiếm 6,13%. Toàn tỉnh có 10 huyện và 1 thành phố gồm 200 đơn vị hành chính cấp xã, 199 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (trừ xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng), trong đó có 88 xã khu vực III, 08 xã khu vực II, 103 xã khu vực I và 94 thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II; tỷ lệ hộ nghèo năm 2020 là 7,88%, hộ cận nghèo là 9,27%.

Năm học 2020 - 2021, trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 675 đơn vị trường học, trong đó: 231 trường mầm non, 182 trường tiểu học, 71 trường tiểu học và trung học cơ sở (TH&THCS), 149 trường THCS, 26 trường trung học phổ thông (THPT), 03 trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) THCS&THPT, 01 trường THCS&THPT, 02 trung tâm giáo dục thường xuyên, 09 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và trường Cao đẳng Sư phạm. Số lượng học sinh, sinh viên là 203.772, trong đó cấp mầm non 55.137; tiểu học 74.923; THCS 46.294, THPT 22.815, giáo dục thường xuyên 3.547 và trường chuyên nghiệp 1.056. Có 21.029 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, trong đó: 1.815 cán bộ quản lý, 14.955 giáo viên, 4.259 nhân viên.

Để đảm bảo triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GDĐT), đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Thông tư số 32/2018/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (Chương trình GDPT 2018); Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã chỉ đạo Sở GDĐT tham mưu chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, công tác phối hợp trong dạy và học... Công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị triển khai Chương trình GDPT 2018 được rà soát, quan tâm theo

⁵⁰ Công văn số 1085/UBND-KGVX ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

đổi và bổ sung phù hợp, đặc biệt đáp ứng yêu cầu tối thiểu đối với lớp 1, lớp thực hiện đầu tiên, năm đầu tiên đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

1. Kết quả thực hiện giai đoạn 2016 - 2020

a) Công tác chuẩn bị cơ sở vật chất

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020: đến hết năm 2020, số trường học đạt chuẩn về cơ sở vật chất là 223/540 đạt 41,3%, trong đó: cấp mầm non có 74/191 trường, cấp tiểu học có 65/150 trường, cấp TH&THCS có 25/69 trường, cấp THCS có 58/121 trường và cấp THPT có 01/09 trường. Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã bố trí 145,6 tỷ đồng cho 34 công trình trường học trên địa bàn các xã.

- Đề án kiên cố hóa trường học giai đoạn 2012 - 2015 và giai đoạn 2016 -2020 đã đầu tư xây dựng được 345 phòng học mầm non, tiểu học. Kinh phí thực hiện 235,2 tỷ đồng, trong đó: nguồn vốn trái phiếu Chính phủ 215,6 tỷ đồng và vốn ngân sách địa phương 19,6 tỷ đồng.

- Đề án xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh cho các trường, điểm trường mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh năm 2019: xây mới 193 nhà vệ sinh; cải tạo sửa chữa 110 nhà vệ sinh. Kinh phí thực hiện 41,5 tỷ đồng, trong đó: ngân sách tỉnh hỗ trợ 17,4 tỷ đồng, ngân sách huyện 15,5 tỷ đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác là 8,6 tỷ đồng.

Toàn tỉnh hiện có 7.688 phòng học, trong đó có 5.967 phòng kiên cố, chiếm 77,61%; 1.425 phòng bán kiên cố, chiếm 18,54%; 296 phòng tạm, chiếm 3,85%. So với quy mô giáo dục hiện tại số phòng học cơ bản đáp ứng đủ 01 phòng/01 lớp để học 02 buổi/ngày. Tuy nhiên, có sự thừa, thiếu cục bộ và khác nhau giữa các cấp học, giữa các trường, điểm trường và giữa các địa phương. Một số trường còn thiếu phòng học phải học nhờ phòng học của trường phổ thông khác hoặc nhà văn hóa thôn.

b) Về trang thiết bị dạy học

- Trang bị phòng vi tính cho các trường phổ thông 159 phòng và bổ sung 298 bộ máy tính, với tổng kinh phí 84,91 tỷ đồng.

- Trang bị thiết bị hỗ trợ dạy học thông dụng cho các trường phổ thông (ti vi, máy tính) 564 phòng, với tổng kinh phí 21,51 tỷ đồng.

- Trang thiết bị phòng học bộ môn: phòng lý - công nghệ 20 phòng, phòng hóa - sinh 19 phòng, với tổng kinh phí 7,73 tỷ đồng.

- Trang bị 578 máy phô tô cho các trường mầm non, phổ thông, với tổng kinh phí 47,94 tỷ đồng.

- Bổ sung 769 bộ bàn ghế giáo viên, 8.537 bộ bàn ghế học sinh, với tổng kinh phí 15,86 tỷ đồng.

- Về mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1: thực hiện Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1, trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Sở GDĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 về việc phê duyệt danh mục mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ đáp ứng so với nhu cầu đạt trên 85% so với nhu cầu. Tổng kinh phí mua sắm: 54,39 tỷ đồng, trong đó: nguồn Chương trình mục tiêu Giáo dục miền núi 20 tỷ đồng, nguồn kinh phí địa phương (sự nghiệp giáo dục) 34,39 tỷ đồng.

- Kế hoạch chuẩn bị mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 và lớp 6 theo Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT:

+ Trên cơ sở rà soát nhu cầu số lượng thiết bị cần trang bị, ước tổng kinh phí mua sắm trên 418 tỷ đồng, trong đó thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2: 82 tỷ đồng, lớp 6: 336 tỷ đồng (chưa bao gồm thiết bị dạy học tối thiểu môn Ngoại ngữ, Tin học). Ngân sách tỉnh đã cân đối giao trong dự toán năm 2021 đầu năm: 65 tỷ đồng, ước đạt khoảng 16% so với nhu cầu.

+ Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 phê duyệt danh mục mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 6 năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang thực hiện các bước theo trình tự thủ tục đấu thầu, dự kiến đầu năm học 2021 - 2022 thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 6 sẽ được cung cấp đến các cơ sở giáo dục.

2. Nhu cầu đầu tư giai đoạn 2021 - 2025

a) Nhu cầu bổ sung cơ sở vật chất

Để đáp ứng mục tiêu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thay thế các phòng học tạm, phòng bán kiên cố đang xuống cấp, phòng học nhờ, mượn, thuê, bổ sung đủ phòng học đạt chuẩn 01 lớp/01 phòng cấp mầm non, tiểu học, đủ phòng phục vụ học tập và phòng học bộ môn, thư viện cấp tiểu học, THCS, THPT đến năm 2025, tỉnh Lạng Sơn cần đầu tư xây dựng số lượng như sau:

- Xây dựng 1.365 phòng học cho các trường, điểm trường mầm non và phổ thông đảm bảo 100% số phòng học được kiên cố hóa; đảm bảo mỗi lớp học mầm non, phổ thông có 01 phòng học để duy trì học 2 buổi/ngày;

- Xây dựng 2.003 phòng học bộ môn để đảm bảo các điểm trường chính của các trường tiểu học, THCS, THPT có đủ phòng học bộ môn triển khai học tập theo chương trình giáo dục phổ thông mới;

- Đầu tư bổ sung 84 phòng thư viện cho các trường tiểu học, THCS và THPT đảm bảo đạt tiêu chuẩn về thư viện trường học;

- Xây dựng bổ sung 186 phòng thiết bị giáo dục cho các trường tiểu học, THCS và THPT.

- Nhu cầu kinh phí: tổng nhu cầu kinh phí đầu tư là 2.514,2 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 2.262,8 tỷ đồng, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác là 251,4 tỷ đồng.

b) Nhu cầu bổ sung trang thiết bị dạy học

- Mua sắm bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường phổ thông đáp ứng theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông, cụ thể:

+ Mua sắm 6.371 bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường TH, THCS, THPT theo chương trình, sách giáo khoa mới năm 2018;

+ Mua sắm bổ sung 3.774 bộ máy tính, 419 bộ thiết bị dạy học ngoại ngữ thông dụng cho các trường phổ thông;

+ Bổ sung 7.748 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi cho học sinh phổ thông.

- Nhu cầu kinh phí: tổng nhu cầu kinh phí trang bị thiết bị dạy học là 532,91 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 399,68 tỷ đồng, ngân sách sự nghiệp giáo dục và các nguồn vốn hợp pháp khác là 232,42 tỷ đồng.

3. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

Có hệ thống văn bản hướng dẫn, chỉ đạo từ trung ương đến địa phương về công tác chuẩn bị các điều kiện phục vụ đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT. Các cấp, các ngành và các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của Chương trình GDPT 2018, chủ động, trách nhiệm trong công tác phối hợp, triển khai thực hiện..

Ngành GDĐT của tỉnh làm tốt công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp kịp thời, thường xuyên với các sở, ban ngành, đoàn thể, các cơ quan liên quan trong công tác tuyên truyền triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới, tích cực chỉ đạo các đơn vị nhà trường rà soát, đầu tư các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học,... ưu tiên đối với khối lớp 1 đảm bảo đủ 01 phòng học/lớp, tạo thuận lợi cho việc triển khai công tác bán trú, dạy học 2 buổi/ngày; 100% học sinh lớp 1 có đủ đồ dùng học tập, sách giáo khoa,... tạo được sự đồng thuận trong toàn ngành, sự ủng hộ của phụ huynh, cộng đồng. Phần lớn đội ngũ giáo viên tích cực đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; sử dụng có hiệu quả đồ dùng, thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc khai thác tài liệu bổ trợ, hỗ trợ trong dạy học.

b) Những khó khăn, hạn chế

- Nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thay thế các phòng học tạm, phòng bán kiên cố đang xuống cấp, phòng học nhờ mượn, thuê, bổ sung đủ phòng học đạt chuẩn 01 lớp/01 phòng cấp tiểu học, đủ phòng phục vụ học tập và phòng học bộ môn, thư viện cấp tiểu học, THCS, THPT chưa phê duyệt.

- Đối với thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, có một số danh mục thiết bị theo Thông tư của Bộ GDĐT hiện tính theo số lượng bộ/trường, cụ thể mục tranh ảnh thuộc danh mục thiết bị dạy học môn Giáo dục thể chất là 4 bộ/trường, tuy nhiên qua rà soát và tổng hợp thấy không phù hợp đối với các tỉnh miền núi, vì thực tế có những trường chỉ có 01 lớp nên không phù hợp, đề nghị xem xét, đổi thành số lượng bộ/lớp.

- Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 có một số môn học tính theo giáo viên đứng lớp dẫn đến trường có số lớp giống nhau nhưng đơn vị đăng ký số lượng khác nhau, đề nghị xem xét tính theo số lớp để đảm bảo sự thống nhất.

Kinh phí cho việc mua sắm thiết bị tối thiểu mới chỉ đáp ứng cho trang bị tranh ảnh và thiết bị thông dụng. Đối với trang thiết bị phòng học bộ môn, thiết bị dùng chung, địa phương hiện chưa cân đối được nguồn thực hiện.

c) Nguyên nhân khó khăn, hạn chế

Lạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn cao. Công tác tăng cường cơ sở vật chất còn gặp khó khăn, số phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành, phòng thư viện còn thiếu, chưa được đầu tư xây dựng kịp thời. Hằng năm, Trung ương hỗ trợ trên 80% ngân sách cho tỉnh, ngân sách đầu tư cho GDĐT còn hạn hẹp, chủ yếu để chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương, kinh phí đầu tư cho hoạt động dạy và học, mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học chưa đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

4. Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới

Tiếp tục chỉ đạo Sở GDĐT hướng dẫn các cơ sở giáo dục điều chỉnh, sắp xếp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 theo quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT. Tiếp tục đầu tư, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, chế độ hỗ trợ cho học sinh để tổ chức thực hiện bán trú tại các điểm trường, các trường có học sinh ở xa, đảm bảo việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông mới. Tập trung, lồng ghép các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện “Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và GDPT giai đoạn 2021 - 2025”; đầu tư xây dựng mới phòng học kiên cố dần thay thế phòng tạm, phòng học nhờ ở các trường tiểu học thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu để đảm bảo yêu cầu dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của các trường, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Phân đầu đáp ứng đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật theo hướng đồng bộ, toàn diện, đạt chuẩn theo quy định.

5. Kiến nghị, đề xuất

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục quan tâm, tham mưu hỗ trợ kinh phí cho các địa phương chưa cân đối được nguồn kinh phí xây dựng trường, lớp học và đảm bảo trang thiết bị dạy học thực hiện Chương trình GDPT 2018; hỗ trợ giáo dục dân tộc, củng cố và phát triển hệ thống các trường nội trú, bán trú; có chính sách hỗ trợ sách giáo khoa cho giáo viên và học sinh thuộc xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; quy định số lượng trang thiết bị dạy học tối thiểu được tính theo số lớp/trường, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương./.

BÁO CÁO THAM LUẬN
VỀ công tác chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu
thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông⁵¹

1. Đặc điểm tình hình

Hà Tĩnh nằm ở trung tâm Bắc Trung bộ. Phía bắc giáp tỉnh Nghệ An, phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình, phía Tây giáp nước Lào, phía Đông giáp biển Đông, với diện tích: 6.055,6 km², dân số: 1.280.782 người. Người dân Hà Tĩnh có truyền thống văn hóa, cách mạng, cần cù và hiếu học.

Ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và sự đồng thuận của nhân dân.

Trong những năm gần đây, kinh tế xã hội Hà Tĩnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng khá; xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Bên cạnh đó, Hà Tĩnh có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, hàng năm phải hứng chịu nhiều trận bão, lũ; nhân dân phần lớn làm nông nghiệp, cuộc sống vẫn còn khó khăn.

2. Hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, chất lượng giáo dục

2.1. Hệ thống trường lớp giáo dục phổ thông:

Năm học 2020-2021, toàn tỉnh có 413 trường phổ thông với 7597 lớp, 242975 học sinh. Trong đó: Tiểu học có 221 trường, 4034 lớp, 121.180 học sinh; Trung học cơ sở 147 trường, 2365 lớp, 78.228 học sinh; Trung học phổ thông 45 trường, 1198 lớp, 43.567 học sinh.

2.2. Đội ngũ nhà giáo:

Tiểu học: Tổng số CBQL, GV, NV: 6454, trong đó giáo viên: 5418; tỷ lệ 1,34 giáo viên/lớp; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019: 89,4%;

Trung học cơ sở: Tổng số CBQL, GV, NV: 5461, trong đó giáo viên 4627; tỷ lệ 1,96 giáo viên/lớp; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019: 87,2%;

Trung học phổ thông: Tổng số CBQL, GV, NV: 2944, trong đó giáo viên 2670; tỷ lệ 2,22 giáo viên/lớp; tỷ lệ giáo viên trên chuẩn 17,2 %;

⁵¹ Công văn số 4872/UBND-VX ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Công văn số 1476/BC-SGDĐT ngày 09/8/2021.

2.3. Cơ sở vật chất trường học:

Cơ sở vật chất, thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học; hầu hết các cơ sở giáo dục tổ chức dạy học một ca, số phòng học kiên cố chiếm tỷ lệ khá cao (mầm non 75%, tiểu học 88%, THCS 85%, THPT 93%); đa số các trường học được quy hoạch, đủ diện tích đất, khuôn viên, cảnh quan sư phạm xanh, sạch, đẹp và an toàn.

2.4. Chất lượng giáo dục:

Đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (năm 2013), đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (năm 2015), phổ cập THCS mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2.

Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì và có chuyên biến tích cực ở các cấp học, bậc học; kết quả thi học sinh giỏi quốc gia nhiều năm đạt tốt, thuộc tốp dẫn đầu cả nước.

2.5. Kết quả thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1

Triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1 ở Hà Tĩnh diễn ra trong điều kiện địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề của những trận lũ lớn và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Nhưng nhờ sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành, sự nỗ lực, quyết tâm cao của đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên và sự đồng hành của cha mẹ học sinh, đến nay, việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1 ở Hà Tĩnh đã thành công tốt đẹp. Học sinh tự tin, giáo viên hào hứng, xã hội ghi nhận và đánh giá cao. Kết thúc năm học, toàn tỉnh có 97,9% học sinh lớp 1 hoàn thành chương trình lớp học.

3. Về công tác chuẩn bị thực hiện Chương trình GDPT 2018

Triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 là nhiệm vụ chính trị quan trọng của ngành giáo dục. Đây là cơ hội để ngành giáo dục tiếp tục thực hiện sắp xếp hợp lí hệ thống các trường phổ thông; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học kiên cố, hiện đại; xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đảm bảo chất lượng; nâng cao chất lượng giáo dục.

Trong thời gian qua, ngành giáo dục Hà Tĩnh đã chủ động và tích cực tham mưu với các cấp quản lí nhằm đảm bảo các điều kiện để thực hiện Chương trình GDPT 2018, cụ thể:

- Về đội ngũ giáo viên: Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu HĐND, UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu tuyển dụng hàng năm đối với giáo viên còn thiếu ở các cấp học; ban hành Quy định biệt phái giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông từ đơn vị thừa giáo viên đến đơn vị thiếu giáo viên; ban hành Quyết định về giao biên chế đội ngũ viên chức quản lí, hỗ trợ phục vụ, giáo viên theo cơ cấu bộ môn cấp tiểu học, THCS và THPT, trong đó cơ cấu môn học đã tính toán tỉ lệ theo hướng tiếp cận, chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai Chương trình GDPT 2018.

Xây dựng Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu: Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; đạt chuẩn về trình độ đào tạo, tâm huyết, chủ động, sáng tạo; đủ phẩm chất năng lực đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- *Về cơ sở vật chất*: Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với xây dựng Nông thôn mới; giao trách nhiệm cho các cấp chính quyền, cơ sở giáo dục đối chiếu với yêu cầu về cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện Chương trình GDPT 2018 tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện.

Xây dựng Đề án xây dựng trường mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 gắn với thực hiện Chương trình GDPT 2018 và xây dựng tỉnh đạt chuẩn Nông thôn mới.

- *Về công tác truyền thông*: Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh, Báo Hà Tĩnh xây dựng chuyên trang, chuyên đề về thực hiện Chương trình GDPT 2018; tuyên truyền về những cá nhân, tập thể có những cách làm hay, sáng tạo. Từ đó tạo sức lan tỏa, chuyên biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm, hành động và sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo.

4. Về chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018

4.1. *Công tác tham mưu*: Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025 (*Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND Hà Tĩnh*), trong đó nội dung đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức dạy học và giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 tập trung vào các nội dung: Rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện có với yêu cầu thực hiện chương trình từ đó huy động các nguồn lực để bổ sung, đầu tư mua sắm và xây dựng mới; ban hành cơ chế để huy động các nguồn lực thực hiện kế hoạch; tổ chức huy động các khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất trường học.

4.2. *Tiếp tục sắp xếp hợp lý hệ thống trường phổ thông*: Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Đây là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục.

Việc sắp xếp các trường học được thực hiện theo hướng tăng quy mô lớp, học sinh; đưa các điểm trường về một điểm trường, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục và tạo sự công bằng cho tất cả học sinh.

4.3. Rà soát, bổ sung cơ sở vật chất trường học: Tổ chức rà soát lại hiện trạng cơ sở vật chất, thiết bị trường học; căn cứ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, yêu cầu về cơ sở vật chất thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới để xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của nhà giáo trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

Chỉ đạo chính quyền cấp huyện, cấp xã, các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng kế hoạch về bổ sung cơ sở vật chất và lộ trình thực hiện. Huy động mọi nguồn lực đảm bảo 100% số lớp đủ 01 phòng/lớp; đồ dùng, thiết bị dạy học và cơ sở vật chất khác đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018.

4.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện chương trình:

Tổ chức rà soát và bổ sung cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học môn Tin học ngay từ lớp 3 và lớp 6. Tăng cường ứng dụng CNTT để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng, tập huấn và tổ chức sinh hoạt chuyên môn trực tuyến; triển khai hiệu quả phòng họp trực tuyến giữa Sở GDĐT và 13 điểm cầu tại các huyện, thị xã và thành phố trên địa bàn toàn tỉnh.

Tăng cường sử dụng phần mềm quản lý trong nhà trường và sử dụng số điện tử trong quản lý và lưu trữ, triển khai sử dụng hồ sơ chuyên môn điện tử (phiếu báo giảng, sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc, sổ đăng bộ) tại các cơ sở giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT hỗ trợ đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá trong tất cả các môn học; khai thác và phát huy các học liệu điện tử theo các bộ SGK mới; triển khai dạy học trực tuyến (tăng cường đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, đường truyền Internet, phần mềm, học liệu và tập huấn giáo viên, học sinh áp dụng dạy học trực tuyến hiệu quả); triển khai các giải pháp ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá (xây dựng ngân hàng câu hỏi, phần mềm khảo thí và các điều kiện triển khai).

Phát động giáo viên tích cực xây dựng học liệu dạy học trực tuyến, chú trọng xây dựng bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trực tuyến, tư liệu 3D, thí nghiệm ảo, phần mềm mô phỏng, sách điện tử tương tác,...đóng góp vào kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, kho học liệu của ngành và Hệ tri thức Việt số hóa.

4.5. Kết quả đạt được:

Đến nay, về cơ bản cơ sở vật chất các trường phổ thông ở Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Bước vào năm học 2020-2021 đã hoàn thành việc sắp xếp trường học giai đoạn 2018-2021 (giảm 72 cơ sở giáo dục công lập: mầm non giảm 29 trường, tiểu học

giảm 39 trường, THCS 03 giảm trường, THPT giảm 01 trường; chuyển các điểm trường nhỏ lẻ về điểm chính).

Tính đến tháng 7/2021, Hà Tĩnh có 355 trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia (tỉ lệ 86%); trong đó: Tiểu học 194 trường (tỉ lệ 88,2%), THCS 128 trường (tỉ lệ 87,1%) và THPT 33 trường (tỉ lệ 73,3%).

Số phòng học được đầu tư xây dựng mới từ năm 2018 đến đầu năm học 2020-2021 là 414 phòng; số bộ thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, dạy học ngoại ngữ được trang bị (từ năm 2017 đến 2019): 2.362 bộ (mỗi bộ 01 máy chiếu, 01 máy tính); số phòng họp trực tuyến được đầu tư mới: 14 phòng; phần mềm hỗ trợ dạy học, kiểm tra đánh giá, đề thi: 537 bộ.

Đặc biệt, đối với lớp 1: có 849 phòng học/849 lớp, trong đó: phòng học kiên cố: 815 phòng (tỉ lệ 96%); phòng học cấp 4: 34 phòng (tỉ lệ 4%). Thiết bị, đồ dùng dạy học lớp 1: 100% phòng học lớp 1 có Smart TV hoặc máy chiếu, trong đó Smart TV: 820 cái; máy chiếu: 155 cái; thiết bị khác: 166 cái. Đồ dùng dạy học giáo viên: 959 bộ, đồ dùng học sinh: môn Tiếng Việt: 25.338 bộ, môn Toán: 25.338 bộ, đồ dùng khác: 1.596 bộ.

Tổng kinh phí: 588.558 triệu đồng. Ngoài ra các cơ sở giáo dục còn huy động tài trợ được hàng trăm tỷ đồng để nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học.

5. Khó khăn, hạn chế

Điều kiện kinh tế-xã hội của Hà Tĩnh còn gặp nhiều khó khăn, nguồn ngân sách nhà nước đầu tư và huy động xã hội hóa để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường học còn hạn hẹp.

Hàng năm, Hà Tĩnh chịu ảnh hưởng lớn từ thiên tai, bão, lũ đã gây thiệt hại nặng nề về tài sản, cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học.

6. Kiến nghị, đề xuất

Kính đề nghị Bộ GDĐT trình Chính phủ bố trí kinh phí thuộc ngân sách Trung ương hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được chi thường xuyên để thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2017-2025. Tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2021-2025./.

BÁO CÁO THAM LUẬN
VỀ công tác chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu
thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông⁵²

Lâm Đồng thuộc khu vực Tây Nguyên là miền đất hội tụ 43 dân tộc anh em trên mọi miền đất nước về đây sinh sống và lập nghiệp tạo nên nét văn hóa giàu bản sắc, có 10 huyện và 02 thành phố thuộc tỉnh, trong đó Đà Lạt là thành phố Festival hoa, nơi du lịch nghỉ dưỡng nổi tiếng trong nước và quốc tế. Toàn tỉnh có 243 trường tiểu học và 17 trường phổ thông có lớp tiểu học; tổng số 4.128 lớp/128.772 em học sinh, số học sinh bỏ học 0, DTSS tỉ lệ 100%, học sinh DTTS 37.482 em tỉ lệ 29,1%. Tổng số CBQL-GV-CNV 7971 người, trong đó CBQL 514 người đạt chuẩn Đại học 100%, tổng số giáo viên 6.140, nữ 5317, dân tộc 677; trình độ đào tạo Cao học 4. Đại học 4143/6140, tỉ lệ 67,5%, Cao đẳng 1993/6140, tỉ lệ 32,5%. Tỉ lệ giáo viên bình quân 1,48 giáo viên/lớp.

I. Thực trạng và những kết quả đạt được

1. Thuận lợi

Ngành giáo dục tỉnh Lâm Đồng trong đó có giáo dục tiểu học luôn được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm sâu sắc, đầu tư nguồn kinh phí xây dựng trường lớp khang trang, kiên cố; Công tác xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia được tỉnh ủy ban hành Nghị quyết nên thuận lợi cho đầu tư về kinh phí; chính quyền địa phương các cấp luôn chỉ đạo, phối hợp tốt với Sở GDĐT tổ chức triển khai thực hiện chương trình; nhân dân luôn ủng hộ, đồng tình, tin tưởng đội ngũ nhà giáo khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018.

Việc thực hiện sắp xếp lại các cơ sở giáo dục phổ thông theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương, thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các trường tiểu học đã tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư kinh phí xây dựng kiên cố trường lớp, giảm các điểm trường nhỏ lẻ. Công tác xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, kiên cố hóa trường lớp được tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả nên tạo điều kiện tốt để triển khai CTGDPT 2018.

Công tác triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT) được Sở GDĐT triển khai kế hoạch truyền thông từ năm học 2019-2020, tổ chức tuyên truyền sâu rộng cho cộng đồng và nhân dân thông qua cơ quan truyền thông

⁵² Công văn số 5244/UBND-VX1 ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng và bản word nhận được từ Sở GDĐT tỉnh Lâm Đồng qua hòm thư điện tử.

như Đài truyền thanh truyền hình, Báo địa phương và các Báo chí khác từ đó đã tạo cơ hội cho người dân tiếp cận nhanh thông tin, hiểu biết về quan điểm, chủ trương của Đảng và các đầu tư của Nhà nước khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nắm vững quan điểm triển khai thực hiện, luôn tiên phong, đổi mới sáng tạo trong dạy học, Sở GDĐT tổ chức hiệu quả các lớp bồi dưỡng chuyên môn, triển khai các chuyên đề dạy học; kịp thời hướng dẫn định hướng, chia sẻ khó khăn cho cơ sở; mỗi CBQL cấp Sở, Phòng và cơ sở giáo dục luôn là điểm tựa vững chắc cho giáo viên khi triển khai thực hiện chương trình.

Giáo dục tiểu học Lâm Đồng luôn tiên phong đi đầu trong đổi mới và áp dụng linh hoạt sáng tạo các phương pháp dạy học tích cực; việc 7 năm qua giáo dục tiểu học duy trì hơn 65% các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh dạy học theo mô hình trường học mới VNEN chính là tiền đề thuận lợi cho đội ngũ giáo viên áp dụng triển khai dạy học phát triển phẩm chất, năng lực của CTGDPT 2018.

2. Khó khăn

Một số cán bộ quản lý và giáo viên không đồng đều về độ tuổi, trình độ chuyên môn, năng lực công tác, chậm đổi mới làm ảnh hưởng đến hiệu quả của việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Cơ cấu đội ngũ giáo viên chưa đồng đều giữa giáo viên cơ bản và giáo viên năng khiếu (*thừa giáo viên dạy tiểu học nhưng thiếu giáo viên dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, giáo dục thể chất*) nên khi địa phương tuyên dụng thiếu nguồn.

Một số phòng học diện tích chưa hợp lý không gian lớp học chật chội làm cho việc tổ chức các hoạt động dạy học trong nhóm còn hạn chế, một số trường ở vùng thành phố có sĩ số học sinh trong lớp khá đông nhưng thiếu quỹ đất mở rộng nên ảnh hưởng rất nhiều đến việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Việc triển khai Nghị quyết 19 giảm biên chế giáo viên, không tăng lớp học đã làm tăng sĩ số học sinh/lớp làm ảnh hưởng tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Trước khi triển khai chương trình, một số trường tiểu học thực trạng cơ sở vật chất trường lớp xây dựng lâu năm đã xuống cấp, trong đó có cả các trường đã đạt chuẩn quốc gia; một số trường tiểu học thiếu phòng chức năng, phòng phục vụ học tập hoặc không có đủ diện tích đất để xây dựng thêm các phòng học và các phòng chức năng; nhu cầu học sinh bán trú lớn nhưng thiếu bếp ăn, chỗ nghỉ để đảm bảo lộ trình 100% học sinh được học 2 buổi/ngày và tổ chức bán trú khi triển khai thực hiện, một số trường tiểu học còn tình trạng các điểm trường lẻ đã xuống cấp, khuôn viên chưa khép kín, còn phòng học tạm, phòng học mượn. tỉ lệ bình quân đạt 0.8 phòng/lớp.

Để triển khai CTGDPT 2018 phải triển khai đồng bộ 4 yếu tố gồm: Đội ngũ CBQL-GV, xây dựng cơ sở vật chất trường lớp và kinh phí đầu tư, công tác quản lý

quản trị trường học, công tác tổ chức lựa chọn SGK và triển khai thực hiện. Trong 4 yếu tố trên thì 3 yếu tố đã cơ bản đáp ứng, Sở GDĐT lựa chọn yếu tố cơ bản để triển khai các giải pháp cấp bách là xây dựng cơ sở vật chất trường lớp nhằm đảm bảo tỉ lệ 1 phòng/lớp để triển khai thực hiện tốt CTGDPT 2018.

II. Các giải pháp triển khai thực hiện

Căn cứ Thông tư 32 ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT Ban hành CTGDPT 2018, công văn số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai Chương trình GDPT 2018, chuẩn bị năm học 2019-2020 là năm học bản lề rất quan trọng để toàn ngành chuẩn bị các điều kiện thật tốt để triển khai chương trình GDPT mới bắt đầu từ lớp 1 năm học 2020-2021.

1. Công tác tham mưu triển khai

Sở GDĐT Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh thực hiện giao biên chế giáo viên và người làm việc theo Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017, trong đó đội ngũ giáo viên đủ 1,5 gv/lớp để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày (10 buổi/tuần). Bố trí đủ đội ngũ giáo viên dạy học môn Tiếng Anh dạy học 4 tiết/tuần và 01 giáo viên Tin học/1 trường. Trong đó ưu tiên đối với lớp 1.

Phối hợp các Sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 5728/KH-UBND ngày 6/9/2019 Kế hoạch thực hiện Đề án « Bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và GDPT giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng », trong đó dành kinh phí đầu tư xây dựng gồm: Kiên cố hóa trường lớp, đầu tư xây dựng mới thay thế 63 phòng học tạm thời đã xuống cấp, hết hạn sử dụng. Xây dựng bổ sung thay thế 775 phòng học, 137 phòng GD thể chất, 144 phòng GD nghệ thuật, 116 phòng tin học, 127 phòng ngoại ngữ, 116 phòng thiết bị, 58 phòng hỗ trợ GD hòa nhập, 105 phòng thư viện. Mua sắm bổ sung 567 bộ thiết bị dạy học lớp 1 và 579 bộ thiết bị lớp 2, trang bị 9775 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi, 4518 bộ máy tính, 171 bộ thiết bị phòng học ngoại ngữ.

Phối hợp các sở, ban, ngành lập dự toán kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học lớp 1 theo Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định với tổng số kinh phí phê duyệt 65 tỉ đồng. Thực hiện rà soát, đánh giá lại điều kiện CSVC, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa, nâng cấp, bổ sung điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo điều kiện thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021. Trong đó đảm bảo điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho các trường tiểu học đủ điều kiện thực hiện tổ chức dạy học 9-10 buổi/tuần và đảm bảo tỉ lệ phòng học văn hóa đạt tỉ lệ 01 phòng/lớp.

2. Phối hợp UBND cấp huyện triển khai Đề án xây dựng kiên cố hóa trường lớp và chuẩn bị tốt các điều kiện triển khai CTGDPT 2018

Thực hiện sắp xếp lại các cơ sở giáo dục phổ thông theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương, thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các trường tiểu học theo nguyên tắc đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh, tạo thuận lợi cho người dân; phù hợp với quy hoạch đáp ứng được các yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018.

Phối hợp UBND các huyện, thành phố triển khai xây dựng kiên cố hóa trường lớp, giảm quy mô sáp nhập các trường nhỏ dưới 10 lớp trong cùng địa bàn, giảm các điểm trường lẻ manh mún nhằm dành kinh phí đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường lớp. Từ năm học 2018-2019 cho đến nay, toàn tỉnh sáp nhập và giảm 17 trường tiểu học có quy mô nhỏ dưới 10 lớp và còn 103 điểm trường lẻ do sáp nhập các trường tiểu học và các điểm trường vùng DTTS học sinh đi học xa hơn 3 km.

Thực hiện tốt việc phân cấp, phân quyền trong đó tự chủ tài chính về đầu tư xây dựng kiên cố hóa mạng lưới trường lớp, từ thực tế các trường tiểu học do Phòng GDĐT được UBND huyện giao quản lý trực tiếp. Để triển khai kế hoạch hiệu quả, Sở GDĐT phối hợp UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng GDĐT thực hiện văn bản số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 về việc hướng dẫn triển khai Chương trình GDPT 2018, trong đó có công tác chuẩn bị CSVC trường lớp với việc phân cấp tự chủ tài chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị triển khai xây dựng kiên cố hóa trường lớp chuẩn bị cho triển khai lớp 1

Hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch lộ trình, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện có biện pháp khả thi trong việc xây dựng, cải thiện cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học và đội ngũ giáo viên nhằm đảm bảo các điều kiện triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt đối với lớp 1 từ năm học 2020 - 2021 và các năm học tiếp theo.

3. Công tác xã hội hoá giáo dục

Trong triển khai nhiệm vụ năm học đối với giáo dục tiểu học, Sở GDĐT hướng dẫn các cơ sở giáo dục tiểu học phối hợp ban đại diện cha mẹ học sinh cải tạo nhà vệ sinh, tôn tạo cảnh quan trường lớp, xây dựng bếp ăn bán trú, nhà nghỉ cho học sinh, thiết kế trang bị mới 78 bộ thư viện thân thiện theo mô hình Room to Read. Thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có các tủ sách lớp học, hoạt động của thư viện có tác dụng phát triển văn hoá đọc, khuyến khích và đáp ứng nhu cầu đọc, nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo hằng năm đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình 2018.

4. Chuẩn bị các điều kiện triển khai đối với lớp 1 năm học 2020-2021

Rà soát, sắp xếp, bổ sung đội ngũ giáo viên tiểu học, xác định nhu cầu giáo viên ở từng môn học, lớp học để đề xuất kế hoạch tuyển dụng, sắp xếp, bổ sung đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đảm bảo định biên 1,5 gv/lớp.

Năm học 2020-2021 toàn tỉnh Lâm Đồng có 26.564 em học sinh lớp 1 với tổng số 874 lớp, số giáo viên dạy lớp 1 là 1.125 giáo viên. Hiện tại đảm bảo 1 phòng học/1 lớp và 1.5 gv/lớp. Tổ chức triển khai công tác lựa chọn SGK thông tin minh bạch, công khai tự chủ, phát huy vai trò đội ngũ giáo viên cốt cán.

Qua các lớp bồi dưỡng Chương trình GDPT 2018, Sở GDĐT đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp đổi mới trong việc tổ chức các hoạt động dạy học, tăng cường tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện ở trên lớp và ngoài lớp học; chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

III. Kết quả

Sở Giáo dục và Đào tạo kịp thời ban hành các văn bản, hướng dẫn triển khai CTGDPT 2018 theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện tốt việc phân cấp quản lý với phương châm Sở, Phòng là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, giao quyền tự chủ cho các trường tiểu học vận dụng chương trình sách giáo khoa, điều chỉnh tài liệu tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, hiệu quả sát đối tượng học sinh theo vùng miền, trong đó chú trọng quản lý hoạt động dạy học của giáo viên.

Sở GDĐT đã kịp thời tổ chức các hội nghị, hội thảo giới thiệu các bộ SGK tới tất cả các trường học trên địa bàn tỉnh, tuyên truyền, giới thiệu về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tới xã hội và mọi tầng lớp nhân dân; Triển khai kịp thời các văn bản hướng dẫn Phòng GDĐT các huyện, thành phố chỉ đạo các trường tiểu học tiến hành các khâu chuẩn bị triển khai thực hiện.

Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về thực hiện CTGDPT 2018, đặc biệt đối với lớp 1, xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương triển khai kế hoạch tập huấn cho các đối tượng thực hiện CTGDPT 2018, ưu tiên cho giáo viên đảm nhiệm dạy khối lớp 1. Từ đó hướng dẫn giáo viên tham gia tổ chuyên môn cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa.

Mạng lưới trường, lớp được củng cố và đi vào ổn định theo hướng giảm dần các điểm trường lẻ, cơ sở vật chất từng bước được xây dựng khang trang, đầy đủ các phòng học, các phòng chức năng, khối phòng phục vụ học tập. Giáo dục vệ sinh môi trường trong trường học được đẩy mạnh, ý thức giữ gìn vệ sinh, xây dựng cảnh

quang trường học được các trường chú ý, nhiều trường học đạt trường xanh - sạch - đẹp - thân thiện.

Từ năm học 2019-2020 cho đến tháng 5/2021, đối với cấp tiểu học tổng kinh phí toàn tỉnh chi xây dựng kiên cố hóa trường lớp là 550,4 tỉ đồng. Trong đó xây mới 231 phòng học, 69 khối phòng hành chính quản trị, 28 phòng học đa năng, 55 phòng âm nhạc, 46 phòng Mĩ thuật, 41 phòng tiếng Anh, 165 nhà vệ sinh, cải tạo đầu tư 67 sân chơi bãi tập, trang bị mới 6064 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi.

Tỉ lệ phòng học bình quân đạt 0,9 phòng/lớp. Riêng đối với lớp 1 đảm bảo 1 phòng/1 lớp bố trí dạy học 2 buổi/ngày (9-10 buổi/tuần). Đến tháng 5/2021, Lâm Đồng có 213/243 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ 87,6%, có 02 huyện trường chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ 100%. Phổ cập GDTH đạt mức độ 3.

Giáo dục tiểu học toàn tỉnh ổn định, các yếu tố như công tác quản lý, quản trị trường học được đảm bảo, đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và vượt chuẩn ngày càng cao, cơ sở vật chất từng bước được quan tâm đầu tư, việc áp dụng chương trình sách giáo khoa, tài liệu dạy học sáng tạo, linh hoạt và hiệu quả.

IV. Bài học kinh nghiệm

Thực hiện tốt công tác phối hợp với các sở ban ngành tham mưu với UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai đề án xây dựng kiên cố hóa trường lớp, chỉ đạo các Phòng GDĐT chủ động tham mưu triển khai thực hiện, công tác tuyên truyền tới cộng đồng, cha mẹ học sinh để tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện, chuẩn bị chu đáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong việc thực hiện chương trình sách giáo khoa kịp thời.

Tập trung các giải pháp cấp bách về đầu tư xây dựng thêm các phòng học đảm bảo tỉ lệ 1 phòng/lớp, thực hiện tốt phân cấp quản lý, đối với các trường khu vực thành phố tập trung xây dựng hệ thống phòng học. sử dụng hiệu quả nguồn vốn được cấp, đẩy nhanh xây dựng và giải ngân các công trình trọng điểm.

Thường xuyên tổ chức các chuyên đề hỗ trợ, tháo gỡ vướng mắc cho giáo viên trong việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

Phát huy tốt vai trò của tổ chuyên môn, tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học để giúp giáo viên có định hướng trong việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát triển phẩm chất, năng lực và kèm cặp, giúp đỡ cho học sinh. Tổ chức tuyên truyền cho cha mẹ học sinh kịp thời, phối hợp với cấp học Mầm non tổ chức ngày hội truyền thông cho trẻ 5 tuổi chuẩn bị vào học lớp 1, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ đến trường.

Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ GDĐT về đổi

mới và phát triển giáo dục. Tuyên truyền những kết quả đạt được để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về giáo dục tiểu học; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo, đài địa phương, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

V. Kiến nghị

Bộ GDĐT phối hợp Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKH-CN-BYT ngày 16/6/2011 Thông tư liên tịch hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường THCS, Trường THPT cho phù hợp lứa tuổi của học sinh tiểu học trong giai đoạn hiện nay.

BÁO CÁO THAM LUẬN
VỀ công tác chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu
thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông⁵³

I. Đặc điểm tình hình tỉnh Tây Ninh

1. Đặc điểm tình hình

Tây Ninh là tỉnh biên giới thuộc khu vực Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Diện tích tự nhiên 403.261,42 ha, đường biên giới giáp Campuchia dài 240 km có hai cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, Xa Mát và các cửa khẩu tiểu ngạch. Đơn vị hành chính có 01 thành phố loại 3, 02 thị xã và 06 huyện; trong đó có 05 huyện biên giới; dân số tỉnh Tây Ninh năm 2020: 1.178.329 người, trong đó khu vực thành thị là 381.106 (32,3%), khu vực nông thôn 797.223 (67,7%) (số liệu: *Cục Thống kê Tây Ninh*). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 28 dân tộc thiểu số đang sinh sống, chiếm khoảng 1,7 % tổng số dân toàn tỉnh (gần 19.000 người); đông nhất là dân tộc Khmer, Hoa, Chăm, Tà mun; Văn hóa – xã hội trên địa bàn tỉnh trong những năm qua tiếp tục phát triển và đạt được những kết quả tích cực;

Tình trạng di cư của bà con kiều bào Campuchia về sống tại các huyện Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu, hầu hết các em chưa đến trường, không biết chữ, gia đình khó khăn, đây là áp lực lớn cho ngành trong công tác phổ cập, vận động học sinh đến trường và tổ chức giảng dạy, thực hiện chính sách xã hội.

2. Thực trạng cơ sở vật chất, trường, lớp

2.1. Những thuận lợi, khó khăn

- Được sự quan tâm lãnh đạo kịp thời của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện;

- Mạng lưới các trường trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo nhu cầu học tập của học sinh trong độ tuổi đến trường. Cơ sở vật chất (CSVCh), thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu tối thiểu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 ở lớp 1;

- Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. CBQL, giáo viên được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng thực hiện Chương trình GDPT 2018, tập huấn sử dụng sách giáo khoa (SGK) lớp 1;

- Tuy nhiên, về cơ sở vật chất, còn một số trường do xây dựng lâu năm các phòng học đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng, còn thiếu phòng chức năng.

⁵³ Công văn số 2731/BC-SGDĐT ngày 09/8/2021 của Sở GDĐT tỉnh Tây Ninh.

2.2. Cơ sở vật chất thực hiện Chương trình GDPT 2018

Giáo dục tiểu học có 207 trường tiểu học, 324 điểm trường (có 117 điểm trường lẻ); tổng số lớp: 3.160 lớp/99.061 học sinh⁽⁵⁴⁾; Tổng số phòng học: 3.260 phòng/3.160 lớp, bình quân 1,03 phòng học/lớp⁽⁵⁵⁾, trong đó số phòng kiên cố là 2.550 phòng, số phòng bán kiên cố là 710 phòng; Tổng số phòng học bộ môn: 964 phòng (56);

Giáo dục trung học cơ sở có 101 trường/1.711 lớp/ 67.697 học sinh. Có 662/1651 lớp học 2 buổi/ngày, với 18.838 học sinh, tỉ lệ 27,9%. Giáo dục trung học phổ thông có 28 trường/693 lớp/29.061 học sinh. (trong đó có 02 trường tư thục và 01 Trường Phổ thông DTNT tỉnh). Có 390/673 lớp học 2 buổi/ngày, với 10.460 học sinh, tỉ lệ 37,3%;

Toàn tỉnh có 8.205 phòng học, trong đó có 6.716 phòng học kiên cố, chiếm tỉ lệ 81,9,8%. Chia ra, phòng kiên cố cấp tiểu học 2550 /3260 phòng, THCS 1915/2203 phòng, THPT 1048/1076 phòng⁽⁵⁷⁾. Đảm bảo đủ phòng học để thu hút số học sinh trong độ tuổi đến trường; tuy nhiên, còn một số trường do xây dựng lâu năm các phòng học đã xuống cấp nhiều, hết niên hạn sử dụng, còn thiếu phòng chức năng.

II. Giải pháp chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo triển khai thực hiện

Sở Giáo dục và Đào tạo đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018⁽⁵⁸⁾; Kế hoạch số 2907/KH- UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

⁽⁵⁴⁾ Học sinh tiểu học chia ra: Lớp 1: 20.858 HS, lớp 2: 20.038 HS, lớp 3: 22.459 HS, lớp 4: 19.553 HS, lớp 5: 16.153 HS.

⁽⁵⁵⁾ Số phòng học trên tính luôn số phòng đang chờ thanh lý do hết niên hạn sử dụng, khi thanh lý xong tỷ lệ này sẽ giảm.

⁽⁵⁶⁾ Chia ra: 164 phòng Tin học, 117 phòng ngoại ngữ, 18 phòng giáo dục thể chất (nhà đa năng), 74 phòng giáo dục nghệ thuật, 77 phòng giáo dục âm nhạc, 10 phòng hỗ trợ học tập cho học sinh khuyết tật, 232 phòng thư viện, 102 phòng thiết bị giáo dục, 170 phòng truyền thống Đội.

⁽⁵⁷⁾ Cấp THCS có 404 phòng học bộ môn, trong đó có 68 phòng bộ môn Vật lý, 65 phòng bộ môn Hóa học, 60 phòng bộ môn Sinh học, 98 phòng bộ môn Tin học, 56 phòng bộ môn ngoại ngữ và 56 phòng bộ môn khác (phòng công nghệ, âm nhạc...). Cấp THPT có 196 phòng học bộ môn, trong đó có 24 phòng bộ môn Vật lý, 25 phòng bộ môn Hóa học, 24 phòng bộ môn Sinh học, 65 phòng bộ môn Tin học, 24 phòng bộ môn ngoại ngữ và 62 phòng bộ môn khác (phòng công nghệ, nghe nhìn phòng thực hành ghép...).

⁽⁵⁸⁾ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh về việc Kiện toàn Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 872/QĐ- BCD ngày 28/4/2020 của Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 về việc phê duyệt Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa Chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 1 năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025 theo Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông kèm theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 – 2025. Theo đó, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt xây dựng 453 phòng, tổng mức đầu tư: 303 tỷ đồng⁽⁵⁹⁾.

1. Ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị, trường học triển khai thực hiện⁽⁶⁰⁾:

Chỉ đạo các phòng GDĐT tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng kế hoạch, chuẩn bị đủ các điều kiện dạy học theo quy định để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở lớp 1 từ năm học 2020-2021 và ở các lớp học khác theo lộ trình được quy định tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội và Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

2. Đổi mới công tác quản lý tài chính và tài sản

- Phối hợp với các sở ngành trình UBND tỉnh trong phân cấp tài chính, thực hiện hỗ trợ có mục tiêu chương trình, dự án mua sắm đầu tư trang thiết bị dạy học;

- Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng quy chế quản lý tài sản, quy trình, thủ tục tổ chức đấu thầu, mua sắm, sửa chữa, thanh lý tài sản đảm bảo thực hiện đúng các quy định, quy chế và văn bản pháp quy của Nhà nước⁽⁶¹⁾;

- Tham mưu đề xuất các giải pháp xây dựng đề án về thu - chi tài chính và đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị xây dựng trường chất lượng cao theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế ở khối huyện, thị xã, thành phố;

- Phối hợp chặt chẽ và thường xuyên tham mưu nội dung làm việc với các cơ quan tài chính cấp huyện nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc của cơ sở giáo dục trong công tác điều hành ngân sách giáo dục trên địa bàn. Theo đó, giao dự toán ngân sách đảm bảo tỷ lệ 82-18, đây là điều kiện thuận lợi để các đơn vị thực hiện tốt

⁵⁹ Công văn số 202/HĐND-KTNS ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cho ý kiến các danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương; Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân khai Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021.

⁶⁰ Công văn số 140/SGDĐT-GDTrH ngày 17/01/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; Công văn số 2714/SGDĐT-GDTrH ngày 19/11/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn chuẩn bị tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020-2021. Quyết định số 2900/QĐ-SGDĐT ngày 04/12/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế hoạt động của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 2901/QĐ-SGDĐT ngày 04/12/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh Tây Ninh; Kế hoạch số 3004/KH-SGDĐT ngày 16/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm 2020.

⁽⁶¹⁾ Tổ chức tập huấn và hướng dẫn các đơn vị thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

đổi mới phương pháp dạy học và tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị giảng dạy, góp phần thực hiện tốt việc triển khai chương trình lớp 1 mới.

Tổng hợp NSNN cấp cho chi thường xuyên các ngành học mầm non, phổ thông

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Năm học	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Tổng cộng
1	2018-2019	238.625	723.681	484.663	225.194	1.672.163
2	2019-2020	270.807	797.645	559.235	237.056	1.864.743
3	2020-2021	292.145	842.212	591.627	257.169	1.983.153

3. Tăng cường đầu tư CSVC và trang thiết bị và xây dựng trường học

- Trình HĐND và UBND phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: “Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018”;

- Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt nhằm tăng cường các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học;

- Xây dựng đề án nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục công lập trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Triển khai Đề án thư viện điện tử cho các trường phổ thông có điều kiện.

III. Kết quả thực hiện

1. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

1.1. Về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện sáp nhập hoàn thành và vượt mục tiêu đề ra theo Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) giai đoạn 2018-2021 (62). Kết quả đã sáp nhập cụ thể như sau:

- Đơn vị nghiệp công lập (ĐVSNCL), trực thuộc phòng giáo dục và đào tạo: Giảm 65 trường, trong đó: Bạc mầm non từ 111/121 trường, giảm 10 trường; Tiểu học từ 200/253 trường, giảm 53 trường; THCS từ 101/104 trường, giảm 03 trường;

- Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL), trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: 29/45 đơn vị, giảm 16/45 đơn vị, tỷ lệ 35,6%; trong đó THPT 28/31 giảm 5 trường

⁽⁶²⁾ Kế hoạch 1857/KH-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch số 75-KH/TU ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

(sáp nhập Trường THPT Trần Quốc Đại, THPT Nguyễn Đình Chiểu, THPT Lê Duẩn, THPT Nguyễn An Ninh, THPT Châu Thành); (63)

1.2. Về chuẩn bị cơ sở vật chất

- Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị, trường học thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục và bố trí quỹ đất để xây dựng trường, điểm trường, lớp học phù hợp, thuận lợi và đáp ứng nhu cầu người học; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; UBND huyện, thị xã, thành phố có kế hoạch sửa chữa, đầu tư xây dựng mới phòng học để thay thế phòng học đã xuống cấp, phòng học bán kiên cố đã hết niên hạn sử dụng. Theo đó, tham UBND tỉnh đã tiến hành đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng 95 phòng học (gồm 18 phòng học mầm non và 77 phòng học tiểu học) với tổng kinh phí là 67,9 tỷ đồng;

- Tiếp tục triển khai Đề án giai đoạn 2021-2025, Sở Giáo dục và Đào tạo đã lập dự án xây dựng phòng học, phòng tin học, ngoại ngữ trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định chủ trương đầu tư. Dự án sẽ đầu tư xây dựng 345 phòng học (cấp tiểu học 288 phòng, cấp THCS 57 phòng), 52 phòng học tin học (cấp tiểu học 38 phòng, cấp THCS 14 phòng), 56 phòng học ngoại ngữ (cấp tiểu học 50 phòng, cấp THCS 6 phòng), tổng kinh phí của dự án là 303,0 tỷ đồng.

1.3. Về mua sắm trang thiết bị giảng dạy

- Đã chỉ đạo các đơn vị, trường học tổ chức rà soát, đánh giá lại điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (TBDH) hiện có, xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa, nâng cấp, bổ sung điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ngay từ năm học 2019-2020; bước vào năm học 2020-2021, ngành đã cơ bản đáp ứng các điều kiện cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới;

- Trên cơ sở đề xuất của các phòng GDĐT, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và xây dựng kế hoạch mua sắm TBDH, Sở Giáo dục và Đào tạo đã mua sắm TBDH lớp 1, chuyển giao cho các trường tiểu học sử dụng trong học kỳ I năm học 2020-2021 (kinh phí mua sắm TBDH lớp 1 phục vụ năm học 2020-2021 là 39,78 tỷ đồng).

2. Đánh giá chung

2.1. Kết quả nổi bật

- Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó sáp nhập, giải thể các trường có quy mô nhỏ, sắp xếp lại mạng lưới các trường, lớp, bảo đảm bố trí đủ sĩ số học sinh trên lớp của các cấp học, bậc học theo hướng tinh gọn, hiệu quả đúng quy định của pháp luật nhằm tiết kiệm chi ngân sách.

⁽⁶³⁾ tỷ lệ giảm 11,1 %, 11/45 đơn vị chuyển giao theo phân cấp quản lý gồm: Sở LĐTB và Xã hội tiếp nhận Trường Kinh tế - kỹ thuật; UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận quản lý: 9 Trung tâm GDTX huyện, thị xã, thành phố và Trường TN Giáo dục phổ thông (so với thời điểm ngày 30/4/2015). Tại cơ quan sở GDĐT đã sắp xếp, kiện toàn cơ quan Sở từ 10 phòng chuyên môn xuống còn 8 phòng (sáp nhập Phòng GDTX-CN và bộ phận Chính trị tư tưởng vào Phòng Giáo dục Trung học; sáp nhập vào bộ phận CNTT vào phòng Khảo lý quản lý chất lượng).

- Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đến các ; đơn vị, trường học; CBQL và giáo viên các trường nắm bắt được tinh thần đổi mới chương trình, SGK và triển khai thực hiện tốt các chỉ đạo của ngành; công tác tuyên truyền đến phụ huynh học sinh và cộng đồng, phụ huynh học sinh đồng tình với việc thay đổi chương trình sách giáo khoa lớp 1.

- Các đơn vị, trường học tích cực, chủ động tham mưu chính quyền địa phương quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất triển khai Chương trình GDPT 2018. Cơ sở vật chất, thiết bị theo Chương trình GDPT mới ở lớp 1 đã được ưu tiên đầu tư trang bị kịp thời phục vụ năm học, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp, có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định;

- Xây dựng các đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và GDPT giai đoạn 2021-2025; xây dựng kiên cố hóa phòng chức năng; xây dựng nhà vệ sinh giáo viên, học sinh;

- Tham mưu UBND tỉnh (⁶⁴) trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, công tác quản lý các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tây Ninh từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025;

- Đổi mới cơ chế tài chính, phân cấp và giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập; xây dựng cơ chế giao dự toán ngân sách phù hợp (vừa đảm bảo tỷ lệ 82-18 vừa theo số học sinh và nhu cầu định mức giáo viên/lớp); thực hiện hỗ trợ có mục tiêu chương trình, dự án mua sắm đầu tư trang thiết bị dạy học.

2.2. Những khó khăn, hạn chế

- Năm học 2020 - 2021 là năm học đầu tiên thực hiện Chương trình GDPT 2018, một số trường có tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Hiện nay, toàn tỉnh có 82,01% số học sinh tiểu học đang được học 2 buổi/ngày;

- Cơ sở vật chất một số trường do xây dựng đã lâu nên phòng học đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng, nhiều điểm trường còn thiếu phòng chức năng; một số điểm trường lẻ còn thiếu phòng học để bố trí dạy học 2 buổi/ngày cho học sinh các khối lớp để đảm bảo điều kiện triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình.

- Chính sách hỗ trợ kinh phí Trung ương cho việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chưa có, đây là nguyên nhân dẫn đến việc phê duyệt các nguồn vốn lồng ghép ngân sách địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

IV. Bài học kinh nghiệm

(⁶⁴) Tờ trình số 2111/TTr-UBND; 2112/TTr-UBND và 2115/TTr-UBND ngày 04/9/2020;

- Phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương để có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Rà soát, hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp học phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô phát triển giáo dục của địa phương để làm cơ sở cho việc đầu tư, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo quỹ đất để xây dựng phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, đảm bảo hiệu quả đầu tư lâu dài, bố trí quỹ đất tại các khu vực đông dân cư để xây dựng trường học; ưu đãi về chính sách đất đai để thu hút xã hội hóa đầu tư xây dựng trường lớp theo các quy định của Nhà nước;

- Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bố trí, sắp xếp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hiện có của các cơ sở giáo dục. Kiểm tra và giám sát việc lập kế hoạch, tổ chức quản lý sử dụng, sửa chữa và bảo quản cơ sở vật chất ở các cơ sở giáo dục để đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng dạy và học;

- Ưu tiên ngân sách địa phương, tăng cường huy động nguồn lực xã hội đầu tư cơ sở vật chất. Dành ngân sách thỏa đáng từ nguồn vốn ngân sách địa phương để đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu của ngành giáo dục.

V. Đề xuất, kiến nghị

Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm phân khai vốn trái phiếu Chính phủ để địa phương thực hiện Chương trình kiên cố hoá trường lớp giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là báo cáo Tổng kết 01 năm thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018, “Về chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018”./.

BÁO CÁO THAM LUẬN
VỀ công tác chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu
thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông⁶⁵

I. Khái quát tình hình chung của địa phương

- Bến Tre là một trong 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên là 2.360 km², gồm 01 thành phố và 08 huyện với dân số gần 1,3 triệu người; Bến Tre được hình thành bởi cù lao An Hóa, cù lao Bảo, cù lao Minh, và do phù sa của 4 nhánh sông Cửu Long bồi tụ mà thành (gồm sông Tiền dài 83 km, sông Ba Lai 59 km, sông Hàm Luông 71 km, sông Cổ Chiên 82 km). Bến Tre phía bắc giáp tỉnh Tiền Giang, có ranh giới chung là sông Tiền, phía nam giáp tỉnh Trà Vinh, phía tây giáp tỉnh Vĩnh Long, có ranh giới chung là sông Cổ Chiên, phía đông giáp biển Đông, với chiều dài bờ biển là 65 km.

Năm học 2020-2021, quy mô trường, lớp, giáo viên cấp tiểu học tỉnh Bến Tre như sau:

- Tổng số trường: 189, trong đó:
 - + Trường tiểu học công lập: 184 trường
 - + Trường nhiều cấp học công lập (TH, THCS): 03 trường
 - + Trường Khuyết tật nhiều cấp học (TH, THCS, THPT): 01 trường
 - + Trường ngoài công lập: 01 trường.
- Tổng số lớp: 3.171 (-102); tổng số học sinh: 95.445 (-1.581).
- Tổng số cán bộ quản lí, giáo viên:
 - + Cán bộ quản lí: 384, trong đó thạc sĩ: 6, tỉ lệ 1,6 % (+0,6); Đại học: 341, tỉ lệ 88,8% (-0,9); Cao đẳng: 32, tỉ lệ: 8,3 % (-1); Trung cấp: 5, tỉ lệ: 1,3%.
 - + Giáo viên: 4.734, trong đó thạc sĩ: 17 tỉ lệ 0,4 %; Đại học 3.415, tỉ lệ 72,1% (+1,2%); Cao đẳng: 1.078, tỉ lệ: 22,8% (-1); Trung cấp 224, tỉ lệ: 4,7%.

1. Thuận lợi:

Toàn ngành GD&ĐT đã tổ chức triển khai, quán triệt sâu rộng Nghị quyết và các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh cho toàn thể CBQL, công chức, viên chức góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức về chủ trương, mục đích, ý nghĩa; tạo sự đồng thuận cao và làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của từng cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành về vị trí, vai trò

⁶⁵ Bản word nhận được từ Sở GDĐT tỉnh Bến Tre qua hòm thư điện tử.

và tầm quan trọng của việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tại địa phương.

2. Khó khăn:

Một số cán bộ quản lý chưa mạnh dạn thực hiện các giải pháp đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp giáo dục của cấp học; chưa tự tin trong quá trình triển khai thực hiện những chủ trương đổi mới của ngành; chưa tạo động cơ, khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo của giáo viên.

Năm học 2019-2020, toàn tỉnh có tổng số phòng học là 3085/3171 lớp, cơ bản đảm bảo 1 phòng học/ lớp đối với lớp 1 năm học 2020-2021. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu phòng học ở một số địa phương để triển khai thực hiện 2 buổi/ngày cho toàn cấp, ở các huyện, một số trường còn nhiều điểm trường lẻ nên việc đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học còn gặp nhiều khó khăn.

II. Các giải pháp thực hiện

1. Công tác tham mưu

Trên tinh thần quán triệt các nội dung Nghị quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành:

- Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 27/01/2014 về thực hiện Nghị quyết số 29 NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Công văn số 799-CV/TU ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Tỉnh ủy về việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1594/KH-UBND Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 33-CTr/TU của Tỉnh ủy Bến Tre;

- Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tỉnh Bến Tre đảm bảo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ để chỉ đạo thực hiện.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch 1658/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2019 đầu tư CSVC, mua sắm thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025

2. Công tác triển khai xây dựng kiên cố hóa trường lớp và chuẩn bị các điều kiện triển khai CTGDPT 2018

2.1. Sở GD&ĐT đã tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới (Công văn số 35/SGD&ĐT-VP ngày 05/01/2019);

2.2. Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố rà soát xây dựng kế hoạch duy tu sửa chữa CSVC trường lớp học để thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trong năm học 2020-2021 (thay sách giáo khoa lớp 1) và xây dựng kế hoạch đầu tư CSVC, mua sắm thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương.

2.2. Năm 2020 tỉnh đã phân bổ 112 tỷ đồng để thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý và mua sắm thiết bị dạy học để thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới (thay sách giáo khoa lớp 1).

2.3. Về cơ sở vật chất: Theo phân cấp, việc xây dựng cơ sở vật chất do các huyện, thành phố thực hiện. Kế hoạch, năm học 2020-2021 có 642 lớp 1, như vậy cần 642 phòng để học 2 buổi/ngày. Năm học 2020-2021, các huyện đã xây dựng, duy tu sửa chữa hoàn thành và đưa vào sử dụng đáp ứng yêu cầu 1 lớp/ phòng học..

2.4. Về trang thiết bị: Công tác thực hiện mua sắm trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc thay sách lớp 1 được UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thực hiện mua sắm, kết quả mua sắm:

- Số trường Tiểu học được trang bị: 189.

- Số lượng thiết bị đã trang bị cho các trường Tiểu học: đầy đủ danh mục theo qui định của Thông tư 05/2019/TT-BGD&ĐT ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tình trạng bị màn hình tương tác thông minh cho 430 lớp 1 (điểm chính) và 212 bộ máy tính xách tay, máy chiếu lớp 1 (điểm lẻ).

- Đấu thầu cấp 5.276 tài khoản online cho giáo viên, cán bộ quản lý thực hiện bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2020 cho cấp Tiểu học.

- Tình hình bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng: Đã bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị dạy học lớp 1 cho 189 trường Tiểu học.

- Tổng kinh phí đầu tư mua sắm 102,162 tỷ đồng.

Thực hiện việc phân cấp ngân sách giáo dục các trường tiểu học trực thuộc Phòng GDĐT được UBND huyện giao quản lý trực tiếp. Để triển khai kế hoạch hiệu quả, Sở GDĐT phối hợp UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng GDĐT thực hiện văn bản số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 về việc hướng dẫn triển khai Chương trình GDPT 2018, trong đó có công tác chuẩn bị CSVC trường lớp.

Từ năm học 2019-2020 cho đến tháng 5/2021, UBND cấp huyện đã dành tổng kinh phí trên 100 tỷ đồng để du tu sửa chữa cơ sở vật trường trường lớp học thực hiện bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông mới trong năm 2020: Đảm bảo đáp ứng 11 lớp học/ phòng và các phòng chức năng phục vụ cho chương trình thay sách giáo khoa lớp 1.

Hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch lộ trình, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện có biện pháp khả thi trong việc xây dựng, cải thiện cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học và đội ngũ giáo viên nhằm đảm bảo các điều kiện triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt đối với lớp 1 từ năm học 2020 - 2021 và các năm học tiếp theo.

Bên cạnh kinh phí ngân sách các địa phương còn tranh thủ từ các nguồn xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt cho việc dạy và học, cụ thể từ năm học 2020-2021 trên 35 tỷ đồng.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đã đạt được

1.1 Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu cho Tỉnh uỷ, UBND tỉnh cụ thể hoá bằng Chương trình hành động số 33-CTr/TU của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 29 NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 1594/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 33-CTr/TU của Tỉnh uỷ Bến Tre.

1.2 Về công tác triển khai, tổ chức thực hiện:

- Quan tâm, bố trí nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục phổ thông để triển khai thực hiện Chương trình, sách giáo khoa mới. Cụ thể, kế hoạch số 1658/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư CSVC, mua sắm thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý thực hiện Chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

1.3 Tác động, hiệu quả

- Đội ngũ CBQL, GV các ngành học, cấp học được củng cố, kiện toàn theo yêu cầu đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác QLGD, đổi mới dạy học.

- Công tác QLGD được quan tâm cải tiến, đổi mới về nội dung và phương pháp thực hiện, tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục ở các đơn vị.

- Công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục tạo được các điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn lực của xã hội, sự quan tâm của các tổ chức, cá nhân đến sự phát triển GD-ĐT trên địa bàn.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã bố trí ngân sách để thực hiện chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới (thay sách giáo khoa lớp 1) như: duy tu cải tạo CSVC trường lớp học, bồi dưỡng giáo viên, mua sắm thiết bị dạy học. Trong năm 2020, Sở GD&ĐT đã gửi báo cáo kế hoạch triển khai mua sắm trang thiết bị dạy học lớp 1 năm học 2020-2021 theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 được quy định tại

Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt với tổng kinh phí 108 tỷ đồng. Hiện nay, Ban quản lý Dự án dân dụng tỉnh Bến Tre đang tổ chức đấu thầu, đảm bảo có đủ thiết bị dạy học lớp 2 trong năm học 2021-2022.

2. Tồn tại

Một số cán bộ quản lý chưa mạnh dạn thực hiện các giải pháp đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp giáo dục của cấp học; chưa tự tin trong quá trình triển khai thực hiện những chủ trương đổi mới của ngành; chưa tạo động cơ, khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo của giáo viên.

Năm học 2019-2020, toàn tỉnh có tổng số phòng học là 3085/3171 lớp, cơ bản đảm bảo 1 phòng học/ lớp đối với lớp 1 năm học 2020-2021. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu phòng học ở một số địa phương để triển khai thực hiện 2 buổi/ngày cho toàn cấp, ở các huyện, một số trường còn nhiều điểm trường lẻ nên việc đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học còn gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân

Do sự trông chờ vào sự hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, lãnh đạo trường không có sự chủ động trong việc xây dựng kế hoạch để thực hiện đổi mới.

Giải pháp khắc phục

Tiếp tục chỉ đạo các trường hàng năm rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất để kịp thời đề xuất bổ sung, sửa chữa phù hợp. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy hoạch mạng lưới trường lớp trên địa bàn toàn tỉnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 1658/KH-UBND ngày 10/4/2019 về việc đầu tư cơ sở vật chất mua sắm trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2019 – 2025.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục lồng ghép đầu tư cơ sở vật chất thông qua chương trình mục tiêu quốc gia dựa vào kế hoạch hàng năm của tỉnh.

IV. Kiến nghị

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bến Tre, 100% trường tiểu học đã được trang bị màn hình tương tác thông minh và đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, Bộ Giáo dục và Đào tạo nên có hướng thay thế những tranh ảnh giấy và mô hình nhựa... (to, công kênh) trong danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, bằng những tranh ảnh điện tử, mô hình 3D để tiết kiệm kinh phí đồng thời giúp học sinh quan sát thuận tiện, sinh động.

BÁO CÁO THAM LUẬN**VỀ VIỆC LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ĐỐI VỚI LỚP 1, LỚP 2 VÀ LỚP 6⁶⁶**

Sau 01 năm thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018, để tổng kết rút kinh nghiệm cho việc lựa chọn sách giáo khoa của các lớp tiếp theo; UBND tỉnh Lào Cai báo cáo như sau:

1. Công tác chuẩn bị

Năm học 2020-2021 là năm học đầu tiên áp dụng chương trình sách giáo khoa mới với lớp 1, để tổ chức triển khai hiệu quả chương trình, sách giáo khoa GDPT 2018, UBND tỉnh chỉ đạo Sở GD&ĐT Lào Cai chuẩn bị tốt các điều kiện sau:

1.1. rà soát và hoàn thiện ở mức cao nhất các điều kiện vật chất về trường, lớp, phương tiện, đồ dùng dạy học dùng chung để đáp ứng các điều kiện tốt nhất cho giáo viên và học sinh thực hiện CT, SGK mới. Vì CT GDPT 2018 yêu cầu học 2 buổi/ngày.

1.2. Tập trung nhân lực, vật lực bồi dưỡng giáo viên và quản lí, nâng cao hiểu biết về Chương trình, Sách giáo khoa để chuẩn bị tốt nhất cho việc dạy và học. Năm học 2020-2021, đã tập huấn cho 3034 CBQL, GV trực tiếp dạy lớp 1.

1.3. Tuyên truyền rộng rãi về chủ trương thay đổi chương trình, SGK mới bằng nhiều hình thức (như: họp thôn bản, loa phát thanh, đài báo, truyền hình,...) đã giúp bà con hiểu và hỗ trợ các nhà trường, tin tưởng vào chủ trương của Đảng và nhà nước về CT, SGK mới....

1.4. Phối hợp với các lực lượng xã hội khác, đặc biệt là Hội phụ nữ, cán bộ dân số, khuyến học để huy động trẻ 6 tuổi đi học đầy đủ,...

2. Kết quả lựa chọn SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6**2.1. Đối với việc lựa chọn SGK lớp 1**

Ủy ban nhân dân tỉnh ban Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 về quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa đối với cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Quyết định 751).

Chỉ đạo Sở GD&ĐT hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện lựa chọn SGK theo đúng quy trình tại Điều 8 của Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT: Đảm bảo dân chủ, tôn trọng ý kiến của từng giáo viên và tổ chuyên môn.

⁶⁶ Công văn số 3365/UBND-VX ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh Lào Cai và bản word từ Sở GDĐT tỉnh Lào Cai.

Kết quả lựa chọn: Lào Cai đã chọn các môn học của 3/5 bộ sách (*Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống; Bộ Cùng học để phát triển năng lực học sinh; Bộ vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục*).

2.2. Đối với việc lựa chọn SGK lớp 2, lớp 6

Năm học 2021-2022, việc lựa chọn SGK được thực hiện theo Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 08 năm 2020 của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 v/v thành lập các Hội đồng lựa chọn SGK lớp 2, lớp 6; với tinh thần tôn trọng ý kiến của cơ quan chuyên môn trong việc chọn SGK, UBND tỉnh đã giao cho Sở GD&ĐT xây dựng Kế hoạch lựa chọn SGK; hướng dẫn các Hội đồng nghiên cứu, nhận xét, đánh giá SGK theo tiêu chí; tổ chức họp, thảo luận, đánh giá SGK theo đúng các tiêu chí đã được UBND tỉnh ban hành; tổ chức bỏ phiếu kín để lựa chọn SGK.

Kết quả lựa chọn: Chọn các môn học của 03 bộ sách (Quyết định 1102/QĐ-UBND ngày 6/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 2, lớp 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai từ năm học 2021-2022).

2.3. Lào Cai không chọn nguyên một hoặc hai bộ sách mà chọn theo môn học, vì những lí do sau:

Các sách được chọn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và điều kiện tổ chức dạy – học của các cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Lào Cai.

Lào Cai là tỉnh vùng cao nên các trường thuộc vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khác nhau (vùng thuận lợi, vùng khó khăn): Sẽ không có một bộ sách mà tất cả các môn học đều hoàn toàn phù hợp với tất cả các trường, vì mỗi một bộ sách có một triết lí riêng.

Việc lựa chọn ở mỗi bộ sách một số môn sẽ thuận lợi cho trao đổi, bồi dưỡng chuyên môn. Trên cơ sở khung chương trình là pháp lệnh, cách triển khai kiến thức, các hoạt động học tập ở các bộ sách giáo khoa khác nhau sẽ giúp giáo viên linh hoạt hơn trong quá trình giảng dạy và lựa chọn được phương pháp ưu việt nhất.

3. Một khó khăn, vướng mắc trong việc lựa chọn SGK

Trong thời gian lựa chọn SGK lớp 1, toàn tỉnh thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong việc giãn cách xã hội nhằm thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, Hội đồng lựa chọn sách của các cơ sở giáo dục gặp khó khăn trong quá trình làm việc tập trung. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình lựa chọn SGK lớp 1 của các cơ sở giáo dục chủ yếu báo cáo qua điện thoại, trực tuyến, kiểm soát hồ sơ về việc lựa chọn sách.

Lào Cai là một tỉnh miền núi, nhiều xã vùng sâu vùng xa đặc biệt khó khăn, đường truyền mạng yếu ảnh hưởng đến chất lượng của các đợt lựa chọn, tập huấn SGK

(vì thời gian lựa chọn và tập huấn sử dụng SGK vừa qua phần lớn bị ảnh hưởng dịch Covid-19).

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, Thành lập Tổ tư vấn Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (gồm những CBQL, giáo viên có năng lực chuyên môn và khả năng tự nghiên cứu với nhiệm vụ: Hỗ trợ, tư vấn thực hiện chương trình các môn học; tư vấn SGK, tài liệu bổ trợ trong các cơ sở giáo dục; Tư vấn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch môn học theo Chương trình GDPT 2018; Bồi dưỡng CBQL, GV; Hỗ trợ kỹ thuật, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học tại các cơ sở giáo dục).

Hai là, Lựa chọn kỹ lưỡng đội ngũ CBQL, giáo viên tham gia các Hội đồng lựa chọn SGK (nòng cốt là chuyên viên phụ trách chuyên môn của Sở, Phòng GD&ĐT; giáo viên cốt cán các môn học/HĐGD).

Ba là, Nghiên cứu, lựa chọn SGK trên cơ sở đảm bảo sự phù hợp với các tiêu chí theo Quyết định của UBND tỉnh (Không dựa vào tên tác giả, nhà xuất bản,...).

Bốn là, Ngoài việc đưa ra những nhận xét, đánh giá SGK của từng môn học, các thành viên Hội đồng lựa chọn sách có thể dự kiến những khó khăn mà giáo viên, học sinh sẽ gặp phải khi dạy và học, đồng thời đề xuất những giải pháp để khắc phục những khó khăn, vướng mắc đó (nếu lựa chọn).

Năm là, Việc tập huấn giáo viên là vô cùng quan trọng để đảm bảo thành công cho việc triển khai chương trình và sách giáo khoa mới. Với Lào Cai, bên cạnh việc tập huấn CBQL, GV theo các modul bồi dưỡng của Bộ, UBND tỉnh còn phân bổ nguồn kinh phí cho các đợt tập huấn riêng của Sở. Có 8648 CBQL, GV lớp 1, lớp 2, lớp 6 được bồi dưỡng chương trình, SGK mới (Trong đó, lớp 1: 3034 người; lớp 2: 2178 người, lớp 6: 3436 người).

5. Đề xuất, kiến nghị

Tại khoản 6-Điều 10 của Thông tư 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 08 năm 2020 của Bộ GD&ĐT có ghi là UBND cấp tỉnh bảo đảm nguồn kinh phí, CSVCS để Hội đồng và các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa. Nhưng chưa có quy định cụ thể về các mức chi cho Hội đồng lựa chọn SGK. Vì vậy, đề nghị Bộ GD&ĐT có hướng dẫn bằng văn bản các mức chi cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa.

BÁO CÁO THAM LUẬN**Về việc lựa chọn sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 6⁶⁷**

Nhiều năm nay, các cơ sở giáo dục đã quen với việc thực hiện duy nhất một bộ sách giáo khoa thống nhất trên toàn quốc. Do đó, khi triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (sau đây gọi tắt là CT GDPT 2018) với chủ trương “một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa” đã có không ít ý kiến xoay quanh vấn đề này. Sách giáo khoa là cụ thể hóa chương trình giáo dục, là tài liệu, là phương tiện cần thiết trong quá trình dạy - học, tổ chức các hoạt động giáo dục để học sinh hình thành và phát triển từng phẩm chất, năng lực. Việc lựa chọn sách giáo khoa dùng trong các cơ sở giáo dục là một bước hết sức quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện CT GDPT 2018. Theo *Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông* thì sách giáo khoa được lựa chọn phải phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với điều kiện tổ chức dạy và học tại cơ sở giáo dục phổ thông. Việc có nhiều bộ sách giáo khoa sẽ tạo cơ hội cho giáo viên của các cơ sở giáo dục trong việc nghiên cứu, lựa chọn. Bởi hơn ai hết họ là những người trực tiếp tổ chức hoạt động giáo dục, nắm vững đặc điểm tâm sinh lý học sinh, hiểu được đâu là “phương tiện hỗ trợ” tối ưu trong quá trình dạy - học. Vì thế, việc lựa chọn sách giáo khoa phù hợp sẽ giúp cho các giáo viên chủ động, linh hoạt trong đổi mới phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học.

Xác định được tầm quan trọng của việc lựa chọn sách giáo khoa dùng trong các cơ sở giáo dục khi triển khai thực hiện CT GDPT 2018, Sở GDĐT Khánh Hòa đã có những tham mưu, chỉ đạo kịp thời, chặt chẽ, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác lựa chọn sách giáo khoa đối với lớp 1 của năm học 2020 - 2021 và đối với lớp 2, lớp 6 của năm học 2021 - 2022.

1. Đối với việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1

Sở GDĐT đã tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Công văn triển khai Thông tư 01/2020/BGDĐT trong đó quy định chi tiết về tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa, cách tổ chức cũng như kinh phí thực hiện.

Theo chỉ đạo của Bộ GDĐT tại *Công văn số 5804/BGDĐT-GDTH ngày 27/12/2019 về việc chuẩn bị thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Sở GDĐT đã triển khai đến các Phòng GDĐT để hướng dẫn các cơ sở giáo dục tiểu học chuẩn bị thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1. Sở GDĐT đã phối hợp với các nhà xuất bản có sách giáo khoa

⁶⁷ Công văn số 1985/SGDĐT-GDMNTH ngày 06/8/2021 của Sở GDĐT tỉnh Khánh Hòa.

được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt cung cấp bản mẫu sách giáo khoa lớp 1 cho 194 cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh, đảm bảo mỗi cơ sở giáo dục có đủ 46 đầu sách giáo khoa lớp 1 để tổ chức nghiên cứu, nhận xét, đánh giá và lựa chọn.

Sở GDĐT đã phối hợp với các nhà xuất bản có sách giáo khoa lớp 1 được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt tổ chức Hội thảo giới thiệu sách giáo khoa lớp 1. Tham dự Hội thảo có hơn 450 đại biểu đến từ Ban chỉ đạo đổi mới chương trình giáo dục phổ thông của tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, lãnh đạo và chuyên viên phụ trách giáo dục tiểu học của các Phòng GDĐT, Hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn khối 1 của 194 cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh.

Sở GDĐT đã tổ chức Hội nghị triển khai Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT, tham dự Hội nghị có 40 đại biểu, gồm lãnh đạo và chuyên viên các Phòng GDĐT, đại diện Hiệu trưởng của một số cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh, có phóng viên của báo, đài đến dự và đưa tin. Hội nghị được xem đoạn video clip của Bộ GDĐT hướng dẫn cụ thể các công việc về tổ chức lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông, được triển khai đầy đủ nội dung của Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT, trong đó nhấn mạnh về quy trình lựa chọn sách giáo khoa nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, thời gian công bố danh mục sách giáo khoa được lựa chọn theo quy định (chậm nhất ngày 05/5/2020 các cơ sở giáo dục tiểu học phải thông báo rộng rãi cho mọi người được biết).

Sở GDĐT đã ban hành văn bản và tổ chức tập huấn, hướng dẫn cụ thể nguyên tắc, quy trình, tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa ở cấp tiểu học, trong đó yêu cầu cụ thể:

- Đối với Phòng GDĐT:

+ Nghiên cứu nội dung Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT trên cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT và tổ chức Hội nghị triển khai Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT đến các cơ sở giáo dục tiểu học để đảm bảo việc lựa chọn sách giáo khoa theo đúng quy định của Thông tư.

+ Tham mưu UBND cấp huyện đảm bảo nguồn kinh phí cho các cơ sở giáo dục tiểu học công lập tổ chức lựa chọn sách giáo khoa; sau khi có kết quả lựa chọn, các cơ sở giáo dục tiểu học phải được trang bị đủ sách giáo khoa và sách giáo viên, mỗi giáo viên phải có 01 quyển của môn học mình giảng dạy ở lớp 1 và trong thư viện phải có tối thiểu 03 quyển/đầu sách đã lựa chọn.

+ Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện nghiêm túc nguyên tắc, quy trình, các tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong trường theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT và của UBND tỉnh.

- Đối với các cơ sở giáo dục tiểu học:

+ Quán triệt nội dung Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT đến tất cả cán bộ quản lý, giáo viên để thực hiện nghiêm túc các quy định của Thông tư; phổ biến, công khai

rộng rãi nội dung Thông tư đến nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng bằng các hình thức phù hợp như: phổ biến trong cuộc họp, niêm yết ở bảng thông báo, đăng trên trang thông tin điện tử của trường... để mọi người được biết.

+ Mỗi đơn vị phải trang bị tối thiểu 01 bộ sách giáo khoa của các môn học ở lớp 1 đã được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt để cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu, tổ chức lựa chọn.

+ Sau khi có Quyết định phê duyệt Danh mục sách giáo khoa được lựa chọn của Hiệu trưởng, cơ sở giáo dục phải thông báo công khai Danh mục sách giáo khoa lớp 1 được lựa chọn giảng dạy trong năm học 2020 - 2021 bằng nhiều hình thức để các đối tượng liên quan được biết.

+ Thực hiện nghiêm túc việc lập và lưu trữ đầy đủ hồ sơ thể hiện quy trình lựa chọn sách giáo khoa sử dụng tại trường.

+ Xây dựng kế hoạch, triển khai tổ chức lựa chọn sách giáo khoa và báo cáo kịp thời về Phòng GDĐT.

Căn cứ hướng dẫn của Sở GDĐT, Phòng GDĐT, 100% trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã tiến hành công tác lựa chọn và thông báo danh mục sách giáo khoa lớp 1 được lựa chọn sử dụng trong nhà trường đảm bảo theo thời gian quy định.

Mặc dù việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 trong tình hình dịch bệnh Covid-19 nhưng Sở GDĐT thường xuyên nắm bắt thông tin, hỗ trợ kịp thời cho cơ sở để tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện. Sở GDĐT đã tổ chức 03 lần thanh tra, kiểm tra việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, tài liệu tham khảo trong nhà trường của các cơ sở giáo dục tiểu học trong toàn tỉnh. Qua kiểm tra cho thấy hầu hết các cơ sở giáo dục tiểu học đều thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình. Kết quả lựa chọn sách giáo khoa được công khai, minh bạch và được sự đồng thuận của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, cộng đồng; các cơ sở giáo dục đã chọn được bộ sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong nhà trường phù hợp, đáp ứng yêu cầu dạy - học của giáo viên và học sinh.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT đã triển khai đến các Phòng GDĐT, cơ sở giáo dục tiểu học phối hợp với Công ty Sách và Thiết bị trường học Khánh Hòa (đơn vị được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giao làm đầu mối phát hành sách giáo khoa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa) đảm bảo tất cả học sinh lớp 1 có đủ sách giáo khoa trước khi bắt đầu năm học 2020-2021. Đối với sách giáo khoa của học sinh và sách tham khảo dành cho giáo viên cung cấp vào thời điểm tháng 6/2020 để giáo viên có thể nghiên cứu, tập huấn, so sánh, đối chiếu, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp. Đối với sách giáo khoa học sinh cung cấp vào tháng 8/2020 để nhà trường có thể tuyên truyền, giới thiệu đến phụ huynh học sinh phương pháp dạy học, sử dụng sách giáo khoa, chuẩn bị tâm thế cho việc thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Trên cơ sở tổng hợp kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các đơn vị, Sở GDĐT xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn, phối hợp với các nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng sách giáo khoa để tổ chức dạy và học cho lớp 1 năm học 2020 -2021 trên địa bàn tỉnh. Kết quả tập huấn:

+ Tập huấn dạy sách giáo khoa lớp 1 các môn học/hoạt động giáo dục (Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm): Tập huấn trực tiếp cho 480 cán bộ quản lý và giáo viên chủ chốt; tập huấn trực tuyến lần thứ nhất cho 4999 lượt cán bộ quản lý và giáo viên; tập huấn trực tuyến lần thứ hai cho 4956 lượt cán bộ quản lý và giáo viên.

+ Tập huấn trực tiếp cho hơn 340 cán bộ quản lý và giáo viên tiếng Anh dạy sách giáo khoa tiếng Anh lớp 1.

2. Việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6

Thực hiện *Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông*, Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 năm học 2021 - 2022 nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định, trong đó quy định cụ thể về tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa, việc tổ chức thực hiện.

Sở GDĐT thông báo đến các Phòng GDĐT, cơ sở giáo dục các Quyết định của Bộ GDĐT danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông đã được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt.

Sở GDĐT phối hợp với Sở Nội vụ thống nhất đề xuất thành viên, thành lập các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 2 (09 Hội đồng với 153 thành viên), lớp 6 (11 Hội đồng với 193 thành viên) và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 cấp tỉnh.

Sở GDĐT phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành định mức kinh phí hỗ trợ cho các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 cấp tỉnh hoạt động. Kinh phí hoạt động của các Hội đồng được vận dụng quy định tại *điểm đ, khoản 1, Điều 3 của Thông tư số 51/2019/TT-BTC ngày 15/8/2019 hướng dẫn xây dựng dự toán, thanh quyết toán kinh phí biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.

Sở GDĐT đã tổ chức Hội nghị hướng dẫn các Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 năm học 2021 - 2022, trong đó, hướng dẫn cụ thể nguyên tắc, quy trình, tiêu chí, hồ sơ và thời gian báo cáo tổng hợp kết quả đề xuất lựa chọn về Phòng GDĐT, Sở GDĐT đúng quy định.

Để có thêm thông tin trong quá trình lựa chọn sách giáo khoa, Sở GDĐT phối hợp với các nhà xuất bản có sách giáo khoa đã được Bộ GDĐT phê duyệt cung cấp

đầy đủ các sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 (bản giấy hoặc bản điện tử) cho các cơ sở giáo dục trong tỉnh để tiếp cận, nghiên cứu và lựa chọn theo quy định tại Thông tư 25/2020/TT-BGDĐT. Sở GDĐT cũng đã xây dựng kế hoạch tổ chức Hội thảo giới thiệu sách giáo khoa, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên việc giới thiệu được tổ chức dưới hình thức trực tuyến.

Quy trình lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Bộ GDĐT và UBND tỉnh. Tổ chuyên môn của các cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức, phân công cho giáo viên nghiên cứu, thảo luận và đánh giá các sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 (đã được Bộ GDĐT phê duyệt) của môn học/hoạt động giáo dục thuộc chuyên môn phụ trách theo tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa; đề xuất ít nhất 01 sách giáo khoa cho mỗi môn học; báo cáo người đứng đầu cơ sở giáo dục Danh mục sách giáo khoa do tổ chuyên môn đề xuất. Các cơ sở giáo dục tổ chức cuộc họp với các thành phần theo quy định (người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, tổ trưởng tổ chuyên môn và đại diện Ban đại diện cha mẹ học sinh) để thảo luận, đánh giá sách giáo khoa trên cơ sở Danh mục sách giáo khoa do các tổ chuyên môn đề xuất; lựa chọn 01 sách giáo khoa cho mỗi môn học/hoạt động giáo dục; báo cáo về Phòng GDĐT. Các Phòng GDĐT tổng hợp báo cáo Sở GDĐT Danh mục sách giáo khoa được cơ sở giáo dục đề xuất lựa chọn. Sở GDĐT tổng hợp, báo cáo cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 cấp tỉnh Danh mục sách giáo khoa được các cơ sở giáo dục đề xuất lựa chọn.

Trên cơ sở Danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục đề xuất, Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 cấp tỉnh tổ chức họp, thảo luận, đánh giá mỗi đầu sách giáo khoa theo các tiêu chí đề ra đã được UBND tỉnh phê duyệt. Với tinh thần làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, các thành viên trong mỗi Hội đồng chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 đã bỏ phiếu và lựa chọn được tối thiểu 01 sách giáo khoa cho mỗi môn học/hoạt động giáo dục. Kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các Hội đồng được tổng hợp, báo cáo cho Sở GDĐT để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục của năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi có Quyết định của UBND tỉnh, Sở GDĐT đã phối hợp với các nhà xuất bản, tác giả biên soạn sách giáo khoa trong Danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 được UBND tỉnh phê duyệt tổ chức tập huấn sử dụng sách giáo khoa cho cán bộ quản lý, giáo viên, tập trung cho đội ngũ giáo viên sẽ dạy lớp 2, lớp 6 trong năm học 2021 - 2022. Trong tình hình dịch Covid-19, Sở GDĐT đã tổ chức tập huấn trực tuyến sử dụng sách giáo khoa lớp 2, lớp 6. Kết quả:

- Đối với cấp tiểu học: Số điểm cầu tập huấn các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc: 40 điểm, số điểm cầu tập huấn môn Tiếng Anh: 24 điểm; Số cán bộ quản lý tham dự: 381 người, với 2202 lượt; Số giáo viên tham dự: 1857 người, với 5434 lượt; Tổng cộng: 2238 người với 7636 lượt tham dự tập huấn.

- Đối với cấp trung học: Số điểm câu tập huấn môn Tiếng Anh: 27 điểm với 775 cán bộ quản lý, giáo viên tham dự. Đối với các môn học khác có 3.278 cán bộ quản lý, giáo viên tham dự tập huấn qua tài khoản các nhân.

Dự kiến khi hết dịch, Sở GDĐT tiếp tục phối hợp với các nhà xuất bản, tác giả biên soạn sách giáo khoa trong danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 được UBND tỉnh phê duyệt tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp cho cán bộ quản lý và giáo viên.

Trong quá trình triển khai thực hiện CT GDPT 2018 nói chung và lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 6 nói riêng, ngành giáo dục Khánh Hòa thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa và cơ quan thông tấn, báo chí địa phương đưa tin những nội dung liên quan đến việc lựa chọn sách giáo khoa, thông báo rộng rãi đến công chúng, tất cả các cơ sở giáo dục danh mục sách giáo khoa lớp 1, 2, lớp 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Mặc dù thời gian lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 và lớp 6 tại Khánh Hòa diễn ra trong thời điểm dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, nhưng với tinh thần chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, công tác lựa chọn sách giáo khoa sử dụng cho lớp 1, lớp 2 và lớp 6 trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Khánh Hòa đã đạt kết quả tốt, được sự đồng thuận của các cấp lãnh đạo, của nhà trường và cộng đồng. Đây cũng là một trong những bước quan trọng nhằm thực hiện hiệu quả, thành công CT GDPT 2018, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW./.

BÁO CÁO THAM LUẬN**VỀ VIỆC LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ĐỐI VỚI LỚP 1, LỚP 2 VÀ LỚP 6⁶⁸****1. Tình hình Giáo dục tiểu học tỉnh Phú Yên**

Sở GDĐT Phú Yên đã triển khai thực hiện nghiêm túc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2020-2021 của Bộ GDĐT và Chương trình giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện kịp thời lộ trình CT GDPT 2018.

Năm học 2020-2021, tỉnh Phú Yên có 94 trường tiểu học; 40 trường TH và THCS; 01 trường PT tư thục Duy Tân có cấp tiểu học; 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh (dạy trẻ khuyết tật có lớp tiểu học): có số học sinh 76.429 HS/37.010 nữ/2.873 lớp (6.948 HS là người DTTS; Lớp ghép: 390 HS/33 lớp); HSKT học hòa nhập từ: 636 HS; học ngoại ngữ: 93,63%; học Tin học: 77,42%.

Cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên: 4.777 người (HT, PHT, TPT Đội và GV: 4.300 người; NV: 477 người); GV đạt trình độ chuẩn: 68,56%; GV dưới chuẩn: 46,64% và theo lộ trình đến năm 2023 đạt chuẩn 100%; tỷ lệ GV/lớp: 1, 40 (kể cả GV tiếng Anh và Tin học); tỷ lệ GV/lớp: 1, 27 (Không tính GV tiếng Anh và Tin học).

Sở GDĐT Phú Yên đã triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả CT GDPT 2018 ở lớp 1 năm học 2020-2021: Tập huấn CBQL và GV, Chọn SGK lớp 1, hoàn thành biên soạn tài liệu nội dung Giáo dục địa phương Phú Yên lớp 1 và Sở GDĐT đã ban hành Công văn số 589/SGDDĐT-GDMNTH ngày 07/10/2020 về hướng dẫn lập kế hoạch triển khai thực hiện đầy đủ về nội dung, chương trình, hình thức tổ chức dạy học theo chương trình cấp tiểu học ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT. Triển khai biên soạn tài liệu nội dung giáo dục địa phương theo Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc Biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong CT GDPT và tổ chức thực hiện từ năm học 2020 - 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 20/12/2019 về triển khai thực hiện CT GDPT 2018 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Công văn số 1953/UBND-KGVX ngày 16/4/2020 về việc xây dựng kế hoạch tổ chức biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong CT GDPT 2018; Thông báo số 159/TB-UBND ngày 06/5/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch biên soạn tài liệu dạy học và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung

⁶⁸ Công văn số 3422/UBND-KGVX ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Phú Yên và Công văn số 768/SGDDĐT-GDMNTH của Sở GDĐT tỉnh Phú Yên.

học phổ thông trong CT GDPT 2018 của UBND tỉnh Phú Yên; Kế hoạch số 122/KH-SGDĐT ngày 20/4/2020 về Kế hoạch biên soạn tài liệu dạy học và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trong CT GDPT 2018 của Sở GDĐT tỉnh Phú Yên; Sở GDĐT Phú Yên đã hoàn thành việc biên soạn tài liệu nội dung giáo dục địa phương cho lớp 1 năm học 2020-2021 được UBND tỉnh phê duyệt theo qui định và đến nay đã hoàn thành biên soạn và thẩm định tài liệu nội dung Giáo dục địa phương tỉnh Phú Yên lớp 2 năm học 2021-2022, UBND tỉnh đã trình đề Bộ GDĐT phê duyệt theo qui định.

2. Quá trình triển khai tổ chức lựa chọn SGK theo CT GDPT 2018

Năm học 2020-2021

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành CT GDPT 2018;

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019 và Quyết định số 512/QĐ-BGDĐT ngày 21/02/2020 của Bộ GDĐT phê duyệt danh mục SGK lớp 1 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn việc lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành các tiêu chí lựa chọn SGK lớp 1, năm học 2020 - 2021 theo CT GDPT 2018;

Sở GDĐT Phú Yên đã có Công văn 260/SGDĐT-GDMNTH ngày 10/4/2020 về việc hướng dẫn lựa chọn SGK lớp 1 năm học 2020 – 2021 theo CT GDPT 2018 và các phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh đã triển khai tổ chức lựa chọn SGK lớp 1 cho năm học 2020-2021 theo đúng qui định, qui trình, tiến độ với kết quả: Bộ KNTH với CS (9%); Bộ CTST (21%); Bộ CHĐPTNL (5%); Bộ VSBĐ và DCTGD (14%); Bộ CD (61%) và Sở GDĐT đã hoàn thành báo cáo kết quả lựa chọn SGK lớp 1 năm học 2020-2021 cho UBND tỉnh và Bộ GDĐT theo đúng qui định (CV số 355/SGDĐT-GDMNTH ngày 06/5/2020).

Năm học 2021-2022

Sở GDĐT Phú Yên tiếp tục triển khai việc lựa chọn SGK lớp 2 năm học 2021-2022 theo các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, UBND tỉnh Phú Yên và các văn bản: Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT Quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 Quy định tiêu chí lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 của Bộ GDĐT phê duyệt danh mục SGK lớp 2 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định 522/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh “Về thành lập các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 2 năm học 2021-2022 trên

địa bàn tỉnh Phú Yên”.

Đề triển khai tổ chức lựa chọn SGK lớp 2 năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Sở GDĐT đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản để hướng dẫn quá trình lựa chọn và sử dụng SGK lớp 2: Kế hoạch số 47/KH-SGDĐT ngày 18/02/2021 của GDĐT về Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa và bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng SGK lớp 2, lớp 6 trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Công văn số 86/SGDĐT-GDMNTH ngày 18/2/2021 của Sở GDĐT về cử thành viên tham gia hội đồng lựa chọn SGK lớp 2 cấp tỉnh năm học 2021 - 2022; Công văn số 231/SGDĐT-GDMNTH ngày 22/3/2021 của Sở GDĐT về hướng dẫn lựa chọn SGK lớp 2 năm học 2021 – 2022 theo Chương trình GDPT 2018; Công văn số 110/SGDĐT-GDMNTH ngày 06/4/2021 của GDĐT về kế hoạch họp Hội đồng lựa chọn SGK lớp 2 năm học 2021 - 2022; Công văn số 383/SGDĐT-GDMNTH ngày 07/5/2021 của Sở GDĐT về hướng dẫn triển khai sử dụng SGK lớp 2 năm học 2021 - 2022; Công văn số 311/BC-SGDĐT ngày 19/4/2021 của Sở GDĐT về Báo cáo quá trình lựa chọn SGK lớp 2 cho UBND tỉnh; Tờ trình số 312/TTr-SGDĐT ngày 19/4/2021 của Sở GDĐT về đề nghị phê duyệt danh mục SGK lớp 2, lớp 6 năm học 2021 – 2022 trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Kết quả lựa chọn SGK lớp 2 năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Phú Yên: Bộ CTST: 53,3%, Bộ Cánh Diều: 46,7% đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 năm học 2021 – 2022 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Riêng đối với SGK lớp 1 năm học 2021-2022 có 129 cơ sở giáo dục tiểu học tiếp tục sử dụng các Bộ SGK lớp 1 đã lựa chọn và áp dụng trong năm học 2020-2021; có 6 cơ sở giáo dục tiểu học đề nghị lựa chọn lại SGK lớp 1 năm học 2021-2022 và Sở GDĐT đã hướng dẫn triển khai qui trình lựa chọn lại SGK lớp 1 theo đúng các văn bản qui định của Bộ GDĐT và UBND tỉnh Phú Yên từ cơ sở đến Hội đồng lựa chọn SGK cấp tỉnh và đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, năm học 2021-2022 cho một số đơn vị trường học đề nghị chọn lại trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Năm học 2021-2022, các Bộ SGK lớp 1 được các cơ sở giáo dục tiểu học lựa chọn để sử dụng: Bộ KNTH với CS (10%); Bộ CTST (20%); Bộ CHĐPTNL (2%); Bộ VSBD và DCTGD (10%); Bộ CD (58%).

3. Một số nội dung cần tập trung chỉ đạo và hướng dẫn để quá trình triển khai tổ chức lựa chọn SGK lớp 1, lớp 2 đúng qui định, qui trình từ cơ sở giáo dục tiểu học đến cấp tỉnh

Thứ nhất, Sở GDĐT phải tham mưu các cấp quản lý ban hành đầy đủ, kịp thời hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai tổ chức lựa chọn SGK theo đúng các văn bản qui định của Bộ GDĐT và UBND tỉnh từ cơ sở giáo dục tiểu học đến phòng GDĐT và Sở GDĐT.

Thứ hai, Phối hợp chặt chẽ với các Nhà xuất bản có Bộ SGK đã được Bộ GDĐT phê duyệt tổ chức Hội thảo, giới thiệu về SGK các môn học để CBQL và GV trực tiếp dạy lớp 1, lớp 2 có điều kiện nghiên cứu và trao đổi về những điểm mới, nội dung cần quan tâm của các Bộ SGK trước khi tổ chức lựa chọn.

Thứ ba, Tổ chức tập huấn hướng dẫn triển khai hệ thống văn bản chỉ đạo lựa chọn SGK nghiêm túc, đầy đủ, cụ thể, chặt chẽ đến từng CBQL, GV trong các cơ sở giáo dục tiểu học và các thành viên trong Hội đồng lựa chọn SGK từ tổ chuyên môn, cấp trường và cấp tỉnh.

Thứ tư, Tổ chức cho CBQL, GV các cơ sở giáo dục tiểu học; đặc biệt là GV trực tiếp dạy lớp 1, lớp 2 tập trung nghiên cứu kỹ nội dung SGK các môn học để có định hướng trong quá trình tổ chức lựa chọn Bộ SGK phù hợp với cơ sở của mình và tiêu chí lựa chọn SGK mà UBND tỉnh qui định.

Thứ năm, Công tác tổ chức các Hội đồng lựa chọn SGK phải chặt chẽ, thành phần tham gia phải đúng đối tượng, thể hiện sự đại diện của các đối tượng (CBQL, TTCM, GV trực tiếp dạy khối lớp có SGK được lựa chọn...); Trong quá trình tổ chức lựa chọn SGK từ cơ sở đến tỉnh phải đúng qui trình, qui định, kế hoạch đã đề ra và phải thật sự khách quan, công khai, minh bạch.

Thứ sáu, Công tác tuyên truyền và công khai kết quả lựa chọn SGK của các cơ sở giáo dục làm một nhiệm vụ bắt buộc và phải kịp thời để tạo sự đồng thuận của xã hội, cộng đồng và đặc biệt là cha mẹ học sinh để đồng hành cùng nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả CT GDPT 2018.

4. Đề xuất và kiến nghị:

- Bộ GDĐT sớm có văn bản hướng dẫn định mức chi kinh phí cho Hội đồng lựa chọn SGK từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh để các địa phương triển khai và thực hiện cho quá trình tổ chức lựa chọn SGK;

- Chỉ đạo các Nhà xuất bản giáo dục có Bộ SGK được phê duyệt phối hợp chặt chẽ với các Sở GDĐT để lập kế hoạch chức Hội thảo giới thiệu SGK và tổ chức tập huấn sử dụng SGK sau khi được chọn có chất lượng;

- Công tác tổ chức tập huấn CBQL, GV các mô đun theo qui định cần có kế hoạch sớm theo năm tài chính để các địa phương có cơ sở lập dự toán kinh phí và kế hoạch triển khai đại trà tại địa phương./.

BÁO CÁO THAM LUẬN**VỀ VIỆC LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ĐỐI VỚI LỚP 1, LỚP 2 VÀ LỚP 6⁶⁹**

Thực hiện Công văn số 3073/BGDĐT-GDTH ngày 22/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An báo cáo tham luận Chuyên đề về việc lựa chọn sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 6 trên địa bàn tỉnh Long An như sau:

1. Quy mô phát triển trường lớp

Năm học 2020-2021, toàn tỉnh Long An có 184 cơ sở giáo dục tiểu học với 135.905 học sinh (*có 27.251 học sinh lớp 1; 27.589 học sinh lớp 2*), 144 cơ sở giáo dục trung học cơ sở và 03 trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, với 96.870 học sinh (*có 25.437 học sinh lớp 6*).

2. Thuận lợi, khó khăn, hạn chế trong triển khai lựa chọn sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 6 trên địa bàn tỉnh**a) Thuận lợi:**

- Có đầy đủ cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện, đó chính là Thông tư Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự nỗ lực, tích cực của toàn ngành Giáo dục tỉnh Long An; sự hỗ trợ tích cực từ các ban ngành, đoàn thể địa phương trong việc tuyên truyền thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và việc triển khai lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 và lớp 6. Đồng thời, cũng nhận được sự đồng thuận, sự hỗ trợ của cha mẹ học sinh trong việc triển khai thực hiện.

- Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp và giáo viên có nhận thức tốt và tham gia triển khai thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, các trang thiết bị, phương tiện, đội ngũ... để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b) Khó khăn, hạn chế:

Còn một số ít cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên chưa tích cực nghiên cứu hết các bộ sách giáo khoa cũng như các tiêu chí lựa chọn sách nên dẫn đến việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 còn dằn trải trong 05 bộ sách (*năm học 2020-2021*).

3. Công tác triển khai chỉ đạo

⁶⁹ Báo cáo tham luận của ông Phạm Tấn Hoà - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Long An.

UBND tỉnh Long An đã kịp thời chỉ đạo triển khai, quán triệt đầy đủ các Thông tư, Quyết định và các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, đã ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và việc lựa chọn sách giáo khoa nói riêng.

4. Quy trình thực hiện

UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Đối với lớp 1:

Thứ nhất, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Nhà xuất bản tổ chức hội thảo giới thiệu 39 sách giáo khoa lớp 1 cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên tham dự nghe các tác giả là các chủ biên giới thiệu về các sách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Đồng thời, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức triển khai Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa Chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 1 năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Long An và chỉ đạo tổ chức triển khai lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh; tổ chức theo dõi, giám sát, tổng hợp và báo cáo kết quả lựa chọn sách theo quy định.

Thứ hai, Các cơ sở giáo dục trang bị đầy đủ 39 sách giáo khoa để các trường cho cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu chi tiết từng sách, xây dựng kế hoạch lựa chọn sách giáo khoa lớp 1. Tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu 39 sách giáo khoa lớp 1 trên bản cứng và sách điện tử trên các trang Web của các Nhà xuất bản. Tổ chức cho toàn thể cán bộ, giáo viên đánh giá 39 sách lớp 1 theo Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa Chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 1 năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Long An.

Thành lập hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng, của từng thành viên hội đồng và làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, khách quan, minh bạch theo Điều 4, 5, 6, 7 Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi cơ sở giáo dục thành lập 01 Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa, số lượng thành viên từ 7 đến 15 người tùy theo số lớp. Thành phần Hội đồng gồm: Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng tổ chuyên môn, đại diện giáo viên dạy các môn học, hoạt động giáo dục có sách giáo khoa được lựa chọn, đại diện ban đại diện cha mẹ học sinh của cơ sở giáo dục.

Thứ ba, lựa chọn sách: Toàn tỉnh đã thành lập 218 Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa tại 218 cơ sở giáo dục; có 3.070 cán bộ, giáo viên và cha mẹ học sinh tham gia. Các Hội đồng thực hiện tốt quy trình lựa chọn sách giáo khoa theo Điều 8 Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức

lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 theo danh mục sách trong Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019 và Quyết định số 512/QĐ-BGDĐT ngày 21/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông (*có 39 sách giáo khoa*). Mỗi môn học, hoạt động giáo dục ở lớp 1 lựa chọn 01 sách giáo khoa và phù hợp tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa; đồng thời, các cơ sở giáo dục đã lưu trữ đầy đủ các hồ sơ việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1.

Thứ tư, công bố công khai danh mục sách giáo khoa: Người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông công bố công khai và niêm yết tại cơ sở giáo dục phổ thông danh mục sách giáo khoa được lựa chọn để sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông và thông tin cho Nhà xuất bản để đặt sách.

Thứ năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Nhà xuất bản tổ chức bồi dưỡng sử dụng sách giáo khoa lớp 1 cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên lớp 1.

Trong việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 năm học 2020-2021, cũng có khó khăn, hạn chế như: Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh Long An mong muốn lựa chọn 01 bộ sách giáo khoa được số đông các cơ sở giáo dục của tỉnh lựa chọn để triển khai giảng dạy thống nhất trên toàn tỉnh, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh và giáo viên trong quá trình dạy và học. Tuy nhiên, điều này không đúng với quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi có ý kiến góp ý, tư vấn của Vụ Giáo dục Tiểu học - Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 theo đúng quy định.

b) Đối với lớp 2, lớp 6 thực hiện theo quy trình sau:

Thứ nhất, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo đến cơ sở giáo dục danh mục sách giáo khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT và Quyết định số 718/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Nhà xuất bản tổ chức hội thảo giới thiệu 32 sách giáo khoa lớp 2 và 40 sách giáo khoa lớp 6 với hình thức trực tuyến, tại 17 điểm cầu trong tỉnh, với hơn 1.152 lượt cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên cốt cán cấp tiểu học, trên 2.300 lượt cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên cốt cán cấp trung học cơ sở tham dự. Hội thảo đã được các tác giả, tổng chủ biên, chủ biên giới thiệu các sách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT và Quyết định số 718/QĐ-BGDĐT. Đồng thời, chuyển các đường link các clip giới thiệu sách và các sách lật điện tử, tài liệu hỗ trợ, bản mẫu sách do các nhà xuất bản cung cấp đến các cơ sở giáo dục để giáo viên nghiên cứu, lựa chọn sách giáo khoa. Triển khai các văn bản và hướng dẫn quy trình chọn sách, tổ chức lựa chọn sách tại các cơ sở giáo dục; tổ chức Hội nghị triển khai Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định số 2135/QĐ-UBND của UBND tỉnh và tổ chức triển khai việc lựa chọn, đề xuất danh mục sách giáo khoa lớp 2 và lớp 6 Chương trình giáo dục phổ thông

2018 năm học 2021-2022. Đồng thời, hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức quy trình lựa chọn, đề xuất danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 năm học 2021-2022; sau hội nghị, Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai các nội dung trên đến các cơ sở giáo dục trực thuộc.

Thứ hai, đối với các cơ sở giáo dục: Xây dựng kế hoạch lựa chọn đề xuất danh mục sách giáo khoa lớp 2 (đối với trường có cấp tiểu học), lớp 6 (đối với trường có cấp trung học cơ sở); tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu 32 sách giáo khoa lớp 2 và 40 sách giáo khoa lớp 6 theo Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT và Quyết định số 718/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhận xét sách giáo khoa theo Bộ Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa theo Quyết định 2135/QĐ-UBND của UBND tỉnh, thực hiện theo đúng quy trình cụ thể như: Tổ chuyên môn của các trường có cấp trung học cơ sở (*lớp 6*), có cấp tiểu học (*lớp 2*); tổ chức cho giáo viên nghiên cứu, thảo luận và đánh giá các sách giáo khoa của môn học thuộc chuyên môn phụ trách theo tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa, mỗi giáo viên viết nhận xét, đánh giá nêu ưu điểm, hạn chế, nội dung cần điều chỉnh, nộp cho tổ trưởng; tổ chức bỏ phiếu kín lựa chọn ít nhất 01 (*một*) sách giáo khoa cho mỗi môn học; báo cáo hiệu trưởng danh mục sách giáo khoa do tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn. Danh mục sách giáo khoa do tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn có chữ ký của tổ trưởng tổ chuyên môn và các giáo viên tham gia lựa chọn (*lưu hồ sơ tại trường*).

Hiệu trưởng tổ chức cuộc họp với thành phần dự họp gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn và đại diện Ban đại diện cha mẹ học sinh để thảo luận, đánh giá sách giáo khoa trên cơ sở danh mục sách giáo khoa do các tổ chuyên môn đề xuất; lựa chọn 01 (*một*) sách giáo khoa cho mỗi môn học; báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo danh mục sách giáo khoa do các trường đề xuất lựa chọn. Danh mục sách giáo khoa do cơ sở giáo dục phổ thông đề xuất lựa chọn có chữ ký của hiệu trưởng và các tổ trưởng tổ chuyên môn. Các cơ sở giáo dục lưu trữ đầy đủ các hồ sơ việc lựa chọn, đề xuất danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 như: Kế hoạch, biên bản các cuộc họp, bản nhận xét của giáo viên về các sách giáo khoa của môn học thuộc chuyên môn phụ trách, phiếu nhận xét, bảng tổng hợp danh mục đề xuất lựa chọn... và các hồ sơ có liên quan.

Phòng Giáo dục và Đào tạo theo dõi, giám sát, tổng hợp và báo cáo kết quả lựa chọn, đề xuất danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 được các cơ sở giáo dục phổ thông (*kể cả trường phổ thông có nhiều cấp học trực thuộc Sở có cấp tiểu học - đối với lớp 2, trung học cơ sở - đối với lớp 6*) đề xuất lựa chọn, sắp xếp theo thứ tự sách giáo khoa có số cơ sở giáo dục phổ thông đề xuất lựa chọn từ cao xuống thấp về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp danh mục sách giáo khoa do các Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo, chuyển giao cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa của tỉnh

danh mục sách giáo khoa do cơ sở giáo dục phổ thông đề xuất lựa chọn sắp xếp theo thứ tự sách giáo khoa có số trường đề xuất lựa chọn từ cao xuống thấp.

Thứ ba, Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa của tỉnh nhận xét, đánh giá từng sách và bỏ phiếu lựa chọn như sau:

UBND tỉnh ban hành các quyết định thành lập Hội đồng chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6, cơ cấu gồm Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Phó Chủ tịch là Phó Giám đốc và các Trưởng phòng chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo; Thư ký là chuyên viên phòng chuyên môn Sở hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc lãnh đạo các trường phổ thông; các ủy viên Hội đồng lãnh đạo, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán có ít nhất 5 năm giảng dạy tại trường phổ thông. Mỗi Hội đồng có 19 người, riêng hội đồng môn Khoa học Tự nhiên lớp 6 có 25 người. Mỗi Hội đồng đảm bảo có ít nhất 2/3 số thành viên là tổ trưởng chuyên môn và giáo viên đang trực tiếp giảng dạy môn học của cấp học tương ứng.

Các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 2 được thành lập theo Quyết định 2061/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh, với 08 môn và 01 hoạt động giáo dục (*Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm*).

Các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 6 được thành lập theo Quyết định 2070/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND tỉnh, với 10 môn và 01 hoạt động giáo dục (*Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Khoa học Tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Giáo dục Công dân, Giáo dục Thể chất, Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật và Hoạt động trải nghiệm*).

Sở Giáo dục và Đào tạo gửi các bản mẫu sách giáo khoa đến thành viên hội đồng nghiên cứu, nhận xét, đánh giá sách giáo khoa, đảm bảo mỗi thành viên có đủ bản mẫu sách theo danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hội nghị lần 01 để Chủ tịch Hội đồng triển khai, quán triệt Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2135/QĐ-UBND của UBND tỉnh đến toàn bộ các thành viên trong các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa, đảm bảo thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật, chọn bộ sách phù hợp nhất với điều kiện giảng dạy và học tập của các trường trên địa bàn tỉnh Long An. Hội đồng tiến hành thảo luận nhận xét, đánh giá nêu ưu điểm, hạn chế từng sách, lập biên bản, các thành viên cùng ký tên thống nhất nội dung biên bản.

Tổ chức hội nghị lần 02: Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và chuyển giao cho Hội đồng danh mục sách giáo khoa được các cơ sở giáo dục phổ thông đề xuất lựa chọn, sắp xếp theo thứ tự sách giáo khoa có số trường đề xuất lựa chọn từ cao xuống thấp, trong kỳ họp lần 02, từng thành viên Hội đồng nộp bản nhận xét, đánh giá từng sách theo chuyên môn phụ trách. Đồng thời, Hội đồng tiếp tục nghiên cứu, thảo luận, đánh giá, nhận xét một cách nghiêm túc từng bộ sách theo các tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An

được quy định tại Quyết định số 2135/QĐ-UBND của UBND tỉnh và danh mục sách giáo khoa do các trường đề xuất; Hội đồng tiến hành bầu ban kiểm phiếu, ban giám sát. Tiến hành bỏ phiếu kín để lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 dùng trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Long An năm học 2021-2022. Sách giáo khoa được chọn đảm bảo đạt trên 1/2 số phiếu đồng ý lựa chọn; sau đó, hội đồng bàn giao kết quả chọn sách của hội đồng (*biên bản các lần hội nghị*) cho Sở Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các hội đồng dựa trên biên bản của các hội đồng, cụ thể:

Đối với sách giáo khoa lớp 2: Trong 24 sách giáo khoa lớp 2, các hội đồng lựa chọn của tỉnh đã chọn ra các sách với tỉ lệ bình chọn trên 50% (*mỗi môn học, hoạt động giáo dục chỉ 1 sách*). Riêng Sách Tiếng Anh lớp 2 (*môn tự chọn*): Trong 08 sách Tiếng Anh, hội đồng lựa chọn của tỉnh đã chọn ra 02 sách với tỉ lệ bình chọn trên 50%.

Đối với sách giáo khoa lớp 6: Trong 40 sách giáo khoa lớp 6, các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa của tỉnh đã chọn ra 01 bộ gồm 15 sách, mỗi môn 1 sách trong đó môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh có 2 sách (*tập 1, tập 2*), môn Nghệ thuật có 1 sách Âm nhạc và 1 sách Mỹ thuật. Tất cả các sách được chọn đều đạt tỷ lệ chọn trên 50% (*mỗi môn học, hoạt động giáo dục chỉ 1 sách*).

Trên cơ sở kết quả của các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 và đề nghị UBND tỉnh phê duyệt. UBND tỉnh đã phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 2 và sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An tại Quyết định số 2829/QĐ-UBND và Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 05/4/2021.

Thứ tư, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả lựa chọn sách giáo khoa cho Bộ Giáo dục và Đào tạo và yêu cầu Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ sở giáo dục cấp tiểu học và Thủ trưởng các trường trực thuộc có cấp tiểu học, trung học cơ sở tổ chức công bố danh mục bộ sách giáo khoa lớp 1, 2 sử dụng năm học 2021-2022 **trước ngày 20/6/2021** và đồng thời thông báo cho phụ huynh học sinh biết để phối hợp thực hiện. Đồng thời, theo dõi, giám sát việc tổ chức công bố danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 tại các cơ sở giáo dục và phối hợp với các Nhà xuất bản, Công ty Sách để chuẩn bị và cung cấp đầy đủ sách giáo khoa cho học sinh trước ngày khai giảng năm học 2021-2022.

Thứ năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các nhà xuất bản để tổ chức bồi dưỡng thay sách lớp 2, lớp 6 cho 100% cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên dạy lớp 2, lớp 6 (*tổ chức xong trong 7/2021*).

5. Kết quả sau 1 năm thực hiện sách giáo khoa lớp 1

Về sách giáo khoa: Năm học 2020-2021, có 05 bộ sách được triển khai trên địa bàn tỉnh Long An.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, có ý thức trách nhiệm trong công việc và giảng dạy, có phẩm chất đạo đức tốt, có tâm huyết với nghề. Sử dụng sách giáo khoa lớp 1 đạt hiệu quả và triển khai thực hiện tốt việc tổ chức dạy học, giáo dục phù hợp đối tượng học sinh, theo hướng phát triển phẩm chất năng lực của học sinh, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của giáo viên và học sinh đảm bảo việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông đối với lớp 1.

Kết quả học tập của học sinh lớp 1: năm học 2020-2021, hoàn thành chương trình đạt tỉ lệ 97,02% (*tăng 0,02%*); chưa hoàn thành chương trình chiếm tỉ lệ 2,98% (*tập trung nhiều ở các trường thuộc xã biên giới, xã vùng sâu*).

6. Bài học kinh nghiệm

Qua quá trình thực hiện, UBND tỉnh Long An nhận thấy, để triển khai tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và thực hiện tốt việc lựa chọn sách giáo khoa giáo dục phổ thông, cần phải thực hiện tốt các nội dung sau:

Thứ nhất, làm tốt công tác truyền thông đến tất cả cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh, người lao động về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình thay sách giáo khoa theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Thứ hai, triển khai quán triệt đầy đủ các Thông tư, Quyết định, các văn bản có liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo của tỉnh, của huyện đến đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong ngành và tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến các ngành, các cấp, cộng đồng và các bậc cha mẹ học sinh về việc lựa chọn sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Thứ ba, chủ động liên hệ với các nhà xuất bản để sớm chuyển giao, giới thiệu các đầu sách giáo khoa để giáo viên có nhiều thời gian nghiên cứu, lựa chọn sách giáo khoa phù hợp nhất.

Thứ tư, tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu kỹ, sâu các sách giáo khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và phối hợp với các Nhà xuất bản để tổ chức hội thảo giới thiệu sách cho cán bộ, giáo viên, để từ đó cán bộ, giáo viên có đề xuất danh mục lựa chọn sách giáo khoa phù hợp với địa phương.

Thứ năm, triển khai thực hiện đúng quy trình lựa chọn sách giáo khoa đúng theo Thông tư hướng dẫn, có tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa cụ thể do UBND tỉnh ban hành.

Thứ sáu, tổ chức công bố sách giáo khoa theo quy định và lắng nghe ý kiến phản hồi của người dân, dư luận xã hội để đánh giá, rút kinh nghiệm triển khai thực hiện tốt hơn.

Cuối cùng, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ, sách giáo khoa... đáp ứng kịp thời cho Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

BÁO CÁO THAM LUẬN**VỀ VIỆC LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ĐỐI VỚI LỚP 1, LỚP 2 VÀ LỚP 6⁷⁰****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

Thực hiện Thông tư 25/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26 tháng 8 năm 2020 về quy trình lựa chọn sách giáo khoa (SGK) trong cơ sở giáo dục phổ thông, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hải Phòng chỉ đạo Sở GD&ĐT triển khai lựa chọn SGK theo đúng quy trình từ cấp trường, cụ thể:

1. Quy trình lựa chọn từ các cơ sở giáo dục phổ thông

Trước khi tiến hành lựa chọn SGK, Sở GD&ĐT đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện nghiên cứu các bản SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6 tại công văn số 353/SGDDĐT-GDTH ngày 01/30/2021. Theo đó, tổ chuyên môn của cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức cho giáo viên nghiên cứu, thảo luận và đánh giá các bản SGK của từng môn học. Kết quả nghiên cứu của tổ chuyên môn được tổng hợp thành bản thu hoạch về từng bản sách (nêu rõ ưu điểm, nhược điểm của mỗi bản sách).

Sau khi các tổ chuyên môn đã nghiên cứu từng bản sách, Sở GD&ĐT phối hợp với các nhà xuất bản tổ chức Hội thảo trực tuyến giới thiệu sách lớp 2, lớp 6 từ ngày 02/3/2021 đến hết ngày 05/3/2021, thành phần tham dự là cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông, cán bộ phòng GD&ĐT và toàn bộ giáo viên dự kiến dạy lớp 1, lớp 2, lớp 6 năm học 2021-2022. Tổng số điểm cầu trực tuyến lớp 2 là 350 điểm cầu, lớp 6 là 198 điểm cầu. Cuối mỗi đợt Hội thảo, các điểm cầu tổng hợp ý kiến nhận xét về từng bản sách làm tư liệu tiến hành lựa chọn SGK cho năm học 2021-2022.

Căn cứ Thông tư 25/2020, căn cứ tờ trình của Sở GD&ĐT, UBND thành phố ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Tiêu chí lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng; căn cứ danh mục SGK lớp 1, lớp 2 và lớp 6 đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt; căn cứ kết quả thu hoạch từ Hội thảo trực tuyến giới thiệu SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6 và kết quả nghiên cứu của tổ chuyên môn về các bản sách giáo khoa, các cơ sở giáo dục phổ thông đã chỉ đạo các tổ chuyên môn cho giáo viên tiến hành bỏ phiếu lựa chọn các bản SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Từ danh mục SGK do tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn (có chữ ký của tổ trưởng và các giáo viên tham gia lựa chọn) Sở GD&ĐT đã yêu cầu Phòng GD&ĐT các quận, huyện tổng hợp tỷ lệ giáo

⁷⁰ Công văn số 2191/VP-VX ngày 23/7/2021 của UBND thành phố Hải Phòng và Công văn số 198/BC-SGDĐT-TH ngày 03/8/2021 của Sở GDĐT thành phố Hải Phòng.

viên lựa chọn từng bản sách để làm một trong những căn cứ cho Hội đồng thành phố ra quyết định lựa chọn.

Sau khi Tổ chuyên môn đề xuất danh mục do cách giáo viên bỏ phiếu lựa chọn, các cơ sở giáo dục phổ thông tiến hành họp theo đúng thành phần quy định tại Thông tư 25/2020 để quyết định lựa chọn 01 bản SGK cho mỗi môn học. Từ đây, Phòng GD&ĐT tổng hợp danh mục SGK được các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý đề xuất lựa chọn.

Kết thúc quy trình lựa chọn tại các cơ sở giáo dục phổ thông, Sở GD&ĐT đã yêu cầu Phòng GD&ĐT nộp hồ sơ lựa chọn SGK tại đơn vị, niêm phong toàn bộ hồ sơ để đảm bảo tính bảo mật đối với từng nhà xuất bản. Hồ sơ lựa chọn SGK của các Phòng GD&ĐT là căn cứ chính để Hội đồng thành phố ra quyết định đúng đắn và phù hợp nhất đối với từng địa bàn quận huyện.

Như vậy, kết thúc quy trình lựa chọn từ các cơ sở giáo dục phổ thông, Sở GD&ĐT đã tổng hợp được những minh chứng cụ thể về định tính và định lượng đối với việc lựa chọn từng bản SGK của từng lớp theo ý kiến từ chính các giáo viên thực dạy, các tổ chuyên môn và các cơ sở giáo dục, cụ thể là:

- Về định tính: Sở GD&ĐT tổng hợp được các bản thu hoạch về từng bản sách (nêu rõ ưu điểm, nhược điểm của mỗi bản sách);

- Về định lượng: Sở GD&ĐT thống kê được số lượng, tỷ lệ giáo viên chọn từng bản SGK, số lượng, tỷ lệ cơ sở giáo dục chọn từng bản SGK. Đây là căn cứ quan trọng để Hội đồng cấp thành phố làm việc khách quan, minh bạch và công bằng nhất có thể.

2. Quy trình lựa chọn của các hội đồng thành phố

Để đảm bảo tính khách quan trong việc lựa chọn các thành viên tham gia Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 6 (sau đây gọi là Hội đồng), Sở GD&ĐT đã lựa chọn các thành viên trong Hội đồng đảm bảo có đủ tất cả các giáo viên, cốt cán chuyên môn ở các quận/huyện trong một Hội đồng. Vì vậy, Sở GD&ĐT đã có công văn số 352/SGDĐT-GDTH ngày 01/3/2021 đề nghị Phòng GD&ĐT các quận, huyện đề xuất cán bộ quản lý, giáo viên tham gia Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 6 cấp thành phố, làm căn cứ để tham mưu với UBND thành phố danh sách thành viên tham gia Hội đồng. Về cơ cấu, thành viên tham gia Hội đồng có đủ tất cả các quận, huyện trên địa bàn thành phố ở tất cả các Hội đồng môn học.

Sau quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 của UBND thành phố về việc thành lập Hội đồng lựa chọn SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6 trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Hội đồng đã có thông báo số 92/TB-SGDĐT-GDTH ngày 24/3/2021 để các thành viên Hội đồng nhận bàn giao tài liệu và nghiên cứu 7 ngày trước phiên làm việc đầu tiên của Hội đồng.

Sau khi các thành viên Hội đồng nghiên cứu 7 ngày theo quy định, các Hội đồng tiến hành làm việc theo quy định tại Thông tư 25.

Tại Hội đồng, từng thành viên đều nhận được những minh chứng cụ thể về định tính và định lượng đối với việc lựa chọn từng bản SGK của từng lớp theo ý kiến từ chính các giáo viên thực dạy, các tổ chuyên môn và các cơ sở giáo dục. Ngoài việc nghiên cứu tỷ lệ chọn của giáo viên, tỷ lệ chọn của các cơ sở giáo dục phổ thông, các thành viên trong Hội đồng đã cùng bàn bạc, thảo luận về từng bản SGK, từ đó có quyết định chính xác và công bằng khi bỏ phiếu.

II. KẾT QUẢ

Hội đồng thành phố đã làm việc từ ngày 30/3 đến hết ngày 03/4/2021 để tiến hành bỏ phiếu các bản SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6 sử dụng cho năm học 2021-2022.

Căn cứ kết quả làm việc của các Hội đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp kết quả như sau:

- Đối với lớp 1, trong tổng số 46 bản sách, Hội đồng lựa chọn 24 bản.
- Đối với lớp 2, trong tổng số 32 bản sách, Hội đồng lựa chọn 24 bản.
- Đối với lớp 6, trong tổng số 40 bản sách, Hội đồng lựa chọn 36 bản sách.

Căn cứ kết quả tổng hợp, Sở GD&ĐT trình UBND thành phố danh mục SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6. Căn cứ kết quả làm việc của các Hội đồng và tờ trình của Sở GD&ĐT, UBND thành phố đã ra quyết định phê duyệt danh mục các bản SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6 sử dụng tại thành phố Hải Phòng.

Từ danh mục SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6 mà UBND thành phố đã phê duyệt, Sở GD&ĐT hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông công bố danh mục SGK đã lựa chọn để sử dụng cho năm học 2021-2022. Trong trường hợp có bản SGK nào đã lựa chọn ban đầu không nằm trong danh mục SGK mà UBND thành phố phê duyệt, cơ sở giáo dục phổ thông tiến hành lựa chọn lại theo quy định tại Thông tư 25 và công bố danh mục SGK lựa chọn lần thứ 2.

Sau khi các cơ sở giáo dục phổ thông công bố danh mục SGK nhà trường sẽ sử dụng cho năm học 2021-2022, Sở GD&ĐT tổng hợp số lượng, thông báo với các nhà xuất bản có liên quan, đồng thời phối hợp với các nhà xuất bản tổ chức tập huấn sử dụng SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6 bằng hình thức trực tuyến. Hội thảo tập huấn kết thúc vào ngày 08/6/2021.

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3286/BNV-ĐT
V/v báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số
404/QĐ-TTg và Chỉ thị số 16/CT-TTg của
Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trả lời Công văn số 2550/BGDĐT-GDTH ngày 21/6/2021 gửi Bộ Nội vụ về việc báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông; Bộ Nội vụ báo cáo như sau:

1. Năm 2017, Bộ Nội vụ đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Nghị định đã quy định đối với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức, trong đó có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

2. Bộ Nội vụ đã tham gia ý kiến với Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo (thay thế Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011).

3. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, ban hành các Thông tư:

a) Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.

b) Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.

c) Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trương Hải Long

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7261** /BTC-HCSN
V/v Kết quả thực hiện Quyết
định số 404/QĐ-TTg ngày
27/3/2015 và Chỉ thị số 16/CT-
TTg ngày 18/6/2018 của Thủ
tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày **02** tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trả lời công văn số 2550/BGDĐT-GDTH ngày 21/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về việc thực hiện Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (Quyết định số 404/QĐ-TTg) và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (CT, SGK GDPT) (Chỉ thị số 16/CT-TTg); Bộ Tài chính báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao của Bộ Tài chính như sau:

1. Về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 404/QĐ-TTg, Điểm 5 Chỉ thị số 16/CT-TTg)

a) Căn cứ đề xuất của Bộ GD&ĐT tại công văn số 3798/BGDĐT-KHTC ngày 05/10/2020, công văn số 4728/BGDĐT-KHTC ngày 05/11/2020 và công văn số 4856/BGDĐT-KHTC ngày 12/11/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 29/2021/TT-BTC ngày 28/4/2021 Hướng dẫn quản lý kinh phí thẩm định sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

b) Căn cứ đề xuất của Bộ GD&ĐT tại công văn số 1288/BGDĐT-KHTC ngày 02/4/2021, Bộ Tài chính đã có công văn số 4636/BTC-HCSN ngày 07/5/2021 xin ý kiến Bộ GD&ĐT và các địa phương về dự thảo Thông tư Hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (dự thảo Thông tư); đồng thời có công văn số 6839/BTC-HCSN ngày 24/6/2021 đề nghị Bộ GD&ĐT chủ trì, đề xuất ý kiến đối với ý kiến tham gia của các địa phương về dự thảo Thông tư liên quan đến nội dung chuyên môn của lĩnh vực giáo dục đào tạo, trên cơ sở đó phối hợp với Bộ Tài chính để hoàn chỉnh, ban hành Thông tư theo quy định. Bộ Tài chính sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ GD&ĐT để sớm hoàn thành việc ban hành Thông tư này.

c) Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT thực hiện chung theo quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Về kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) để thực hiện nhiệm vụ đổi mới CT, SGK GDPT (Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 404/QĐ-TTg, Điểm 5 Chỉ thị số 16/CT-TTg)

a) NSNN (NSTW) bố trí đủ kinh phí để Bộ GD&ĐT thực hiện nhiệm vụ thẩm định sách giáo khoa giáo dục phổ thông: năm 2020 là 20.000 triệu đồng; năm 2021 là 40.000 triệu đồng.

b) Các địa phương sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ đổi mới CT, SGK GDPT theo quy định tại (1) điểm d, điểm đ khoản 2 Chỉ thị số 16/CT-TTg, (2) khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 128/2020/QH14 ngày 12/11/2020 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2021. Theo đó, việc bố trí kinh phí chi thường xuyên hàng năm của ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ đổi mới CT, SGK GDPT thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; đồng thời, hệ thống biểu mẫu báo cáo kết quả NSĐP hàng năm không yêu cầu các địa phương báo cáo chi tiết kinh phí phân bổ cho từng nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ đổi mới CT, SGK GDPT nên Bộ Tài chính không có số liệu chi tiết chi NSĐP cho nội dung này. Đề nghị Bộ GD&ĐT có văn bản đề nghị các địa phương cung cấp số liệu cụ thể chi thường xuyên ngân sách địa phương hàng năm để thực hiện nhiệm vụ này, làm cơ sở tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Trên đây là báo cáo của Bộ Tài chính; đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Chính phủ./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ NSNN;
- Lưu: VT, HCSN (4 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn